



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

Địa chỉ : 747 Bà Triệu - P. Trường Thi - Thành phố Thanh Hóa
Tel: 02373.858558 - Fax: 02373.850893 - Website: www.thanhhoacpi.vn



**THUYẾT MINH
QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THẠCH THÀNH,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2045**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH

QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THẠCH THÀNH,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2045

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH



Trần Bá Sơn

CƠ QUAN TƯ VẤN

VIỆN QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC
THANH HÓA



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

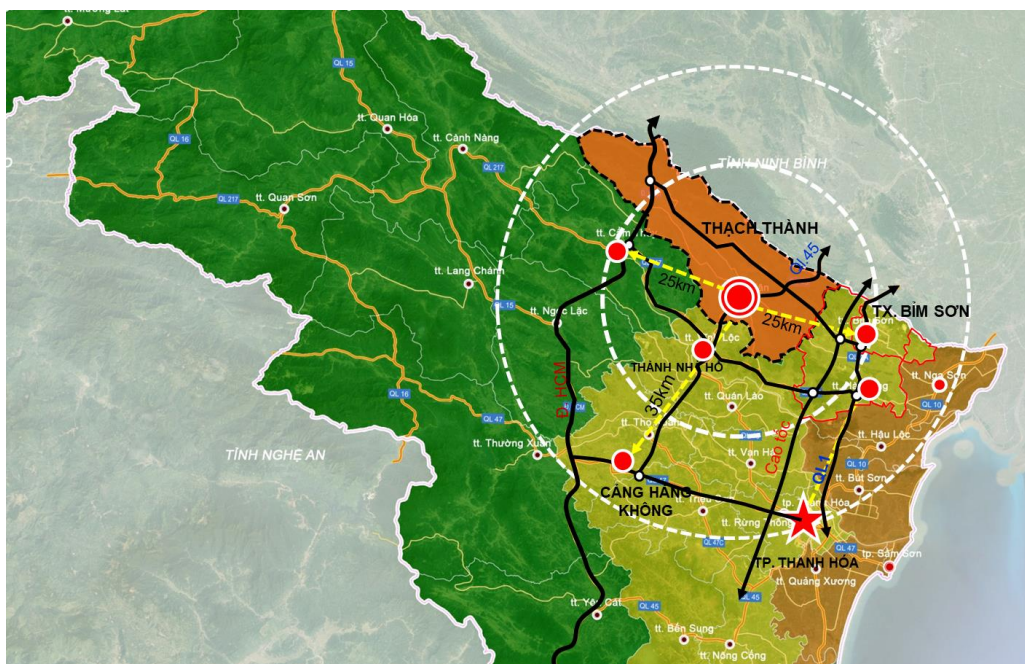
Nguyễn Văn Cung



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

Địa chỉ : 747 Bà Triệu - P. Trường Thi - Thành phố Thanh Hoá
Tel: 02373.858558 - Fax: 02373.850893 -- Website: www: thanhhoacpi.vn

THUYẾT MINH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2045



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH

QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THẠCH THÀNH,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2045

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH

CƠ QUAN TƯ VẤN

VIỆN QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC
THANH HÓA

MỤC LỤC

PHẦN I. MỞ ĐẦU	2
1.1. Giới thiệu tổng quan huyện Thạch Thành	2
1.2. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch xây dựng vùng huyện	3
1.3. Các căn cứ lập quy hoạch	4
1.3.1. Các cơ sở pháp lý:.....	4
1.3.2. Các nguồn tài liệu, số liệu.....	8
1.3.3. Các cơ sở bản đồ.....	8
1.4. Tính chất, chức năng:	9
1.5. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch	9
1.5.1. Quan điểm nghiên cứu:.....	9
1.5.2. Mục tiêu lập quy hoạch:	10
1.5.3. Vai trò huyện Thạch Thành	10
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN THỰC TRẠNG & NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG.....	11
2.1. Vị trí và giới hạn vùng quy hoạch:	11
2.2. Điều kiện tự nhiên:	11
2.2.1. Địa hình, địa mạo.....	11
2.2.2. Khí hậu:	13
2.2.3. Thủy văn:	13
2.2.4. Điều kiện tài nguyên.....	14
2.2.4.1. Tài nguyên đất đai, thổ nhưỡng:.....	14
2.2.4.2. Tài nguyên nước:	14
2.2.4.3. Tài nguyên rừng:.....	15
2.2.4.4. Tài nguyên khoáng sản:	15
2.2.4.5. Tài nguyên du lịch:	15
2.3. Hiện trạng kinh tế - xã hội.....	23
2.3.1. Hiện trạng phát triển kinh tế.....	23
2.3.2. Hiện trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	26
2.3.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp.....	26
2.3.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp.....	30
2.3.2.3. Khu vực kinh tế Thương mại - dịch vụ.....	31
2.3.2.4. Thực trạng hoạt động du lịch.....	32
2.3.3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:	33
2.4. Hiện trạng hành chính, dân cư và phân bố đô thị - nông thôn.....	34
2.4.1. Hiện trạng đơn vị hành chính	34
2.4.2. Hiện trạng phân bố, phát triển đô thị:	35
2.4.3. Hiện trạng phát triển nông thôn:	37
2.5. Hiện trạng sử dụng đất & quản lý đất đai.....	38
2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	38
2.5.2. Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng đất:	40
2.6. Hiện trạng hạ tầng xã hội:.....	40
2.6.1. Trung tâm hành chính, chính trị.....	40
2.6.2. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo.....	40
2.6.3. Hiện trạng hệ thống Y tế.....	42
2.6.4. Hiện trạng văn hóa, thể thao.....	43
2.6.5. Hiện trạng các công trình di tích lịch sử văn hóa.....	45
2.6.6. Hiện trạng các công trình thương mại, dịch vụ.....	46
2.6.7. Hiện trạng phát triển Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:.....	47
2.7. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:.....	48
2.7.1. Hiện trạng giao thông:	48

2.7.2. Hiện trạng cấp điện:.....	50
2.7.3. Hiện trạng cấp nước:.....	51
2.7.4. Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động:	52
2.7.5. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:	54
2.7.6. Hiện trạng cao độ nền, thoát nước mặt:.....	56
2.7.7. Hiện trạng hệ thống thủy lợi:.....	57
2.8. Tình hình thực hiện các Quy hoạch trên địa bàn huyện	60
2.8.1. Các Quy hoạch chuyên ngành	60
2.8.2. Quy hoạch các đô thị	62
2.9. Đánh giá tổng quan chung (S.W.O.T).....	65
PHẦN III. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG	68
3.1. Tiềm năng, động lực phát triển vùng huyện:.....	68
3.1.1. Bối cảnh Thạch Thành trong thời kỳ mới.....	68
3.1.2. Tiềm năng, động lực:.....	69
3.2. Các dự báo về kinh tế - xã hội.	71
3.2.1. Dự báo về phát triển kinh tế:	71
3.2.2. Dự báo về quy mô dân số:	72
3.2.3. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:	74
3.2.4. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:	74
PHẦN IV.	76
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG	76
4.1. Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng.	76
4.2. Phân vùng phát triển đô thị & nông thôn.....	78
4.2.1. Quy hoạch hệ thống đô thị:.....	78
4.2.2. Định hướng phát triển các đô thị	81
4.2.3. Định hướng phát triển khu vực nông thôn.....	86
4.3. Định hướng phát triển công nghiệp.	89
4.3.1. Định hướng chung:	89
4.3.2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện.	89
4.4. Định hướng phát triển du lịch.....	92
4.4.1. Quan điểm và định hướng chung phát triển du lịch	92
4.4.2. Định hướng phát triển.....	92
4.4.3. Quy hoạch các Khu, điểm du lịch:.....	94
4.4.4. Quy hoạch các tuyến du lịch:.....	94
4.4.5. Phát triển sản phẩm du lịch và thị trường khách	95
4.4.6. Định hướng Phát triển du lịch tại khu di sản hang Con Moong	96
4.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội	97
4.5.1. Trung tâm Hành chính chính trị huyện:.....	97
4.5.2. Hệ thống thương mại dịch vụ:	97
4.5.3. Hệ thống công trình Y tế:	99
4.5.4. Hệ thống công trình Giáo dục:.....	99
4.5.5. Hệ thống các công trình, thiết chế văn hoá - thể thao.....	100
4.6. Định hướng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan và di sản văn hóa lịch sử:.....	101
4.7. Định hướng phân vùng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản:	102
4.8. Phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng.....	103
4.9. Định hướng quy hoạch sử dụng đất.....	103
4.9.1. Cơ cấu sử dụng đất	103
4.9.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo chức năng.....	105
5.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông.....	107
5.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển giao thông vùng:.....	107
5.1.2. Định hướng phát triển giao thông:.....	108
5.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.	113

5.2.1. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật.	113
5.2.2. Định hướng QH thủy lợi, Phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu	114
5.3. Định hướng cung cấp năng lượng	122
5.3.1. Tính toán nhu cầu:	122
5.3.2. Định hướng cấp điện:	122
5.4. Định hướng quy hoạch Hạ tầng viễn thông.....	124
5.4. Định hướng quy hoạch cấp nước.....	128
5.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.	131
5.5.1. Thu gom và xử lý nước thải.....	131
5.5.2. Thu gom và quản lý chất thải rắn	134
5.5.3. Nghĩa trang	136
PHẦN VI. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	137
6.1. Mục đích đánh giá tác động môi trường:.....	137
6.2. Hiện trạng môi trường huyện.	137
6.3. Đánh giá môi trường chiến lược.....	138
6.3.1. Xác định nguồn gây tác động.	138
6.3.2. Tác động của quy hoạch phát triển ngành.	138
6.3.3. Tác động của quy hoạch bố trí không gian lãnh thổ.....	139
6.3.4. Dự báo xu thế diễn biến của các vấn đề môi trường khi thực hiện quy hoạch.....	139
6.4. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường	140
6.4.1. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường	140
6.4.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường đến năm 2045:	145
Kết luận phân môi trường.....	145
PHẦN VII:	146
XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	146
7.1. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:.....	146
7.2. Các chương trình, dự án ưu tiên:	148
7.3. Các nhiệm vụ trọng tâm.....	149
PHẦN VIII	151
KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ	151

CHÚ THÍCH CÁCH VIẾT TẮT TRONG THUYẾT MINH

VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH	VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
QHC	Quy hoạch chung	HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
QHCT	Quy hoạch chi tiết	GTVT	Giao thông vận tải
CNC	Công nghệ cao	QL...	Đường Quốc lộ
KT-XH	Kinh tế xã hội	ĐT...	Đường tỉnh lộ
DTTN	Diện tích tự nhiên	ĐH-HT	Đường huyện - Hà Trung
NTM	Nông thôn mới	ĐTND	Đường thủy nội địa
XDĐT	Xây dựng đô thị	CTR	Chất thải rắn
GTSX	Giá trị sản xuất	NMN	Nhà máy nước
HC-CT	hành chính - chính trị	TB	Trạm bơm
TDTT	Thể dục thể thao	XLNT	Xử lý nước thải
TT GDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên		
THPT	Trường Trung học phổ thông		
THCS	Trường Trung học cơ sở		
KCN	Khu Công nghiệp		
CCN	Cụm Công nghiệp		
CCN-LN	Cụm công nghiệp - làng nghề		
TTCN	Tiểu thủ công nghiệp		
VLXD	Vật liệu xây dựng		

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu tổng quan huyện Thạch Thành.

Thạch Thành là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hoá, trung tâm huyện cách thành phố Thanh Hóa 58km, phía Bắc – Tây Bắc giáp các huyện Lạc Sơn, Tân Lạc (Hòa Bình); phía Đông Bắc giáp huyện Nho Quan (Ninh Bình), phía Tây giáp huyện Cẩm Thủy và huyện Bá Thước, phía Nam giáp huyện Vĩnh Lộc, phía Đông giáp huyện Hà Trung. Theo điều tra thổ nhưỡng của Sở tài nguyên Môi trường, phần lớn chất đất ở đây rất thích hợp cho phát triển cây công nghiệp, đây là tiềm năng thế mạnh vô cùng quý giá của Thạch Thành trong quá trình phát triển kinh tế.

Ngoài ra, Thạch Thành còn có mạng lưới giao thông thuận lợi với tuyến đường Hồ Chí Minh, QL.45, QL.217B; TL.516, TL.522; TL.522B, TL.523 & TL.523C nối các huyện trong tỉnh, đi thị xã Bỉm Sơn, huyện Hà Trung, huyện Vĩnh Lộc, huyện Cẩm Thủy, tạo điều kiện cho Thạch Thành giao thương với các huyện trong tỉnh và cả nước. Đặc biệt, với tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua vùng đệm của rừng quốc gia Cúc Phương và được Bộ Giao thông Vận tải xác định là "điểm dừng chân" đã tạo cho Thạch Thành lợi thế phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch.



Vị trí huyện Thạch Thành trong các huyện vùng liên huyện số 3

Thạch Thành có diện tích tự nhiên khoảng 55.921,72 ha. Trong đó: đồng bằng khoảng 261,71 ha (47%), đồi núi: 297,5 ha (53%). Là huyện có đầy đủ đặc điểm điển hình của địa hình miền núi đá vôi, đồi đất của miền trung du và đồng ruộng của đồng bằng. Địa hình Thạch Thành được hình thành bởi các lòng máng lớn kề nhau xuôi theo hướng bắc – tây bắc và thấp dần về phía nam, tạo cho Thạch Thành có nhiều thuận lợi là địa bàn giao lưu kinh tế của các vùng trong tỉnh. Với dân số khoảng: 144.581 người (theo số liệu Niên giám thống kê tỉnh năm 2020), gồm 2 dân tộc chính Kinh và dân tộc Mường (dân tộc Kinh 51%; dân tộc Mường là 47%, 0,2% là dân tộc khác)

Năm 2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa. Theo đó: nhập toàn bộ diện tích tự nhiên & dân số của xã Thành Vân vào thị trấn Vân Du; xã Thạch Tân vào xã Thạch Bình; xã Thành Kim vào thị trấn Kim Tân. Sau khi sắp xếp, huyện Thạch Thành có 25 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 23 xã và 02 thị trấn.

1.2. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch xây dựng vùng huyện

1. Cụ thể hóa Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định “Tập trung phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực, 5 trụ cột tăng trưởng, 6 hành lang kinh tế và 6 vùng liên huyện” để tạo không gian mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Huyện Thạch Thành nằm trong vùng liên huyện số 3: Thạch Thành; Bim Sơn; Hà Trung; Vĩnh Lộc; Thạch Thành; Hậu Lộc và nằm trên hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 217B.

2. Hiện nay, trong địa bàn huyện Thạch Thành chưa có quy hoạch xây dựng nào mang tính tổng hợp toàn huyện, có thời hạn và tầm nhìn dài hạn (Từ 20-30 năm trở lên). Việc quản lý xây dựng hiện trên cơ sở quy hoạch chung thị trấn Kim Tân (thị trấn huyện lỵ); quy hoạch chung đô thị Vân Du; đô thị Thạch Quảng và các quy hoạch được lập theo chương trình quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Các quy hoạch xây dựng này mới chỉ đáp ứng các yêu cầu cho từng đơn vị cụ thể, chưa đảm bảo đồng bộ, gắn kết trên toàn huyện. Đến nay, các quy hoạch xây dựng nông thôn mới được lập ở giai đoạn trước đây đã hết hạn, cần điều chỉnh cho giai đoạn 2021-2030 và sau năm 2030.

3. Là công cụ lập các Quy hoạch chung các xã và các Đô thị trên địa bàn:

Theo Luật quy hoạch số: 21/2017/QH14 ngày 24/11/ 2017 thì Quy hoạch KT-XH cấp huyện sẽ không còn, các quy hoạch ngành liên quan đã hết hiệu lực và không còn trong hệ thống quy hoạch được lập. Do vậy để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội huyện Thạch Thành gắn với việc quản lý, kiểm soát, là cơ sở để tổ chức lập các quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch chung xã nông thôn đồng thời

rà soát, khớp nối, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành là cơ sở để giải quyết các vấn đề trên.

4. Quy hoạch xây dựng vùng huyện để cập nhật, khai thác những động lực, yếu tố mới đang hình thành như: Quy hoạch hệ thống giao thông toàn tỉnh; quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh, quy hoạch sử dụng đất; các quy hoạch chuyên ngành khác... Quy hoạch xây dựng vùng huyện sẽ định hướng phát triển đô thị, nông thôn, các khu chức năng đồng bộ đồng thời gắn kết hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội... nhằm phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của huyện;

5. Hiện nay, UBND tỉnh Thanh Hóa đang lập Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa, việc lập Quy hoạch vùng huyện Thạch Thành là cơ sở, tiền đề để đề xuất các nội dung tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

Với những lý do trên, việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành là cần thiết, xác lập các tầm nhìn tổng thể, định hướng lâu dài làm cơ sở pháp lý để lập các quy hoạch, kế hoạch chương trình hành động từng giai đoạn, xây dựng chương trình kế hoạch và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1.3. Các căn cứ lập quy hoạch.

1.3.1. Các cơ sở pháp lý:

a) Các Luật do Quốc hội ban hành:

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số: 35/2018/QH14 về sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;
- Luật du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Viễn thông số: 41/2009/QH12 ngày 23/11 2009
- Luật Thể dục, Thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14/6/2018;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

b) Các Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Đảng và Chính phủ:

- Nghị quyết số: 58/NQ-TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số: 13/NQ-CP của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số: 58/NQ-TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Nghị quyết số: 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Nghị định số: 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số: 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về QH xây dựng;

- Nghị định số: 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 của Chính phủ về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;

- Nghị định số: 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2020-2030;

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số: 1629/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số: 1290/QĐ-TTg ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khảo cổ Hang Con Moong và các di tích phụ cận, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Quyết định số: 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ V/v ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030

c) Các Quyết định, Thông tư, Văn bản của các Bộ, Ban, Ngành:

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng

- Quyết định 1917/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt “Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Bưởi”.

d) Các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và UBND huyện Thạch Thành

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Thạch Thành lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số: 09 - NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Quyết định số: 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số: 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030; Kế hoạch số: 124/KH-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35%.

- Quyết định số: 3716/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số: 4833/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số: 3096/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Đề án “Bảo đảm quốc phòng” tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 177/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại

tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 1554/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Quyết định số: 1059/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới bến ô tô xe khách tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Quyết định số: 3615/2009/QĐ-UBND ngày 14/10/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số: 2218/2010/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND Tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số: 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 3136/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch các điểm du lịch làng nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số: 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 1592/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số: 4388/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số: 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 2888/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số: 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Văn bản số: 13628/UBND-CN ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch một số trục giao thông vào quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa

- Quyết định số: 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2016-2025;

Quyết định số 624-QĐ/TU ngày 23/7/2021 ban hành Chương trình phát triển

kinh tế - xã hội khu vực miền núi Thanh Hoá giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 623/QĐ/TU ngày 23/7/2021 ban hành Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 696-QĐ/TU ngày 09/9/2021 ban hành Chương trình nâng cao chất lượng văn hoá giai đoạn 2021 – 2025;

Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Phát triển du lịch huyện Thạch Thành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 6/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thạch Thành.

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 11/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa;

Thông báo số 219/TB-UBND huyện Thạch Thành ngày 28/8/2021, kết luận phiên họp thông qua báo cáo nội dung Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành đến năm 2045

- Văn bản số: 17478/UBND-CN ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tổ chức triển khai lập và hoàn thiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số: 1301/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

1.3.2. Các nguồn tài liệu, số liệu.

- Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Các quy hoạch ngành đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Niên giám thống kê huyện Thạch Thành giai đoạn năm 2015 - 2020 ;
- Các tài liệu, số liệu về kinh tế, xã hội của huyện Thạch Thành;
- Đề án Phát triển du lịch huyện Thạch Thành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Các dự án đầu tư xây dựng, kết quả điều tra về văn hoá, điều kiện dân sinh, xã hội; số liệu hiện trạng về dân cư, lao động, điều kiện kinh tế xã hội; số liệu về môi trường khu vực lập quy hoạch và khu vực phụ cận có liên quan.

1.3.3. Các cơ sở bản đồ.

- Bản đồ tỷ lệ 1/25.000, TL 1/10.000 hệ tọa độ VN2000 khu vực lập quy hoạch;
- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Bản đồ quy hoạch giao thông toàn tỉnh đến năm 2025;
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Thạch Thành đến năm 2030;
- Bản đồ quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn huyện;
- Quy hoạch các xã trên địa bàn huyện.
- Các bản đồ khác có liên quan.

1.4. Tính chất, chức năng:

Theo định hướng quy hoạch tỉnh Thanh Hóa, Thạch Thành nằm trong trung tâm kinh tế phía Bắc của tỉnh: Bỉm Sơn - Thạch Thành và trên các hành lang kinh tế Quốc lộ 217B và đường Hồ Chí Minh. Với các chức năng:

- Là vùng phát triển nông, lâm nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với thực hiện cơ giới hóa đồng bộ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ cao.

- Là vùng phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu về nông, lâm nghiệp, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng.

- Là vùng phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên, du lịch cộng đồng.

1.5. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch.

Quan điểm chung:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành phải phù hợp với các định hướng phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới: Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 58NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị; Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Thạch Thành lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025; Bám sát các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện, phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực; gắn kết cùng với các vùng lân cận cùng phát triển dựa trên tiềm năng thế mạnh của từng địa phương. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực, quan điểm phát triển bền vững làm mục tiêu phát triển

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội của huyện Thạch Thành, gắn liền với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện, phát triển bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

1.5.1. Quan điểm nghiên cứu:

(1) Đánh giá toàn diện Điều kiện tự nhiên; kinh tế - xã hội, nêu ra được các đặc trưng văn hóa của huyện.

(2) Tìm ra được những **tiềm năng nổi trội**; các **lợi thế so sánh** rõ rệt của THẠCH THÀNH với các huyện vùng liên huyện số 3 gồm: thị xã Bỉm Sơn và các huyện Hà Trung, Thạch Thành, Hậu Lộc, Thạch Thành, Vĩnh Lộc. Chỉ ra được các nguồn lực phát triển. Phân khu chức năng với tầm nhìn dài hạn. Tạo ra **hướng phát**

triển mới; có tính đột phá; Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện, phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực; gắn kết với các vùng lân cận cùng phát triển dựa trên tiềm năng thế mạnh của từng địa phương.

(3) Phát triển Kinh tế phải song song với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa; bảo vệ môi trường. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội của huyện Thạch Thành, gắn liền với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện, phát triển bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

(4) Nghiên cứu quy hoạch vùng Huyện THẠCH THÀNH sẽ phải gắn với tổng thể vùng liên huyện số 3, (Bim Sơn; Thạch Thành; Hậu Lộc; Hà Trung; Vĩnh Lộc) và liên kết với các tỉnh vùng Tây Bắc. Thạch Thành phát triển gắn với các hành lang Kinh tế chiến lược của tỉnh đi qua huyện (đường HCM; QL 217B và nút giao cao tốc Hà Long).

1.5.2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tích hợp thống nhất các quy hoạch ngành trên địa bàn huyện, làm công cụ để chỉ đạo toàn diện và thống nhất, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Thạch Thành trong từng thời kỳ.

- Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng và hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo từng giai đoạn đến năm 2030, 2045 và tầm nhìn sau năm 2045. Xây dựng và phát triển huyện Thạch Thành trở thành huyện có kinh tế - xã hội khá đầu trong các huyện vùng liên huyện số 3 (theo QH tỉnh Thanh Hóa).

- Là cơ sở pháp lý, công cụ chỉ đạo để tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, quy hoạch các khu chức năng trên địa bàn huyện, chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

1.5.3. Vai trò huyện Thạch Thành

- *Vị trí địa lý quan trọng:* là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh: thông qua đường Hồ Chí Minh và QL 45 cùng với hành lang kinh tế QL 217B, Thạch Thành là cửa ngõ kết nối Thanh Hóa với các tỉnh phía Bắc và Tây Bắc, là hướng thông thương ra cảng biển gần nhất của các tỉnh Tây Bắc (qua QL 217B đi cảng Lạch Sung).

- Cùng với Bim Sơn, Thạch Thành được xác định là trung tâm động lực phía Bắc của tỉnh: phát triển nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến, chế tạo; chế biến nông lâm sản, dược phẩm, da giày, dịch vụ, du lịch.

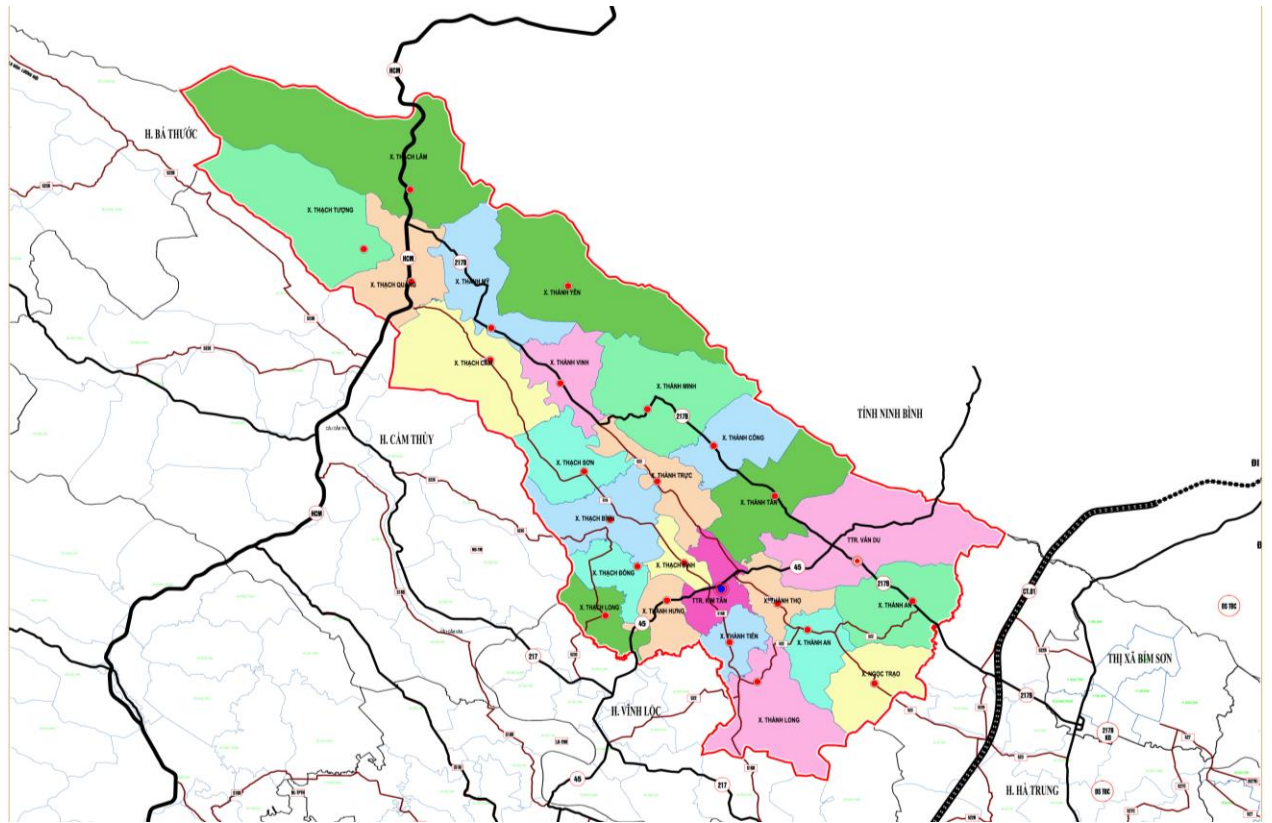
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN THỰC TRẠNG & NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG.

2.1. Vị trí và giới hạn vùng quy hoạch:

- Giới hạn lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành: bao gồm toàn bộ địa giới huyện Thạch Thành (23 xã và 02 thị trấn). Có giới hạn như sau:

- + Phía Bắc & Tây Bắc giáp: giáp các huyện Lạc Sơn, Tân Lạc (tỉnh Hòa Bình)
- + Phía Đông Bắc giáp: huyện Nho Quan (tỉnh Ninh Bình)
- + Phía Tây giáp: huyện Cẩm Thủy và huyện Bá Thước.
- + Phía Nam giáp: huyện Vĩnh Lộc,
- + Phía Đông giáp: huyện Hà Trung

- Quy mô: Diện tích lập quy hoạch vùng huyện Thạch Thành: 559,2 km². Dân số hiện trạng: 145.046 người. (nguồn: niên giám thống kê năm 2020)



Sơ đồ phạm vi, ranh giới lập quy hoạch vùng huyện Thạch Thành

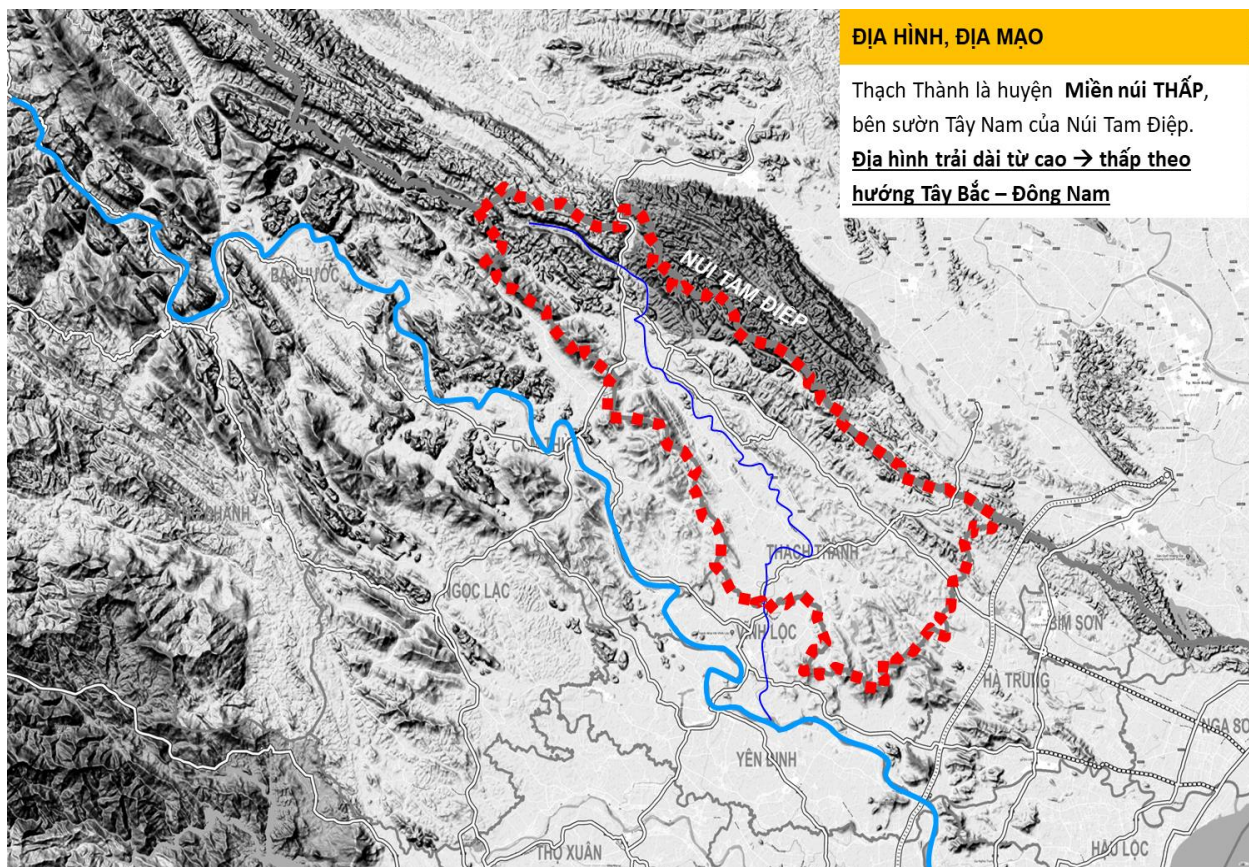
2.2. Điều kiện tự nhiên:

2.2.1. Địa hình, địa mạo.

Thạch Thành có diện tích tự nhiên là 55.921,7 ha. Là huyện miền núi có địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt nhiều, có đầy đủ đặc điểm điển hình của địa hình miền núi đá vôi, đồi đất của miền trung du và đồng ruộng của đồng bằng. Trong đó: đồng bằng 9.120 ha (13.3%); đồi bãi 9.600ha (16%); đồi núi cao 31.785ha (53.4%). Tổng quan địa hình nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, độ cao trung bình từ

200m đến 400m so với mực nước biển (nơi cao nhất là 825m thuộc xã Thạch Lâm, thấp nhất là 15m thuộc xã Thành Hưng)

Bề mặt lãnh thổ bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi đá vôi, đồi cao và sông suối; xen kẽ giữa các vùng đồi núi là các thung lũng.



Trên địa bàn huyện có sông Bưởi chạy qua, chia huyện thành 2 vùng, vùng tả sông Bưởi gồm 16 xã và vùng hữu sông Bưởi có 10 xã. Nhìn chung, có thể chia thành 2 tiểu vùng như sau:

+ Vùng núi cao: Tổng diện tích khoảng 27.205,46 ha (48,6% diện tích tự nhiên toàn huyện) gồm 8 xã: Thạch Lâm, Thạch Quảng, Thạch Tượng, Thành Yên, Thành Minh, Thạch Cẩm, Thành Mỹ, Thành Vinh có địa hình phức tạp, độ dốc thường từ cấp III trở lên thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp, cây lâu năm và cây công nghiệp hàng năm,...

+ Vùng đồi núi thấp và đồng bằng: Diện tích khoảng 28.716,26 ha (51,4% diện tích tự nhiên toàn huyện), có độ dốc thấp hơn và có nhiều thung lũng thuận lợi cho phát triển cây lúa nước, cây công nghiệp hàng năm....

Theo số liệu và bản đồ thổ nhưỡng, huyện Thạch Thành với diện tích điều tra 55.921,73 ha, được phân cấp độ dốc như sau:

- | | |
|--|---------------|
| + Đất có độ dốc cấp I (<3 ⁰) | ~ 14.066,2 ha |
| + Đất có độ dốc cấp II (3 ⁰ - <8 ⁰) | ~ 5.586,3 ha |

+ Đất có độ dốc cấp III ($8^{\circ} - <12^{\circ}$)	~ 7.531,7 ha
+ Đất có độ dốc cấp IV ($12^{\circ} - 20^{\circ}$)	~ 10.371,6 ha
+ Đất có độ dốc cấp V ($>20^{\circ}$)	~ 11.925,5 ha

Diện tích đất có độ dốc dưới 12° : 27.184,1 ha (48,6% diện tích tự nhiên) là đất có nông lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, các khu dân cư, dân dụng....

Diện tích đất có độ dốc từ $12^{\circ} - 20^{\circ}$: 10.371,6 ha (18,5% diện tích tự nhiên) là đất thích hợp cho phát triển lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, thực hiện nông lâm kết hợp.

Diện tích đất có độ dốc trên 20° : 11.952,5 ha (21,4% diện tích tự nhiên) chủ yếu là đất rừng.

2.2.2. Khí hậu:

Thạch Thành nằm ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nên khí hậu khắc nghiệt cả 4 mùa trong năm, tuy nhiên là huyện miền núi nên chịu ảnh hưởng khí hậu miền Bắc nhiều hơn miền trung và do đó có đặc điểm riêng của tiểu vùng là khí hậu nóng ẩm với hai mùa rõ rệt: mùa hè và mùa đông. Mùa hè chịu ảnh hưởng của gió Tây (gió Lào), mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc; nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 22°C , cao hơn nhiệt độ trung bình của cả nước là $0,5^{\circ}\text{C}$;

Theo số liệu của trung tâm khí tượng thủy văn Thanh Hóa:

- *Nhiệt độ*: Tổng diện độ trung bình năm từ $8.100^{\circ}\text{C} - 8.500^{\circ}\text{C}$. Biên độ năm từ $10 - 12^{\circ}\text{C}$. Biên độ ngày $7 - 9^{\circ}\text{C}$. Mùa đông nhiệt độ tương đối thấp, nhiệt độ trung bình tháng 1 là $15,5^{\circ}\text{C} - 16,5^{\circ}\text{C}$, có nơi xuống dưới 15°C . Mùa hè nhiệt độ không cao lắm. Nhiệt độ trung bình tháng 7 là $27^{\circ}\text{C} - 28^{\circ}\text{C}$.

- *Mưa*: Lượng mưa trung bình năm từ 1600 mm – 1900 mm, vụ mùa chiếm khoảng 86% - 89%. Tháng 8 và tháng 9 có lượng mưa lớn nhất (khoảng 300 mm). Tháng 1, tháng 2 có lượng mưa thấp nhất (10 mm – 12 mm).

- *Gió*: Vận tốc gió trung bình 10 m/s-15 m/s. Hướng gió chủ yếu là hướng Tây Bắc, Đông Bắc vào mùa Đông và Đông Nam vào mùa hạ. Ngoài ra, còn có gió Tây Nam khô nóng ở mức mức độ yếu (thường từ tháng 5 – tháng 7).

Thiên tai chủ yếu là mưa to, lũ quét, lốc xoáy, rét đậm và sương muối.

2.2.3. Thủy văn:

Thạch Thành nằm trong tiểu vùng thủy văn sông Bưởi có các đặc trưng chủ yếu sau:

- Thời gian lũ từ tháng 7 – 10, hai tháng có dòng chảy lớn nhất là tháng 8 & tháng 9.

- Các sông suối trên địa bàn huyện thường ngắn, dốc, lòng sông hẹp và quanh co uốn khúc, mùa mưa lượng nước dâng nhanh cùng lúc đổ về sông Bưởi nên thường tạo lũ quét.

- Nguồn nước có các hồ đập lớn như hồ Bình Công (xã Thành Minh), đập Đồng Ngư (xã Thành An), đập Tây Trác (xã Thành Long), hồ Đồng Sung (xã Thành Kim),... tạo nguồn nước cho sinh hoạt.

- Nguồn nước ngầm ít, chỉ ở mức 0,02 l/s – 2,01 l/s, về mùa khô mực nước ngầm xuống thấp nên đất đai thường khô hạn.

Do đó, vấn đề mang tính chiến lược lâu dài là phải sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước.

2.2.4. Điều kiện tài nguyên.

2.2.4.1. Tài nguyên đất đai, thổ nhưỡng:

Là huyện có địa hình phức tạp, có nhiều loại đất, với 2 nhóm đất chính như sau:

- Nhóm đất phù sa (P), với khoảng: 14.156,6 ha (chiếm 25,3% diện tích tự nhiên), phân bố tập trung chủ yếu tại trung tâm huyện nhờ sự bồi đắp của hệ thống sông, suối của Thạch Thành. Thường phân bố dưới dạng dải phù sa sông suối hay thung lũng hẹp, có nơi diện tích nhỏ lẻ. Thuận lợi cho phát triển nông nghiệp (lúa, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày,...)

- Nhóm đất xám (Xf), diện tích khoảng: 35.352,2 ha (chiếm 63,2% diện tích tự nhiên), phân bố gần như trên toàn huyện. Thường nằm ở những vùng có độ dốc từ 80 trở lên, tầng dày trên 100 cm. Ở độ dốc 80 – 150 trồng cây công nghiệp ngắn ngày, trên 150 thuận lợi trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, nông lâm kết hợp, cây cao su, cà phê, mía, lạc,...

Hiện nay đất đang canh tác nông nghiệp là: 17.941,46 ha, chiếm đến 32,1% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện (DTTNH), trong đó: đất trồng lúa là 6.054,32 ha (chiếm 10,8% DTTNH), đất trồng cây hàng năm khác: 4.696,45 ha (chiếm 12,4% DTTNH), đất trồng cây lâu năm 4.696,45 ha (chiếm 8,4% DTTNH) và đất nông nghiệp khác: 274,75 ha.

2.2.4.2. Tài nguyên nước:

- Nguồn nước mặt: Thạch Thành có nguồn nước mặt tương đối dồi dào, bao gồm nước mưa tại chỗ và từ các nơi đổ về. Trên địa bàn có sông Bưởi, và các sông suối khác, có đến 76 hồ đập lớn nhỏ (theo Quy hoạch thủy lợi toàn tỉnh), các đập lớn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp,... Tuy nhiên, nguồn nước mặt không đều giữa các mùa, các tháng trong năm. Nếu được điều tiết sẽ đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống.

+ Tổng lượng nước sông Bưởi trung bình nhiều năm khoảng 0,8 – 1,0 tỷ m³; Lượng dòng chảy mùa lũ khoảng 900 triệu m³, mùa kiệt 80 triệu m³.

+ Ngoài sông Bưởi, trên địa bàn huyện còn có nhiều suối lớn, nhỏ tạo điều kiện xây dựng các hồ thủy lợi, đập ngăn nước để dự trữ, điều tiết nguồn nước chung toàn huyện.

- Nguồn nước ngầm: Nước ngầm ở đây phân bố không đồng đều, tùy theo địa hình mà nước ngầm được phân bố ở độ sâu, cạn khác nhau. Nguồn nước ngầm ít, chỉ ở mức 0,02 l/s – 2,01 l/s, về mùa khô mực nước ngầm xuống thấp nên đất đai thường khô hạn. Nước ngầm chứa nhiều đá vôi.

2.2.4.3. Tài nguyên rừng:

Những năm 1980 trở về trước tài nguyên rừng Thạch Thành khá phong phú về chủng loại động, thực vật. Hiện tại, tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng là: 26.695.34ha, **chiếm đến 50,2% diện tích tự nhiên của huyện**, trong đó:

+ rừng sản xuất là 17.678,44 ha,

+ rừng phòng hộ là 6.099,5 ha,

rừng đặc dụng là 4.319,39 ha.

Năm 2020, trồng rừng sản xuất được 1.020 ha, cấp chứng chỉ FSC cho 1.990 hộ với diện tích 3.343,3ha. Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2020 đạt khoảng 47%.

Diện tích đất rừng của huyện lớn thứ 9/11 các huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa (lớn hơn huyện Ngọc Lặc và Cẩm Thủy)

2.2.4.4. Tài nguyên khoáng sản:

Tài nguyên khoáng sản không phong phú, trữ lượng thấp. Ngoài núi đá vôi, đá thạch anh ở một số nơi có điệ hình hiểm trở, khó khai thác. Một số nơi cũng có quặng đá ong phong hóa làm phụ gia xi măng ở: TT Vân Du, Thành Tâm, Thành Thọ, Thành Trục, Thành Long, Thành Tiến, Thành Tân, Thành Công, Thành An. Than bùn ở Thành Thọ nhưng không nhiều.

Trên địa bàn huyện Thạch Thành hiện nay có 19 Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực do UBND tỉnh cấp; trong đó có 04 giấy phép khai thác đá, 02 giấy phép khai thác cát và 13 giấy phép khai thác đất san lấp và khoáng sản đi kèm. Nhìn chung các doanh nghiệp được cấp phép cơ bản đã đầu tư khai thác ổn định, an toàn, tạo việc làm cho lao động địa phương và tạo ra sản phẩm phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

Trên địa bàn huyện có 02 mỏ đá quartzit tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Cẩm trong Quy hoạch khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng

2.2.4.5. Tài nguyên du lịch:

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vị trí, cảnh quan

Thạch Thành nằm ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa, phía Bắc có dãy núi Tam Điệp, phía tây nam là dãy Cẩm Thủy với các dãy núi chạy dọc theo chiều dài huyện. Với hai dãy núi chạy dọc, tạo nên các thung lũng lòng máng liên kề xuôi theo hướng bắc - tây bắc và thấp dần về phía nam. Với vị trí nằm gần Cúc Phương, Thạch Thành có hệ sinh thái động- thực vật phong phú. Bên cạnh đó Thạch Thành có đầy đủ đặc điểm địa hình miền núi đá vôi, đồi đất miền trung du, đồng ruộng của đồng bằng. Với địa hình chuyển tiếp hai sườn núi, tạo cho Thạch Thành cảnh quan tự nhiên đa dạng: sông, đồi, núi, thác nước, hồ nước... tạo nên tính hấp dẫn về du lịch cũng như tạo điều kiện cho việc phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ với các đặc trưng với quy mô khác nhau.

Các thác nước

Hệ thống sông suối chảy qua khu vực địa hình có độ cao tương đối lớn đã tạo nên hệ thống thác nước ở Thạch Thành. Trong đó một số thác nước hùng vĩ có khả năng khai thác cho phát triển du lịch như thác Mây, thác Voi, thác Đẹn và suối nước nóng Vó Ấm. Các thác nước trên địa bàn huyện có mối liên hệ chặt chẽ với đời sống sản xuất, văn hóa và tinh thần của nhân dân Thạch Thành. Khai thác giá trị văn hóa, lịch sử gắn với dòng thác sẽ giúp đa dạng hóa các sản phẩm và hoạt động du lịch tạo nên nhiều điểm đến thú vị trên hành trình khám phá huyện Thạch Thành của khách du lịch.

Thác Mây: Thác Mây thuộc thôn Đăng Thượng, xã Thạch Lâm, cách trung tâm thị trấn Kim Tân khoảng 45 km, cách Hà Nội hơn 100 km, từ đường Hồ Chí Minh đi vào thác khoảng 10 km. Thác Mây có vẻ đẹp nguyên sơ gồm 9 bậc thác lớn gối liên nhau tạo cảnh quan hùng vĩ, là đầu nguồn của sông Ngang chảy từ thôn Đăng Thượng đến thôn Thống Nhất với chiều dài 12 km, hòa mình với sông Bưởi. Thác Mây có độ cao khoảng trên 100 m, nước chảy quanh năm, đổ xuống từ đỉnh của hệ thống đá vôi dãy Trường Sơn Bắc. Trong khu vực Thác Mây có hệ sinh thái phong phú, đa dạng.

Đặc biệt, dưới chân Thác Mây còn lưu giữ được một quần thể hơn 300 nhà sàn truyền thống của người Mường. Nhiều hoạt động văn hóa mang đậm bản sắc của người Mường còn được giữ gìn và phát huy tại cộng đồng dân cư nơi đây như: hát mừng, sắc bùa, cồng chiêng, hát giao duyên, đánh mềng, ném còn...



Thác Mây – Thạch Thành

Thác Voi: Nằm trên địa phận thị trấn Vân Du huyện Thạch Thành có diện tích 1.466 m² gồm: Thác nước cao khoảng 5m, suối, rừng tái sinh, đặc biệt là hơn 400 gốc sung cổ thụ cành lá xum xuê. Thác Voi có sức hấp dẫn đặc biệt đối với nhiều du khách.



Thác Voi – Thạch Thành

Thác Đền: Thác Đền hay còn gọi là Thác Cẩm Bộ, xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nằm về phía thượng nguồn của hồ chứa nước Vỹ Sứ. Cách Trung tâm huyện lỵ Thạch Thành chừng 21 km về phía Đông Bắc, cách trung tâm xã Thành Minh 3,5 km về phía Tây Bắc. Thác nằm trong khu rừng nguyên sinh thuộc vùng đệm của Vườn Quốc gia Cúc Phương, thác có tổng diện tích chiếm đất gần 1,2ha, bao gồm nhiều ngọn thác, ngọn thác cao nhất là 35m (tính đến mặt đất hiện tại). Với những vẻ đẹp độc đáo cùng cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và không kém phần đa dạng, đặc sắc, Thác Đền - một thắng cảnh mới được phát hiện của huyện Thạch Thành được kỳ vọng sẽ là điểm đến hấp dẫn du khách, qua đó phát triển loại hình du lịch khám phá cộng đồng.

Suối nước nóng Vó Âm: Cách trung tâm xã Thành Minh khoảng 6 km. Đây là suối nước nóng tự nhiên, có độ nóng khoảng 36⁰C, nước suối trong vắt.

Mạch ngầm nước nóng nằm ở giữa khe đá chảy ra lòng rộng của suối tạo thành hồ nước nóng với cảnh đẹp tự nhiên hấp dẫn khách du lịch.

Các hang động

Qua quá trình kiến tạo của trái đất đã để lại cho thiên nhiên Thạch Thành những hang động khá hấp dẫn. Một trong số hang động có tiềm năng về vị trí, cảnh quan, cho phép khai thác phát triển du lịch. Các hang động này ghi dấu đặc điểm địa chất, địa hình, địa mạo, chứa đựng các giá trị lịch sử - văn hóa như Hang Con Moong và các di tích phụ cận (hang Lai, hang Dơi, hang Mang Chiêng, hang Mái Đá Mộc Long..); ghi dấu cuộc kháng chiến của nhân dân ta (Hang Treo - nơi thành lập đội du kích cách mạng đầu tiên của Thạch Thành).

Hồ chứa nước

Thiên nhiên không chỉ ưu ái cho huyện Thạch Thành những thác nước, rừng nguyên sinh có giá trị đặc hữu cao, hệ thống hang động hấp dẫn mà còn có những hồ nước tự nhiên và hồ thủy lợi. Tiêu biểu là các hồ Đồng Sung, hồ Vỹng Sứ, hồ Cầu Mùn, hồ Bình Công. Các hồ thủy lợi như hồ Vỹng Sứ, hồ Bình Công, hồ Ba Cầu ngoài chức năng tích trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cất lũ, phòng chống thiên tai, các hồ thủy lợi còn giàu tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội. Hồ Vỹng Sứ gần thác Đện, hồ Bình Công gần suối nước nóng Vó Ấm, bên cạnh đó, khu vực bán kính khoảng 3 km quanh các hồ thủy lợi này là nơi sinh sống của đồng bào người Mường xã Thành Minh và Thành Yên. Phát triển du lịch sinh thái, kết hợp với du lịch khám phá thác Đện và du lịch nghỉ dưỡng tại suối nước nóng Vó Ấm là tiềm năng hiện hữu cho khu vực này.

Với nhiều cảnh quan tự nhiên phần lớn là hang động, thác nước gắn với hệ thống sông suối hiện vẫn còn hoang sơ và chưa chịu nhiều tác động của con người, là khu vực giáp ranh với Vườn quốc gia Cúc Phương có tài nguyên sinh vật đa dạng, phong phú nên huyện Thạch Thành có khả năng phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch tự nhiên huyện Thạch Thành luôn gắn liền với sinh hoạt của cộng đồng bản địa và sinh ra những truyền thuyết dân gian. Trong phát triển du lịch, các tài nguyên du lịch tự nhiên có ý nghĩa trong việc làm phong phú sản phẩm du lịch, tạo thành những điểm nhấn trên hành trình khám phá bản sắc dân tộc miền Tây xứ Thanh.

Tài nguyên du lịch văn hóa

Quá trình hình thành và phát triển mảnh đất và con người Thạch Thành trong suốt các thời kỳ dựng nước và giữ nước từ thời cổ đại đến nay đã để lại nhiều dấu ấn và di tích Lịch sử rất quan trọng, đó là:

Văn hóa các dân tộc

Với truyền thống lịch sử lâu đời, Thạch Thành từ xa xưa đã là địa bàn cư trú của nhiều tộc người. Nhiều di vật khảo cổ được tìm thấy tại hang Con Moong

và các di tích phụ cận như rìu đá, xương người, xương động vật, công cụ lao động, dấu tích bếp lửa, mộ táng... chứng minh dấu vết của quá trình phát triển liên tục từ con người thời tiền sử, thời đồ đá cũ đến đồ đá mới... từ săn bắn, hái lượm đến trồng trọt, từ trước nền văn hóa Sơn Vi đến văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn và Đa Bút.

Huyện Thạch Thành có 2 dân tộc chính là người Kinh chiếm 45,8% và người Mường 53,6%. Hai nền văn hóa cùng tồn tại và phát triển song song, giao hoà và tác động lẫn nhau tạo nên văn hóa Việt - Mường phong phú và đa dạng.

Bên cạnh đó, bản sắc văn hóa của người Mường tại Thạch Thành hiện vẫn đang được gìn giữ với những nét sinh hoạt văn hóa, sản xuất, lễ hội và phong tục tập quán truyền thống được coi là điều kiện thuận lợi trong phát triển du lịch tại huyện Thạch Thành. Hiện còn có nhiều bản làng đặc trưng của người Mường như làng Đăng Thượng xã Thạch Lâm. Tại đây vẫn còn giữ được nhiều nhà sàn cổ của người Mường.



Nhà sàn người Mường – Thạch Thành

Các điểm di tích văn hóa, lịch sử

Là một trong những mảnh đất lâu đời, các di tích lịch sử văn hóa tại Thạch Thành khá nhiều, tuy vậy phần lớn các di tích đã bị phá hủy và không còn nguyên vẹn. Tính đến hết năm 2019, huyện Thạch Thành có 16 di tích đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp Quốc gia và Quốc gia đặc biệt. Trong đó, một số điểm di tích nổi bật có thể khai thác du lịch là:

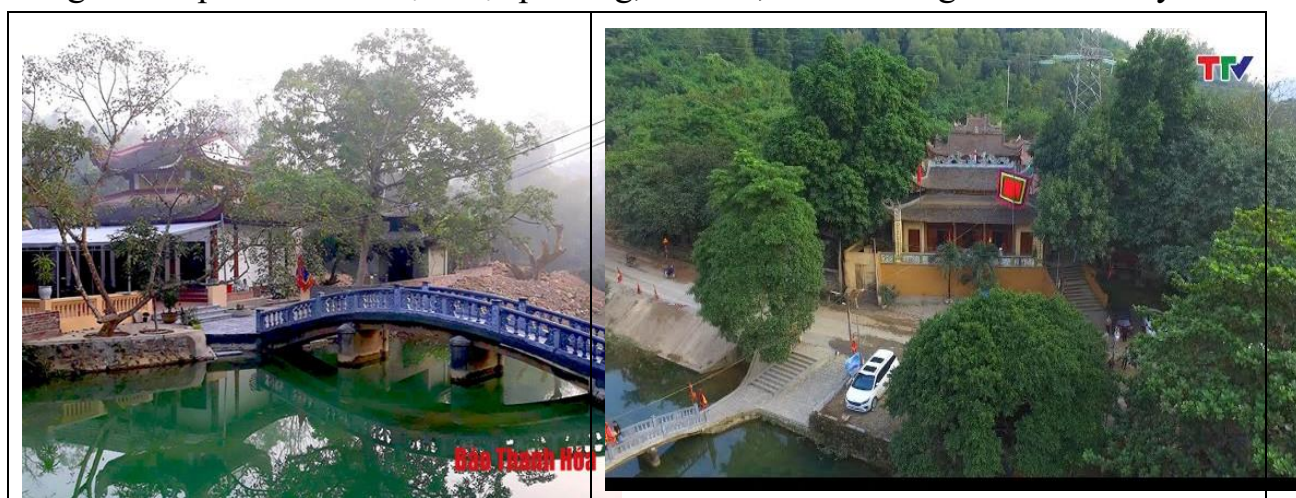
Hang Con Moong: Di tích quốc gia đặc biệt hang Con Moong nằm trong dãy núi đá vôi của vườn quốc gia Cúc Phương thuộc địa phận xã Thành Yên, huyện Thạch Thành. Hang Con Moong nhiều năm nay được biết đến như một di chỉ khảo cổ học độc nhất ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á bởi tính chất đặc biệt của nó. Qua nhiều lần khai quật, các nhà khảo cổ đã chứng minh hang Con Moong dấu tích tiêu biểu thể hiện rõ sự diễn tiến văn hóa với nhiều giai đoạn phát triển của người Việt cổ tồn tại trong hơn 10 nghìn năm (từ năm 18.000 - 7.000 TCN). Điểm nổi bật của hang Con Moong là các địa tầng đều vẫn giữ được

nguyên vẹn dấu vết của quá trình phát triển liên tục từ con người thời tiền sử, thời đồ đá cũ đến đồ đá mới... từ săn bắn, hái lượm đến trồng trọt, từ trước nền văn hóa Sơn Vi đến văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn và Đa Bút. Với ý nghĩa khoa học, giá trị lịch sử, văn hóa vô cùng to lớn, hang Con Moong và các di tích phụ cận được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2367 ngày 23/12/2015.



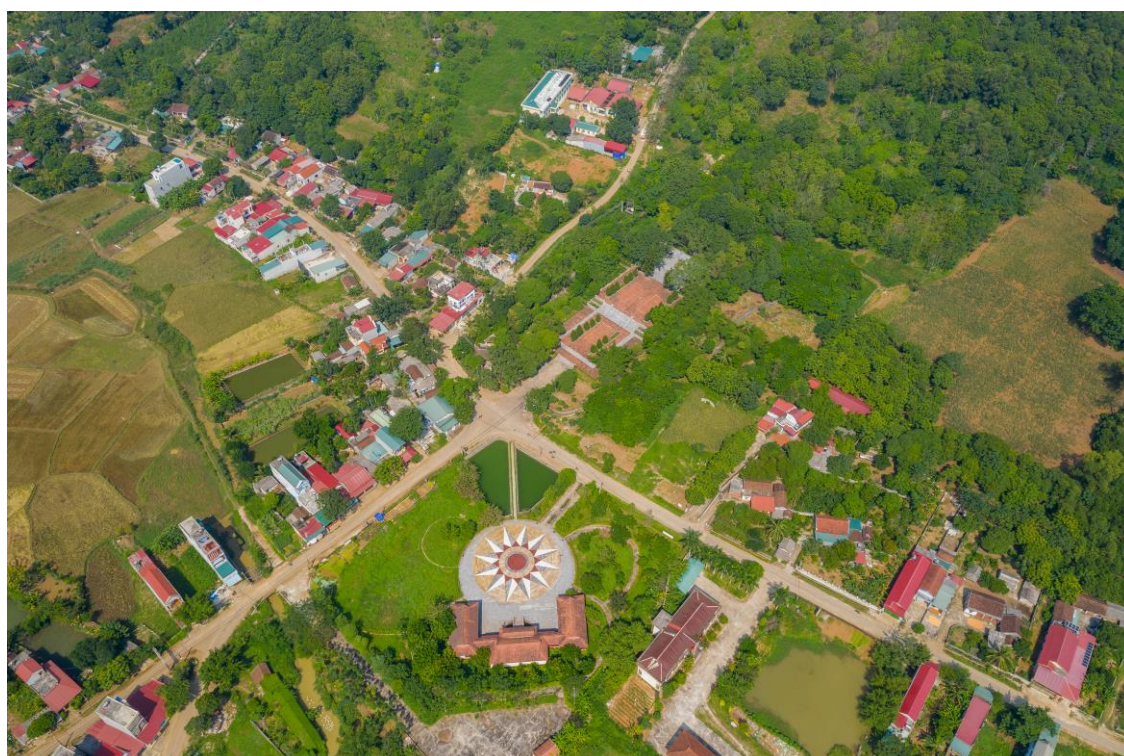
Di tích quốc gia đặc biệt – hang Con Moong – Thạch Thành

Đền Phố Cát: Thuộc thị trấn Vân Du huyện Thạch Thành. Đền thờ được nhân dân địa phương lập vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVI với kiểu kiến trúc truyền thống mang những dấu ấn riêng của vùng núi xứ Thanh. Quanh năm bốn mùa đền Phố Cát mở cửa đón du khách thập phương về văn cảnh, nghe những câu hát văn về Thánh Mẫu và cầu nguyện những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Đền Phố Cát nằm trên tuyến du lịch tâm linh từ đền Cậu Bé Đồi Ngang (Ninh Bình), đền Dâu, đền Quán Cháo, đền Sòng nên thu hút rất nhiều khách thập phương ghé thăm và thực hiện nghi thức thờ Mẫu hàng năm. Có thể khai thác theo hướng du lịch tâm linh kết hợp với các loại hình du lịch khác trên địa bàn để tăng tính hấp dẫn cho du lịch địa phương, thu hút, tranh thủ nguồn khách này.



Khu di tích đền Mẫu phố Cát – TT Vân Du – Thạch Thành

Chiến khu du kích Ngọc Trạo: Nằm về phía Tây tỉnh Thanh Hóa, cách thị trấn Kim Tân khoảng 15 km. Chiến khu Ngọc Trạo là một trong những chiến khu du kích đầu tiên của cả nước, đỉnh cao của phong trào phản đế cứu quốc ở Thanh Hóa, giai đoạn 1940-1941; nơi thành lập đội du kích Ngọc Trạo - tiền thân của lực lượng vũ trang Thanh Hóa. Với tầm vóc và ý nghĩa lịch sử to lớn, năm 1994, chiến khu du kích Ngọc Trạo được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia. Di tích này cùng với di tích quốc gia đặc biệt hang Con Moong tạo nên những hình ảnh riêng biệt về du lịch Thạch Thành. Các khu di tích này không chỉ là điểm tham quan bổ sung cho khách du lịch mà còn có thể trở thành mục đích chuyên đi du lịch của nhiều khách du lịch, nhất là những khách yêu thích tìm hiểu lịch sử văn hóa.



Khu di tích chiến khu Ngọc Trạo

Chùa Cảnh Yên: Nằm trên đồi Sóc, thuộc địa phận 2 xã: Kim Tân và Thành Tân, cách thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành chừng 5 km về hướng Đông Bắc, cách thành phố Thanh Hóa 60 km. Chùa tọa lạc trên sườn đồi, địa thế vững chãi, với cảnh trí và quy mô bề thế. Đứng trên khuôn viên chùa, du khách có thể ngắm núi Chiêng - Thạch Đồng, ngắm sông Bưởi và khe son Khón Khổng.

Đình Mừng Đòn: Cách thị trấn Kim Tân khoảng 26 km, là làng có truyền thống lâu đời thuộc xã Thành Mỹ. Di tích đình Mừng Đòn được xây dựng từ thời Hậu Lê, là nơi thờ tự Thành Hoàng làng của Mừng Đòn. Đây là ngôi đền cổ biểu trưng cho nét văn hóa đặc sắc của người Mừng Thạch Thành, là di tích kiến trúc gỗ có giá trị nghệ thuật còn lưu giữ nhiều sắc phong quý cũng

như các đồ thờ có giá trị lịch sử, nghệ thuật lâu đời; bảo lưu các sinh hoạt văn hóa đặc sắc của người Mường trong các lễ hội, như: Diễn tuồng ca ngợi các danh nhân, nhân vật lịch sử, cảnh tập trận, trận đánh của thần Bạch Mã Linh Lang...

Các lễ hội truyền thống

Lễ hội Đền Phó Cát: Tổ chức trong 02 ngày 14 và 15 tháng Giêng âm lịch tại thôn Phó Cát, thị trấn Vân Du. Lễ hội đền Phó Cát ra đời khoảng thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII gắn với tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu Liễu Hạnh. Đây là lễ hội có quy mô cấp xã, với nghi lễ chính là tế lễ, rước sắc, rước kiệu, rước bóng, hầu đồng và sóc thẻ do nhân dân địa phương, các bản hội từ thập phương về tín lễ. Lễ hội đền Phó Cát hàng năm thu hút khách từ các vùng lân cận tới tham quan rất đông. Tuy nhiên, lễ hội đền Phó Cát chưa thực sự được đầu tư xứng với ý nghĩa và quy mô. Cần có phương án nghiên cứu, phục dựng và bảo tồn phát huy giá trị lễ hội đền Phó Cát để phục vụ phát triển du lịch.

Lễ hội Mừng Đòn: Diễn ra vào ngày 18 tháng Giêng hằng năm nhằm tưởng nhớ công trạng khai ấp, lập mừng của ông Vũ Duy Dương và em gái Vũ Thị Cao. Hội Mừng Đòn có thể kéo dài tới 5 ngày với rất nhiều các hoạt động truyền thống thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa hai dân tộc Mường - Kinh. Tham gia hội làng còn có đông đảo người dân của các làng, các xã kết chạ xung quanh. Nét độc đáo ở lễ hội này chính là dù sử dụng tiếng nói riêng của người Mường, nhưng lại duy trì các trò diễn tuồng và hát bội mà ca từ bằng tiếng Kinh từ nhiều năm nay.

Ngoài ra, còn có các trò chơi dân gian, các môn thể thao dân tộc truyền thống của địa phương như: Đánh mảng, tung còn, chơi đu, bắn no. Và nhiều lễ hội mang đậm nét văn hóa dân tộc Mường cũng như sự giao thoa văn hóa Mường - Kinh như lễ hội Đền Tam Thánh, lễ hội đền Thánh Mẫu, lễ hội Nghè Phú Lộc (Nghè và Mộ tướng quân Lê Phúc Hồng - Lê Phúc Quý); lễ hội Đền Hang Bồng. nếu được đầu tư nghiên cứu và phục dựng để mở rộng quy mô chắc chắn sẽ thu hút được sự quan tâm của nhiều khách du lịch.

Văn hóa ẩm thực

Văn hóa ẩm thực phản ánh tập quán sống của cộng đồng các dân tộc tại Thạch Thành, đồng thời thể hiện năng lực sáng tạo của cộng đồng trước hoàn cảnh sống. Các món ẩm thực của người Mường tại Thạch Thành mang dấu ấn tự nhiên rất đậm nét. Nguồn lương thực làm nên bữa ăn truyền thống của người Mường là gạo nếp, nên cách chế biến các món ăn tinh bột cũng chủ yếu từ gạo nếp như xôi ngũ sắc, xôi nhuộm đo, xôi trứng kiến, cơm lam. Nguồn thực phẩm chủ yếu là tự túc bằng các sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm và dựa vào hái lượm săn bắt trong tự nhiên như bắt cá suối, hồ, thịt từ các loại gia cầm chăn nuôi

và sắn bắt, các loại măng, nấm, rau rừng. Ngoài ra, còn những món đặc trưng như: Canh lóng, canh măng chua, thịt dê, trứng kiến, thịt trâu, nem.

Những năm qua, nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống địa phương, chính quyền và nhân dân huyện Thạch Thành đã có nhiều chương trình hành động nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân địa phương mà còn duy trì và phát triển một nguồn tài nguyên du lịch nhân văn lớn cho phát triển du lịch tại huyện Thạch Thành.

* *Nhận xét:* Huyện Thạch Thành có nhiều di tích lịch sử cấp tỉnh, cấp quốc gia, phong phú và đa dạng. Các điểm du lịch thắng cảnh thiên nhiên: như Rừng Cúc phương, Hang Con Moong..., đặc biệt là diêm du lịch: Thác Mây (Thạch Lâm), Thác Voi (Vân Du) nằm trong 9 thác nước đẹp nhất của Việt Nam (*theo đánh giá của Báo Lao Động và Amazing Things In VietNam, ...*). Tuy nhiên, việc phát triển du lịch chưa thực sự được quan tâm đúng mức và chưa xứng tầm và thiếu các dịch vụ đi kèm nhằm phát huy giá trị di tích và khai thác dịch vụ khám phá thiên nhiên.



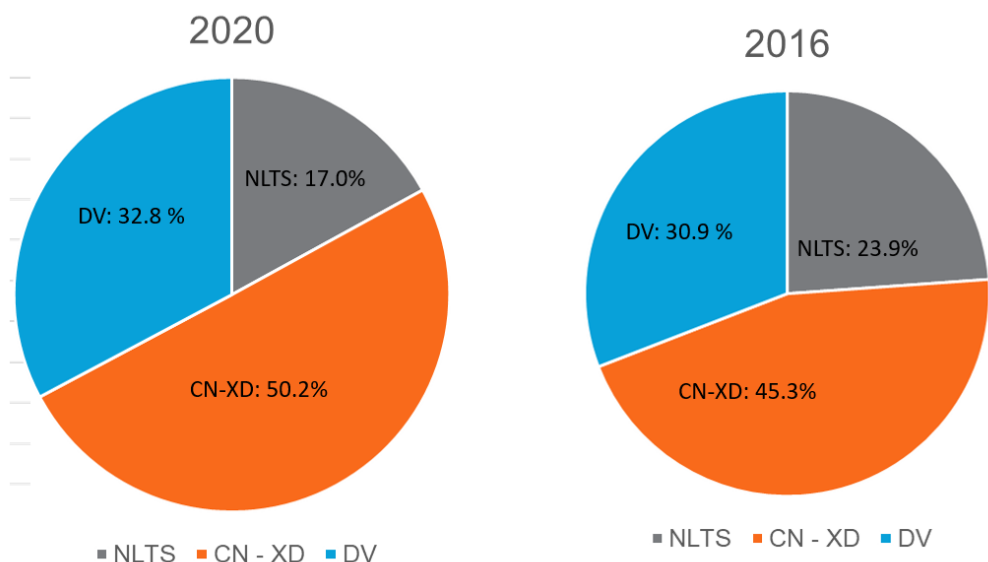
f) Tài nguyên sinh vật:

Nằm ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nên hệ sinh thái cũng mang đặc điểm chung của vùng rừng nhiệt đới, lại giáp với vành đai của rừng quốc gia Cúc Phương nên hệ động, thực vật huyện Thạch Thành rất phong phú và đa dạng. Có nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam như: Hổ, Báo, Hươu, Nai, Gấu, Voọc quần đùi trắng, Gà Lôi, Yểng, Họa Mi... Thảm rừng thực vật đa dạng phong phú có nhiều loại thuộc nhóm gỗ quý: Lát, lim, sến, táu, đinh hương, nhiều loại cây thuốc quý chữa bệnh, cây làm nguyên liệu cho sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ...

2.3. Hiện trạng kinh tế - xã hội.

2.3.1. Hiện trạng phát triển kinh tế.

Giai đoạn 2016-2020: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (GO) bình quân ước đạt 15,6%/năm,. Tổng giá trị sản xuất giai đoạn 2016-2020 ước đạt 47.277 tỷ đồng, gấp 3,09 lần giai đoạn 2011-2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, năm 2020 tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 17%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 50,2%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 32,8%.



CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ		
	2020 (%)	2016 (%)
Nông - Lâm - thủy sản	17.0%	23.9%
Công nghiệp - xây dựng	50.2%	45.3%
Dịch vụ	32.8%	30.9%

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, có tính đột phá cao. Tỷ trọng các ngành trong GDP phù hợp với định hướng phát triển.

- Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt kết quả khá, giá trị sản xuất nông lâm thủy sản giai đoạn 2016-2020 ước đạt 6.861 tỷ đồng, gấp 3,8 lần so với giai đoạn 2011-2015, giá trị sản xuất bình quân tăng 4,3%/năm.

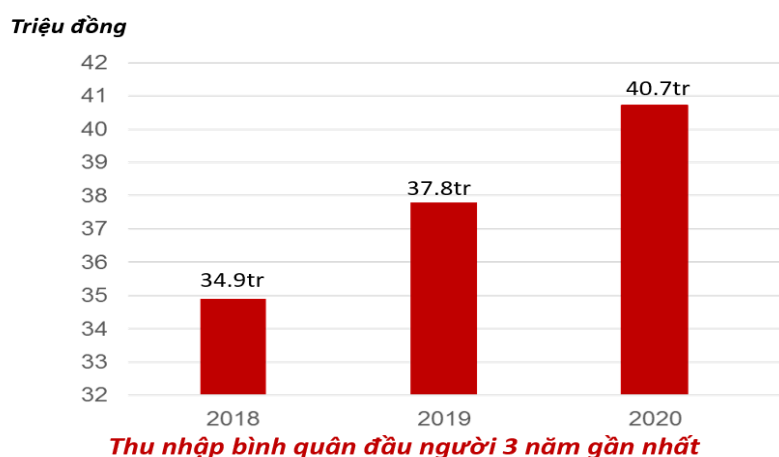
- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng khá, quy mô và năng lực sản xuất được nâng lên, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020 ước đạt 15.128 tỷ đồng, gấp 2,6 lần giai đoạn 2011-2015; Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn đạt 18,6%

- Thương mại - dịch vụ phát triển nhanh về quy mô và loại hình, chất lượng dịch vụ được nâng lên; hạ tầng được đầu tư, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp và Nhân dân. Tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ giai đoạn 2016-2020 ước đạt 17.145 tỷ đồng, gấp 2,46 lần so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm ước đạt 18,6%.

Thu nhập bình quân đầu người: (Nguồn số liệu: QĐ số: 2056-QĐ/UBND ngày

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

15/06/2021 của UBND tỉnh Công bố kết quả điều tra lao động, việc làm và thu nhập bình quân đầu người cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa)



So sánh thu nhập bình quân đầu người huyện Thạch Thành với 11 huyện miền núi

STT	Huyện, thị xã,	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Toàn tỉnh	36.197	39.354	42.126
	Miền xuôi	40.090	43.822	46.895
	Miền núi	28.367	30.615	32.948
1	Thạch Thành	34.909	37.807	40.748
2	Ngọc Lặc	33.338	36.039	38.938
3	Cẩm Thủy	32.228	35.119	38.052
4	Như Thanh	31.560	34.287	37.170
5	Như Xuân	27.860	30.112	32.514
6	Quan Sơn	25.875	27.814	29.850
7	Lang Chánh	25.760	27.490	29.360
8	Thường Xuân	24.008	26.107	28.181
9	Bá Thước	23.980	25.876	27.906
10	Quan Hóa	24.350	26.074	27.859
11	Mường Lát	18.600	19.586	20.892

So sánh thu nhập bình quân đầu người huyện Thạch Thành với các huyện vùng liên huyện số 3

Số TT	Huyện, thị xã, TP	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Toàn tỉnh	36.197	39.354	42.126
	Miền xuôi	40.090	43.822	46.895
1	Bỉm Sơn	52.252	57.546	60.517
2	Thạch Thành	38.340	42.097	45.506
3	Vĩnh Lộc	39.525	42.615	45.306
4	Hậu Lộc	38.243	41.311	44.132
5	Thạch Thành	34.909	37.807	40.748
6	Hà Trung	34.194	37.574	40.555

* **Nhận xét:** Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân của huyện cao hơn mức bình quân của cả tỉnh (BQ tỉnh: 12,1%), cao hơn mức bình quân các huyện trong vùng liên huyện phía Bắc (Hà Trung: 16%; Vĩnh Lộc: 15,2%; Hậu Lộc: 14,6%; Thạch Thành: 13,7%). Thu nhập bình quân đầu người đứng đầu so với các huyện miền núi, nhưng đang còn thấp so với các huyện vùng liên huyện số 3: 41 triệu/người (Hà Trung: 40 triệu/người; Vĩnh Lộc: 46,6 triệu/người; Hậu Lộc: 45,0 triệu/người; Thạch Thành: 42,1 triệu/người)

2.3.2. Hiện trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.3.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản giai đoạn 2016-2020 đạt 6.861 tỷ đồng, gấp 3,8 lần so với giai đoạn 2011-2015, giá trị sản xuất bình quân tăng 4,3%/năm. Thực hiện quy hoạch vùng trồng cây ăn quả có múi, xây dựng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm cam Vân Du; thực hiện tích tụ, tập trung đất đai, thu hút được các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư sản xuất vùng cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP; tạo chuỗi liên kết sản xuất đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với tiêu thụ sản phẩm; tổng diện tích cây ăn quả có múi trồng theo hướng ứng dụng công nghệ cao đạt 500 ha.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý; giảm diện tích đất lúa không chủ động nước, đất một vụ lúa năng suất thấp sang trồng mía, cây dược liệu, cây thức ăn phục vụ chăn nuôi; chuyển đổi diện tích mía sang trồng các loại cây ăn quả, trồng rừng sản xuất có giá trị kinh tế cao. Xây dựng 16 cánh đồng lớn tại các xã trọng điểm lúa, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, đưa tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân hằng năm đạt 59.350 tấn.

a/ Sản xuất nông nghiệp và XD Nông thôn mới

- Trồng trọt:

Trong những năm qua huyện đã có nhiều chính sách khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, các giống lúa lai năng suất cao được gieo trồng chiếm 50% diện tích được phân bố ở một số xã như Thành Vinh, Thành Minh, Thạch Sơn, ... Các giống cây trồng có năng suất cao, phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng được đưa vào gieo trồng ngày một tăng.

Trong năm 2020, huyện tiếp tục chỉ đạo tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, ưu tiên khuyến khích xây dựng các mô hình phát triển sản xuất công nghệ cao đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kết quả, đã xây dựng và triển khai nhiều mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả tại các xã với nhiều

hình thức. Diện tích cánh đồng lớn gieo cấy tập trung đạt 1.244 ha, thuộc 15 xã, trong đó, khuyến khích xây dựng các mô hình sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ cao.

Thực hiện chuyển đổi 160,7 ha đất lúa sang trồng ngô, mía, cây màu và nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 20.724,4 ha; tổng sản lượng lương thực đạt 58.060 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 47.755 tấn, năng suất lúa bình quân cả năm đạt 55,2 tạ/ha; sản lượng ngô đạt 10.305 tấn, năng suất bình quân đạt 39,7 tạ/ha.

Giai đoạn 2015 - 2020, huyện đã tích cực mở rộng diện tích vùng cây ăn quả có múi trên địa bàn các xã, thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và vận động nhân dân phát triển diện tích trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện, nâng cao giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt, tạo chuyển biến trong liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Đến cuối năm 2020, diện tích cây ăn quả có múi toàn huyện là 509 ha bao gồm cam, bưởi các loại. Đồng thời khuyến khích nhân dân trồng nhiều diện tích cây ăn quả khác có giá trị, chất lượng như thanh long ruột đỏ, ruột hồng, ổi lê Đài loan, ổi trắng số 1, Mít thái. Tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn huyện đến nay là 2.363,7 ha, trong đó, diện tích trồng tập trung là 979,45 ha.

Sản xuất mía nguyên liệu tiếp tục được duy trì ổn định, thu hoạch 344.216 tấn mía nguyên liệu vụ ép 2018-2019, năng suất mía bình quân đạt 68 tấn/ha. Diện tích mía vụ ép 2019-2020 đạt 5.276 ha, trong đó diện tích sản xuất cánh đồng lớn áp dụng cơ giới đồng bộ tại 15 xã đạt 822 ha, đạt 100% kế hoạch; năng suất mía bình quân đạt 70 tấn/ha, sản lượng đạt 369.320 tấn.

- Chăn nuôi:

Giá trị ngành chăn nuôi giảm do bị thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi, đạt 357,2 tỷ đồng; theo kết quả điều tra, đàn gia súc, gia cầm đều giảm, riêng đàn lợn tăng so với các năm trước, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 10.918 tấn. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng vacxin cho gia súc, gia cầm. Triển khai đồng bộ các giải pháp cấp bách không chế dịch tả lợn Châu Phi đang diễn biến phức tạp trên địa bàn huyện; đến ngày 10/12/2020, đã xuất hiện bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại 96 hộ, 45 thôn của 15 xã, thị trấn; UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị tiến hành tiêu huỷ 1.956 con, trọng lượng 104.229,5 kg.

- Công tác xây dựng Nông thôn mới:

Toàn huyện có 10 xã, 113 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, có 02 thôn được công nhận đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2020, bình quân cấp xã đạt 17/19 tiêu chí, cấp thôn đạt 13/14 tiêu chí

- Kinh tế trang trại, liên kết sản xuất:

Thực hiện tốt công tác phát triển kinh tế hợp tác xã và xây dựng mô hình trang trại, đến hết năm 2020 trên địa bàn huyện có 46 trang trại đạt chuẩn theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và 37 HTX nông nghiệp; xây dựng 7 mô hình liên kết sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong đó, có 06 mô hình hỗ trợ thực hiện việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, tem truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm thể mạnh trên địa bàn gắn với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) bao gồm:

- Mô hình liên kết sản xuất mật ong theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Thành An;
- Mô hình sản xuất Mắc ca theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Thành Mỹ;
- Mô hình liên kết trồng chuối theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Thạch Định;
- Mô hình liên kết sản xuất Bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Thành Tiến;
- Mô hình trồng cam theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Thạch Cẩm;
- Mô hình sản xuất miến dong theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Thành Minh;
- Mô hình trang trại chăn nuôi bò sinh sản tại xã Thành Công.

b/ Sản xuất lâm nghiệp

Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 56,5 tỷ đồng. Đến nay đã trồng 650 ha; trong đó diện tích trồng rừng mới 85,5 ha (dự án trồng rừng thay thế của hạt Kiểm Lâm Thạch Thạch trồng tại xã Thành Vinh 11,1 ha, Thạch Tượng 74,4 ha), diện tích còn lại chủ yếu là nhân dân tự trồng lại rừng sau khai.

Trong giai đoạn 2019 – 2020 huyện đã tổ chức cấp chứng chỉ rừng FSC phục vụ cho xuất khẩu, đã cấp chứng chỉ cho 2.650 hộ với diện tích 3.379,6 ha rừng. Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng thực hiện tốt, an ninh rừng được giữ vững. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,7%.

c/ Nuôi trồng thủy sản

Trong giai đoạn 2015 – 2020, huyện đã chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản, đầu tư nuôi thâm canh các con nuôi có lợi thế, giá trị sản xuất thủy sản trong năm 2020 đạt 60,88 tỷ đồng. Tiếp tục chuyển đổi 5 ha diện tích lúa vùng trũng, thấp sang nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa. Giá trị thu được trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 99,2 triệu đồng/ha. Phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh thực hiện mô hình thủy sản “Liên kết các hộ nuôi cá lồng bè gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm”

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, nông nghiệp Thạch Thành duy trì tăng trưởng khá và đã tạo ra nguồn cung lương thực, thực phẩm dồi dào, đảm bảo an ninh lương

thực; đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội của huyện.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm, thủy sản đã đạt được kết quả tích cực. Trong trồng trọt, hình thành và phát triển các vùng chuyên canh, tập trung như: vùng lúa thâm canh, vùng nguyên liệu mía, cao su. Trong chăn nuôi, hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại phát triển đang thay thế dần mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ ở gia đình. Trong lâm nghiệp, việc trồng rừng sản xuất được đẩy mạnh, phát triển chế biến lâm sản.

Trong nuôi trồng thủy sản bước đầu đã có một số mô hình nuôi thâm canh hiệu quả cao; giống của HTX thủy sản cung ứng được phản ánh tốt, cần nhân rộng mô hình để đảm bảo về nguồn giống và chất lượng giống.

Nhiều mô hình phát triển được triển khai có hiệu quả như mô hình cánh đồng mẫu lớn, mô hình thâm canh mía đường, mô hình chăn nuôi trang trại, mô hình phát triển rừng bằng cây trồng hiệu quả cao.

Việc dồn điền đổi thửa đang dần được mở rộng giúp giải quyết tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất, tạo điều kiện từng bước sản xuất chuyên canh, tập trung, hoàn chỉnh hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng để đủ điều kiện áp dụng cơ giới hóa, giải phóng lao động.

Nhóm sản phẩm có khả năng cạnh tranh: Lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao, ngô thâm canh, mía thâm canh, rau an toàn tập trung, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi, cây dược liệu (nghệ); bò thịt chất lượng cao, dê, lợn hướng nạc và các con nuôi đặc sản; rừng gỗ lớn; cá rô phi xuất khẩu.

Nhóm sản phẩm không có khả năng nhưng tạo ra nhiều việc làm: Lúa, ngô, đậu rau các loại, khoai lang, mía; trâu, lợn, gia cầm; gỗ băm dăm; cá truyen thống nuôi nước ngọt.

Những tồn tại hạn chế

Chất lượng tăng trưởng thấp và thiếu bền vững, vẫn chủ yếu dựa trên việc khai thác tài nguyên thiên nhiên cùng mức sử dụng vật tư đầu vào cao nhưng việc áp dụng đổi mới khoa học công nghệ thấp; chất lượng sản phẩm không đồng

đều, vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đảm bảo, năng suất lao động động trung bình.

Quá trình chuyển đổi cơ cấu sản phẩm diễn ra chậm, chưa thực sự phản ánh lợi thế so sánh. Trồng trọt vẫn chiếm trên 64% cơ cấu nội ngành nông nghiệp; trong đó lúa gạo vẫn chiếm tỷ trọng chính, tuy chiếm phần lớn diện tích cây trồng hàng năm nhưng hiệu quả kinh tế của cây lúa đem lại không cao.

Năng suất lao động nông nghiệp thấp hơn các ngành khác, trình độ thâm canh chưa đồng đều, khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.

Tình trạng sản xuất nông nghiệp manh mún, phần lớn nông hộ sở hữu diện tích đất không lớn, thiếu tập trung làm tăng làm rủi ro trong quá trình sản xuất, ngăn cản quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khó bảo quản hàng hóa, tăng chi phí sản xuất đầu vào, gây phức tạp cho quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và kiểm soát dịch bệnh.

Ô nhiễm và nguy cơ gây suy thoái môi trường, thiên tai lụt bão, hạn hán, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi vẫn thường xuyên xảy ra.

Đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng của huyện; hạ tầng cơ sở ngành nông, lâm, thủy sản còn yếu kém, đặc biệt ở vùng khó khăn.

2.3.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng khá, quy mô và năng lực sản xuất được nâng lên, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế toàn huyện.

Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2016-2020 (theo giá so sánh) đạt 23.376 tỷ đồng, gấp 3,5 lần giai đoạn 2011-2015. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm đạt 17,8%. Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 372,3 triệu USD, vượt 8,8 lần so với kế hoạch. Nhiều sản phẩm vật liệu xây dựng như cát, đá, sỏi, gạch không nung... được khai thác, sản xuất đáp ứng nhu cầu nhân dân; nhiều công trình, dự án quan trọng được đầu tư xây dựng.

Số cơ sở sản xuất và lực lượng lao động thu hút vào ngành công nghiệp tăng nhanh, năm 2015 có 1.047 cơ sở, thu hút 4.201 lao động, đến năm 2020 có 1.290 cơ sở, thu hút 10.994 lao động (riêng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu hút 8.500 lao động); một số dự án công nghiệp lớn như Nhà máy may xuất khẩu Thạch Quảng, Nhà máy may xuất khẩu Đồng Khanh, dây chuyền III

Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina, các cơ sở chế biến gỗ, sản xuất gạch không nung, thủ công mỹ nghệ, tinh dầu xả, cucumin, tinh bột nghệ, rượu, phân bón, thức ăn chăn nuôi, chế biến thực phẩm ... được đầu tư xây dựng, tạo ra nhiều việc làm mới, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người lao động, góp phần quan trọng đảm bảo an sinh xã hội, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH-HĐH, tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn mới.

Tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn được quan tâm phát triển, tập trung vào một số ngành nghề thủ công mỹ nghệ, thu hút và tạo việc làm cho nhiều lao động, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống cho người dân nông thôn⁽¹⁾.

Huyện đã tăng cường công tác chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ, đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng các dự án lớn như: Nhà máy may xuất khẩu Thạch Quảng, Nhà máy may xuất khẩu Đồng Khanh, tháo gỡ công tác vận chuyển công nhân Nhà máy may SH vina, sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu Thành Tâm, phân bón Thần Nông Thành Long,

2.3.2.3. Khu vực kinh tế Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ giai đoạn 2016-2020 ước đạt 17.145 tỷ đồng, gấp 2,46 lần so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm ước đạt 18,6%, đạt nghị quyết. Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa ước đạt 372,5 triệu USD, vượt 148,3% nghị quyết. Số cơ sở kinh doanh và lao động thu hút vào ngành thương mại - dịch vụ có bước phát triển⁽²⁾.

Hiện trạng trên địa bàn huyện Thạch Thành có 22 chợ đang hoạt động. Hạ tầng kinh doanh thương mại - dịch vụ được tăng cường đầu tư; thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác gắn với đầu tư xây dựng mới được 9 chợ⁽³⁾, 23 cửa hàng đảm bảo tiêu chí an toàn thực phẩm;

Trên địa bàn huyện có 03 siêu thị đang hoạt động, (tuy nhiên chỉ có Siêu thị Miền Tây Thạch Thành được công nhận theo quy định tại Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại; các siêu

¹Các nghề chính như: đồ gỗ nội thất, mây giang xiên, đan giỏ bằng bèo tây, nấu mật mía...

²Năm 2015 có 3.766 cơ sở, thu hút 5.585 lao động, đến năm 2020 có 3.945 cơ sở, thu hút 7.101 lao động

³Gồm các chợ: TT Kim Tân, Thành Kim, Thạch Bình, Thạch Sơn, Thạch Cẩm, Phố Cát, Vân Du, Thành Tâm, Thành Long...

thị còn lại chưa đủ tiêu chuẩn); các khu dịch vụ thương mại tổng hợp, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 2.875,4 tỷ đồng, gấp 2,24 lần bình quân giai đoạn 2011-2015.

Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách có bước phát triển khá, giá trị sản xuất bình quân hàng năm ước đạt 338 tỷ đồng.

Về cửa hàng xăng dầu: Trên địa bàn huyện Thạch Thành có 26 cửa hàng xăng dầu đang hoạt động và 03 dự án đang triển khai đầu tư tại các xã Thạch Quảng, xã Thành Vân (nay là thị trấn Vân Du) và xã Thạch Định

Dịch vụ bưu chính, viễn thông từng bước được nâng lên, doanh thu bình quân hàng năm ước đạt 90 tỷ đồng⁽⁴⁾.

2.3.2.4 Thực trạng hoạt động du lịch

Trên địa bàn huyện có 3 điểm du lịch (Thác Mây, đền Phó Cát, Chiến khu du kích Ngọc Trạo); 22 cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch (02 khách sạn và 20 nhà nghỉ); 02 Công ty du lịch lữ hành; trên 100 nhà hàng, cơ sở mua sắm, cửa hàng lưu niệm; đón gần 80.000 lượt khách du lịch/năm, phục vụ 180.000 ngày khách.

Dịch vụ du lịch có nhiều khởi sắc, cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng, chất lượng dịch vụ được nâng cao; số lượng khách thăm quan tăng bình quân hàng năm 7,8%, doanh thu ước đạt 180 tỷ đồng/năm.

Thực trạng khách du lịch

Hiện nay, khách du lịch đến với khu vực chủ yếu như sau :

- Khách hành hương đến với các di tích thờ Mẫu như Đền Phó Cát, Đền Bù với đặc điểm :

+ Lượng khách nhiều tập trung vào mùa lễ hội đầu xuân.

+ Các đối tượng khách trung tuổi và người già, từ các tỉnh xa.

+ Thường đi theo đoàn khoảng 15-30 người với phương tiện ô tô du lịch hoặc đoàn từ 3-5 người đi theo phương tiện ô tô cá nhân.

- Khách đến tham quan và tắm tại Thác Voi :

+ Lượng khách tập trung vào mùa mưa từ tháng 7-11 hằng năm.

+ Đối tượng khách thường là học sinh, thanh niên quanh khu vực.

⁴Toàn huyện có 109 trạm thu phát sóng thông tin di động, 101.140 máy điện thoại cố định và thuê bao di động, bình quân đạt 70.1 máy/100 dân, tăng 30% so với năm 2016; có 7 thuê bao internet/100 dân (tăng 5,02 thuê bao so với năm 2016).

+ Thường đi theo các đoàn từ 10-15 người là thành viên các lớp học hoặc các nhóm bạn.

- Lượng khách ước tính khoảng 10.000 khách/năm.

Thị trường du lịch

- Thị trường khách du lịch tại khu vực bao gồm hai nguồn chính :

- Khách từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc đi cầu cúng theo tín ngưỡng thờ Mẫu ;

- Khách trong huyện, trong tỉnh đi tham quan, tắm mát Thác Voi.

- Một số đoàn khách du lịch nhỏ lẻ là thanh niên đi tham quan trải nghiệm theo kiểu du lịch phượt.

2.3.3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Vân Du đến năm 2025; triển khai thủ tục lập Quy hoạch phân khu 1/2000 khu du lịch sinh thái Thác Mây, phê duyệt đề cương nhiệm vụ và lập mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500 đất ở dân cư tại 8 xã, thị trấn. Lập Đề án công nhận xã Thạch Quảng đạt đô thị loại V; triển khai thực hiện 3 chương trình phát triển đô thị Kim Tân, Vân Du, Thạch Quảng giai đoạn 2019-2030. Thực hiện thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 các khu dân cư mới tại các xã Thạch Tân, Thạch Quảng và TT Kim Tân.

Chỉ đạo các chủ đầu tư và nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đầu tư XDCB trên địa bàn huyện đảm bảo an toàn và chất lượng, tập trung các công trình trọng điểm như: kè sạt lở sông Bưởi, hồ Bai Cái - Thành Vinh. Khởi công xây dựng các công trình trọng điểm như Trung tâm Hội nghị huyện; sửa chữa nâng cấp tuyến đê bao Thạch Định, Trường THCS Thành Thọ, các công trình NTM, Chương trình 135. Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng các công trình như hồ Ngọc Hón xã Thành Tân, hồ Nước Đang, hồ Bát Mê xã Thành Công. Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch Vân Du; xây dựng kéo dài hệ thống đường ống của nhà máy nước sạch TT Kim Tân góp phần nâng tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch, đến nay tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch đạt 30%.

Chỉ đạo các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sửa chữa nhà ở giai đoạn II cho các hộ gia đình có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Giai đoạn 2016-2020, đã có 337 công trình, dự án trên các lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư nâng cấp với tổng số vốn 5.369 tỷ đồng, chiếm 48,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 1.611 tỷ

đồng, chiếm 30%, (gồm 83 công trình giao thông, 39 công trình thủy lợi, 35 công trình trường học, 28 công trình văn hóa, 10 công trình y tế, 26 công trình trụ sở, nhà làm việc); vốn doanh nghiệp 3.758 tỷ đồng, chiếm 70% (gồm 88 công trình hạ tầng kinh tế do doanh nghiệp đầu tư)... Nhiều dự án quan trọng đã hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa đạt 83,2%.

Về du lịch, đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng bên bãi tuyến du lịch đường sông; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật tại khu du lịch, đầu tư lắp dựng biển chỉ dẫn đến các địa điểm tham quan du lịch, mua sắm, làng nghề; xây dựng hệ thống bảng giới thiệu về di tích, danh thắng tại khu du lịch trọng điểm của huyện.

2.4. Hiện trạng hành chính, dân cư và phân bố đô thị - nông thôn.

2.4.1. Hiện trạng đơn vị hành chính

- Sau NQ 786/2019/NQ-UBTVQH14 của UB THƯỜNG VỤ quốc hội khóa 14. Huyện THẠCH THÀNH có 25 đơn vị hành chính (2 thị trấn & 23 xã); 199 thôn bản, khu phố.

- Các xã phân vùng khá rõ: 9 xã vùng Thạch (hữu ngạn sông Bưởi) và 16 xã vùng Thành (tả ngạn sông Bưởi).

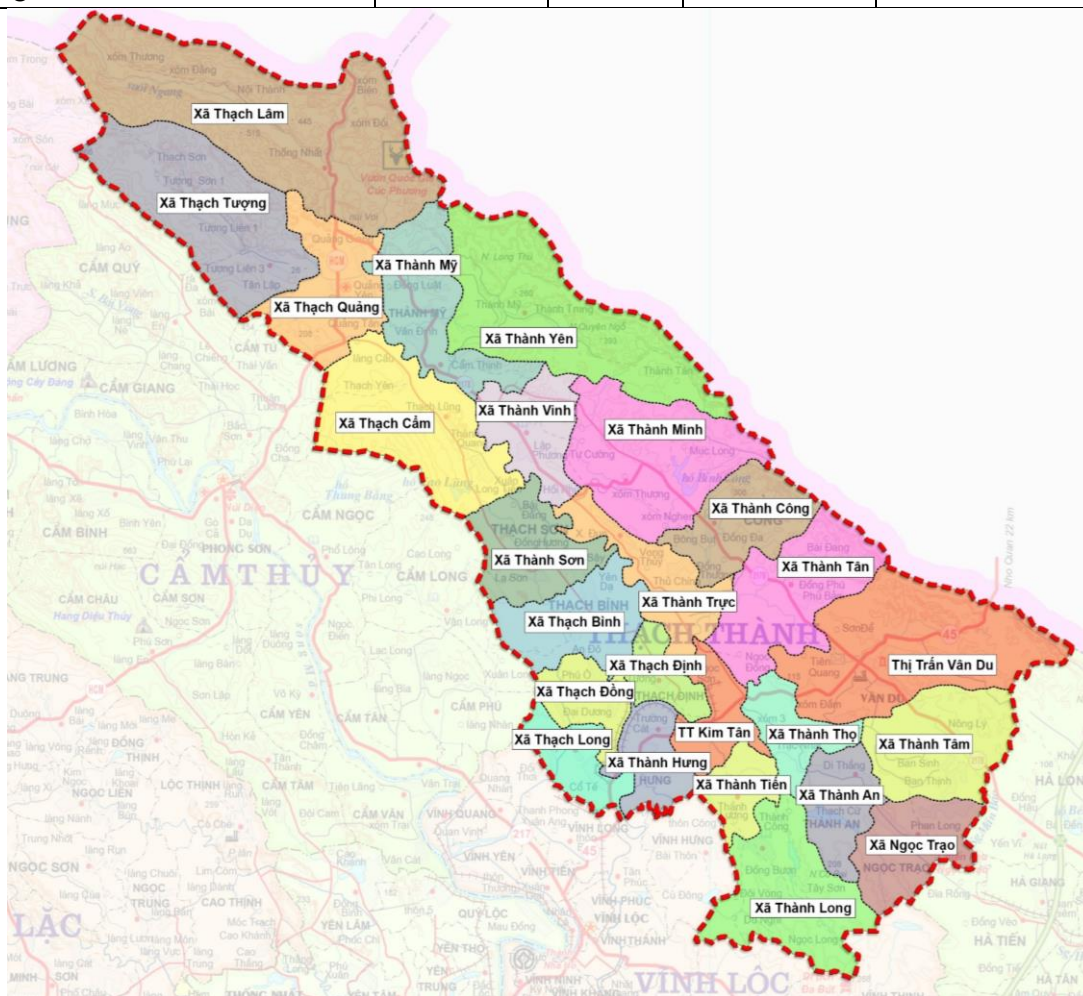
Hiện trạng các đơn vị hành chính huyện Thạch Thành

Nguồn: Niên giám thống kê – cục thống kê Thanh Hóa - 2020

	Số lượng thôn, bản, khu phố	Diện tích (Km²)	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km²)
TỔNG SỐ	199	559,22	145.046	259,4
Thị Trấn Kim Tân	16	10,77	11.255	1.045,1
Thị Trấn Vân Du	13	44,48	9.225	207,4
Xã Thạch Lâm	6	65,21	2.813	43,1
Xã Thạch Quảng	11	20,35	6.918	339,9
Xã Thạch Tượng	5	37,99	3.687	97,0
Xã Thạch Cẩm	9	33,29	8.787	264,0
Xã Thạch Sơn	6	16,95	6.916	408,1
Xã Thạch Bình	15	20,41	8.258	404,7
Xã Thạch Định	6	6,19	3.517	568,4
Xã Thạch Đồng	7	9,37	4.773	509,6
Xã Thạch Long	6	10,45	4.862	465,1
Xã Thành Mỹ	7	22,64	5.104	225,5
Xã Thành Yên	5	44,24	3.176	71,8

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

Xã Thành Vinh	8	14,94	6.093	407,8
Xã Thành Minh	12	33,65	8.883	263,9
Xã Thành Công	6	17,62	4.376	248,4
Xã Thành Tân	9	26,43	6.698	253,4
Xã Thành Trực	7	15,39	5.569	362,0
Xã Thành Tâm	11	23,17	6.194	267,4
Xã Thành An	5	12,54	3.232	257,8
Xã Thành Thọ	7	10,89	5.235	480,9
Xã Thành Tiến	6	8,37	4.217	503,8
Xã Thành Long	5	27,15	6.586	242,6
Xã Thành Hưng	6	9,99	4.692	469,6
Xã Ngọc Trạo	5	16,76	3.980	237,4



Bản đồ hiện trạng các đơn vị hành chính huyện Thạch Thành

2.4.2. Hiện trạng phân bố, phát triển đô thị:

Hiện nay trên địa bàn huyện có 2 thị trấn là đơn vị mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Thị trấn Kim Tân là trung tâm chính trị, văn hóa xã hội của huyện Thạch Thành, với những ngành nghề chủ yếu như: Công

ng nghiệp, dịch vụ, thương mại, quy mô đô thị là 149,6 ha, khoảng 11.480 người; Thị trấn Vân Du là đô thị công nghiệp, tuy nhiên chưa khai thác hết tiềm năng thế mạnh. Ngoài nhà máy đường Việt – Đài thì hệ thống hạ tầng công nghiệp chưa hình thành và phát triển.

Theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014, huyện Thạch Thành đến năm 2020 có 3 đô thị: Thị trấn Vân Du; thị trấn Kim Tân; đô thị Thạch Quảng.

Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt: 19,1% (bao gồm cả khu vực đô thị Thạch Quảng), cao nhất so với các huyện trong tiểu vùng phía Bắc của tỉnh (Hà Trung: 8,3%; Vĩnh Lộc: 9,4%; Hậu Lộc: 6,9%; Thạch Thành: 10%). Tuy nhiên cơ bản là do sát nhập xã Thành Kim vào TT Kim Tân và xã Thành Vân vào thị trấn Vân Du.

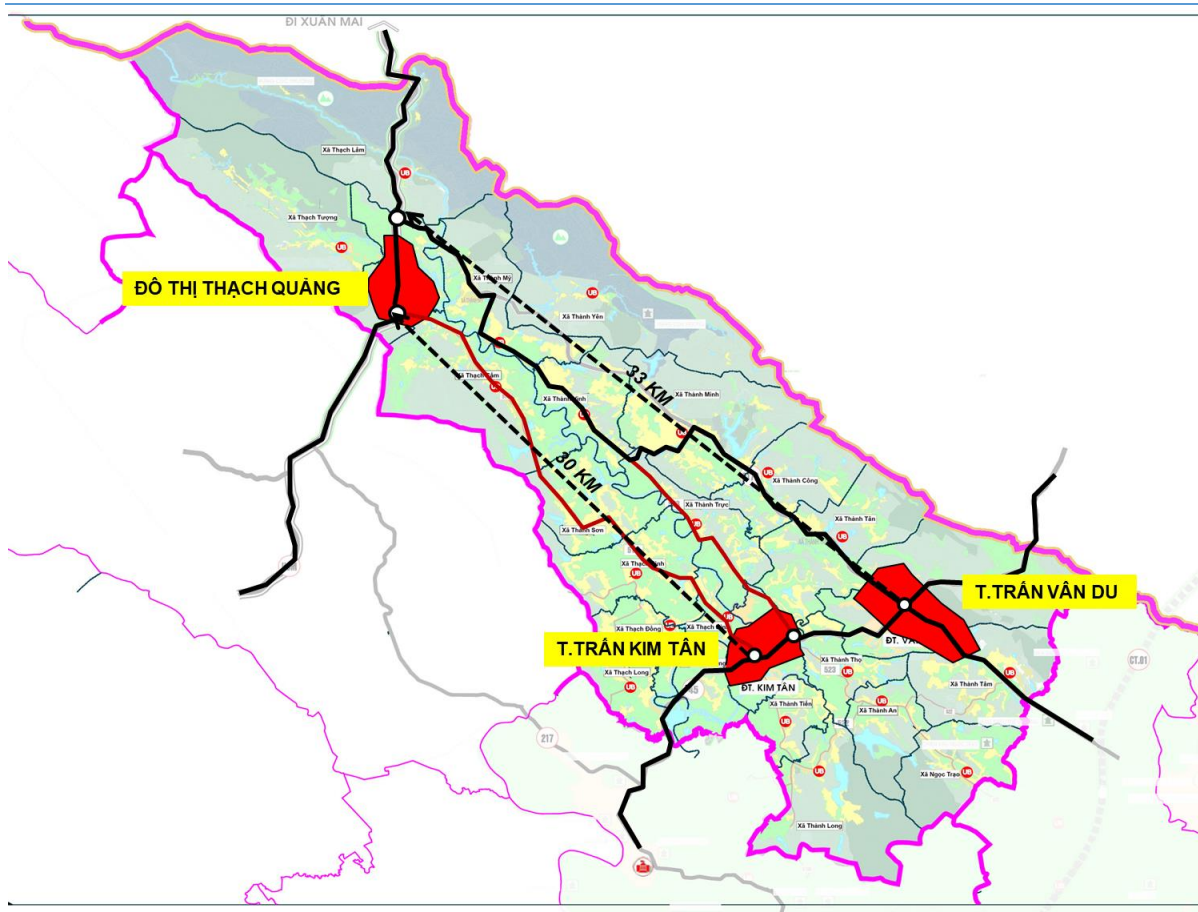
+ Xây dựng đề án công nhận xã Thạch Quảng đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, điều chỉnh quy hoạch chung 03 đô thị, lập quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Vân Du và quy hoạch khác phục vụ mở rộng phát triển đô thị.

*** Nhận xét:**

+ Ngày 16/10/2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, đã thực hiện: Nhập toàn bộ 9,27 km² diện tích tự nhiên, 6.573 người của xã Thành Kim vào thị trấn Kim Tân. Sau khi sát nhập, thị trấn Kim Tân có diện tích: 10,76 km² và quy mô dân số: 10.623 người; Nhập toàn bộ 40,72 km²; 6.237 người của xã Thành Vân vào thị trấn Vân Du. Sau khi sát nhập thị trấn Vân Du có diện tích: 44,52 km², và 9.162 người.

Nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, các khu dân cư đô thị mới được hình thành, bộ mặt đô thị từng bước văn minh, hiện đại; kinh tế khu vực đô thị duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân đạt 19%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển nhanh và đa dạng, chất lượng cuộc sống đô thị không ngừng được nâng cao.

Tuy nhiên, còn một số vấn đề như sau: Việc phân bố đô thị trên địa bàn huyện nay đang tập trung về phía Đông Nam (thị trấn Kim Tân, thị trấn Vân Du) gần với QL.45 và QL.217, và đô thị Thạch Quảng phía Tây Bắc gần với đường Hồ Chí Minh. Xét tổng thể địa hình bị chia cắt bởi hệ thống sông Bưởi thành 2 vùng Bắc Nam, giao thông chính dọc 2 bên sông (Quốc lộ 217B bên tả sông, tỉnh lộ 516 bên hữu sông), Khoảng cách từ đường HCM và QL 45 khoảng 30km chưa có định hướng đô thị, là trung tâm tiểu vùng cụm xã để tạo sức hút, động lực phát triển khu vực giữa huyện. Cần có nghiên cứu, bổ sung đô thị trên địa bàn huyện, đảm bảo yêu cầu phát triển là trung tâm cụm xã. Đảm bảo tăng tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện



2.4.3. Hiện trạng phát triển nông thôn:

Sau Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa. Toàn huyện có 23 đơn vị cấp xã trực thuộc, chiếm phần lớn trong cơ cấu diện tích, dân số toàn huyện, các khu dân cư ngành một thay đổi theo hướng tích cực, bình quân mỗi xã có 6 – 7 điểm dân cư, phân bố gắn liền với đồng ruộng tiện cho sản xuất nông lâm nghiệp.

Công tác xây dựng Nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực, huy động các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới được 972,7 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 301,7 tỷ đồng, đến nay toàn huyện có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Thạch Tân (cũ), Thành Hưng, Thành Vân (cũ), Thạch Bình, Thành Kim (cũ), Thành Tâm, Thành An, Thành Trục, Thạch Định, Thành Long); số thôn được công nhận đạt chuẩn là 113 thôn, có 02 thôn được công nhận đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2020, bình quân cấp xã đạt 17/19 tiêu chí, cấp thôn đạt 13/14 tiêu chí.

Nhà ở dân cư cơ bản không còn nhà tạm, tỷ lệ nhà ở kiên cố khang trang đạt 65%, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt trên 65%; 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình OCOP (*chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm*, gồm 6 ngành hàng: thực phẩm, đồ uống, thảo dược, vải và may mặc, lưu niệm – nội thất – trang trí; dịch vụ du lịch nông thôn), tiên hành đánh giá phân hạng về đề nghị tỉnh công nhận 02 sản phẩm OCOP. Thực hiện tốt công tác phát triển

kinh tế hợp tác xã và xây dựng mô hình trang trại, Trong 5 năm (giai đoạn 2016-2020) phát triển 83 trang trại hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng tổng số trang trại trên địa bàn huyện lên 46 trang trại đạt chuẩn theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và 37 HTX nông nghiệp.

Một số xã đã hình thành khu trung tâm hoặc cụm dân cư phát triển theo quy hoạch, thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi, buôn bán, dịch vụ phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Tuy nhiên, do được hình thành từ lâu đời nên mang đậm tính chất làng xóm của nông thôn miền núi (kiến trúc nhà sàn, chuồng trại phía dưới,...), theo hướng tùy thích hoặc theo phong tục nên về mặt mỹ quan chưa đạt, ảnh hưởng đến môi trường khu dân cư.

Những năm gần đây, được sự quan tâm của các ngành, các cấp, kinh tế - xã hội khu vực nông thôn đã có những bước phát triển, cơ sở hạ tầng được khang trang hơn, môi trường vệ sinh hơn, bộ mặt nông thôn đang dần được đổi mới.

2.5. Hiện trạng sử dụng đất & quản lý đất đai.

2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Bảng Hiện trạng đất đai năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	55.921,73
1	Đất nông nghiệp	46.373,55
1.1	Đất trồng lúa	6.051,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>5.201,11</i>
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>850,34</i>
	<i>Đất lúa nương</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	6.915,92
1.3	Đất trồng cây lâu năm	4.697,52
1.4	Đất rừng phòng hộ	6.099,50
1.5	Đất rừng đặc dụng	4.319,39
1.6	Đất rừng sản xuất	17.678,43
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	336,63
1.8	Đất làm muối	
1.9	Đất nông nghiệp khác	274,70
2	Đất phi nông nghiệp	8.575,38
2.1	Đất quốc phòng	28,93
2.2	Đất an ninh	0,48
2.3	Đất khu công nghiệp	5,64
2.4	Đất khu chế xuất	
2.5	Đất cụm công nghiệp	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	15,41

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	89,44
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	124,94
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.750,22
-	Đất giao thông	1.794,55
-	Đất thủy lợi	742,22
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	44,41
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	10,12
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	86,10
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	59,62
-	Đất công trình năng lượng	2,80
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,99
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	0,27
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	
-	Đất chợ	9,15
2.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	9,62
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	8,71
2.13	Đất ở tại nông thôn	3.404,67
2.14	Đất ở tại đô thị	417,28
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	22,86
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	2,54
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	5,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	232,73
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5,39
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,46
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	3,16
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	948,88
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	498,44
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,56
3	Đất chưa sử dụng	972,79

Nguồn số liệu: Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Thạch Thành)

* Nhận xét: Là huyện có diện tích tự nhiên lớn nhất: 559,2 km² trong vùng phía Đông Bắc, gấp 2,3 lần huyện Hà Trung (Hà Trung: 243,7 km²; Vĩnh Lộc: 157,7 km²; Thạch Thành: 157,8 km²; Hậu Lộc: 143,7 km²; Bim Sơn: 63,9 km²)

Với điều kiện phong phú về tài nguyên đất đai (tài nguyên rừng, đất đai bằng phẳng). Thạch Thành có tiềm năng, lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ gắn với vùng nguyên liệu.

2.5.2. Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng đất:

Là một huyện chủ yếu sản xuất nông nghiệp trên 80% nông dân sống dựa vào nông nghiệp, trong khi các giá trị của ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu kinh tế. Với diện tích đất nông nghiệp, huyện đã đạt được những thành tựu đáng kể góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế toàn huyện.

Quỹ đất đai của huyện được sử dụng tương đối triệt để, phù hợp với tiềm năng đất đai. Diện tích đất đang sử dụng cho các mục đích là 54.949,22 ha chiếm 98,26% diện tích tự nhiên. Các cơ sở hạ tầng phục vụ cho đời sống của nhân dân (giao thông, công trình văn hoá, giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao...) chưa hoàn thiện nên chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của huyện. Nguồn nguyên liệu khoáng sản, lâm sản hạn chế nên chưa đáp ứng được nguồn nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động.

2.6. Hiện trạng hạ tầng xã hội:

2.6.1. Trung tâm hành chính, chính trị.

Trung tâm hành chính, chính trị của huyện (bao gồm: Huyện Ủy; Hội đồng nhân dân & UBND huyện; Viện Kiểm sát; Tòa án – đội thi hành án; Bộ chỉ huy quân sự huyện; Công an; Kho bạc; Chi cục thuế. ...) tập trung tại thị trấn Kim Tân, hình thành cùng với lịch sử phát triển của huyện, trên trục QL.45.

Các công trình hầu hết mới được đầu tư xây dựng quy mô lớn, khang trang, vị trí hiện tại của các công trình tương đối hợp lý, phù hợp với sự phát triển của đô thị, là trung tâm giao thương đối nội, đối ngoại của huyện. Hình thức kiến trúc và màu sắc tương đối hài hòa, đảm bảo sự gần gũi nhưng vẫn trang nghiêm đối với công trình công sở.

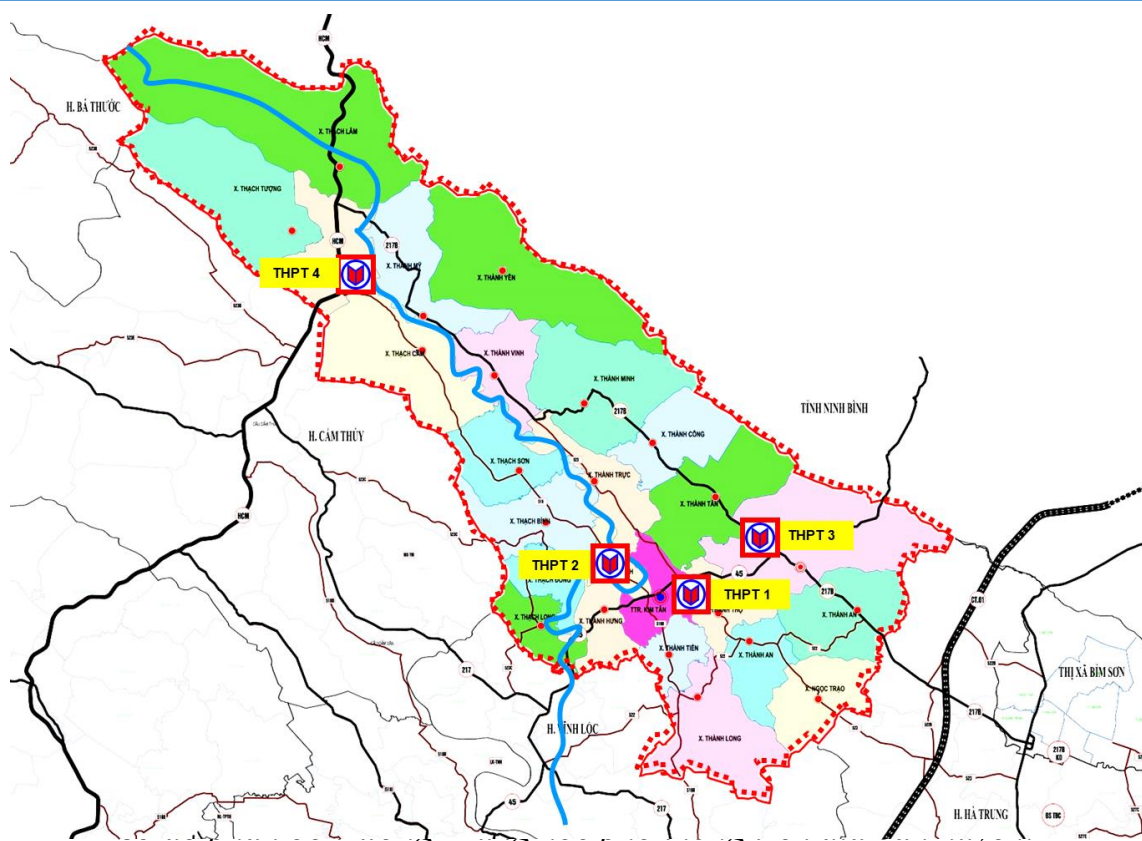
Các công trình công sở các xã về cơ bản cũng mới được đầu tư khang trang hiện đại, quy mô đảm bảo; một số các công trình công sở các xã quy mô nhỏ, có khả năng mở rộng trên cơ sở vị trí hiện nay.

2.6.2. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Hệ thống trường trung học phổ thông:

Trên địa bàn huyện có 04 trường THPT:

- Trường THPT Thạch Thành I, vị trí tại xã Thành Thọ, nằm trên tuyến đường tỉnh 523. Là ngôi trường với hơn 45 năm lịch sử hình thành và phát triển.
- Trường THPT Thạch Thành II, xã Thạch Định.
- Trường THPT Thạch Thành III, vị trí xã Thành Vân (nay đã sát nhập vào thị trấn Vân Du), nằm trên tuyến Quốc lộ 217B.
- Trường THPT Thạch Thành IV, vị trí xã Thạch Quảng.



b) Cấp trường từ Tiểu học đến Trung học cơ sở:

Huyện có tổng số 60 trường học từ cấp tiểu học đến phổ thông cơ sở, trong đó: trường tiểu học có 31 trường/25 đơn vị hành chính, trường THPT có 27 trường/25 đơn vị hành chính. Trong những năm qua đã thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng và thực hiện đề án điều chỉnh, quy hoạch mạng lưới trường lớp và nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới phương pháp quản lý. Xây dựng mới 59 phòng học và đạt chuẩn quốc gia.

Năm học 2017-2018, Trường THPT Thạch Thành I đứng thứ 5/104 trường toàn tỉnh; Năm học 2018-2019 Trường THPT Thạch Thành I thứ 10/104, Trường THPT Thạch Thành III đứng thứ 28/104, Trường THPT Thạch Thành II đứng thứ 31/104; Trường THPT Thạch Thành IV đứng thứ 36/104 trường toàn tỉnh (*nguồn báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Thạch Thành lần thứ XXV*)

* Nhận xét: Phân bố các cơ sở HTXH Thạch Thành khá hợp lý. Tuy nhiên khu vực các xã phía Tây chưa có cơ sở Y tế cấp vùng

Do địa hình, giao thông, dân cư phân tán đặc trưng của huyện miền núi (*bị chia cắt thành 2 vùng Bắc sông Bưởi và Nam Sông Bưởi, hệ thống giao thông liên kết 2 vùng còn khó khăn*). Các khu vực phía Tây đường Hồ Chí Minh và vùng giữa Quốc lộ 45 và đường Hồ Chí Minh, còn thiếu trường học, khoảng cách từ các xã đến trường học rất xa.

Trong thời kỳ tới cần phải rà soát, sắp xếp, bổ sung lại cơ sở giáo dục cấp vùng, đảm bảo quy mô, tiêu chuẩn, phạm vi phục vụ, nhằm sử dụng hiệu quả nguồn

lực để đầu tư trường học hiện đại nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Hiện trạng các cơ sở Giáo dục huyện Thạch Thành

Nguồn số liệu: Niên giám thống kê – cục thống kê Thanh Hóa 2020

Số trường học (Trường)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	64	62	62	60	60
Tiểu học	35	33	33	31	31
Công lập	35	33	33	31	31
Ngoài công lập	-	-	-	-	0
Trung học cơ sở	29	29	29	27	27
Công lập	29	29	29	27	27
Ngoài công lập	-	-	-	-	-
Phổ thông cơ sở^(*)	-	-	-	2,00	2
Công lập	-	-	-	2,00	2
Ngoài công lập	-	-	-	-	-
Số lớp học (Lớp)	642	649	647	711	732
Tiểu học	422	428	426	483	496
Công lập	422	428	426	483	496
Ngoài công lập	-	-	-	-	-
Trung học cơ sở	220	221	221	228	236
Công lập	220	221	221	228	236
Ngoài công lập	-	-	-	-	-

^(*)Trường phổ thông cơ sở là trường ghép giữa tiểu học và trung học cơ sở, có từ lớp 1 đến lớp 9.

2.6.3. Hiện trạng hệ thống Y tế.

a/ Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành:

Bệnh viện mới được xây dựng trên tổng diện tích 21.600 m² với quy mô 151 giường bệnh, trên địa bàn thôn Đồng Khanh (xã Thành Thọ). Các hạng mục chính của bệnh viện được xây dựng gồm: khoa khám bệnh, xét nghiệm, quản lý hành chính; nhà điều trị nội trú; khoa cấp cứu, phẫu thuật, gây mê, hồi sức; khoa dược, khoa chống nhiễm khuẩn; khoa dinh dưỡng và các hạ tầng kỹ thuật như: nhà trực, gara, sân nền, cổng hàng rào, sân đường nội bộ ... Đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trong huyện.

b/ Các cơ sở y tế: Trên địa bàn huyện có 28 trạm y tế xã, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp với tổng số giường bệnh khoảng 140 giường. Các cơ sở trạm y tế xã, thị trấn cơ bản đã được nâng cấp, xây dựng mới.

c/ Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được được nâng lên. Hoàn thành xây dựng 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; đã ứng dụng thành công một số kỹ thuật mới tại bệnh viện tuyến huyện, Bệnh viện Đa khoa và Trung tâm Y tế huyện được xếp hạng là đơn vị sự nghiệp y tế công lập hạng 2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 12%; tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 98%; 100% trạm y tế xã, thị trấn có Bác sỹ; đến nay toàn huyện có 8,8 bác sỹ/01 vạn dân, tăng 1,9 bác sỹ/01 vạn dân và có 30,7 giường bệnh/01 vạn dân, tăng 8,4 giường bệnh/01 vạn dân so với năm 2015. Công tác phòng chống dịch bệnh được tăng cường, không để dịch bệnh lớn xảy ra.

Hiện trạng các cơ sở Y tế huyện Thạch Thành

Nguồn số liệu: Niên giám thống kê – cục thống kê Thanh Hóa 2020

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Cơ sở y tế	30	30	30	30	30
Bệnh viện	1	1	1	1	1
Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng	-	-	-	-	0
Bệnh viện da liễu	-	-	-	-	0
Nhà hộ sinh	-	-	-	-	0
Phòng khám đa khoa khu vực	1	1	1	1	1
Trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp	28	28	28	28	28
Số giường bệnh (Giường)	290	290	291	291	353
Bệnh viện	150	150	151	151	151
Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng	-	-	-	-	-
Bệnh viện da liễu	-	-	-	-	-
Nhà hộ sinh	-	-	-	-	-
Phòng khám đa khoa khu vực	-	-	-	-	-
Trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp	140	140	140	140	202

Nhận xét:

- Phân bố các cơ sở HTXH Thạch Thành khá hợp lý.
- Tỷ lệ giường bệnh/dân số thấp so với các huyện lân cận

Thạch Thành: 145.000 người. BV huyện 151 giường

+ Vĩnh Lộc: 87.000 dân, BV huyện 250 giường

+ Hà Trung: 119.000 người, BV huyện: 408 giường

+ Bim Sơn: 58.000 người. BV thị xã 265 giường

+ Nga Sơn: 142.000 người. BV huyện 254 giường

(Số liệu theo Niên Giám thống kê tỉnh Thanh Hóa năm 2020, chưa tính các bệnh viện tư nhân và y tế tuyến xã)

2.6.4. Hiện trạng văn hóa, thể thao.

Sau một thời gian triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), cùng với các tiêu chí khác, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được các cấp, các ngành, địa phương trên địa bàn huyện Thạch Thành quan tâm đầu tư và ngày càng hoàn thiện. Đến nay, 100% các xã, thị trấn đã thực hiện quy hoạch đất dành cho thiết chế văn hóa cơ sở, với trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã và nhà văn hóa, sân chơi thể thao ở thôn với diện tích bảo đảm theo tiêu chuẩn.

Đầu tư nâng cấp sân vận động huyện và Trung tâm văn hóa thể dục thể thao & du lịch đạt chuẩn với số tiền gần 7 tỷ đồng; có 160/199 thôn/khu phố có NVH, khu thể thao thôn đạt chuẩn, chiếm 80,4%; có 18 Trung tâm Văn hóa xã được đầu tư xây dựng với tổng số kinh phí gần 72 tỷ đồng; có 14 cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao (04 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 04 bể bơi, 02 cơ sở võ cổ truyền, 02 CLB thể dục thẩm mỹ, thể hình; 02 phòng tập Yoga).

Hệ thống cơ sở vật chất, thiết chế văn hoá, thể thao trên địa bàn được đầu tư xây

dựng kang trang, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể thao trong nhân dân.

Huyện Thạch Thành cũng luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực phụ trách hoạt động trong hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao các cấp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò của các thiết chế văn hóa, thể thao cũng như trách nhiệm và quyền lợi của người dân trong sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao.

BIỂU CỐ SỞ HẠ TẦNG NHÀ VĂN HÓA THÔN, BẢN							
TT	Đơn vị	Nhà văn hóa đã đạt chuẩn quốc gia	Đã có nhà văn hóa nhưng chưa đạt chuẩn quốc gia			Chưa có nhà văn hóa	Ghi chú
			Xây dựng kiên cố	Đã xuống cấp cần sửa chữa nâng cấp	Tạm		
	Tổng cộng	90	42	65	1	1	
1.	Xã Thành Yên		3	2			
2.	Thạch Quảng	5	1	5			
3.	Xã Thành An	5					
4.	Xã Thành Tiến		2	4			
5.	Thành Mỹ		4	3			
6.	Thạch Tượng			5			
7.	Xã Thành Long		2	3			
8.	Thành Công			6			
9.	Thạch Long	3		3			
10.	Thạch Sơn	6					
11.	Thành Thọ	6	1				
12.	Thành Tân	4	3	1	1		
13.	Thành Tâm	1	1	9			
14.	Thành Vinh	7		1			
15.	Thạch Lâm	1	5				
16.	Thành Minh			12			
17.	Thạch Bình	12		3			
18.	TT Kim Tân	15		1			
19.	Thành Hưng	6					
20.	TT Vân Du	11		2			
21.	Ngọc Trạo		3	2			
22.	Thạch Cẩm		9				
23.	Thành Trục	2	3	2			
24.	Thạch Định	6					
25.	Thạch Đồng		5	1		1	

Trong tổng số 25 xã, thị trấn, với 199 thôn bản của huyện Thạch Thành, hiện chỉ có 01 thôn, bản chưa có nhà văn hóa (thôn Phú An, xã Thạch Đồng). Toàn huyện có 90 nhà văn hóa thôn bản đã đạt chuẩn quốc gia; 108 nhà văn hóa cấp thôn bản chưa đạt chuẩn trong đó có 42 nhà văn hóa đã được xây dựng kiên cố; 65 nhà văn hóa đã xây dựng nhưng đang xuống cấp.

Đội ngũ cán bộ, công chức văn hóa từ huyện đến xã, thị trấn và đội ngũ cán bộ thôn, khu phố luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm đối với công tác tổ chức, quản lý hoạt động văn hóa và xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát được các đơn vị, các ngành, các cấp thực hiện có hiệu quả.

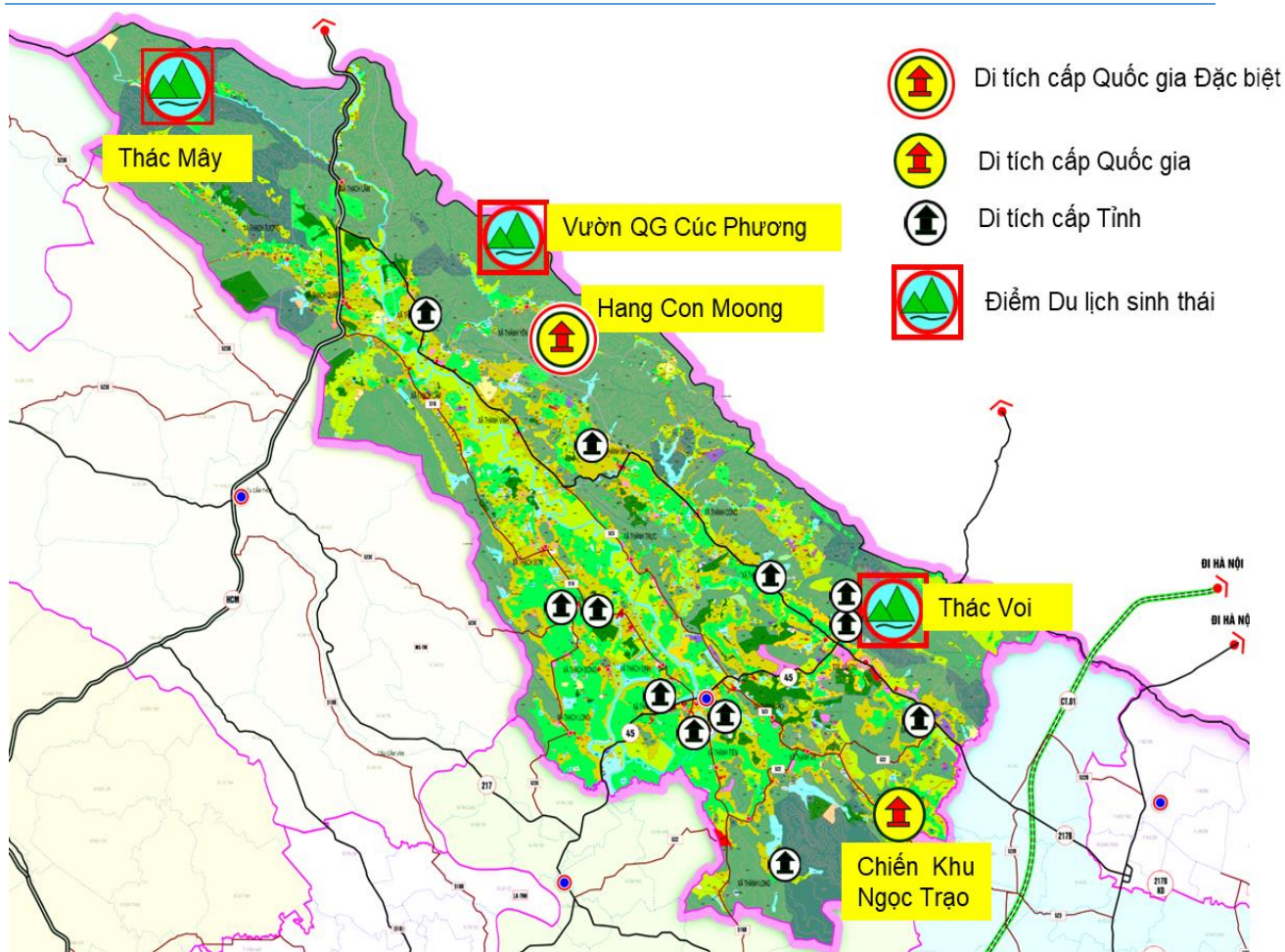
2.6.5. Hiện trạng các công trình di tích lịch sử văn hóa.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 16 di tích lịch sử văn hóa được công nhận và 78 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, bảo vệ, lưu giữ. Trong đó có 01 di tích quốc gia đặc biệt: Hang Con Moong và các di tích phụ cận (toàn tỉnh có 5 di tích quốc gia đặc biệt), 01 di tích quốc gia (Chiến khu Ngọc Trạo) và 14 di tích, cụm di tích cấp tỉnh.

Các di tích lịch sử, văn hóa huyện Thạch Thành

STT	Tên di tích	Loại hình	Địa điểm	Số QĐ	Ngày QĐ
I	Di tích Quốc Gia Đặc biệt	1			
4	Hang Con Moong và các di tích phụ cận	Khảo cổ	H. Thạch Thành	2367/QĐ-TTg	23/12/2015
II	Di tích Quốc Gia	1			
1	Chiến khu Ngọc Trạo	LSCM	X. Ngọc Trạo	921/ QĐ - BTBVH	20/07/1994
III	Di tích cấp tỉnh	14			
1	Đền Tam Thánh	KTNT	Xã Thạch Bình	3025/QĐ-UBND	14/09/2012
2	Đền Thánh Mẫu	LSVH	xã Thạch Bình	345/QĐ-UBND	30/01/2015
3	Đình Vân Đội (Mường Đòn)	LSVH	Xã Thành Mỹ	3024/QĐ-UBND	14/09/2012
4	Phổ Cát (Hệ thống đền, hang động, thác, núi non, hồ và rừng cảnh quan)	Thắng cảnh	TT Vân Du	410/QĐ-UBND	31/01/2013
5	Chùa Vĩnh Phúc	LSVH	Xã Thành Tân	2382/QĐ-UBND	30/08/2006
6	Đền Cô Luồng	LSVH	TT Kim Tân	4092/QĐ-UBND	09/12/2011
7	Đền Chúa Thượng	LSVH	TT Vân Du	4787/QĐ-UBND	31/12/2013
8	Nghè Đồi Sao	LSVH	xã Thành Long	345/QĐ-UBND	30/01/2015
9	Đình Sồi	LS	Xã Thành Minh	180/QĐ-UBND	15/01/2016
10	Đền Tự Cường	LS	Xã Thành Minh	180/QĐ-UBND	15/01/2016
11	Nghè và Mộ Tướng quân Lê Phúc Hồng, Lê Phúc Quý	LS	Xã Thành Hưng	264/QĐ-UBND	20/01/2017
12	Đền thờ Bà Chúa Bạch	DTLS	TT Vân Du	410/QĐ-UBND	25/01/2019
13	Đình Cây Truong	DTLS	Xã Thành Minh	354/QĐ-UBND	22/01/2020
14	Đền Giếng Đá	DTLS	Xã Thành Tâm	354/QĐ-UBND	22/01/2020

Năm 2008 - 2009, hang Con Moong được đào kiểm tra, nghiên cứu tổng thể và khảo sát các di tích phụ cận, chuẩn bị tư liệu cho việc xây dựng Hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.



Sơ đồ phân bố các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn huyện

2.6.6. Hiện trạng các công trình thương mại, dịch vụ.

Trên địa bàn huyện hiện nay có tổng 25 chợ (có 21/25 đơn vị hành chính có chợ), gồm 01 chợ hạng 1 là chợ đầu mối phân luồng & 24 chợ hạng 3, phục vụ dân sinh. Trong đó: 02 chợ nằm trên địa phận hành chính: thị trấn Kim Tân, thị trấn Vân Du, xã Thạch Bình, xã Thành Minh (một phần do sát nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH14); 04 xã hiện nay chưa có chợ dân sinh: Thạch Định, Thành An, Thành Tiến & Thành Hưng.

Huyện Thạch Thành đã tăng cường thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh doanh thương mại - dịch vụ; tiếp tục chuyển đổi mô hình kinh doanh gắn với đầu tư nâng cấp hệ thống chợ dân sinh, xây dựng chợ và cửa hàng an toàn thực phẩm, chợ đầu mối; Hạ tầng kinh doanh thương mại - dịch vụ được tăng cường đầu tư; thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác gắn với đầu tư xây dựng mới được 10 chợ (gồm các chợ: TT Kim Tân, Thành Kim, Thạch Bình, Thạch Sơn, Thạch Cẩm, Phó Cát, Vân Du, Thành Tâm, Thành Long...), 23 cửa hàng đảm bảo tiêu chí an toàn thực phẩm; xây dựng 03 siêu thị, các khu dịch vụ thương mại tổng hợp, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ.

Thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh khai thác chợ Tiên Hương, xã Thành Tân, chợ Tây Hương, xã Thành Mỹ. Tổ chức ra quân giải phóng lòng, lề đường, xóa bỏ chợ tạm, chợ tự phát tại xã Thạch Cẩm, Thạch Quảng, Thành Tâm và TT Kim Tân.

2.6.7. Hiện trạng phát triển Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

* Khu công nghiệp Thạch Quảng (xã Thạch Quảng) có quy mô quy hoạch 140 ha, đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số: 3401/QĐ-UBND ngày 01/10/2013. Nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh về phía Bắc của tỉnh Thanh Hóa, nhằm tập trung thu hút các dự án chế biến lâm, nông sản; sản xuất vật liệu xây dựng; hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Hiện khu công nghiệp chưa được đầu tư kết cấu hạ tầng.

Theo QH tỉnh Thanh Hóa Thạch Thành có

1 Khu CN : 140ha (KCN Thạch Quảng)

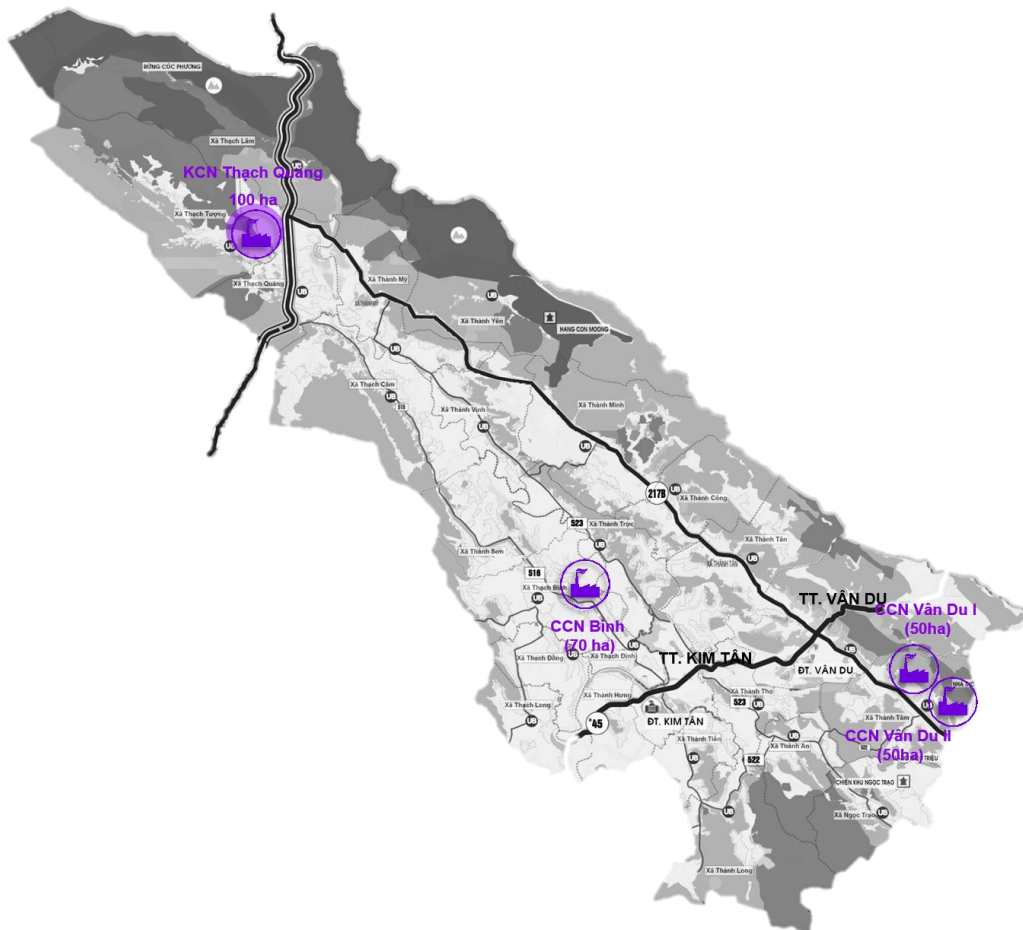
03 Cụm CN: tổng diện tích 170ha

Cụm CN Vân Du I: 50 ha

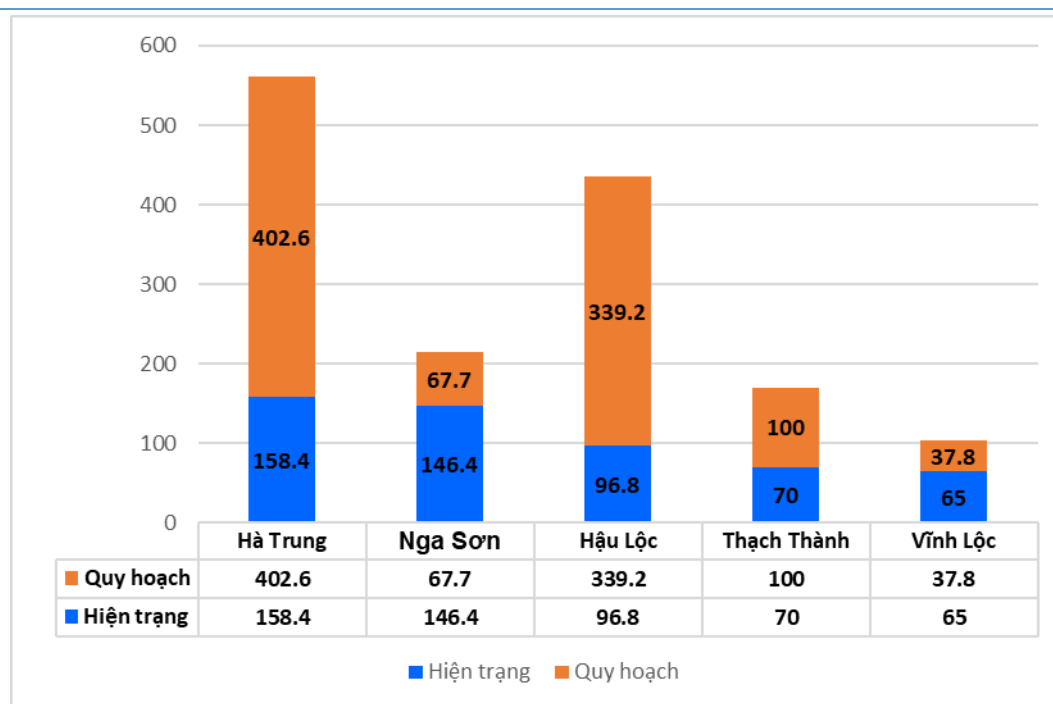
Cụm CN Vân Du II: 50 ha

Cụm CN Thạch Bình: 70 ha

- Cụm Công nghiệp Vân Du (thị trấn Vân Du) quy mô 50 ha, đã có nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ lấp đầy: 27%.



Sơ đồ phân bố hiện trạng các Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện



Biểu đồ so sánh diện tích đất Công nghiệp các huyện vùng liên huyện số 3

(Nguồn số liệu: QH tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045,

Hồ sơ đang trình Bộ Kế hoạch đầu tư 8/2021)

* Đánh giá:

Huyện Thạch Thành được xác định cùng với thị xã Bỉm Sơn là cụm động lực phát triển phía Bắc của tỉnh. Là huyện miền núi của tỉnh, tuy nhiên quỹ đất bằng phẳng, thuận lợi xây dựng khá lớn, với nhiều hệ thống giao thông Quốc lộ, tỉnh lộ đi qua (QL.217B, QL.45, Đường Hồ Chí Minh, ĐT. 516, ĐT.522, ĐT.523, ĐT.523C), Tuy nhiên, các cụm công nghiệp chưa tận dụng khai thác hết được lợi thế và tiềm năng của huyện. Đất vùng Thành Tâm – Vân Du thuận lợi hơn rất nhiều đất vùng Hà Long; Bỉm Sơn: Thuận lợi về đất bằng, liền thửa, về giao thông, thuận lợi về nguồn nước; thuận về địa chất, và các vấn đề khác về di sản văn hóa; AN QP).

Định hướng phát triển đất dành cho Công nghiệp của huyện Thạch Thành thấp. Trong QH này sẽ đề xuất bổ sung thêm các Cụm Công nghiệp gắn với hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh (QL217B)

2.7. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

2.7.1. Hiện trạng giao thông:

- Quốc lộ:

+ Đường Hồ Chí Minh: kết nối theo hướng Bắc – Nam, qua các xã Thạch Lâm, Thạch Quảng (phía Tây huyện) với chiều dài qua huyện khoảng 13,5 km.

+ Quốc lộ 45: kết nối Bắc – Nam (tỉnh Ninh Bình – h. Thạch Thành – h. Vĩnh

Lộc - Thiệu Hóa – QL.47B) đoạn qua huyện có chiều dài khoảng: 21,0 km.

+ Quốc lộ 217B: Kết nối theo hướng Đông – Tây từ đường Hồ Chí Minh (h. Thạch Thành) – Hà Long (Hà Trung) – thị xã Bỉm Sơn, chiều dài qua huyện khoảng: 40,5 km.

- *Hệ thống đường tỉnh:*

+ Đường tỉnh 516: kết nối Tây Bắc – Đông Nam: Nối đường HCM với QL.45 chiều dài khoảng 23,8 km;

+ Đường tỉnh 516B: Nối TT Kim Tân – xã Thành Long – xã Vĩnh Hùng (Vĩnh Lộc) chiều dài đoạn qua huyện khoảng 10,1 km;

+ Đường tỉnh 522: kết nối Đông Bắc – Tây Nam: nối QL.217B với QL.217, đoạn qua huyện chiều dài khoảng 14,6 km.

+ Đường tỉnh 523: Thành Minh – Thành Thọ – xã Ngọc Trạo - h. Hà Trung, chiều dài qua huyện khoảng: 23,5 km.

+ Đường tỉnh 523C, kết nối phía Tây Nam (QL.217 (xã Cẩm Ngọc) – x. Thạch Bình – Thạch Long), đoạn qua huyện chiều dài khoảng: 10,4 km.

- *Hệ thống đường huyện, đường xã:* Tổng chiều dài đường huyện 76km; đường xã 242,76km (có phụ lục kèm theo)

- *Hiện trạng bến thủy nội địa:*

Theo định hướng QH GT toàn tỉnh và định hướng QH tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045. Trên sông Bưởi thuộc huyện Thạch Thành có 3 bến thủy nội địa tại: Kim Tân; Cổ Tế và cầu Công. Tuy nhiên hiện nay, các bến này chưa được hình thành.

Hiện trạng bến xe: Hiện nay, tại Thạch Thành có bến xe Kim Tân, tuy nhiên chưa được xếp hạng. Thực tế, tại các khu vực nhà máy, cơ sở sản xuất lớn như khu vực Nhà máy đường Việt – Đài (TT Vân Du); nhà máy SH Vina (xã Thành Tâm), lượng xe hàng hóa và chuyên chở công nhân rất nhiều, đã hình thành các bến, bãi tự phát. Cần có quy định chi tiết hơn cho các bến này.

c) *Đánh giá chung:*

- Mạng lưới đường bộ trong huyện có hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh, hệ thống đường huyện, đường xã tạo thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh.

- Về qui mô, kết cấu đường các tuyến QL tương đối tốt so với nhu cầu thực tại.

- Còn lại tất cả các tuyến đường tỉnh, đường huyện mới đạt tiêu chuẩn cấp V và cấp VI kết cấu mặt đường là láng nhựa hoặc bê tông xi măng. Hệ thống đường giao thông nông thôn do xã quản lý cơ bản là đường loại B mặt đường bê

tông xi măng, nhựa, cấp phối.

2.7.2. Hiện trạng cấp điện:

- Nguồn điện:

Hiện nay, huyện Thạch Thành đang được cấp từ 04 nguồn điện:

- + Đường dây 376E9.5 TBA 110kV Thiệu Yên;
- + Đường dây 377E9.23 TBA 110kV Bim Sơn;
- + Đường dây 374E9.4 TBA 110kV Hà Trung;
- + Đường dây 373E9.38 TBA 110kV Cẩm Thủy (mới đưa vào vận hành tháng 9/2020).

- Lưới điện quốc gia qua huyện có các tuyến:

- + Tuyến 500km mạch 1 (Thạch Quảng): 15.02km
- + Tuyến 500KV mạch 2 (đi qua Vân Du): 15.92km
- + Tuyến 220KV qua Vân Du: 15.3km
- + Tuyến 110KV từ Bim Sơn lên Bá Thước, đoạn qua Thạch Thành 22km

- Điện lưới đã đến 25/25 xã trong huyện, 100% số thôn và 100% số hộ được sử dụng điện lưới Quốc gia.

- Nhìn chung hệ thống cơ sở điện năng đã được đầu tư nâng cấp, dần đáp ứng nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của huyện. Cần phát triển bổ sung phụ tải trong thời kỳ tới phục vụ phát triển sản xuất, điện sinh hoạt nhân dân thực hiện công nghiệp hoá nông nghiệp hiện đại hoá nông thôn.

Hệ thống điện đã cấp điện cho 100% số xã, số hộ trong huyện sử dụng điện đạt 100%, cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Hiện trạng hệ thống điện huyện Thạch Thành

Nguồn: phòng KTHT huyện Thạch Thành

TT	Đơn vị	Đang được sử dụng điện lưới quốc gia		Chưa có điện lưới quốc gia, cần được đầu tư
		Hệ thống điện kiên cố, đang sử dụng tốt	Hệ thống điện xuống cấp cần sửa chữa, nâng cấp	
	Tổng cộng	158	41	0
1.	Xã Thành Yên	5		
2.	Thạch Quảng	9	2	
3.	Xã Thành An	5		
4.	Xã Thành Tiến	4	2	
5.	Thành Mỹ	7		
6.	Thạch Tượng	3	2	
7.	Xã Thành Long	5		
8.	Thành Công		6	
9.	Thạch Long	6		
10.	Thạch Sơn	3	3	
11.	Thành Thọ	7		

12.	Thành Tân	6	3	
13.	Thành Tâm	6	5	
14.	Thành Vinh	8		
15.	Thạch Lâm	4	2	
16.	Thành Minh	2	10	
17.	Thạch Bình	14	1	
18.	TT Kim Tân	12	4	
19.	Thành Hưng	6		
20.	TT Vân Du	13		
21.	Ngọc Trạo	4	1	
22.	Thạch Cẩm	9		
23.	Thành Trục	7		
24.	Thạch Định	6		
25.	Thạch Đồng	7		

2.7.3. Hiện trạng cấp nước:

Về cấp nước đô thị:

Hiện tại trên địa bàn huyện Thạch Thành đã xây dựng 01 nhà máy cấp nước sạch tại Thị trấn Kim Tân với công suất 2000m³/ngày/đêm; trong đó công suất giai đoạn 1 đã xây dựng 1000 m³/ngày đêm. Cung cấp nước sạch cho một phần thị trấn Kim Tân và một phần xã Thành Hưng.

- Dự kiến từ nay đến hết năm 2021 sẽ xây dựng thêm 01 nhà máy cấp nước sạch tại thị trấn Vân Du, dự án đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4874/QĐ-UBND ngày 15/12/2017, Công suất thiết kế của nhà máy nước: 12.200m³/ngày đêm; trong đó giai đoạn 1 là 3000 m³/ngày đêm. Cung cấp nước sạch cho thị trấn Vân Du và xã Thành Tâm.

- Dự kiến giai đoạn 2021-2023 kêu gọi đầu tư thêm 01 nhà máy cung cấp nước sạch tại xã Thạch Quảng.

Về cấp nước Nông thôn: Đến hết năm 2020, Thạch Thành có 11 công trình cấp nước nông thôn tập trung (tự chảy) do cộng đồng quản lý, trong đó có 02 công trình không hoạt động; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93,5%, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt 43,9%).

Cấp nước công nghiệp: các cụm công nghiệp hiện nay chủ yếu là tự khoan, tự xử lý từ nguồn nước ngầm để sử dụng.

Bảng hiện trạng cấp nước sạch huyện Thạch Thành

Nguồn: phòng KTHT huyện Thạch Thành

TT	Đơn vị	Dân số hưởng lợi		Đã có công trình nước sinh hoạt tập trung		Chưa có công trình nước sinh hoạt tập trung, cần được đầu tư
		Hộ	Khẩu	Kiên cố đang sử dụng tốt	Đã xuống cấp cần sửa chữa nâng cấp	
	Tổng cộng	2.067	7.801	11	14	174
1	Xã Thành Yên					5
2	Thạch Quảng					11
3	Xã Thành An					5
4	Xã Thành Tiến					6
5	Thành Mỹ					7
6	Thạch Tượng					5
7	Xã Thành Long					5
8	Thành Công	70	290		2	4
9	Thạch Long					6
10	Thạch Sơn					6
11	Thành Thọ	630	2.569	1	2	4
12	Thành Tân	85	380		2	7
13	Thành Tâm					11
14	Thành Vinh	148	500		1	7
15	Thạch Lâm	115	423		2	4
16	Thành Minh	271	1.119		4	8
17	Thạch Bình	134	629		1	14
18	TT Kim Tân	590	1.795	9		7
19	Thành Hưng	24	96	1		5
20	TT Vân Du					13
21	Ngọc Trạo					5
22	Thạch Cẩm					9
23	Thành Trục					7
24	Thạch Định					6
25	Thạch Đông					7

2.7.4. Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động:

a) Hạ tầng bưu chính:

Trên địa bàn huyện hạ tầng Dịch vụ bưu chính viễn thông được mở rộng và nâng cao. Hiện tại có 25/25 xã đã lắp đặt Internet cáp quang. Mạng viễn thông được đầu tư đảm bảo phủ sóng trên địa bàn huyện. 100% số xã có báo đọc đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân.

Số đường dây điện thoại, internet cố định 13.246 (trong đó 549 thuê bao điện

thoại cố định; 12.697 thuê bao internet cố định). Mật độ sử dụng 2,71 hộ/ đường dây

b) Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

- Điểm phục vụ viễn thông công cộng:

Trên địa bàn huyện Thạch Thành có 31 điểm cung cấp dịch viễn thông công cộng tại các bưu cục, điểm Bưu điện- Văn hóa xã, trung tâm viễn thông huyện (trong đó 01 điểm tại bưu cục cấp II, 02 điểm tại Bưu cục cấp III, 26 điểm tại Điểm BĐ-VH xã, 01 điểm tại Trung tâm viễn thông huyện, 01 điểm tại Viễn thông Viettel) cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông đáp ứng yêu cầu phục vụ cấp ủy đảng, chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân.

- Hạ tầng kỹ thuật mạng điện thoại cố định: Chủ yếu do Viễn thông Thanh Hóa đầu tư xây dựng với 04 trạm chuyển mạch cố đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ điện thoại cố định trên địa bàn huyện

- Hạ tầng kỹ thuật mạng Internet băng thông rộng cố định: Hiện trên địa bàn huyện có 02 doanh nghiệp gồm Viễn thông Thanh Hóa, Chi nhánh Viettel Thanh Hóa đầu tư xây dựng 50 trạm truy nhập quang, cung cấp các dịch vụ Internet băng thông rộng và truyền hình qua mạng viễn thông đến 100% thôn, xóm, cụm dân cư

- Hạ tầng kỹ thuật mạng thông tin di động: Trên địa bàn có 04 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động gồm: Vinaphone; Viettel, Mobifone, VietnamMobile đầu tư xây dựng với tổng số 420 trạm BTS sử dụng công nghệ GSM.CDMA (2G.3G,4G) được lắp đặt tại 140 vị trí trên địa bàn các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ thông tin di động và Internet băng thông rộng di động.

Phụ lục vị trí xây dựng các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng; vị trí xây dựng các trạm viễn thông, vị trí xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động (*theo phụ lục số 1, số 2, số 3 kèm theo*)

- *Hạ tầng kỹ thuật mạng truyền dẫn.*

Trên địa bàn huyện có các tuyến cáp quang chôn, treo nội tỉnh đi dọc tuyến quốc lộ 45 và 217C, các tuyến đường nội tỉnh, nội huyện, và các trục đường xã đảm bảo 100% các xã, thị trấn và hầu hết các thôn, bản đã có mạng cáp quang, đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền hình trả tiền có chất lượng cao phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện.

* Đánh giá chung:

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn huyện cơ bản đã đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet băng thông rộng và Truyền hình qua mạng viễn thông. Tuy nhiên huyện Thạch thành là một huyện có địa hình đồi

núi, ảnh hưởng đến khả năng thu phát sóng thông tin di động, một số cụm dân cư ở một số xã chất lượng dịch vụ Internet băng thông rộng di động (3G; 4G) chưa cao, cần phải bổ sung xây dựng các trạm thu phát sóng thông tin di động (3G; 4G) tại các khu một số khu vực dân cư hiện hữu, các cụm công nghiệp, các khu du lịch sinh thái, khu vực dân cư mới, vùng sâu, vùng xa đáp ứng cung cấp các dịch vụ Internet băng thông rộng di động tốc độ cao

2.7.5. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:

** Thu gom và xử lý nước thải:*

Nước thải sinh hoạt: huyện Thạch Thành hiện chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Nước thải phần lớn được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống cống chung thoát ra các ao, hồ. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng xí hợp vệ sinh trên toàn huyện còn thấp.

Nước thải công nghiệp: theo thống kê trên toàn địa bàn Huyện có 03 cụm công nghiệp tuy nhiên các khu cụm, điểm công nghiệp hiện vẫn chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung. Lý do cả 3 cụm CN hiện nay đều chưa hình thành và chưa đầu hạ tầng (Cụm CN Vân Du I: 50 ha; Cụm CN Vân Du II: 50 ha; Cụm CN Thạch Bình: 70 ha), tại các cụm CN này, có một số các cơ sở sản xuất riêng lẻ đã hoạt động, các nhà máy này tự XD trạm xử lý riêng.

Nước thải y tế: hiện tại Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành đã có hệ thống xử lý nước thải, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 đơn vị thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách nhà nước là công ty CP giao thông công chính Thạch Thành, thực hiện thu gom, xử lý CTR sinh hoạt cho 03 đơn vị là xã Thành Hưng, xã Thành Thọ và thị trấn Kim Tân. Mức thu phí dịch vụ thu gom vận chuyển CTR sinh hoạt đang thực hiện trên địa bàn huyện được áp dụng theo mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt theo quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 07/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh: 98.1 tấn/ngày
- Khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý: 74.9 tấn/ngày
- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2021 ước khoảng: 17.655 tấn. Khối lượng được thu gom xử lý: 13.478 tấn.
- Tỷ lệ CTR được thu gom xử lý 76.3%, đạt 98% so với chỉ tiêu giao.
- Tỷ lệ CTR được xử lý bằng biện pháp đốt đạt 60%, trong đó:

+ 03 xã, thị trấn (xã Thành Hưng, xã Thành Thọ, thị trấn Kim Tân) xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại lò đốt quy mô cụm thuộc bãi rác Đồi Cà xã Thành Thọ;

+ Các xã, thị trấn còn lại, CTR được xử lý đốt tại bãi thu gom rác thải tập trung của xã và đốt thủ công tại các hộ gia đình.

- Tỷ lệ CTR được xử lý bằng biện pháp chôn lấp chiếm 40%.

** Chất thải rắn:*

Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Hiện trên địa bàn huyện chất thải rắn đã được thu gom và vận chuyển về khu tập kết rác thải của huyện.

+ Tại nhiều xã, một lượng lớn rác được đổ ngay ven đường, đổ trực tiếp xuống ao, hồ hay ruộng lúa. Theo quy hoạch nông thôn mới, mỗi xã đều có một vị trí tập trung CTR. CTR sinh hoạt sẽ được thu gom và tập trung về vị trí này.

Chất thải rắn công nghiệp: Việc thu gom vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn huyện đang thực hiện theo phương thức xã hội hóa. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh tự ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

Chất thải rắn y tế: Theo thống kê các cơ sở y tế trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa, hiện mỗi huyện đều đã có bệnh viện cấp huyện. Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành với quy mô khoảng 151 giường, CTR y tế đều được thu gom thực hiện phân loại CTR thông thường và CTR nguy hại riêng biệt tuy nhiên công tác phân loại CTR tại nguồn lại chưa được chú trọng. Hiện tại CTR thông thường vẫn được thu gom tập trung sau đó thu gom và vận chuyển đến bãi chôn lấp tập trung của huyện.

** Nghĩa trang:*

Huyện Thạch Thành có tổng diện tích đất nghĩa trang khoảng 232,73ha nằm rải rác tại các xã. Các nghĩa trang chủ yếu táng bằng hình thức hung táng sau chuyển qua cát táng.

Về tình hình quản lý nghĩa trang:

- Thuận lợi: Các xã nào cũng có nghĩa trang nên việc mai táng thuận tiện, nhanh chóng, đảm bảo thuần phong mỹ tục của địa phương.

- Khó khăn: Chi phí cho việc đầu tư xây dựng tường bao, rãnh thoát nước, hệ thống quản trang còn gặp nhiều khó khăn. Ý thức của một bộ phận người dân

về bảo vệ môi trường trong khi tiến hành tang lễ còn hạn chế. Hiện trong huyện cũng chưa có nghĩa trang tập trung.

2.7.6. Hiện trạng cao độ nền, thoát nước mặt:

Thạch Thành là huyện miền núi có địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt nhiều. Tổng quan địa hình nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, độ cao trung bình từ 200m đến 400m so với mặt nước biển (nơi cao nhất là 825m thuộc xã Thạch Lâm, thấp nhất là 15m thuộc xã Thành Hưng).

Bề mặt lãnh thổ bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi đá vôi, đồi cao và sông suối; xen kẽ giữa các vùng đồi núi là các thung lũng.

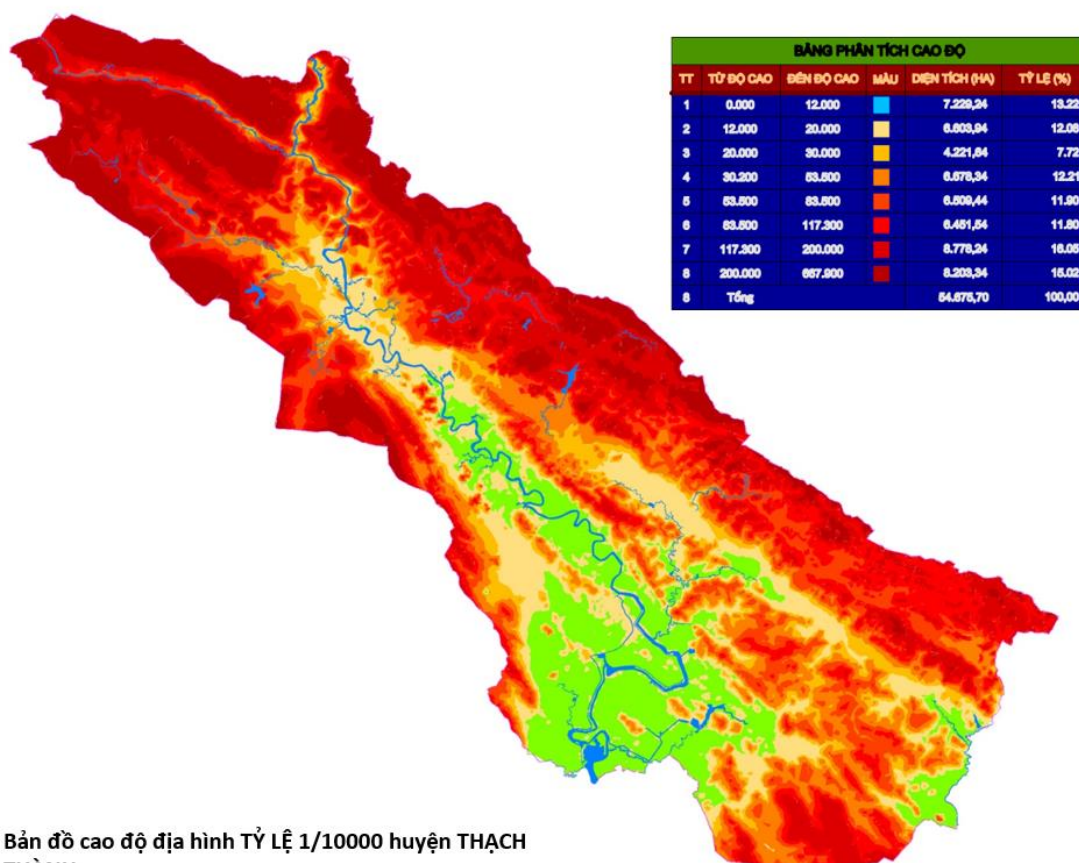
Địa bàn huyện có sông Bưởi chạy qua, chia huyện thành 2 vùng, vùng tả sông Bưởi gồm 16 xã và vùng hữu sông Bưởi có 9 xã. Nhìn chung địa hình có thể chia thành hai tiểu vùng sau:

+ Vùng núi cao: Tổng diện tích: 27.205,46 ha, chiếm 48,65% diện tích toàn huyện gồm 8 xã: Thạch Lâm, Thạch Quảng, Thạch Tượng, Thành Yên, Thành Minh, Thạch Cẩm, Thành Mỹ, Thành Vinh có địa hình phức tạp, độ dốc thường từ cấp III trở lên thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp, cây lâu năm và cây công nghiệp hàng năm....

+ Vùng đồi núi thấp và đồng bằng: Diện tích 28.716,26 ha, chiếm 51,35% tổng diện tích tự nhiên, có độ dốc thấp hơn và có nhiều thung lũng thuận lợi cho phát triển cây lúa nước, cây công nghiệp hàng năm...

Theo số liệu và bản đồ thổ nhưỡng, huyện Thạch Thành với diện tích điều tra 55.921,73 ha bao gồm các loại đất đang sử dụng vào nông nghiệp, lâm nghiệp và có khả năng nông lâm kết hợp được phân cấp độ dốc như sau:

+ Đất có độ dốc cấp I (< 30)	14.066,17 ha.
+ Đất có độ dốc cấp II (30 - < 80)	55.86,25 ha.
+ Đất có độ dốc cấp III (80 - < 120)	7.531,66 ha.
+ Đất có độ dốc cấp IV (120 - < 200)	10.371,64 ha.
+ Đất có độ dốc cấp V,VI (>200)	11.925,46 ha.



Bản đồ cao độ địa hình TỶ LỆ 1/10000 huyện THẠCH THÀNH

Diện tích đất có độ dốc dưới 120: 27.184,08 ha, chiếm 48,61% diện tích tự nhiên, là đất để phát triển nông, lâm, thủy sản, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, khu dân cư...

Diện tích đất có độ dốc từ 120 - 200: 10.371,64 ha, chiếm 18,54% diện tích tự nhiên, thích hợp cho phát triển lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày cây ăn quả, thực hiện nông lâm kết hợp...

Diện tích đất có độ dốc trên 200: 11.952,46 ha, chiếm 21,37% diện tích đất tự nhiên, phân bố cho trồng cây lâm nghiệp (chủ yếu là rừng phòng hộ).

2.7.7. Hiện trạng hệ thống thủy lợi:

Thạch Thành là huyện có số lượng hồ chứa nước hàng đầu cả tỉnh, trong đó có nhiều hồ chứa dung tích lớn và vừa, cùng hàng chục hồ, đập nhỏ.

Hệ thống đê sông Bưởi chảy qua địa bàn huyện với tổng chiều dài đê cấp IV, V khoảng 37,25. Hiện trạng cơ bản được kiên cố hóa.

- Đê hữu sông Bưởi dài: 11,260 km (Kéo dài thêm 990m giữa đê Nông trường và đê Tang Mang theo văn bản số 4223/UBND/UBND-NN ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Đê tả sông Bưởi dài: 16,580 km.

- Đê bao xã Thạch Định dài: 9,418km.

Địa hình của huyện Thạch Thành là địa hình lòng máng nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Dòng sông Bưởi chảy qua phân huyện thành 2 khu vực,

khu vực bên Thạch và bên Thành. Nếu mưa to ở thượng nguồn kết hợp với mưa to tại chỗ thì tình trạng ngập úng thường xuyên xảy ra vào mùa lũ, mặt khác chế độ thủy văn phụ thuộc nhiều vào tiêu thoát của sông Mã.

Thực tế cho thấy nếu sông Mã không tiêu thoát tốt thì vùng hạ du sông Bưởi cũng bị ngập úng, điển hình là vùng Bái trời nơi giáp ranh huyện Thạch Thành và huyện Vĩnh Lộc.

UBND tỉnh đã Phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ sông Bưởi, tỉnh Thanh Hoá (QĐ số 3639/QĐ-UBND ngày 14/11/2008). Tuy nhiên mới chỉ giải quyết được vấn đề tưới, cục bộ, xây mới, củng cố, nâng cấp một số tuyến đê, cải tạo lòng dẫn một số đoạn sông Bưởi, trồng rừng phòng hộ... cũng như nâng cao nhận thức cho nhân dân về phòng chống và sống chung lũ. Chưa có giải pháp triệt để đối với sông Bưởi.

Bảng tổng hợp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Thạch Thành

Nguồn số liệu: Nguồn số liệu: QĐ số 1895/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa công bố phân loại đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã Huyện)	W toàn bộ (10 ⁶ m ³)	Chiều cao đập Hmax (m)	Chiều dài đập L (m)
I	Hồ chứa nước lớn				
1	Hồ Vững Sú	Xã Thành Minh, huyện Thạch Thành	2.32	25	101.5
2	Hồ Bình Công	Xã Thành Minh, huyện Thạch Thành	3.54	14	294
3	Hồ Xuân Lũng	Xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành	3.26	20.4	163
4	Hồ Đồng Múc	Xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành	1.81	23.2	241
5	Hồ Đồng Ngư	Xã Thành An, huyện Thạch Thành	9.81	20.2	273.6
6	Hồ Tây Trác	Xã Thành Long, huyện Thạch Thành	4.15	15	255
7	Hồ Bằng Lợi	Xã Thạch Bình, huyện Thạch	0.86	15	487
8	Hồ Hàm Rồng	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.31	18.4	129.25
11	Hồ Ba Cầu	Thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành	0.30	19.25	126
II	Hồ chứa nước vừa				
1	Hồ Trưa Vân	Xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành	0.42	12.7	200
2	Hồ Đồng Phú	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.68	13.13	346
3	Hồ Đá Mài	Xã Thành Minh, huyện Thạch Thành	0.20	12.5	78
4	Hồ K32	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.13	14.5	201.7
5	Hồ Đồng Nga	Xã Thành Kim, huyện Thạch Thành	0.48	12	120
6	Hồ Hón Giáng	Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành	0.81		
7	Hồ Đồng Khanh	Xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	0.30	10.2	282.8
III	Hồ chứa nước nhỏ (5 m ≤ Hđ < 10 m hoặc 0,05 triệu m³ ≤ W < 0,5 triệu m³)				
1	Hồ Xóm Yên	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	0.26	8.2	114
2	Hồ Quên Kim	Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành	0.28	9.9	96
3	Hồ Rộc Chó	Thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành	0.05		
4	Hồ Bái Đang	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.39	8.5	256
5	Hồ Đá Mài	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.15	7.5	80
6	Hồ Ngọc Hón	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.14	5.5	70
7	Hồ Hón Cụt	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	0.10		
8	Hồ Đồng Tán	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành	0.11	5	120

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

9	Hồ Nước Đang	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành	0.15		
10	Hồ Bát Mê	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành	0.20		
11	Hồ Đàm Lung	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành	0.15		
12	Hồ Bai Ôi	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành	0.06		
13	Hồ Đập Lý	Xã Thành Long, huyện Thạch Thành	0.05	5	140
14	Hồ Du Nghi (Giếng Khang + Thục)	Xã Thành Long, huyện Thạch Thành	0.30	8.5	257.6
15	Hồ Đông Cả	Xã Thành Long, huyện Thạch Thành	0.14	9	135
16	Hồ Chẽm Chè	Xã Thành Long, huyện Thạch Thành	0.12		
17	Hồ Chẽm Chè	Xã Thành Long, huyện Thạch Thành	0.12		
18	Hồ Đồi Dốc	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	0.27	7.8	
19	Hồ Rộc Cúc	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	0.08	7	85
20	Hồ Eo Cuội	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	0.10		
21	Hồ Eo Chùa	Xã Thành Trục, huyện Thạch Thành	0.13	6	70
22	Hồ Cây Sỏ	Xã Thành Trục, huyện Thạch Thành	0.09	6	100
23	Hồ Bai Màng	Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành	0.10	7.5	80
24	Hồ Bai Sao	Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành	0.15	9.6	195
25	Hồ Xóm Đám	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	0.12		
26	Hồ Yên Lão	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	0.24		
27	Hồ Thung Mây	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	0.17		
28	Hồ Đông Kết	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	0.05		
29	Hồ Hón Âm	Xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	0.24	9.5	110
30	Hồ Hang Cá	Xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	0.15	3.2	145
31	Hồ Lệ Cẩm	Xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	0.45	2.7	195
32	Hồ Bai Cái	Xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	0.44	8	180
33	Hồ Tân Thành	Xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	0.10		
34	Hồ Hón Nâu	Xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	0.10		
35	Hồ Vó Đại(Mỹ Lợi)	Xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	0.14		
36	Hồ Ruộng Khuông	Xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	0.11		
37	Hồ Thạch Môn	Xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành	0.29	5.8	120
38	Hồ Mỏ Ao(Cẩm Lợi)	Xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành	0.07	3	95
39	Hồ Bai Ma	Xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	0.39	8.9	151
40	Hồ Cửa Hón	Xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	0.40	7.5	110
41	Hồ Hòa Lễ	Xã Thành An, huyện Thạch Thành	0.09	5.5	202.1
42	Hồ Hang Bông	Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành	0.14		
43	Hồ Đẳng Sơn	Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành	0.10		
44	Hồ Đàm Búi	Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành	0.05		
45	Hồ Châu Sơn	Xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành	0.12	6.1	278.6
46	Hồ Mỏ Vàng	Xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành	0.10		
47	Hồ Đông Che	Xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành	0.05		
48	Hồ Đàm Bông	Xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành	0.05		
49	Hồ Cự Lý (2 hồ Đàm Xác + Cây Xếu)	Xã Thạch Long, huyện Thạch Thành	0.10	4.13	432
50	Hồ Thành Trung	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	0.44		207.25
51	Hồ Rộc Tha	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	0.17		
52	Hồ Rộc Mỏ	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	0.10		
53	Hồ Ma Mân	Xã Thành Minh, huyện Thạch Thành	0.07		

54	Hồ Quỳnh Lâm	Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành	0.14		
55	Hồ Giếng Âm	Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành	0.16		
56	Hồ Chành Chành	Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành	0.07		
57	Hồ Bái Đáy	Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành	0.05		
58	Hồ Vó Láo	Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành	0.17		

2.8. Tình hình thực hiện các Quy hoạch trên địa bàn huyện

2.8.1. Các Quy hoạch chuyên ngành

a) Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khảo cổ Hang Con Moong.

Di tích Hang Con Moong được cán bộ Vườn Quốc gia Cúc Phương phát hiện năm 1974 và được cán bộ Viện Khảo cổ học thẩm định, thám sát năm 1975. Năm 1976, di chỉ được khai quật lần thứ nhất. Trong thời gian khai quật hang Con Moong (2010-2015), đoàn khảo cổ học Việt -Nga đã phát hiện mới các di tích hang Lý Chùn, hang Bồ Giáo, di tích đất đắp núi Đầu Voi, hang Mang Chiêng, Hang Diêm, đồng thời đã tiến hành khai quật 4 di tích hang động xung quanh là: Hang Lai (2010), hang Lý Chùn (2010), hang Mang Chiêng (2011-2012) và Hang Diêm (2013-2014). Vị trí không gian địa lý gần gũi với những nét tương đồng về văn hóa cho thấy các thị tộc ở Vườn Quốc gia Cúc Phương có thể cùng một bộ lạc.

Đồ án “Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khảo cổ hang Con Moong và các di tích phụ cận, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa” đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số: 1290/QĐ-UBND ngày 24/8/2020. Với tổng diện tích quy hoạch là: 977,568 ha, gồm:

+ Khu vực bảo vệ di tích, có diện tích là: 499,818 ha (theo Quyết định số: 2367/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng chính phủ)

+ Khu vực mở rộng phát huy giá trị di tích (trên cơ sở tích hợp với phân đất dành cho phát triển khu du lịch sinh thái và phù hợp với quy hoạch nông thôn mới của xã Thành Minh và xã Thành Yên), có diện tích 477,750 ha.

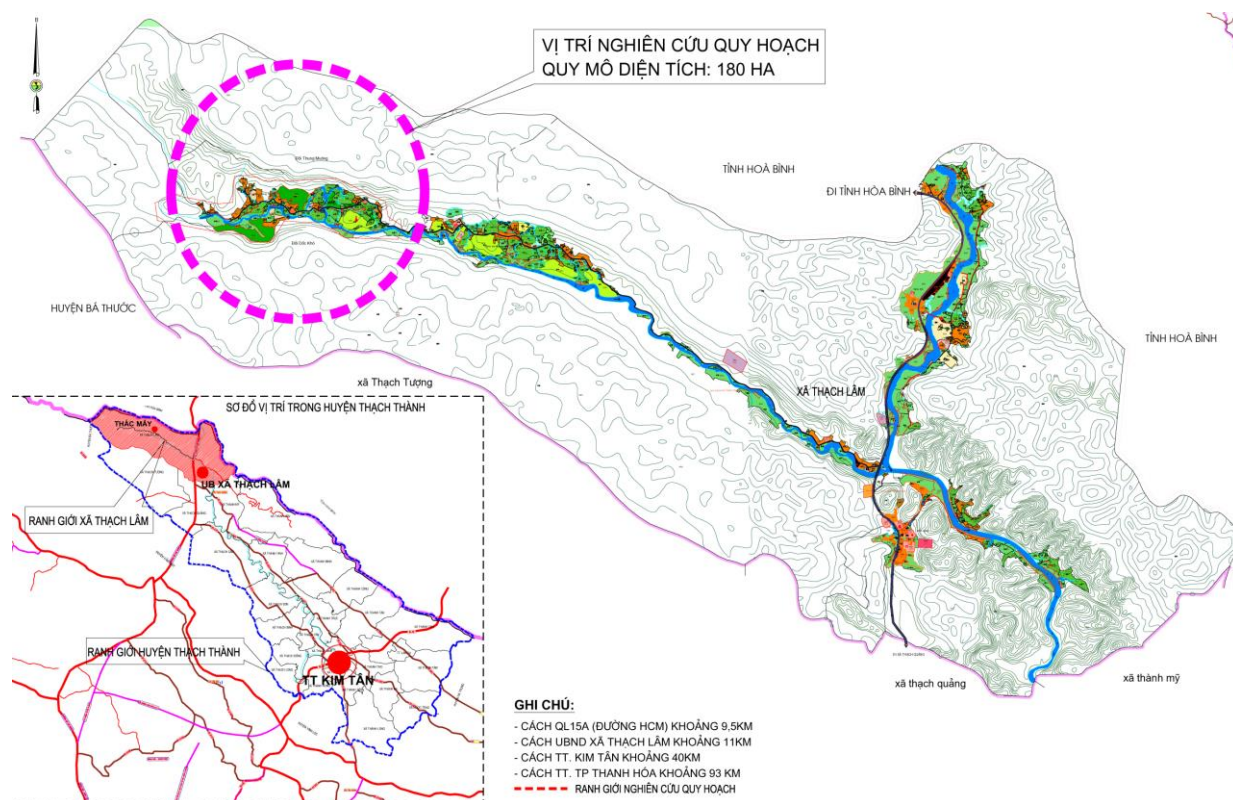
- Phạm vi quy hoạch thuộc một phần địa phận 2 xã: Thành Yên (776,098 ha) và Thành Minh (201,470 ha).

b./ Quy hoạch phân khu, Khu du lịch Thác Mây, xã Thạch Lâm huyện Thạch Thành.

Thác Mây thuộc thôn Đăng Thượng xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành cách thành phố Thanh Hóa khoảng 93km, cách Hà Nội 100km là điểm đến hấp dẫn du khách trong những năm gần đây. Nằm ở độ cao khoảng 90m - 150m so với mực nước biển, có độ dài khoảng 400m với nhiều bậc thác trùng trùng, điệp điệp xếp gò lên nhau, tạo nên những con nước mềm mại như những dải lụa trắng, nên nhiều người còn gọi là “Thác chín bậc tình yêu”. Thác chảy quanh năm, nhưng đẹp nhất từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch hàng năm. Đây là một trong những thác nước đẹp nhất xứ Thanh nằm trong vùng đệm rừng Quốc gia Cúc Phương, từ lâu đã được nhiều người biết đến với nét đẹp nguyên sơ, kỳ vĩ. Dòng nước tuôn ra từ trong lòng núi trong xanh. Mùa mưa lũ, thác gầm réo, nước từ màu xanh đổi thành màu trắng đục.

Đồ án Quy hoạch phân khu, khu du lịch Thác Mây, xã Thạch Lâm huyện Thạch Thành đã được UBND huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện, đến nay đang

trình UBND tỉnh phê duyệt (thực hiện theo Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v Công nhận Điểm du lịch Thác Mây, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.) Với quy mô diện tích khoảng: 180 ha thuộc địa phận xã Thạch Lâm, có tính chất: Là khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa cộng đồng người Mường với các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương.



Sơ đồ vị trí khu vực Thác Mây trong xã Thạch Lâm.

c/ Quy hoạch phân khu 1/2000 khu du lịch Thác Voi

Đồ án Quy hoạch phân khu, khu du lịch Thác Voi, thị trấn Vân Du huyện Thạch Thành đã được UBND tỉnh duyệt theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 26/07/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Tính chất và mục tiêu quy hoạch:

Tính chất:

- Là khu du lịch sinh thái tự nhiên với các sản phẩm chủ yếu là du lịch văn hóa trải nghiệm, du lịch tín ngưỡng, tâm linh và du lịch sinh thái.
- Là nơi có đông dân cư sinh sống, có truyền thống văn hóa và lễ hội phong phú.
- Có các di tích lịch sử văn hóa và di tích danh thắng cấp tỉnh;
- Có cảnh quan thiên nhiên sinh động, các hang động, thắng cảnh với núi rừng điệp trùng, xanh tươi.

Mục tiêu quy hoạch

- Phát triển du lịch tại khu vực Thác Voi, đưa khu vực trở thành điểm đến của du lịch Thanh Hóa và du lịch Việt Nam;
- Bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Thác Voi, di tích lịch sử văn hóa Phố Cát và các di tích quanh khu vực, tôn vinh các giá trị cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử;
- Khai thác tiềm năng du lịch, gắn phát triển du lịch tại khu vực với tổng thể phát triển du lịch huyện Thạch Thành và tỉnh Thanh Hoá;
- Xây dựng danh mục các dự án đầu tư, bảo tồn di tích phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn;
- Làm cơ sở pháp lý cho việc kêu gọi đầu tư, quản lý hoạt động xây dựng và triển khai các bước tiếp theo.

PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 1



2.8.2. Quy hoạch các đô thị

UBND huyện Thạch Thành đã tổ chức lập Quy hoạch chung làm cơ sở thực hiện xây dựng và quản lý cho 3 đô thị, cụ thể:

*** Thị trấn Kim Tân.**

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng cải tạo và mở rộng thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số: 2422/QĐ-UBND ngày 12/07/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa

- Với tổng diện tích quy hoạch: là 635 ha (~6,35 km²) thuộc địa phận thị trấn Kim Tân, xã Thành Kim và Thạch Định. Quy mô dân số đến năm 2020 là 11.255 người; đến năm 2030: 30.000 người.

- Tính chất chức năng: là trung tâm hành chính chính trị kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học – kỹ thuật của huyện Thạch Thành.



Bản đồ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kim Tân phê duyệt năm 2013

*** Thị trấn Vân Du.**

Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 815/QĐ-UBND ngày 26/3/2012;

- Với tổng diện tích: 2.506,67 ha (~25,06 km²), bao gồm toàn bộ diện tích thị trấn Vân Du và một phần diện tích của xã Thành Tâm, xã Thành Vân.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là trung tâm công nghiệp, chuyên ngành chế biến nông, lâm sản; Cùng với thị xã Bỉm Sơn, Vân Du là đô thị hạt nhân vùng kinh tế động lực phía Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.



Bản đồ Quy hoạch chung đô thị Vân Du phê duyệt năm 2012

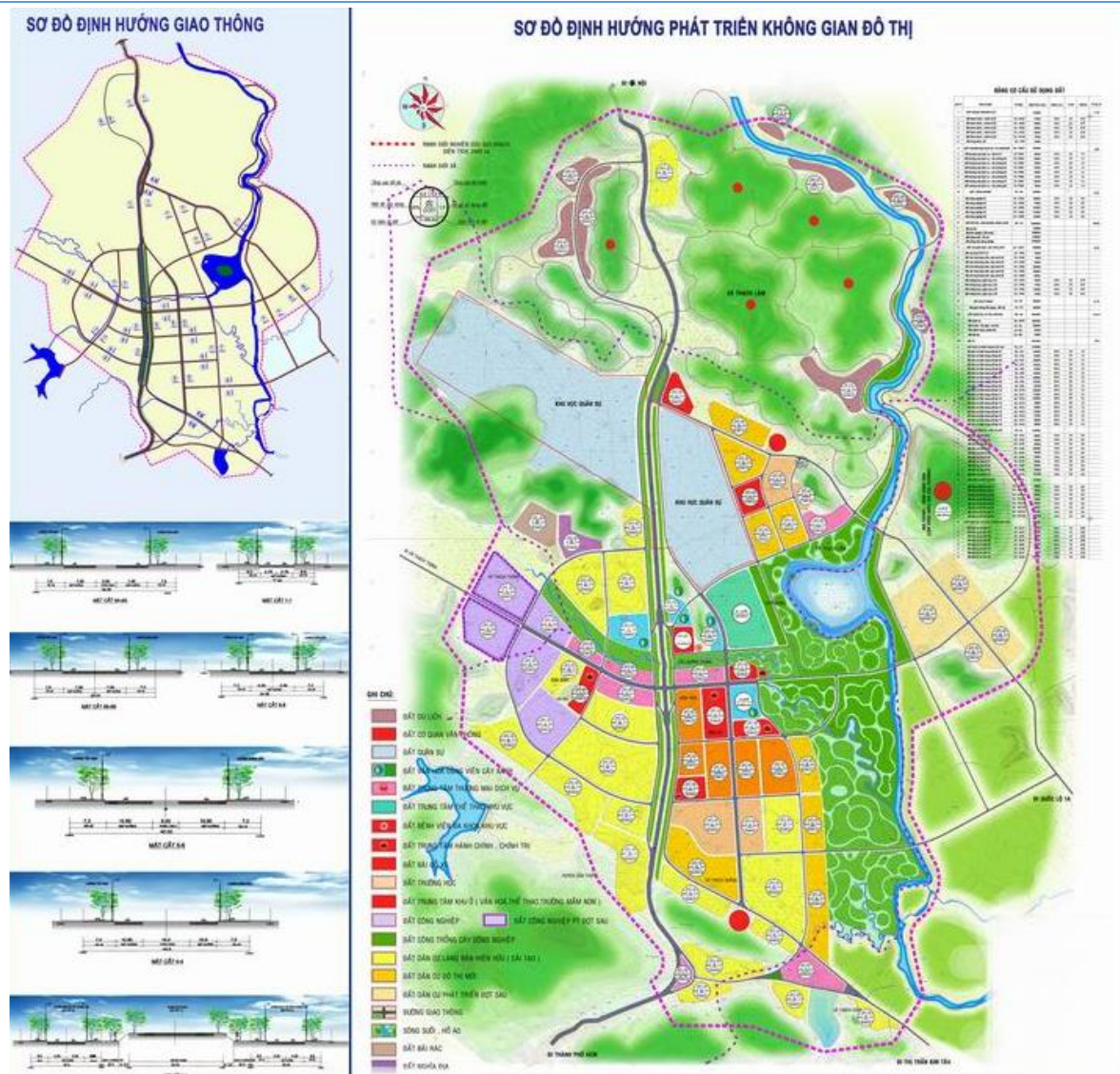
Lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Vân Du tại Quyết định số: 4296/QĐ-UBND ngày 01/11/2016; với phạm vi điều chỉnh là: 220,95 ha.

*** Đô thị Thạch Quảng:**

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Thạch Quảng, huyện Thạch Thành đến năm 2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 1615/QĐ-UBND ngày 01/6/2009.

- Với tổng diện tích khoảng 2.400 ha (~24,0 km²) bao gồm một phần địa giới hành chính các xã: Thạch Quảng, Thạch Lâm, Thạch Mỹ, Thạch Tượng và Thạch Cẩm.

- Tính chất, chức năng: Là Đô thị Dịch vụ thương mại - Du lịch và Công nghiệp; Trung tâm tiểu vùng kinh tế - xã hội phía Tây Bắc huyện Thạch Thành. Với các chức năng: Dịch vụ, thương mại phục vụ đô thị và vận tải Bắc-Nam trên đường Hồ Chí Minh; Du lịch sinh thái; Công nghiệp - TTCN địa phương; Trung tâm văn hoá, giáo dục, y tế, TDTT của tiểu vùng.



Bản đồ quy hoạch chung xây dựng đô thị Thạch Quảng phê duyệt năm 2009

2.9. Đánh giá tổng quan chung (S.W.O.T)

1) Điểm mạnh (Strengths)

- Giao thông kết nối ngoại vùng thuận lợi, như QL.217B kết nối cao tốc Bắc Nam và đường Hồ Chí Minh, QL.45 kết nối các tỉnh phía Bắc...
- Thiên nhiên ưu đãi với nhiều khu vực cảnh quan đẹp, kỳ thú
- Quỹ đất thuận lợi xây dựng rộng, liền thửa, cảnh quan thiên nhiên đẹp, hấp dẫn nhà đầu tư.
- Có truyền thống lịch sử, cách mạng lâu đời, nền văn hóa đặc sắc

2) Điểm yếu (Weaknesses)

Ngoài khu vực Vân Du, có nhiều điều kiện thuận lợi về quỹ đất, về đầu mối giao thông. Vùng phía Nam thường xuyên bị lũ, úng; vùng phía Tây quỹ đất hạn chế, bị chia cắt bởi núi, đồi, sông. Dẫn đến hạn chế phát triển...

Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; Liên kết giữa 2 phía sông Bưởi khá yếu. Vai trò QL 217B hiện trạng chưa rõ.

Nằm trong trung tâm kinh tế động lực Bỉm Sơn – Thạch Thành, trọng tâm là Công nghiệp, nhưng quỹ đất hiện trạng cũng như định hướng QH của huyện dành phát triển công nghiệp quá thấp

Dân cư phân tán, nguồn lao động dồi dào, nhưng chủ yếu là lao động nông, lâm nghiệp, tỷ lệ lao động qua đào tạo khá (65%), nhưng chưa có định hướng cụ thể gắn với ngành nghề, gắn với doanh nghiệp và nhu cầu thực tế

- Xuất phát điểm của nền kinh tế thấp so với các huyện vùng 3, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng, chưa đủ sức để thu hút các nhà đầu tư, hạ tầng cho các khu chức năng.

- Thường xuyên bị lũ lụt, sạt lở do thiên tai, đặc biệt vùng sông Bưởi hay xảy ra tình trạng ngập lụt.

3) Cơ hội (Opportunities)

Bộ Chính trị vừa ban hành Nghị quyết 58/NQ-TU' ngày 5/8/2020 mở ra Thanh Hóa cơ hội phát triển mạnh mẽ (Thanh Hóa là cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển). Trong đó, phát triển toàn diện, vùng đồng bằng trung du với 3 cực tăng trưởng: Thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn và thị trấn Lam Sơn.

- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX cũng đã xác định Bỉm Sơn – Thạch Thành là trung tâm kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh (toàn tỉnh có 4 trung tâm kinh tế động lực). Như vậy việc phát triển cực tăng trưởng Bỉm Sơn thực hiện theo Nghị Quyết 58/NQ-TU' của Bộ Chính trị đạt được, Thạch Thành sẽ đóng vai trò rất lớn, trong sự phát triển tổng thể kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Nông, lâm nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao là nền tảng huyện Thạch Thành: có nhiều đất đai rộng lớn, liền thửa để phát triển nông, lâm nghiệp có quy mô lớn, tập trung đầu tư theo chiều sâu.

- Cùng với sự hình thành đường Cao tốc Bắc – Nam có nút giao với Quốc lộ 217B (tại xã Hà Long, Hà Trung), tuyến QL.217B kéo dài (từ QL.1A Bỉm Sơn đi đường Ven Biển) sẽ hình thành. Quốc lộ 217B là tuyến hành lang kinh tế phía Bắc của tỉnh, kết nối 3 hành lang kinh tế lớn: Đường ven biển – Quốc lộ 1A – Cao tốc Bắc Nam – Đường Hồ Chí Minh.

4) Thách thức (Threats):

Do đặc điểm địa hình, dân cư phân tán, dẫn đến Suất đầu tư hạ tầng cao, đặc biệt là San nền, cấp thoát nước..

Thách thức giữa yêu cầu phát triển nhanh kinh tế- xã hội với bảo vệ môi trường..

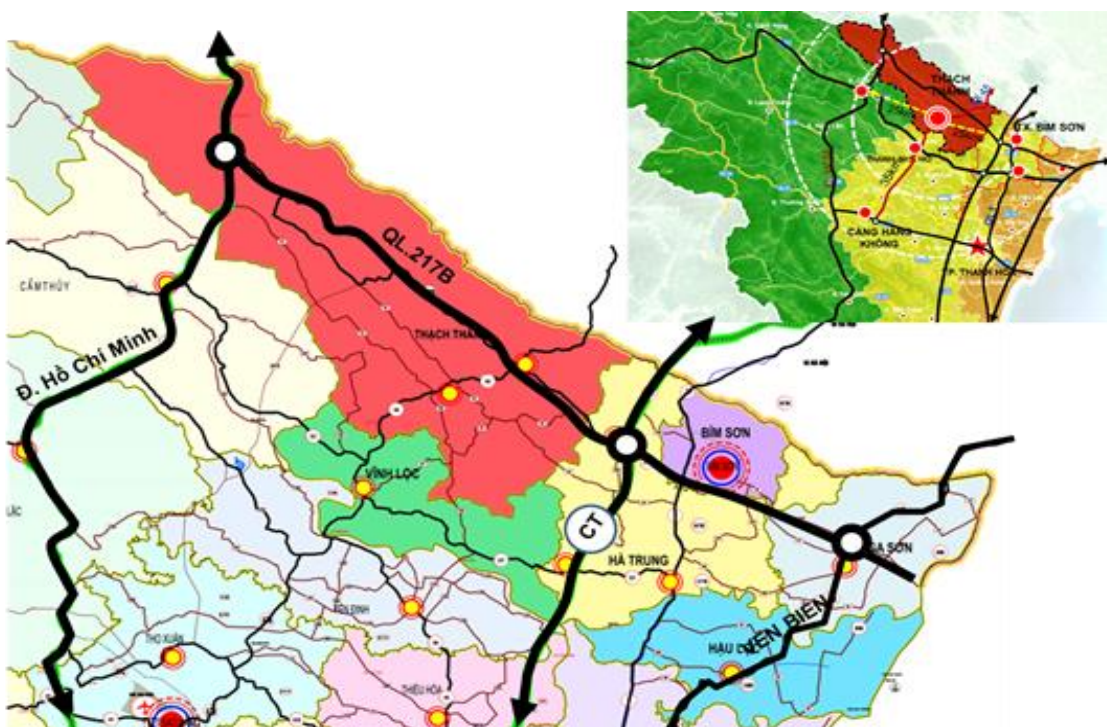
Tìm ra được hướng phát triển, mô hình phát triển phù hợp, để phát huy các lợi thế so sánh nổi trội của huyện, đón đầu các dự án hạ tầng Quốc gia rất quan trọng đi qua địa bàn. Các huyện vùng 3 đang phát triển nhanh, sự cạnh tranh thu hút đầu tư, thu hút lao động.

- Thiên tai, thời tiết, môi trường, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khu vực huyện thường xuyên bị ảnh hưởng nặng so với các huyện trong tỉnh.

PHẦN III. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG

3.1. Tiềm năng, động lực phát triển vùng huyện:

3.1.1. Bối cảnh Thạch Thành trong thời kỳ mới.



Sơ đồ vùng huyện Thạch Thành trong vùng liên huyện phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa

Tỉnh Thanh Hóa đang trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ, ngày 5/8/2020, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số: 58-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó xác định Thanh Hóa là cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển. Cùng với đó, Nghị Quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX đã xác định nhiệm vụ: *”tập trung phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực, 6 trụ cột tăng trưởng, 6 hành lang kinh tế để tạo không gian mới cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh”*. Trong đó:

- Thạch Thành – Bỉm Sơn: là trung tâm động lực phía Bắc của tỉnh: phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, dược phẩm, da giày, dịch vụ, du lịch; Nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao...

- Thạch Thành nằm trên 2/6 hành lang kinh tế của tỉnh:

- + Hành lang kinh tế Đông Bắc, kết nối Cảng Lạch Sung – Bỉm Sơn – Thạch Thành với các tỉnh phía Bắc thông qua Quốc lộ 217B và Quốc lộ 217. Định hướng phát triển công nghiệp, chế biến chế tạo và du lịch văn hóa.

+ Hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, kết nối Thanh Hóa với Hà Nội, các tỉnh phía Bắc và Nghệ An. Định hướng phát triển là nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông lâm sản, "xa lộ nông nghiệp".

Như vậy, Huyện Thạch Thành có các tuyến Quốc lộ quan trọng qua: đường Hồ Chí Minh, QL.217B, QL.45, trong đó, đường Hồ Chí Minh là tuyến hành lang kinh tế Nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến Nông lâm sản; kết nối Thanh Hóa với thủ đô Hà Nội, các tỉnh phía Bắc và Nghệ An; Tuyến QL.217B là hành lang kinh tế Đông Bắc của tỉnh kết nối Cảng Lạch Sung – Thạch Thành – Bỉm Sơn – Thạch Thành, có nút giao cắt với Cao tốc Bắc Nam tại Hà Long (cách trung tâm thị trấn Vân Du khoảng 6 km về phía Đông) định hướng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và du lịch văn hóa.

3.1.2. Tiềm năng, động lực:

- Theo định hướng QH tỉnh Thạch Thành được xác định cùng với Bỉm Sơn là *Trung tâm động lực phía Bắc (Bỉm Sơn - Thạch Thành)*: Phát triển khu vực Bỉm Sơn, Thạch Thành trở thành trung tâm kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh gắn với KCN Bỉm Sơn. Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng KCN Bỉm Sơn và KCN Thạch Quảng, xây dựng mới tuyến đường bộ nối Bỉm Sơn với Nga Sơn và cảng Lạch Sung; sau khi hoàn thành, sẽ tạo ra trục giao thông liên hoàn kết nối giữa đường bộ, đường biển một cách nhanh chóng, thuận lợi; giảm chi phí vận chuyển cho các doanh nghiệp trong vùng.

Tập trung ưu tiên thu hút đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các dự án cơ khí, máy nông nghiệp; chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu; các sản phẩm thức ăn chăn nuôi; các dự án may mặc, giấy da và nguyên phụ liệu hỗ trợ ngành may mặc, các ngành công nghiệp phụ trợ cho KKT Nghi Sơn và KCN Lam Sơn - Sao Vàng; các ngành dịch vụ và du lịch sinh thái, tâm linh.

Thạch Thành là vùng có tiềm năng lớn về đất đai, với quỹ đất thuận lợi xây dựng rộng, ngoài ra còn có địa hình phong phú đa dạng: đồi, núi đá, suối thác, đồng bằng,... Cảnh quan thiên nhiên đẹp, văn hóa đa dạng, tài nguyên nhân văn, con người, có di tích được xếp hạng Quốc gia đặc biệt (di tích hang Con Moong và các di tích vùng phụ cận); Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh cũng đã hình thành một số điểm du lịch sinh thái (Thác Voi, Thác Mây,..) Vườn Quốc gia Cúc Phương (thuộc địa phận địa giới hành chính các xã Thạch Lâm, Thành Mỹ và Thành Yên, huyện Thạch Thành. Tổng diện tích là 4.339,31 ha).

- Là vùng có nhiều điều kiện để phát triển vùng nguyên liệu cây công nghiệp quy mô lớn, đa dạng (mía, cao su,...). Là vùng phát triển trang trại, quy mô lớn tập trung

HUYỆN THẠCH THÀNH - NHỮNG LỢI THẾ SO SÁNH NỔI TRỘI

3 LỢI THẾ NỔI TRỘI

1. Nằm trên các vùng trọng điểm kinh tế chiến lược của tỉnh

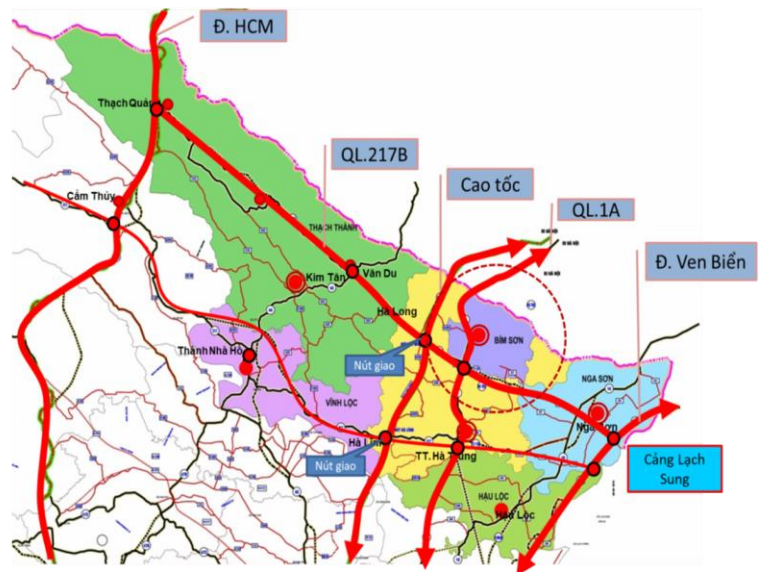
- Được xác định là 1 trong 4 cực động lực tăng trưởng của tỉnh (Bỉm Sơn – Thạch Thành).
- Phía Bắc hành lang kinh tế đường HCM;
- Phía Đông: giáp đường Cao tốc với nút giao Gia Miêu
- Xuyên suốt huyện là tuyến hành lang kinh tế QL 217B
- Là một trong các cửa ngõ vùng Tây Bắc (Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình) thông thương ra biển.

2. Đất đai màu mỡ, diện tích rộng:

- Thạch Thành có quỹ đất bằng và đất bãi rộng lớn, liền thửa (khoảng 26.000ha đất bằng và đất bãi). Đây là lợi thế so sánh rất nổi trội của Thạch Thành so với các huyện vùng 3.
- Có tiềm năng để phát triển Nông lâm nghiệp, quy mô lớn. Phát triển các khu, cụm công nghiệp, phát triển đô thị...

3. Vùng đất nhiều huyền tích kỳ bí, tài nguyên du lịch độc đáo, giàu truyền thống cách mạng, truyền thống văn hóa.

- Hang CON MOONG; Thác Mây; thác Voi,
 - Chiến khu Ngọc Trạo
 - Suối nước nóng làng Luông
- Là tiền đề để phát triển Dịch vụ - Du lịch



Sơ đồ các hành lang kinh tế vùng 3

* Với những lợi thế trên, huyện Thạch Thành có tiềm năng lợi thế:

- **Phát triển công nghiệp:** Theo định hướng quy hoạch tỉnh, Thạch Thành nằm trong trung tâm kinh tế động lực phía Bắc tỉnh (Bỉm Sơn – Thạch Thành) với các ngành: công nghiệp chế biến chế tạo, cơ khí, VLXD; công nghiệp chế biến nông lâm sản, dược liệu gắn với vùng nguyên liệu về nông, lâm nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu...

- **Phát triển dịch vụ du lịch:** Đa dạng các sản phẩm về du lịch, du lịch thắng cảnh, sinh thái nghỉ dưỡng; du lịch văn cảnh...; kết hợp du lịch trải nghiệm, khám phá tự nhiên, khám phá lịch sử văn hóa dân tộc, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

- **Phát triển nông nghiệp quy mô lớn,** chất lượng cao, gắn với thực hiện cơ giới hóa đồng bộ, chế biến sâu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ cao vào sản xuất.

3.1.3. Khó khăn, thách thức:

Ngoài khu vực Vân Du, Thành Tâm có nhiều điều kiện thuận lợi về quỹ đất, về đầu mối giao thông. Vùng phía Nam và 2 bên sông Bưởi thường xuyên bị lũ, úng; vùng phía Tây quỹ đất hạn chế, bị chia cắt bởi núi, đồi, sông. Dẫn đến hạn chế phát triển...

Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; Liên kết giữa 2 phía sông Bưởi khá yếu. Vai trò QL 217B hiện trạng chưa rõ.

Hạ tầng xã hội (Y tế; TDTT...) hiện mới chỉ chủ yếu tập trung tại Kim Tân; các khu vực đông dân cư như Thành Tâm chưa được bố trí hệ thống HTXH cấp vùng. Số giường bệnh/10.000 dân thấp)

Vùng tả ngạn và hữu ngạn sông Bưởi phát triển yếu, chưa có các đô thị là hạt nhân, động lực của vùng để tạo động lực phát triển

Nằm trọng cực động lực Bim Sơn – Thạch Thành, trọng tâm là Công nghiệp, nhưng quỹ đất hiện trạng cũng như định hướng QH của huyện dành phát triển công nghiệp quá thấp

3.1.4. Định hướng phát huy tiềm năng, khắc phục khó khăn

Phát huy tối đa vị thế nằm trong trung tâm động lực phía Bắc tỉnh để thu hút đầu tư trên cơ sở tiềm năng về quỹ đất và giao thông. Nghiên cứu các phương án thủy lợi sông Bưởi, nhằm khai thác hiệu quả vùng đất bãi.

Xây dựng phương án tổ chức mạng giao thông phù hợp, nâng cao hiệu quả khai thác các tuyến giao thông đặc biệt tuyến QL 217B và liên kết 2 bên sông Bưởi

Phân bổ lại hệ thống các đô thị, các công trình hạ tầng xã hội. Bố trí quỹ đất phát triển công nghiệp tương xứng với vị thế là vùng Trọng Điểm Công Nghiệp của tỉnh

Tìm ra được hướng phát triển, mô hình phát triển phù hợp, để phát huy các lợi thế so sánh nổi trội của huyện. Các huyện vùng 3 đang phát triển nhanh, sự cạnh tranh thu hút đầu tư, thu hút lao động.

3.2. Các dự báo về kinh tế - xã hội.

3.2.1. Dự báo về phát triển kinh tế:

Căn cứ vào các định hướng quy hoạch kinh tế xã hội cấp trên, Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và căn cứ Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thạch Thành lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025; Căn cứ thực tế phát triển và đầu tư khu vực, dự báo Cơ cấu kinh tế huyện Thạch Thành chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng và du lịch, thương mại dịch vụ.

Dự báo cơ cấu kinh tế các giai đoạn phát triển như sau:

- Hiện trạng năm 2020: Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 17%; Công nghiệp - Xây dựng 50,2%; Dịch vụ 32,8%.

- Đến năm 2025:

+ Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm 15,1% (Trong đó: Nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 8,0%; công nghiệp - xây dựng tăng 16%; dịch vụ tăng 15,9%).

+ Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 73 triệu đồng.

+ Tổng huy động vốn đầu tư phát triển thời kỳ 2021- 2025: 14.500 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ tăng thu ngân sách hàng năm 15%.

Dự báo Cơ cấu kinh tế các ngành: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 16%; Công nghiệp - Xây dựng 56%; Dịch vụ 28%.

- Đến năm 2030: Kinh tế công nghiệp đi vào ổn định, tăng kinh tế trong ngành dịch vụ. Cơ cấu kinh tế có tỷ trọng: CN-XD 52%; Dịch vụ 35,0%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 13%;

Định hướng phát triển đến năm 2045: Chuyển biến mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế; từ mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng nhờ vào tăng trưởng vốn, lao động và tài nguyên thiên nhiên sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu dựa vào khoa học và công nghệ hiện đại, nâng cao hiệu quả, chất lượng của tăng trưởng; trong đó tập trung vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kinh tế tri thức, sáng tạo, với nguồn nhân lực chất lượng cao hướng hoạt động của nền kinh tế vào các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, chủ động sản xuất và xuất khẩu hàng hóa có dung lượng công nghệ cao, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm tài nguyên trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế của đất nước, thực hiện đồng bộ hóa quá trình khai thác và chế biến sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, cải thiện phúc lợi xã hội...

Dự báo phát triển du lịch:

Về khách du lịch:

- Đến năm 2025, đón được 178.200 lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 3.000 lượt khách du lịch quốc tế và 175.200 lượt khách du lịch nội địa.

- Đến năm 2030, đón được 342.700 lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 5.400 lượt khách du lịch quốc tế và 337.300 lượt khách du lịch nội địa

Tổng thu từ du lịch:

- Đến năm 2025, tổng thu từ khách du lịch đạt 128.420 triệu đồng, trong đó, doanh thu từ khách quốc tế đạt 2.320 triệu đồng, từ khách nội địa đạt 126.100 triệu đồng.

- Đến năm 2030, tổng thu từ khách du lịch đạt 296.700 triệu đồng, trong đó, doanh thu từ khách quốc tế đạt 5.200 triệu đồng, từ khách nội địa đạt 291.500 triệu đồng

Cơ sở dịch vụ lưu trú:

- Đến năm 2025, có 52 cơ sở lưu trú với khoảng 420 phòng.

- Đến năm 2030, có 85 cơ sở lưu trú với khoảng 820 phòng.

3.2.2. Dự báo về quy mô dân số:

Theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, dự báo tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm nằm trong ngưỡng: 0,55 – 0,7%/năm.

Dựa trên tỷ lệ dân số tăng bình quân hàng năm của huyện Thạch Thành giai đoạn 2015-2020, bình quân: 0,6%/năm (năm 2015: 0,9%; năm 2016: 0,8%, năm 2017: 0,3%; năm 2018: 0,7%; năm 2019: 0,5%).

Dự báo tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2020-2045: ước tính: 0,6%/năm.

Theo công thức tính toán, dân số dự kiến của huyện sẽ là:

$$D_t = D_0 (1+r)^t + N_0$$

Trong đó: D_t : Dân số năm dự báo.

D_0 : Dân số năm gốc.

r : Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm (%).

t : số năm dự báo.

N_0 : là dân số quy đổi từ lao động con lăc.

* **Dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2020 khoảng 145.046 người,** mật độ dân số: 258 người/km²;

- Tính toán quy mô dân số giai đoạn 2020-2025.

$$D_5 = D_0(1+r)^t = 144.581 \times (1+0,6\%)^5 = 148.971 \text{ người.}$$

- Tính toán quy mô dân số giai đoạn 2026-2030.

$$D_{10} = D_0(1+r)^t = 144.581 \times (1+0,6\%)^{10} = 153.494 \text{ người.}$$

- Tính toán quy mô dân số giai đoạn 2031-2045.

$$D_{25} = D_0(1+r)^t = 144.581 \times (1+0,6\%)^{25} = 167.904 \text{ người.}$$

* *Dân số quy đổi từ lao động con lăc*: Dựa trên dự báo lao động từ các huyện lân cận đến làm việc trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, du lịch sinh thái cộng đồng tại huyện Thạch Thành.

+ Đến năm 2025: có khoảng 2.500-3.000 lao động đi về từ các huyện lân cận đến làm việc tại Thạch Thành,... dự báo khoảng 30% trong số đó thường trú và tạm trú quá 6 tháng tại Thạch Thành, như vậy dân số quy đổi từ lao động con lăc đến 2025 khoảng 1.000 người;

+ Đến năm 2030: khi các cơ sở sản xuất, các khu du lịch phát triển, dự báo khoảng 60.000-65.000 lao động con lăc từ ngoài huyện đi về làm việc tại các khu, cụm công nghiệp tại Vân Du, Thành Tâm, Thạch Quảng và dịch vụ du lịch Thác Mây, Thác Voi, Hang Con Moong... dự báo khoảng 35% số đó thường trú và tạm trú trên 6 tháng tại Thạch Thành, như vậy ước tính dân số quy đổi từ lao động con lăc đến năm 2030 là: khoảng 20.000 người.

+ Đến năm 2045: Kinh tế đất nước phát triển, *tỉnh Thanh Hóa trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại, tỉnh phát triển và kiểu mẫu cả nước (trích nghị quyết 58-NQ/TW Bộ chính trị)*. Huyện Thạch Thành phát triển, các cơ sở sản xuất, cơ sở dịch vụ thương mại, các điểm du lịch đi vào ổn định, giao thông phát triển, dự báo khoảng 60.000-75.000 lao động con lăc đi về và khoảng 30% số đó thường trú và tạm trú trên 6 tháng tại Thạch Thành, như vậy ước tính dân số quy đổi từ lao động con lăc đến năm 2045 là: 25.000 người.

* Dự báo dân số huyện Thạch Thành:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2020: 145.046 người; mật độ dân số: 259,4 người/km²; dân số đô thị 27.389 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 19,1%.

- Dự báo dân số đến năm 2025: khoảng 150.000 người;
- Dự báo dân số đến năm 2030: khoảng 175.000 người;
- Dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 190.000 người;

3.2.3. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:

Dự báo tỷ lệ đô thị hóa phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố như: Khu công nghiệp Thạch Quảng, CCN Vân Du, CCN Thạch Quảng, đã được định hướng phát triển và cơ bản đã thu hút được lao động, lợi thế của huyện nằm trên các hành lang kinh tế của tỉnh. Việc hình thành và phát triển các đô thị, gắn với phát triển Dịch vụ, công nghiệp, du lịch dịch chuyển dân cư từ nông thôn về đô thị (dân số tăng cơ học).

Khu vực xác định phát triển đô thị (TT. Kim Tân, TT Vân Du, ĐT. Thạch Quảng) với việc tiếp cận thuận lợi với QL.217B, QL.45, Đ. HCM hình thành sẽ là tiền đề và động lực to lớn nhằm thúc đẩy phát triển dịch vụ thương mại, giao thương hàng hóa.

Dân số tăng cơ học sẽ dự báo cho các đô thị (thị trấn Kim Tân, thị trấn Vân Du & Đô thị Thạch Quảng).

- Dân số hiện trạng toàn huyện khoảng 145.046 người, Dân số đô thị khoảng: 27.389 người (bao gồm đô thị Thạch Quảng, đạt tiêu chuẩn đô thị loại V), tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 19,1%.

- Dự báo đến năm 2025: tiếp tục hoàn thiện xây dựng theo quy hoạch các thị trấn, nâng cấp đô thị Thạch Quảng lên thị trấn; dân số đô thị khoảng: 38.500; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 25,67%.

- Dự báo đến năm 2030: thị trấn Kim Tân; thị trấn Vân Du; thị trấn Thạch Quảng. khoảng 175.000 người; dân số đô thị khoảng: 46.000; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 26,28%.

- Dự báo đến năm 2045: Hoàn thiện hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các đô thị đạt tiêu chí đô thị loại IV. Bổ sung quy hoạch đô thị Thạch Sơn quy mô khoảng 17.7km², dân số khoảng 12.000 người. Đô thị Thành Minh: 15.000 người. Dân số đô thị khoảng: 92.500; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 48,68%.

CÁC DỰ BÁO	HIỆN TRẠNG	DỰ BÁO		
	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2045
Dân số toàn huyện (người)	145.046	150.000	175.000	190.000
+ Dân số đô thị (người)	27.389	38.000	46.000	92.000
+ Dân số nông thôn (người)	117.657	112.000	129.000	98.000
+ Tỷ lệ đô thị hóa (%)	19,1	25,67	26,28	48,68

3.2.4. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

Hiện trạng đất xây dựng khoảng: 4.152,74 ha, bình quân đất xây dựng toàn

huyện là: 287,2 m²/người.

Hiện trạng đất xây dựng đô thị khoảng: 742,6 ha, bình quân: 354,6 m²/người; (thị trấn Kim Tân: 391,3ha, bình quân 340,9 m²/người; thị trấn Vân Du: 351,3 ha, bình quân 371,2 m²/người)

Dự báo đất xây dựng đô thị khoảng: 200-250 m²/người;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng: 760 ha – 950ha.
- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng: 1.200 ha – 1.500ha;
- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 1.600 ha – 2.000 ha.

PHẦN IV.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG

4.1. Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng.

Trên cơ sở dựa trên các đặc trưng về địa hình, thủy văn, hệ thống giao thông và phân bố dân cư, cùng với các tiền đề, tiềm năng, cơ hội phát triển vùng.

4.1.1. Mô hình phát triển không gian vùng huyện Thạch Thành

Không gian toàn huyện Thạch Thành sẽ phát triển theo cấu trúc sau:

4 Trụ cột Kinh tế

- Công nghiệp: Phát triển theo hướng: Công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp dược liệu.

- Nông nghiệp: hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn, gắn với chế biến sâu.

- Du lịch: Phát triển tính độc đáo, duy nhất của khu di tích Hang Con Moong, tìm kiếm kêu gọi đầu tư XD khu du lịch chuyên đề “cuộc sống người tiền sử”. XD các điểm du lịch: thác Mây, thác Voi; đền Mẫu phố Cát; suối nước nóng làng Luông, du lịch cộng đồng...

- Dịch vụ thương mại đầu mối: Phát triển Dịch vụ thương mại cấp vùng, các điểm Logistics gắn với các hành lang kinh tế.

3 hành lang phát triển:

- Quốc lộ 217B: là hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh, trục động lực phát triển kinh tế, giao thương xuyên suốt, trọng yếu của Thạch Thành nói chung, khu tả ngạn sông Bưởi nói riêng với các tỉnh và địa phương lân cận.

- Tỉnh lộ 516: Hành lang phát triển các xã khu vực hữu ngạn sông Bưởi,

- QL 45 là trục kết nối vùng phát triển kinh tế chính huyện Thạch Thành với các huyện lân cận và các tỉnh phía Bắc.

3 đô thị động lực:

+ Đô thị trung tâm Kim Tân: trung tâm văn hóa, chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế của toàn vùng huyện.

+ Đô thị Vân Du: là trung tâm phát triển kinh tế: Công nghiệp, Nông Nghiệp, dịch vụ du lịch.

+ Đô thị Thạch Quảng: là trung tâm tiểu vùng phía Tây huyện, phát triển công nghiệp, Nông nghiệp, dịch vụ đầu mối giao thông.

- Các đô thị Thạch Sơn; Thành Minh: trung tâm kinh tế xã hội, thương mại- dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp của tiểu vùng tả ngạn và hữu ngạn sông Bưởi huyện Thạch Thành.

4.1.2 Phân vùng phát triển

a/ Mục đích phân vùng

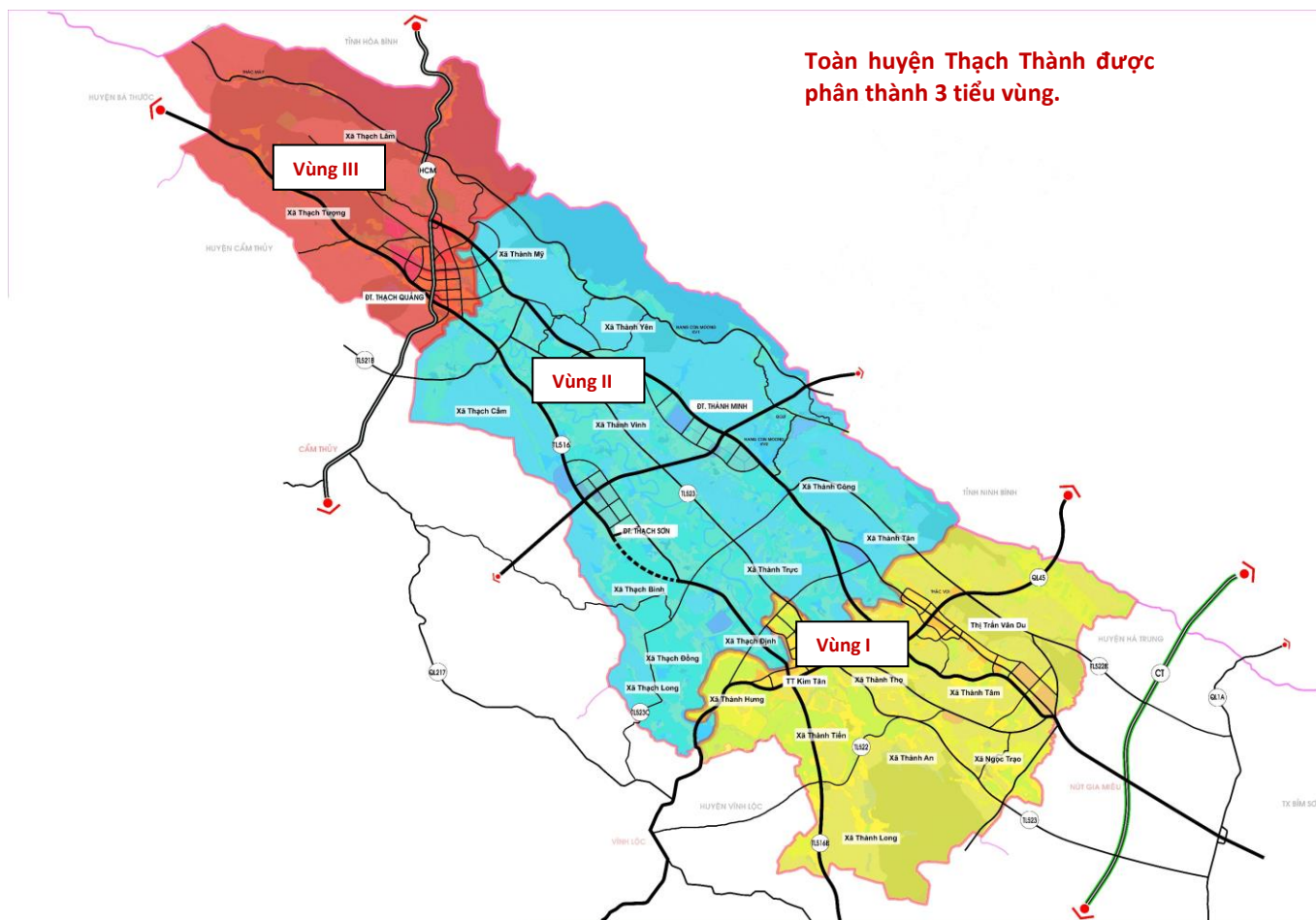
- Các vùng (xã) liền kề, có đặc điểm tự nhiên và xã hội tương thích, hỗ trợ nhau phát triển kinh tế, xã hội. Việc xác định các tiểu vùng là cơ sở để bố trí hệ thống hạ tầng xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội dùng chung, đầu tư trọng tâm, phục vụ hiệu quả hơn.

b/ Cơ sở, tiêu chí phân vùng

+ Tiêu chí phù hợp với khung phát triển không gian lãnh thổ của huyện, theo đó, Thạch Thành phân thành 03 tiểu vùng.

+ Tiêu chí về tính tương đồng, quan hệ hữu cơ về địa lý lãnh thổ, đặc trưng văn hóa, tập quán.

+ Tiêu chí về khả năng liên kết giữa các xã trong tiểu vùng, đảm bảo mối quan hệ tương đối chặt chẽ giữa các xã trong vùng. trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững; khả năng liên kết với đô thị hạt nhân của từng tiểu vùng.



Toàn huyện Thạch Thành được phân thành 3 tiểu vùng.

Sơ đồ phân vùng phát triển huyện Thạch Thành

Định hướng phát triển cho từng tiểu vùng như sau:

Tiểu Vùng I: Vùng Đông Nam huyện:

Gồm thị trấn Kim Tân; thị trấn Vân Du và 8 xã: Thành Tân; Thành Tâm; Thành An; Thành Thọ; Thành Hưng; Thành Tiến; Thành Long và Ngọc Trạo

- Trung tâm hành chính, chính trị kinh tế - xã hội của huyện. Vùng trọng điểm phát triển kinh tế của huyện Thạch Thành nói riêng và của tỉnh nói chung, vùng phát triển đô thị, công nghiệp chế biến chế tạo, chế biến Nông lâm sản; công nghiệp sử dụng nhiều lao động. dịch vụ thương mại, du lịch,

Tiểu Vùng II: vùng sông Bưởi

Gồm 12 xã ven sông Bưởi, vùng giữa của huyện: Thành Mỹ; Thành Yên; Thành Minh; Thành Vinh; Thành Công; Thành Trục; Thạch Long; Thạch Đồng; Thạch Định; Thạch Bình, Thạch Sơn; Thạch Cẩm.

Vùng phát triển với các chứng năng chính: Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao; Công nghiệp chế biến Nông lâm sản, dược liệu; phát triển Du lịch văn hóa, sinh thái cao cấp; dịch vụ thương mại.

Tiểu Vùng III: vùng phía Tây

- Gồm 3 xã: Thạch Quảng; Thạch Tượng; Thạch Lâm.

Vùng phát triển Nông Lâm nghiệp, chăn nuôi; Công nghiệp chế biến Nông lâm sản, hóa dược liệu; dịch vụ thương mại, du lịch.

4.2. Phân vùng phát triển đô thị & nông thôn.

4.2.1. Quy hoạch hệ thống đô thị:

Hiện trạng năm 2020:

- Dân số toàn huyện: 145.046 người,
- Dân số đô thị khoảng: 27.389 người.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 19.1% (đã bao gồm đô thị Thạch Quảng)

Đến năm 2025: dân số toàn huyện khoảng: **150.000 người**

- Đầu tư hạ tầng thị trấn Vân Du, thị trấn Kim Tân và khu vực mở rộng (xã Thành Kim, Thành Vân cũ).

- Thành lập thị trấn Thạch Quảng trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính, dân số xã Thạch Quảng

Đến năm 2025 Thạch Thành có 3 thị trấn.

thị trấn Kim Tân: 15.000 người (hiện trạng: 11.255 người)

thị trấn Vân Du : 15.000 người (hiện trạng: 9.225 người)

thị trấn Thạch Quảng : 8.500 người (hiện trạng: 6.918 người)

+ Dân số đô thị toàn huyện khoảng: 38.500 người.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng **25,67%**.

- Lập điều chỉnh quy hoạch chung 3 đô thị để quản lý, từng bước đầu tư:

Đến năm 2030: dân số toàn huyện khoảng **170.000 người,**

Ổn định quy mô số lượng đô thị, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các đô thị.
Lập quy hoạch chung đô thị mới Thành Minh và Thạch Sơn.

Đến năm 2030 THẠCH THÀNH giữ nguyên 3 thị trấn:

thị trấn Kim Tân: 18.000 người

thị trấn Vân Du : 18.000 người

thị trấn Thạch Quảng : 10.00 người

+ dân số đô thị toàn huyện khoảng **46.000 người.**

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt **26,28%**.

Đến năm 2045: dân số toàn huyện khoảng **190.000 người,**

Sau năm 2030 đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực xã Thành Minh và xã Thạch Sơn. **Thành lập thị trấn Thành Minh và thị trấn Thạch Sơn;**

Đến năm 2045 THẠCH THÀNH có 5 thị trấn:

thị trấn Kim Tân : 25.000 người

thị trấn Vân Du: 25.000 người

thị trấn Thạch Quảng : 15.500 người

thị trấn Thành Minh: 15.000 người

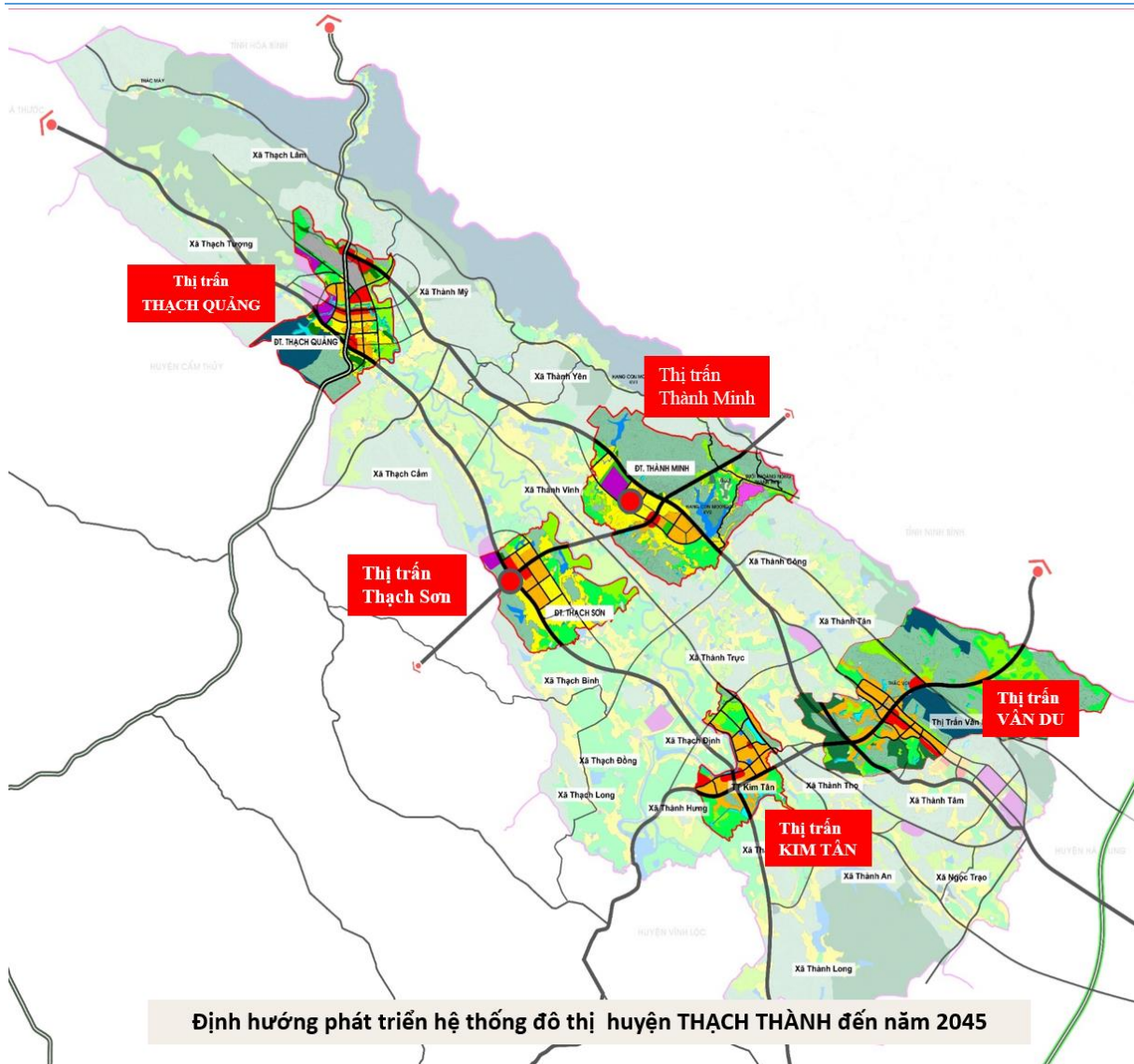
thị trấn Thạch Sơn: 12.000 người

+ dân số đô thị toàn huyện khoảng: **92.500 người.**

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt **48.68%**.

Định hướng phát triển hệ thống đô thị huyện THẠCH THÀNH đến năm 2045

STT	Đô thị	Hiện trạng 2020	Dân số Quy hoạch		Ghi Chú
			Năm 2030	Năm 2045	
1	Thị trấn Kim Tân	11.255	18.000	25.000	Thị trấn Kim Tân
2	Thị trấn Vân Du	9.225	18.000	25.000	Thị trấn Vân Du
3	Thị trấn Thạch Quảng	6.918	10.000	15.500	xã Thạch Quảng
4	Thị trấn Thạch Sơn	6.916	-	12.000	Xã Thạch Sơn
5	Thị trấn Thành Minh	8.883	-	15.000	Xã Thành Minh
Tổng			46.000	92.500	



b) Phân kỳ phát triển đô thị:

** Giai đoạn 2021-2030:*

Phát triển hoàn chỉnh 03 đô thị: thị trấn Kim Tân, thị trấn Vân Du, Đô thị Thạch Quảng (theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Thanh Hóa), đạt tiêu chí tối thiểu đô thị loại V.

** Giai đoạn 2030-2045:*

Tiếp tục đầu tư HTKT; HTXH phát triển hoàn thiện 03 đô thị hiện có. Bổ sung thêm đô thị Thạch Sơn, Thành Minh; phát triển hạ tầng đạt tiêu chí đô thị loại V.

** Các định hướng cụ thể đối với các khu vực phát triển đô thị:*

- Đối với khu vực đô thị hiện hữu (thị trấn Kim Tân; thị trấn Vân Du): Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn; Tập trung xây dựng không gian trung tâm hành chính, cải tạo khu ở hiện hữu, hoàn thiện không gian xanh công cộng. Cải tạo chỉnh trang, xây dựng cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thông tin, thương mại dịch vụ. Xây dựng trụ sở cơ quan, trung tâm hành chính khu đô thị, xây dựng hạ tầng khung. Nâng cấp, xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật

(HTKT). Giữ gìn bản sắc và các không gian quan trọng của thị trấn. Ngoài các quảng trường, công viên đô thị, bố trí các công viên, vườn hoa xen kẽ trong các khu ở, kết nối thành hệ thống không gian xanh.

- Đối với các đô thị, thị trấn mới (Đô thị Thạch Quảng, đô thị Thạch Sơn; Thành Minh): Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, đường điện, trạm nước,...), đầu tư xây dựng các trung tâm hành chính đô thị (Công Sở, Trung tâm văn hóa – thể dục thể thao, quảng trường, công viên,...) các công trình phục vụ xã hội (nhà văn hóa khu phố, sinh hoạt cộng đồng,...). Xây dựng hệ thống không gian mở cho đô thị. Các không gian công viên vui chơi, nghỉ dưỡng đan xen phát triển hài hòa với thiên nhiên; Hình thành các tuyến cây xanh trực tiếp kết nối khu vực phát triển mới với khu làng xóm hiện hữu – nâng cao liên kết xanh; Xây dựng các trung tâm thương mại dịch vụ, siêu thị bán lẻ, các khu văn phòng và dịch vụ phục vụ cư dân đô thị.

4.2.2. Định hướng phát triển các đô thị

Đến năm 2045, Huyện Thạch Thành quy hoạch 05 đô thị:

(01) Thị trấn Kim Tân

Tính chất đô thị

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, khoa học - kỹ thuật của huyện Thạch Thành.

- Là đầu mối giao thông, giao thương quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng huyện Thạch Thành; trung tâm điều hành, hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch tiểu vùng phía Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Quy mô dân số:

- đến năm 2030 khoảng 18.000 người.
- đến năm 2035 khoảng 21.000 người
- Đến năm 2045: khoảng 25.000 người

Cơ cấu tổ chức không gian

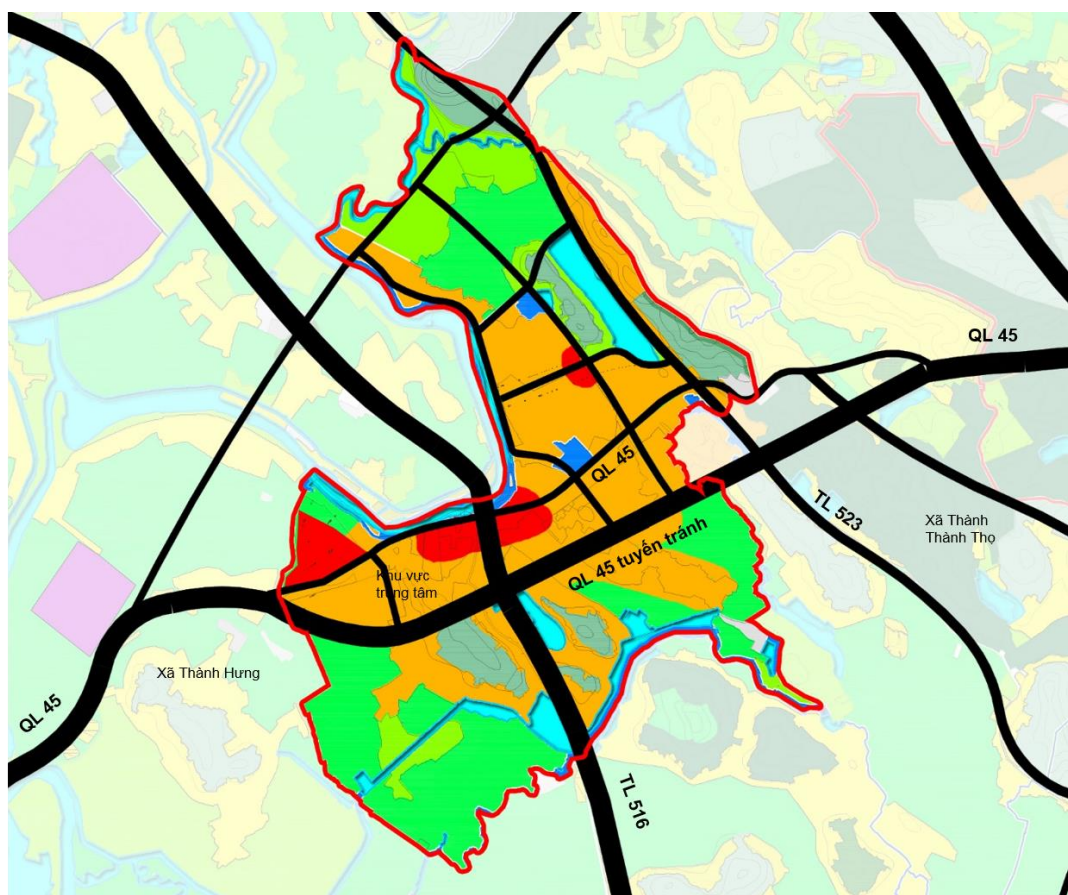
- Hình thành tuyến tránh QL 45 về phía Nam thị trấn, phát triển trên cơ sở địa giới hành chính TT hiện nay (bao gồm xã Thành Kim cũ).

- Khu vực trung tâm đô thị bao gồm: trung tâm hành chính; văn hoá , Y tế, TDTT đô thị... đã được đầu tư xây dựng, giữ nguyên vị trí tại thị trấn Kim Tân hiện nay. Hệ thống các công trình giáo dục, Y tế tính toán theo các tiêu chuẩn hiện hành.

- Các khu sản xuất: Bố trí tại khu vực phía Đông – Nam của đô thị; chủ yếu để di dời các cơ sở sản xuất hiện nay đang ở xen trong các khu dân cư nhằm giảm bớt gây ô nhiễm môi trường.

- Khu thương mại dịch vụ: Bố trí các điểm DV-TM tại các vị trí đầu mối giao thông quan trọng và tại các nút giao thông, trung tâm khu ở, nhóm ở.

- Các khu dân cư: Trên cơ sở ổn định các khu dân cư đã có, bố trí quỹ đất phù hợp đáp ứng quy mô dân số 21.000 người vào năm 2035, phát triển chủ yếu tại các khu vực có quỹ đất thuận lợi, bao gồm khu vực thị trấn Kim Tân hiện nay và khu vực xã Thành Kim (cũ).



(02) Đô thị THẠCH QUẢNG

Tính chất:

- Là Đô thị Dịch vụ - Du lịch và Công nghiệp. Trung tâm tiểu vùng kinh tế phía Tây Bắc huyện Thạch Thành.

Quy mô dân số:

- Đến năm 2030 khoảng 10.000 người.
- Đến năm 2045: khoảng 15.000 người

các chức năng :

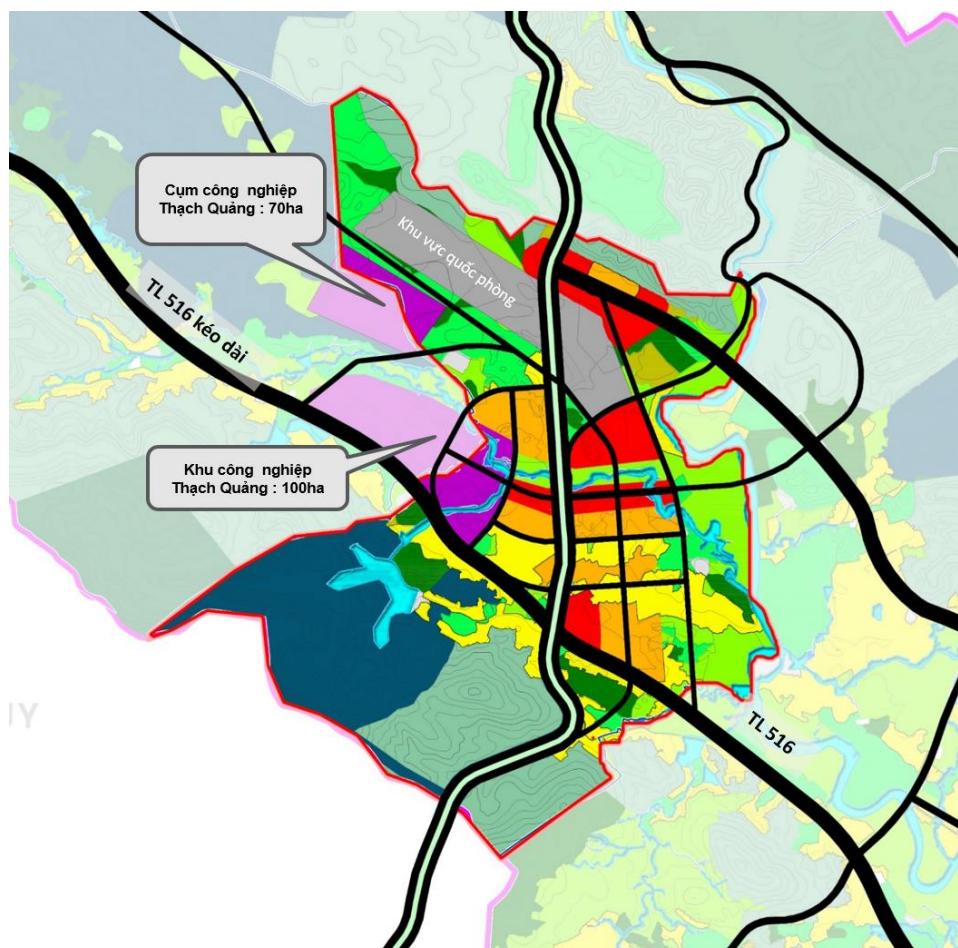
- Dịch vụ, thương mại.
- Du lịch sinh thái.
- Công nghiệp - TTCN địa phương .
- Trung tâm VH, giáo dục, y tế, TDTT của tiểu vùng.

Trung tâm đô thị: được bố trí tại khu vực thôn Quảng cư và thôn Quảng Yên xã Thạch Quảng hiện nay

Dân cư đô thị: Các khu dân cư này bố trí phía Đông đường HCM, gần trung tâm đô thị và các khu dịch vụ du lịch, thương mại.

Khu công nghiệp: bố trí về phía Tây đường HCM (thuộc đất xã Thạch Quảng và Thạch Tượng hiện nay) 2 bên trục đường từ trung tâm đô thị đi xã Thạch Tượng.

Bổ sung Cụm CN Thạch Quảng quy mô khoảng 70 ha



(03) THỊ TRẤN VÂN DU

Tính chất đô thị

Là trung tâm công nghiệp chế biến chế tạo; công nghiệp chế biến nông lâm sản, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa nói chung và huyện Thạch Thành nói riêng; cùng với thị xã Bim Sơn, Vân Du là đô thị hạt nhân vùng kinh tế động lực phía Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Định hướng phát triển đô thị :

Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi phát triển đô thị dọc tuyến đường Quốc lộ 217B và dọc đường Quốc lộ 45, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; Bố trí tổ chức các không gian chức năng thương mại, dịch vụ và công cộng tạo động lực thu hút giảm cách dân cư từ vùng lõi thị trấn.

Khoanh vùng bảo vệ Khu di tích thắng cảnh Đền Phố Cát - Thác Voi. Phát triển du lịch và quảng bá các sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu, tiến tới xây dựng, hình

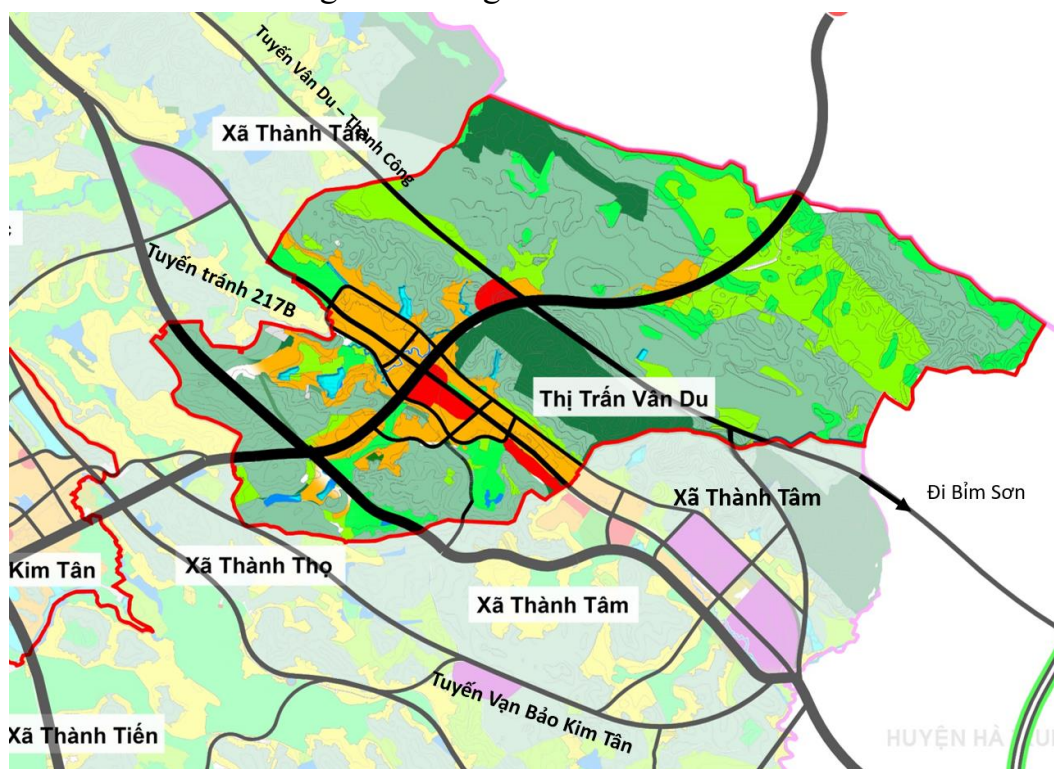
thành khu du lịch tâm linh, khám phá, trải nghiệm gắn với du lịch sinh thái.

- Hình thành tuyến tránh QL 217B thị trấn; tuyến tránh QL 45 qua đến Phố Cát
- Mở rộng cụm Công nghiệp Vân Du 1 và Vân Du 2 lên khoảng 75ha/cụm
- Xây dựng trung tâm VH – TDTT _ Y tế cấp vùng huyện (khu wvcj phía Nam dốc Lụi)

Sau năm 2030, cùng với Bỉm Sơn hình thành vùng đô thị - công nghiệp Bỉm Sơn – Thành phía Bắc tỉnh theo định hướng Quy hoạch tỉnh.

Quy mô dân số:

- đến năm 2030 khoảng: 18.000 người.
- đến năm 2035 khoảng: 21.500 người
- đến năm 2045 khoảng: 25.000 người



(04). ĐÔ THỊ THÀNH MINH

Dự kiến hình thành sau năm 2030 trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính, dân số xã Thành Minh (diện tích khoảng 33.6km²)

Luận chứng cơ sở hình thành:

- Hiện nay khu vực QL 45 và tuyến đường HCM (khoảng cách khoảng 30km) chưa có đô thị để tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội khu vực giữa huyện
- Khu vực Thành Minh có lợi thế nằm trên hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh (QL217B); là điểm giao của tuyến đường Minh Sơn – Thành Minh với QL 217B. Mặt khác Thành Minh có điều kiện về quỹ đất bằng để phát triển đô thị.

Tính chất đô thị

Là đô thị động lực, trung tâm tiểu vùng tả ngạn sông Bưởi, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực tả ngạn sông Bưởi nói riêng và vùng giữa huyện Thạch Thành nói chung.

Định hướng phát triển đô thị:

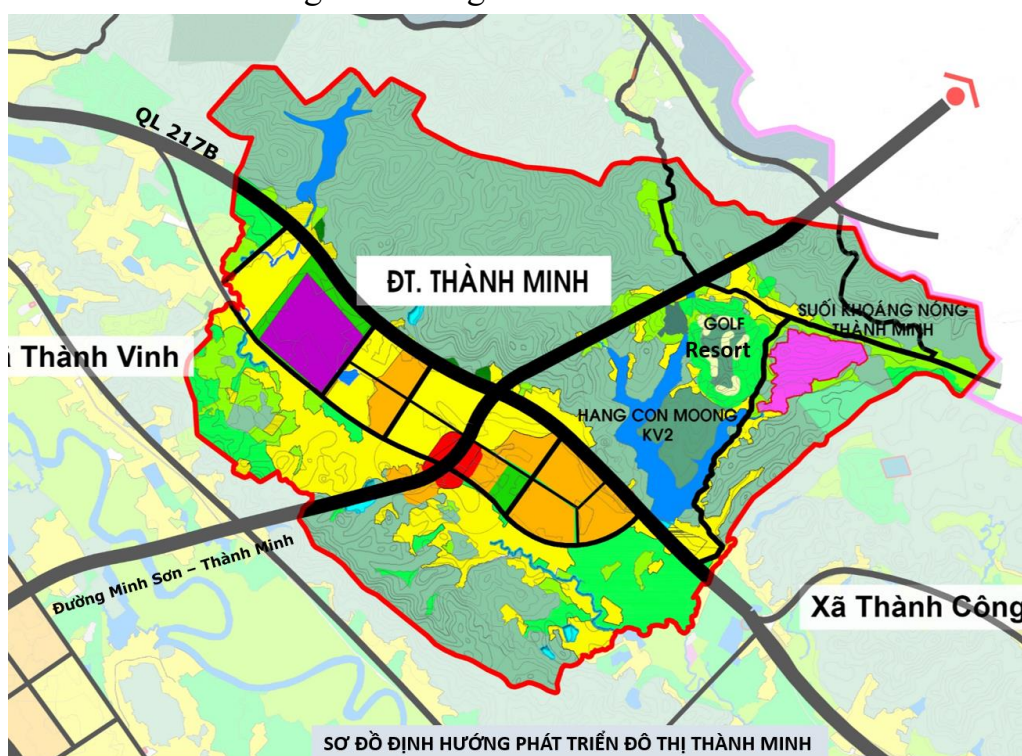
Đô thị Thành Minh phát triển về phía Nam tuyến Quốc lộ 217B và dọc đường Minh Sơn – Thành Minh (theo định hướng QH giao thông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030), xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tổ chức các không gian chức năng thương mại, dịch vụ và công cộng tạo động lực phát triển cho đô thị

Bổ sung Cụm CN Thành Minh với chức năng chế biến nông lâm sản, dược liệu, nghề truyền thống

Phát triển du lịch cao cấp: suối nước nóng thành Minh; xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (Resort, Golf) khu vực phía bắc hồ Bình Công.

Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 8.800 người
- đến năm 2045 khoảng: 15.000 người



(5). ĐÔ THỊ THẠCH SƠN

Dự kiến hình thành sau năm 2030 trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính, dân số xã Thạch Sơn (Hiện trạng 2020: diện tích 16,9km², dân số 6.916 người)

Luận chứng cơ sở hình thành:

- Cùng với đô thị Thành Minh, đô thị Thạch Sơn hình thành để tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội khu vực giữa huyện Thạch Thành nói chung và khu vực hữu ngạn sông Bưởi nói riêng, Phát huy lợi thế là điểm giao tuyến TL 516 và tuyến đường Minh Sơn – Thành Minh theo QH tỉnh. Mặt khác khu vực Thạch Sơn có điều kiện về quỹ đất bằng để xây dựng đô thị, cơ sở KT – XH phát triển.

Tính chất đô thị

- Là đô thị động lực, trung tâm tiểu vùng hữu ngạn sông Bưởi, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội các xã lân cận. Phát triển dịch vụ thương mại, công

ng nghiệp chế biến nông lâm sản

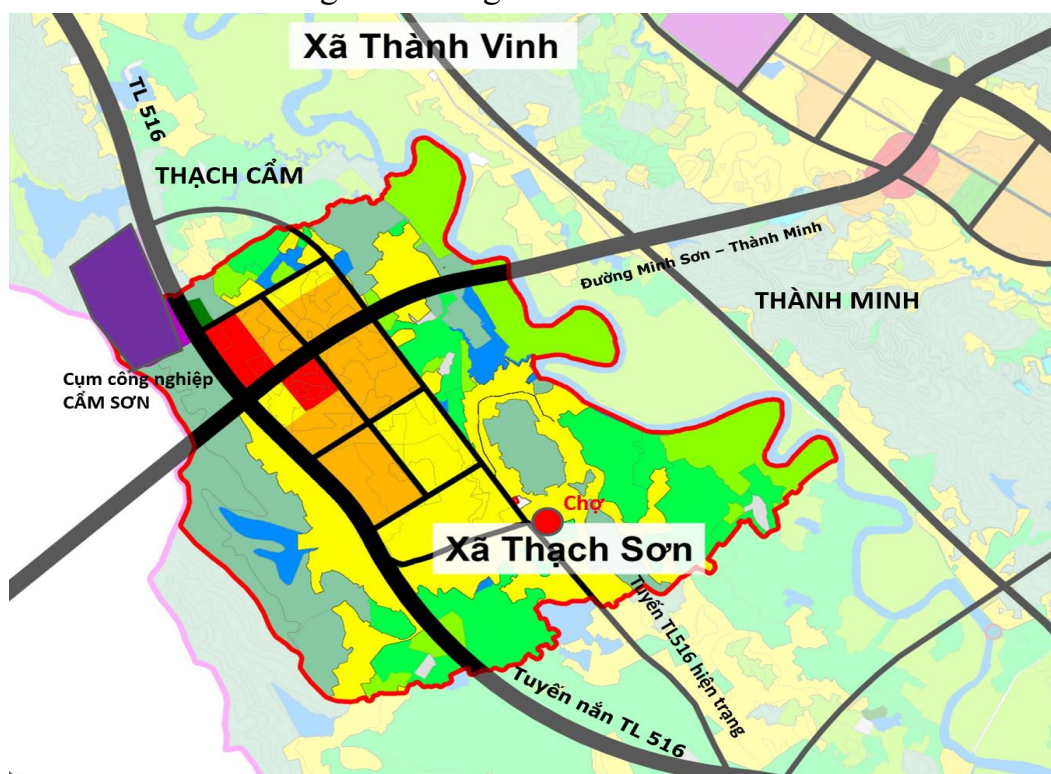
Định hướng phát triển đô thị:

Nấn tuyến TL 516 về phía Nam, Đô thị Thạch Sơn phát triển về phía Bắc tuyến TL 516 và dọc đường Minh Sơn – Thành Minh, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tổ chức các không gian chức năng thương mại, dịch vụ và công cộng tạo động lực phát triển cho đô thị

Đề tạo động lực phát triển đô thị nói riêng và khu vực hữu ngạn sông Bưởi nói chung. Bổ sung Cụm CN Cẩm Sơn (nằm giữa ranh giới Thạch Sơn và Thạch Cẩm) với chức năng chế biến nông lâm sản, dược liệu, nghề truyền thống.

Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 6.919 người
- đến năm 2045 khoảng: 12.000 người



4.2.3. Định hướng phát triển khu vực nông thôn.

Các khu dân cư nông thôn quy hoạch theo hướng xen cư, san ghép hộ. Khi quy hoạch cần chú ý tới hệ thống đường thôn xóm, cấp thoát nước, các công trình phúc lợi công cộng. Quy hoạch khu dân cư mới với phương châm tận dụng được cơ sở hạ tầng, trên cơ sở phát triển mở rộng các cụm điểm dân cư đã có. Từ đó có thể bố trí đất ở trên các trục đường giao thông. Ưu tiên mở rộng cho các điểm dân cư trung tâm xã. Đối với khu dân cư mới của vùng kinh tế, cần phải quy hoạch theo hướng đô thị hoá, đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi phục vụ cho đời sống theo tiêu chí nông thôn mới.

Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông, lâm nghiệp, xây dựng các trung tâm cụm xã - các điểm dân cư nông thôn để vừa khai thác các tiềm năng sẵn có, vừa tạo động lực mới, làm điểm tựa phát triển kinh tế, trung tâm dịch vụ thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông, lâm nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Các định hướng chung tổ chức khu dân cư nông thôn như sau:

a. Quy hoạch xây dựng các điểm trung tâm cụm xã và các cơ sở tạo thị:

- Các xã phía Tây Bắc gồm: Thạch Lâm, Thạch Tượng, Thành Mỹ, Thành Yên, Thành Minh. Phát triển nông lâm nghiệp toàn diện trong đó sản xuất chính là nghề rừng, trồng cây công nghiệp; cây dược liệu, cây ăn quả; các loại cây thức ăn gia súc gia cầm... và chăn nuôi, định hướng các ngành mới gắn với phát triển du lịch, sinh thái cộng đồng (rừng Cúc Phương, Hang Con Moong, suối, thác,..), phát triển các điểm dịch vụ, giao thương hàng hóa dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, với trung tâm là đô thị Thạch Quảng.

- Các xã vùng hữu sông Bưởi gồm: Thạch Bình, Thạch Đồng, Thạch Định, Thạch Long và Thạch Cẩm. Phát triển nông lâm nghiệp toàn diện, trong đó sản xuất chính là trồng cây lấy gỗ nhỏ và nhỏ. Mở rộng phát triển kinh tế trang trại, chăn nuôi đại gia súc quy mô lớn, tập trung, ứng dụng khoa học kỹ thuật cao. Khôi phục lại các làng nghề thủ công như sửa chữa cơ khí, đan lát mây tre đan, mây giang xiên. Phát triển các trung tâm giao thương hàng hóa, dọc đường tỉnh 516 và đường quy hoạch mới Minh Sơn – Thành Minh nối 3 Quốc lộ (QL.47- QL. 217 – QL.217B), với trung tâm là đô thị Thạch Sơn.

- Các xã vùng tả sông Bưởi gồm: Thành Trục, Thành Vinh, Thành Thọ, Ngọc Trạo, Thành An, Thành Tiến, Thành Long, Thành Hưng. Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực hiện mô hình cá lúa kết hợp, trồng cây ngắn ngày. Mở rộng phát triển kinh tế trang trại, chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò). Phát triển các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, sản xuất chế biến nông sản thực phẩm, sửa chữa cơ khí và phát triển các ngành dịch vụ, du lịch gắn với khu bảo tồn hang Con Moong, rừng

Cúc Phương,... phát triển dọc QL217B với trung tâm là thị trấn Vân Du.

- Các xã vùng phía Nam gồm: Thành Minh, Thành Công, Thành Tâm, TT Vân Du. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, khai thác lợi thế để phát triển cây cao su, mía, cây ăn quả và nông lâm kết hợp. Phát triển các ngành dịch vụ, khôi phục và phát triển các làng nghề thủ công mỹ nghệ.

b. Quy hoạch mạng lưới các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng nông thôn:

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-30ha, quy mô dân số từ 2.000 - 3.000 người. Đây là trung tâm kinh tế, văn hoá của xã. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã...được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 2km.

- Trung tâm thôn xóm: nhà văn hóa thôn, trường mầm non... nên được bố trí tập trung kết hợp với các không gian công cộng, nghỉ ngơi để tạo không gian trung tâm cho thôn xóm.

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, hiện nay các tuyến này đã có dân cư khá đông, cần quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội v.v.

- Cần lưu ý các giải pháp quy hoạch để bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan kiến trúc truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn huyện. Bảo tồn các công trình di tích lịch sử có giá trị, các kiến trúc nhà ven đồi, nhà sàn đặc trưng vùng miền, làng văn hóa truyền thống.

- Đối với cảnh quan làng bản, khu dân cư: cải tạo chỉnh trang các thôn, xóm trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch. Có thể tổ chức thành từng nhóm nhà ở cùng chia sẻ các dịch vụ công cộng, phù hợp phát triển xây dựng. Mô hình đô thị trang trại tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

Các điểm dân cư nông thôn được đầu tư hạ tầng kỹ thuật - xã hội có định hướng, có quy hoạch là điều kiện cũng như cơ hội phát triển, tương lai sẽ trở thành một bộ phận của đô thị mở rộng hoặc cấu trúc làng xã bền vững.

Đối với các khu vực có nguy cơ cao về thiên tai. Tập trung theo hiện theo “Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025”. Cụ thể trên địa bàn huyện Thạch Thành có 35 hộ xã Thạch Lâm thực hiện tái định cư xen ghép và 16 hộ xã Thạch Tượng thực hiện tái định cư liền kề. Vì vậy, đề nghị cập nhật vào quy hoạch.

4.3. Định hướng phát triển công nghiệp.

4.3.1. Định hướng chung:

Thạch Thành được xác định thuộc 1 trong 4 trung tâm kinh tế động lực của tỉnh: TP Thanh Hóa-Sầm Sơn; Nghi Sơn; Lam Sơn - Sao Vàng và Bim Sơn – Thạch Thành.

Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045 đã nêu rõ “*Không gian công nghiệp phía Bắc: Tập trung ở các khu vực Bim Sơn, Thạch Thành, Hà Trung và các khu vực lân cận. Không gian công nghiệp ở đây chủ yếu mở rộng theo tuyến QL1A và đường Bim Sơn - Thạch Quảng*”.

Phát triển Công nghiệp huyện Thạch Thành gắn với các hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh đi qua huyện, trọng điểm là trục QL 217B, khu vực Vân Du, Thành Tâm;

Với các ngành công nghiệp chủ yếu: KCN tập trung đa ngành nghề, chủ yếu tập trung công nghiệp điện tử, tự động hóa, công nghiệp lắp ráp các thành phẩm cơ khí chính xác và siêu chính xác, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; công nghiệp hàng nội thất cao cấp; dệt may, sản xuất dụng cụ y tế; chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, dược liệu... sử dụng công nghệ cao, đảm bảo môi trường.

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ cả trong và ngoài các Khu, cụm công nghiệp hiện có.

Phát triển cụm công nghiệp trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương. Mở rộng các cụm công nghiệp có điều kiện phát triển thuận lợi.

Dịch chuyển các nhà máy xí nghiệp ô nhiễm ra khỏi trung tâm thị trấn. Cải thiện không gian cây xanh cảnh quan môi trường cho các nhà máy xí nghiệp; Đồng bộ hóa mạng lưới hạ tầng đảm bảo các điều kiện hoạt động phát triển và bảo vệ môi trường. Dành các quỹ đất đón đầu cho các dịch vụ trung chuyển và các hoạt động giao thương hàng hóa;

4.3.2. Phân bổ không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện.

Đến năm 2045 toàn huyện Thạch Thành được quy hoạch: 01 KCN và 08 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 650ha.

Giai đoạn đến năm 2030: 310ha

(1 Khu CN và 03 Cụm công nghiệp)

- Khu CN Thạch Quảng: 140ha

1. Cụm công nghiệp Vân Du 1: 50ha

Công nghiệp chế biến chế tạo; nông lâm sản, vật liệu xây dựng, các ngành hỗ trợ (SX bao bì, đóng gói....) các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, cơ khí nông nghiệp.

2. Cụm Công nghiệp Vân Du 2: 50ha

Chế biến nông lâm sản, cơ khí; các ngành sử dụng nhiều lao động, nghề truyền thống.

3. Cụm Công nghiệp Thạch Bình: 70ha

Chế biến nông lâm sản, các ngành sử dụng nhiều lao động, nghề truyền thống, chế biến hóa dược liệu.

Giai đoạn đến năm 2045: 340 ha

Quan điểm chung:

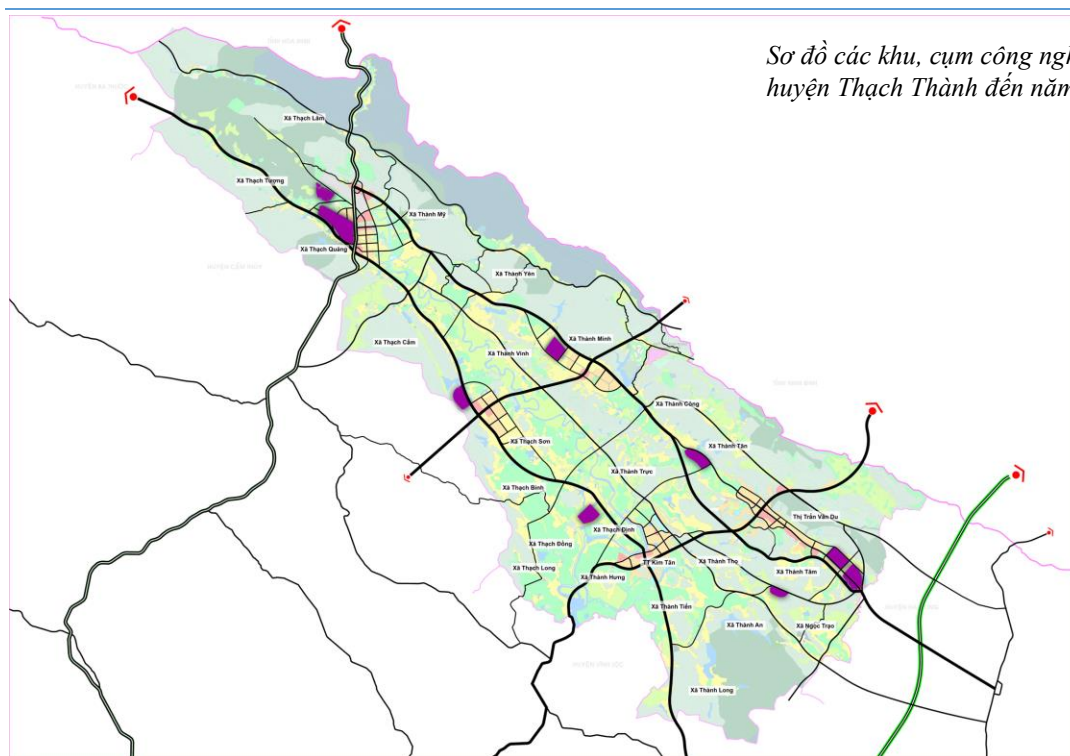
- Tận dụng tối đa ưu thế Thạch Thành nằm trên các hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh đi qua huyện; ưu thế về quỹ đất thuận lợi, nguồn lao động, nguồn nguyên liệu..
- Tất cả các cụm CN, các nhà máy phải có trạm xử lý nước thải, trồng cây xanh cách ly ngay từ bước đầu tư hạ tầng

Đến năm 2045, huyện Thạch Thành bổ sung thêm các cụm công nghiệp

1. Cụm Công nghiệp Thành Minh: 70ha
2. Cụm Công nghiệp Thành Tân : 50ha
3. Cụm Công nghiệp Thạch Sơn : 50ha
4. Cụm công nghiệp Ngọc Trạo : 50ha
5. Cụm Công nghiệp Thạch Quảng: 70ha

Mở rộng Cụm CN Vân Du 1 và Vân Du 2: 50ha (CCN Vân Du 1: từ 50 lên 75ha; CCN Vân Du 2 từ 50ha lên 75ha)

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.



Sơ đồ các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thành đến năm 2045

Bảng tổng hợp Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thành đến năm 2045

STT	Tên khu, Cụm công nghiệp	Vị trí	HIỆN TRẠNG (ha)	QUY HOẠCH ĐẾN		Ghi chú
				NĂM 2030	NĂM 2045	
I	KHU CÔNG NGHIỆP		140	140	140	
1	KCN THẠCH QUẢNG	X. Thạch Quảng & Thạch Tượng	140	140	140	
II	CỤM CÔNG NGHIỆP		70,0	310,0	650	
1	CCN Vân Du 1	Xã Thành Tâm	50,0	50,0	75,0	
2	CCN Vân Du 2	Xã Thành Tâm	50,0	50,0	75,0	
3	CCN Thạch Bình	Xã Thạch Bình	-	70	70,0	
4	CCN Thành Minh	xã Thành Minh	-	-	70,0	
5	CCN Thạch Sơn	Xã Thạch Sơn	-	-	50,0	
6	CCN Thành Tân	Xã Thành Tân	-	-	50,0	
7	CCN Ngọc Trạo	Xã Ngọc Trạo và Thành An	-	-	50	
8	CCN Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng	-	-	70	
Tổng			170 (ha)	310 (ha)	650(ha)	

Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp đã có quy hoạch Vân Du 1 & 2; tìm kiếm nhà đầu tư, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp QH mới: Thạch Quảng; Ngọc Trạo; Thành Tân; Thạch Sơn; Thành Minh.

- Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống: Đầu tư sản xuất mây

giang xiên tại Thị trấn Vân Du, hàng mây tre đan mỹ nghệ ở Thành Công - Thành Vinh. Khôi phục các nghề thủ công như thêu ren, mây tre đan, nứa cuốn, mộc dân dụng ở thị trấn Vân Du, thị trấn Kim Tân.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở mở rộng sản xuất kinh doanh, quan tâm hỗ trợ về các thủ tục hành chính, đất đai, giải phóng mặt bằng...tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp đầu tư các dự án công nghiệp vào địa bàn, ưu tiên thu hút các dự án nhằm phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến chế tạo, chế biến nông lâm sản, dược liệu các ngành công nghiệp sử dụng nhiều nguyên liệu, lao động địa phương, có quy mô vốn lớn, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường... tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng kinh tế toàn huyện; cùng với thị xã Bỉm Sơn sớm hình thành trung tâm kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh.

4.4. Định hướng phát triển du lịch

Mục tiêu đến 2025 Thạch Thành trở thành điểm đến du lịch mới và hấp dẫn của tỉnh Thanh Hóa và Việt Nam; đến năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện

4.4.1. Quan điểm và định hướng chung phát triển du lịch

- Muốn phát triển được du lịch, phải tìm các giá trị đặc sắc, chỉ ra được sự khác biệt, độc đáo của THẠCH THÀNH. Nêu ra được các giải pháp, chỉ ra được những việc cụ thể phải làm để phát triển du lịch. Trên cơ sở đó tìm kiếm các sản phẩm, loại hình du lịch mới, độc đáo, khác lạ mà chỉ có ở Thạch Thành, không có ở bất kỳ đâu.

Các điểm đặc sắc của THẠCH THÀNH đó là:

1. Khu di tích hang CON MOONG: đây là khu vực chứa nhiều huyền tích kỳ bí thời tiền sử, có tính khác biệt độc đáo so với cả tỉnh và cả nước, mang tầm thế giới. Nếu đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng thương hiệu có thể THU HÚT NHÀ ĐẦU TƯ lớn.

2. Nhiều thác nước đẹp: Thác Voi, Thác Mây

3. Đền Phó Cát là một trong những trung tâm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu lớn của cả nước.

4.4.2. Định hướng phát triển

Trên cơ sở Đề án Phát triển du lịch huyện Thạch Thành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. và đưa ra định hướng sau năm 2030 (QĐ 1528/QĐ-UBND

ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh). Kêu gọi các nhà đầu tư khai thác các tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch. Xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển du lịch như: đường giao thông, bãi đỗ xe, điểm dừng nghỉ du lịch, nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, trung tâm vui chơi giải trí tại địa bàn du lịch trọng điểm.

Tập trung từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp, phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch có chất lượng cao, đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, trong đó ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch xanh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, xây dựng các tour, tuyến, điểm đến du lịch, mở rộng thị trường khách phù hợp cho du lịch Thạch Thành. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch đồng bộ cả về số lượng lẫn chất lượng; xây dựng môi trường du lịch an toàn, văn minh, thu hút các nhà đầu tư và du khách. Phấn đấu đến năm 2025 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế có đóng góp quan trọng cho sự phát triển bền vững của huyện, trở thành điểm đến hấp dẫn của du lịch tỉnh Thanh Hóa.

Đầu tư phát huy giá trị các công trình di tích lịch sử, đặc biệt là du lịch khám phá thiên nhiên, trải nghiệm, cộng đồng, là thế mạnh của huyện để khai thác phục vụ phát triển du lịch văn hóa, danh lam thắng cảnh. Phát huy và bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Phát triển du lịch sinh thái với các khu nghỉ dưỡng sinh thái suối, rừng,... Tận dụng lợi thế địa hình đặc trưng, thuận lợi cho việc thu hút khách du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch, khai thác các loại hình du lịch như du lịch như tham quan thắng cảnh, thưởng thức văn hóa ẩm thực địa phương, dân tộc ít người, nghỉ dưỡng tại các vùng có cảnh quan đẹp Hang Con Moong, Rừng Cúc Phương, Thác Mây, Thác Voi,... Xây dựng các tour, tuyến du lịch văn hóa, lịch sử như Chiến Khu Ngọc Trạo,... sinh thái kết hợp mua sắm các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Định hướng các khu vực du lịch huyện Thạch Thành

- Khu vực 1 (Khu vực xã Thạch Lâm): Quy mô: Khoảng 6.521,4ha; phát triển sản phẩm: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch tìm hiểu văn hóa, làng nghề.

- Khu vực 2 (Khu vực xã Thành Yên - Thành Minh): Quy mô: Khoảng 7.789,25ha; phát triển sản phẩm: Du lịch khảo cổ, du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng;

- Khu vực 3 (Khu vực thị trấn Vân Du - xã Thành Tân - xã Thành Công):

Quy mô: Khoảng 8.852,44ha; phát triển sản phẩm: Du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch trang trại nông nghiệp;

4.4.3. Quy hoạch các Khu, điểm du lịch:

- Các khu du lịch

+ Khu Du lịch Hang Con Moong và vùng phụ cận: quy mô khoảng 997,6 ha (theo Quyết định số: 1290/QĐ-TTg ngày 24/8/2020).

+ Khu Du lịch Rừng Cúc Phương: nằm trên địa phận 03 tỉnh Ninh Bình, Hòa Bình và Thanh Hóa (huyện Thạch Thành). Với tổng diện tích khoảng 22.200 ha, trong đó có khoảng 5.850 ha trên phạm vi địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Khu du lịch cao cấp hồ Bình Công và vùng phụ cận

+ Khu du lịch sinh thái: Thác Mây (180ha), Thác Voi (200ha);

- Các điểm du lịch

+ Điểm du lịch sinh thái, văn hóa tín ngưỡng thiền viện Tịnh Lạc

+ Điểm du lịch tín ngưỡng tâm linh: Đền Phố Cát.

+ Điểm du lịch lịch sử cách mạng: Chiến khu Ngọc Trạo và vùng phụ cận

+ Các điểm du lịch theo Đề án Phát triển du lịch huyện Thạch Thành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. và đưa ra định hướng sau năm 2030 (QĐ 1528/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh).

4.4.4. Quy hoạch các tuyến du lịch:

Các tuyến liên kết nội huyện:

Thời gian: 1-2 ngày; loại hình vận chuyển: Đường bộ;

Bao gồm:

- Tuyến 1: Vân Du - Thành Tân - Thành Công: Trang trại cam, bưởi công nghệ cao - Thác Voi - Đền Phố Cát - Thiền viện Tịnh Lạc.

- Tuyến 2: Vân Du - Thành Tân - Thành Công - Thành Minh - Thành Yên - Thạch Lâm, bao gồm: (1) Khu trang trại cam, bưởi công nghệ cao – Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh - Vó Ấm - Thác Đẹn - Hang Con Moong. (2) Thác Voi - Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh - Vó Ấm - Thác Đẹn - Hang Con Moong - Thác Mây - Làng nhà sàn cổ.

- Tuyến 3: Thạch Lâm - Thành Mỹ - Kim Tân - Vân Du - Ngọc Trạo: Làng nhà sàn cổ - Thác Mây - Đình Mừng Đòn - Chùa Cảnh Yên - Đền Phố Cát - Thiền viện Tịnh Lạc - Chiến khu du kích Ngọc Trạo.

- Tuyến 4: Ngọc Trạo - Vân Du - Thành Yên: Chiến khu du kích Ngọc Trạo - Thiền viện Tịnh Lạc - Đền Phố Cát - Thác Voi - Hang Con Moong.

***/ Các tuyến du lịch liên kết nội tỉnh:** Thời gian: 2-3 ngày; loại hình vận chuyển: Đường bộ;

Tuyến du lịch theo hành lang kinh tế QL 217B: Thị xã Bỉm Sơn (đền Sòng, đền Chín Giếng) – huyện Hà Trung (đoạn qua xã Hà Long gắn với Khu di tích lịch sử văn hoá Lăng Miếu Triệu Tường) – huyện Thạch Thành (Đền Phó Cát, thác Voi, Hang Con Moong) – VQG Cúc Phương (tỉnh Ninh Bình); Tuyến hành trình di sản “Hà Nội (Hoàng thành Thăng Long) – Ninh Bình (Tràng An) – Thạch Thành (Hang Con Moong) – Vĩnh Lộc (Thành Nhà Hồ) – Nghệ An (Thành Vinh);...

Các tuyến khác:

- *Tuyến Thạch Thành – Thường Xuân:* Thác Mây - Làng nhà sàn cổ - Đình Mừng Đòn - Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh - Hồ Cửa Đạt - Du lịch cộng đồng Bản Mạ - Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- *Tuyến Thạch Thành – Vĩnh Lộc - Sầm Sơn:* Đền Phó Cát - Thiền viện Tịnh Lạc - Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh - Vó Ấm - Thác Đẹn - Hang Con Moong - Đình Mừng Đòn - Chùa Cảnh Yên - Chiến khu Ngọc Trạo - Thành Nhà Hồ - Biển Sầm Sơn.

- *Tuyến Thạch Thành - Bá Thước:* Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh - Vó Ấm - Thác Đẹn - Hang Con Moong - Bản Hiêu - Bản Kho Mừng. - *Tuyến Thạch Thành - Quan Hóa:* Thác Mây - Làng nhà sàn cổ - Đình Mừng Đòn - Du lịch cộng đồng bản Hang - Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- *Tuyến Thạch Thành - Cẩm Thủy - Vĩnh Lộc:* Hang Con Moong - Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh - Thác Mây - Suối cá Cẩm Lương - Thành Nhà Hồ - Đền tế Nam Giao - Động Hồ Công - Phủ Trịnh - Động Kim Sơn.

***/ Các tuyến du lịch ngoại tỉnh:** Thời gian: 3-5 ngày; loại hình vận chuyển: Đường bộ;

Bao gồm:

- Hà Nội – Mai Châu – Pù Luông – Thạch Thành – Ninh Bình.

- Hà Nội – Ninh Bình – Thạch Thành – Vĩnh Lộc – Nghệ An.

- Sầm Sơn – Thạch Thành – Mai Châu – Mộc Châu.

4.4.5. Phát triển sản phẩm du lịch và thị trường khách

* Đến năm 2025:

- Ưu tiên phát triển du lịch tại khu vực xã Thạch Lâm (gồm Thác Mây, làng nhà sàn cổ) và khu vực thị trấn Vân Du, xã Thành Tân và xã Thành Công (gồm Đền Phó Cát, Thiền viện Tịnh Lạc, Khu trang trại nông nghiệp công nghệ cao).

- Từng bước đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; chú trọng phát triển các dòng sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tham quan, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch nông nghiệp...; Khu du lịch Thác Voi thành điểm du lịch nổi trội, thu hút khách du lịch.

* Đến năm 2030:

- Tập trung phát triển du lịch khu vực xã Thành Yên và xã Thành Minh, tập trung tại khu vực hang Con Moong và các di tích phụ cận (theo Quyết định số 1290/QĐ-TTg ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khảo cổ Hang Con Moong và các di tích phụ cận), Khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Thành Minh, thác Đền, hồ Vững Sứ ...

- Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch khảo cổ, khám phá thiên nhiên, du lịch cộng đồng...

Thị trường khách du lịch:

- Thị trường khách du lịch nội địa: Thu hút thị trường khách du lịch trong tỉnh, khách du lịch từ Hà Nội; phát triển và mở rộng một số thị trường tiềm năng như: Khách du lịch tại các thành phố của các khu vực miền bắc, Bắc Trung bộ, thị trường khách du lịch tại tỉnh miền Nam và Nam Trung bộ.

- Trong tương lai hướng tới thị trường khách du lịch quốc tế

4.4.6. Định hướng Phát triển du lịch tại khu di sản hang Con Moong

- *Xây dựng khu vực Thành Minh, Thành Yên thành khu vực trọng điểm du lịch của Thanh Hóa với các sản phẩm, loại hình du lịch mới, độc đáo, khác lạ so với các khu du lịch tại Việt Nam hiện nay mới cạnh tranh được*

==> Cần phải có Nhà đầu tư lớn, đồng bộ

Xây dựng CÔNG VIÊN CHUYÊN ĐỀ tại khu di sản Hang Con MOONG kết hợp khu nghỉ dưỡng cao cấp (Golf Resort) tại khu vực phía Bắc hồ Bình Công và khu du lịch suối nước nóng Thành Minh hình thành vùng du lịch lớn.

+ Tham quan vùng di sản hang Con Moong;

+ Công viên chuyên đề tái tạo cuộc sống người tiền sử: Du khách sẽ Trải nghiệm sống, sinh hoạt, lao động sản xuất, nhà ở; ẩm thực, mặc trang phục thời tiền sử; tự ghè đá để lấy lửa nướng thịt...

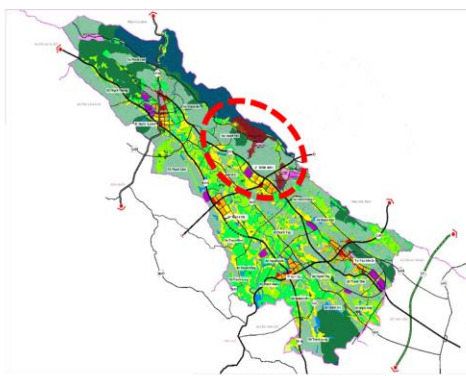
+ XD Cáp treo, tàu điện nối các khu hang Con Moong và các di sản lân cận: Núi đầu Voi – hang Con Moong – khu Công Viên - hồ Bình Công.

+ Nghỉ dưỡng tại khu khoáng nóng Thành Minh

+ Golf & Resort phía Bắc hồ Bình Công

Liên kết điểm đến Di Sản: Thành nhà Hồ - hang CON MOONG – Tràng An Bái Đình

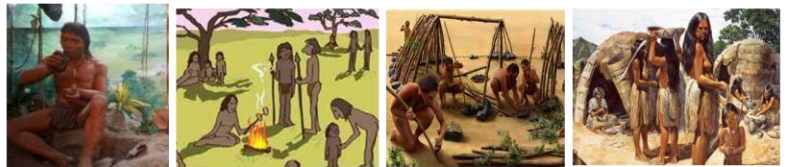
3.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH - Vùng di sản Hang Con Moong



Xây dựng khu vực Thành Minh, Thành Yên thành khu vực trọng điểm du lịch của Thanh Hóa với các sản phẩm, loại hình du lịch mới, độc đáo, khác lạ so với các khu du lịch tại Việt Nam hiện nay.

==> Cần phải có Nhà đầu tư lớn, đồng bộ

- + Tham quan vùng di sản hang Con Moong;
- + Công viên chuyên đề gắn với tích sử hang Con Moong: tái tạo cuộc sống người tiền sử: Du khách sẽ Trải nghiệm sống, sinh hoạt, lao động sản xuất, nhà ở; ẩm thực, mặccc trang phục thời tiền sử; tự ghê đá để lấy lửa nướng thịt...
- + Các khu ở dạng sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp
- + Khu du lịch sinh thái Bắc hồ Bình Công: suối khoáng nóng Thành Minh; Golf & Resort, biệt thự cao cấp.



4.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

4.5.1. Trung tâm Hành chính chính trị huyện:

Ổn định tại thị trấn Kim Tân, xây mới, mở rộng, nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan, bổ sung các công trình hạng mục thiết yếu.

4.5.2. Hệ thống thương mại dịch vụ:

- Với ưu thế có 3 tuyến giao thông lớn quan trọng đi qua khu vực huyện: QL.217B & QL 45 và đường Hồ Chí Minh. Phát triển thương mại ngoại vùng: dịch vụ trung chuyển hàng hóa, hành khách, dịch vụ Kho vận..

- Định hướng phát triển ngành thương mại dịch vụ xác định cần hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn huyện, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực thị trấn Thạch Quảng, Vân Du..

- Đón đầu các dịch vụ hậu cần Công nghiệp cho KCN Thạch Quảng; Vân Du 1%2. Ngoài các điểm trung tâm thương mại ở các đô thị. Hình thành các cụm thương mại - dịch vụ tại khu vực có vị trí giao lưu thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung hoặc gắn với các cụm công nghiệp,

các khu du lịch, nghỉ dưỡng...

** Trung tâm thương mại – dịch vụ:*

- Trung tâm thương mại đầu mối chính của vùng: xây dựng tại đô thị trung tâm – thị trấn Kim Tân. Có chức năng là trung tâm phát luồng hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện (dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng, tín dụng, vận tải, thông tin liên lạc, tư vấn pháp luật...)

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp khu vực: xây dựng tại khu vực sau:

+ Đô thị trung tâm - thị trấn Kim Tân: xây dựng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng dịch vụ....

+ Đô thị công nghiệp – thị trấn Vân Du: thương mại, dịch vụ công nghiệp, dịch vụ du lịch.

+ Đô thị mới Thạch Quảng: thương mại dịch vụ phục vụ dân cư, dịch vụ vận tải, xăng dầu, dịch vụ nông lâm nghiệp, dịch vụ du lịch. Đầu mối giao thương phía Tây Bắc.

+ Đô thị mới Thạch Sơn: thương mại dịch vụ phục vụ dân cư, trung tâm giao thương hàng hóa 2 bên tả, hữu sông Bưởi, đầu mối giao thông với các huyện phía Tây Nam (Vĩnh Lộc, Yên Định, Thọ Xuân)

+ Đô thị mới Thành Minh: Phát triển dịch vụ - du lịch cao cấp: suối nước nóng thành Minh; xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (Resort, Golf) khu vực phía bắc hồ Bình Công gần với khu di sản hang con Moong.

** Trung tâm thương mại – dịch vụ:*

Từ nay đến 2030, Tiếp tục nâng cấp các chợ xã, xây dựng mới các chợ theo Quy hoạch mạng lưới Chợ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 1073/QĐ-UBND ngày 27/2/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục chợ xóa bỏ, bổ sung mới vào quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, nâng tổng số chợ trên địa bàn huyện lên 26 chợ, trong đó có 01 chợ hạng 1, và 25 chợ hạng 3 phục vụ dân sinh.

Khuyến khích xây mới và mở thêm những chợ ở những nơi có nhu cầu (như trong các Khu, cụm công nghiệp, khu du lịch,...), tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện có cơ hội kinh doanh mở rộng thị trường. Thực hiện chương trình nông thôn mới & nông thôn mới nâng cao, phấn đấu mỗi xã có một chợ.

Định hướng phát triển hệ thống chợ huyện Thạch Thành

Tên chợ	Vị trí	Hạng	Định hướng	Diện tích
Chợ Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng	II	Giữ nguyên	5.330
Chợ Thành Mỹ	Xã Thành Mỹ	III	Giữ nguyên	3.554
Chợ Thành Vinh	Xã Thành Vinh	III	Giữ nguyên	4.698

Chợ Thành Công	Xã Thành Công	III	Giữ nguyên	2.600
Chợ Thạch Sơn	Xã Thạch Sơn	III	Cải tạo, mở rộng	2.462
Chợ Yên Da	Xã Thạch Bình	III	Cải tạo, mở rộng	3.170
Chợ Thành Trục	Xã Thành Trục	III	Giữ nguyên	2.900
Chợ Phố Cát	TT Vân Du	III	Giữ nguyên	3.730
Chợ Góc Bàng	Xã Thạch Đồng	III	Giữ nguyên	1.361
Chợ Bông	Xã Thành Tâm	III	Giữ nguyên	3.200
Chợ Hoa Sói	Xã Thành Thọ	III	Giữ nguyên	1.820
Chợ Bia	Xã Ngọc Trạo	III	Giữ nguyên	4.528
Chợ Thành Long	Xã Thành long	III	Giữ nguyên	3.167
Chợ Kim Tân	Thị trấn Kim Tân (xã Thành Kim cũ)	II	Giữ nguyên	11.675
Chợ Thị trấn (chuyên thành TT thương mại)	Thị trấn Kim Tân			
Chợ Vân Du	Thị trấn Vân Du	III	Giữ nguyên	7.046
Chợ Nông Trường	Xã Thạch Tân	III	Giữ nguyên	1.000
Chợ Tiên Hương	Xã Thành Tân	III	Giữ nguyên	4.500
Chợ Sòi	Xã Thành Minh	III	Giữ nguyên	5.989
Chợ Thạch Long	Xã Thạch Long	III	Giữ nguyên	3.000
Chợ Thạch Cẩm	Xã Thạch Cẩm	III	Cải tạo, mở rộng	2.522
Chợ Minh Hải	Xã Thành Minh	III	Chuyển vị trí	2.000
Chợ Thành An	Xã Thành An	III	đầu tư mới	2.000
Chợ Thạch Lâm	Xã Thạch Lâm	III	đầu tư mới	2.000
Chợ Thạch Tượng	Xã Thạch Tượng	III	đầu tư mới	2.000
Chợ Thành Yên	Xã Thành Yên	III	đầu tư mới	2.000
Tổng	25			90.915

4.5.3. Hệ thống công trình Y tế:

- Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành đến năm 2045 lên quy mô 300 giường, đáp ứng quy mô trung tâm y tế của huyện.

- Xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực Thạch Quảng (100 giường); Vân Du (100 giường). Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện, Phòng khám tư tại các đô thị đã xác định

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế thị trấn và các xã, chú trọng đào tạo hệ thống các y sỹ tại các thôn bản xa nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp các công trình phụ trợ, bổ sung trang thiết bị cho y tế cơ sở; nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, y đức đội ngũ bác sỹ, y sỹ và nhân viên y tế.

4.5.4. Hệ thống công trình Giáo dục:

- Ổn định vị trí các trường THPT, TT GDTX như hiện nay. Nâng cấp, bổ sung và xây dựng cơ sở, vật chất nhằm đáp ứng quy mô dự báo của vùng và nâng

cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo đảm bảo tiêu chuẩn 40 hs/1000 dân, 10 m²/hs (~11.800 học sinh). Quy mô trung bình tối thiểu đạt 3,0 ha/trường.

- Hệ thống giáo dục các cấp (THCS, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; Xây mới thêm ở các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Quy hoạch bổ sung thêm 01 trường liên cấp tại đô thị Thạch Minh, phục vụ dân cư khu vực giữa huyện, giảm tải cho các trường THPT hiện có ở thị trấn.

- Hệ thống giáo dục các cấp (THCS, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; sắp xếp, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở khu dân cư tập trung, để đảm bảo tiêu chuẩn ngành. Định hướng sắp xếp lại mạng lưới trường học theo nguyên tắc “mỗi xã, có 1 trường công lập ở mỗi cấp học, đảm bảo không bị chia cắt giao thông đối ngoại”.

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, chất lượng giáo dục đại trà, thu hẹp khoảng cách với các địa phương trong tỉnh; chú trọng giáo dục nhân cách, phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, ý thức công dân và khả năng lập nghiệp của học sinh.

Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tiếp tục sắp xếp lại hệ thống cán bộ quản lý, giáo viên và mạng lưới trường, lớp học.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục theo chính sách của Trung ương, của tỉnh; tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đẩy mạnh, phát huy công tác khuyến học, khuyến tài, học tập cộng đồng.

4.5.5. Hệ thống các công trình, thiết chế văn hoá - thể thao

** Công trình văn hóa:*

Tập trung xây dựng trung tâm văn hóa TDTT thể thao huyện tại khu vực đã được QH TT Kim Tân với các hạng mục chính: sân vận động; nhà thi đấu đa năng trong nhà; khu thể thao dưới nước....

- Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện tại thị trấn Kim Tân: Với quy mô khoảng 1,5 ha: gồm công trình nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện.

* Định hướng đến năm 2030 toàn huyện có 4 cụm Trung tâm Văn Hóa –

TDTT cấp khu vực, là nơi giao lưu văn hóa TDTT cụm xã

Thị trấn Kim Tân: cấp huyện

Vùng trung tâm: tại đô thị Thành Minh

Vùng phía Tây: tại đô thị Thạch Quảng

Vùng phía Đông tại Vân Du

- Tại các xã: 100% các xã và thị trấn đã có sân thể thao; Cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 1 sân thể thao phổ thông 5000-8000m², nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa diện tích 200-300m², 3-5 sân tập thể thao.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng một số môn thể thao dân tộc, lễ hội dân gian; tạo điều kiện để phát triển dân ca dân vũ, làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, đồng thời phục vụ phát triển du lịch bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển thể dục, thể thao quần chúng, nhân rộng các mô hình gia đình thể thao, gia đình văn hóa - thể thao góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc của người dân.

4.6. Định hướng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan và di sản văn hóa lịch sử:

a) Vùng bảo tồn: Các di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng: Công tác trùng tu tôn tạo các di tích trọng điểm đã được xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia (01 di tích Quốc gia đặc biệt, 01 di tích cấp quốc gia & 14 di tích cấp tỉnh). Khoanh vùng, cắm mốc xác định ranh giới cần bảo vệ, đưa ra quy chế với các khu vực xây dựng lân cận như: Quy định tầng cao, khoảng không gian với các khu vực lân cận trong bán kính xung quanh.

b) Vùng bảo vệ cảnh quan sinh thái:

+ Khu vực cảnh quan xung quanh khu bản tồn hang Con Moong và vùng phụ cận: hạn chế xây dựng dân dụng, san lấp, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên rừng.

+ Khu vực rừng tự nhiên: bao gồm rừng đặc dụng (rừng Cúc Phương), rừng phòng hộ,... quản lý chặt chẽ việc xây dựng, khai thác rừng.

+ Khu vực cảnh quan ven sông Bưởi: cần bảo vệ, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng, đảm bảo dòng chảy và khả năng chứa nước khi có lũ.

4.7. Định hướng phân vùng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao theo chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp quy mô lớn gắn với cơ giới hoá đồng bộ công nghệ cao.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất lúa, mía nguyên liệu cánh đồng lớn áp dụng kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu khó lường; nâng cao giá trị thu được trên một đơn vị diện tích đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản.

Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, tạo ra sản phẩm hàng hoá có năng suất chất lượng cao đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập trung phát triển kinh tế, nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả, khuyến khích Hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ có hiệu quả; thực hiện hiệu quả chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP”. Tiếp tục xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cam Vân Du Thạch Thành, khuyến khích, nhân rộng mô hình, diện tích sản xuất cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP để nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm.

Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao tại Thành Công, Thành Tâm; khu vực phía Bắc TT Vân Du, Thành Tâm.

Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, tích tụ đất gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, liên kết với Công ty NewHope đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại gia công đảm bảo đầu ra, mang lại thu nhập cao, khuyến khích đầu tư chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, nhân rộng mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn, đủ điều kiện cấp chứng chỉ quản lý rừng FSC, đảm bảo các tiêu chí phát triển rừng bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, bổ sung quy hoạch NTM phù hợp với thực tế, chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; lồng ghép, thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ; phát triển, nâng cao chất lượng văn hoá xã hội, giáo dục đào tạo, duy trì thực hiện đảm bảo tiêu chí môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phấn đấu đến năm 2025 toàn huyện có 17 xã, và 131 thôn đạt chuẩn NTM; có 4 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 2 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

Tiếp tục trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, nhân rộng mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn, đủ điều kiện cấp chứng chỉ quản lý rừng FSC, đảm bảo các tiêu chí

quy định phát triển rừng bền vững.

Đẩy mạnh phát triển các đối tượng vật nuôi đặc sản, bản địa; từng bước hình thành và phát triển trang trại chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, gắn với cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

4.8. Phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng

- Vùng phát triển xây dựng:

Bao gồm khu vực dự kiến phát triển đô thị: thị trấn Kim Tân; Vân Du; đô thị Thạch Quảng; Thành Minh; Thạch Sơn. Các khu vực dự kiến phát triển cụm công nghiệp: Vân Du; Thạch Bình; Thạch Quảng; Thành Minh; Thạch Sơn; Ngọc Trạo...

Tập trung phát triển các khu vực này để phát triển có trọng tâm, tránh phân tán, dàn trải.

- Vùng hạn chế xây dựng:

Các khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ nguyên hiện trạng, phát triển các khu chức năng. góp phần giữ ổn định đất nông nghiệp, phát triển kinh tế, ổn định xã hội khu vực nông thôn, giữ gìn môi trường.

Các điểm dân cư nông thôn, các làng bản được xây dựng theo nhu cầu thực tế, có kiểm soát.

- Vùng cấm xây dựng:

- + Các khu vực thuộc rừng đặc dụng Cúc Phương, các khu vực rừng phòng hộ;
- + Vành đai bảo vệ các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đã được công nhận;
- + Các khu vực thuộc hành lang thoát lũ của các khe, suối và sông Bưởi, khu vực bảo vệ các hồ đập.
- + Hành lang mở rộng các tuyến giao thông.
- + Các khu vực an ninh quốc phòng theo dự án chuyên ngành

4.9. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Thạch Thành đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/9/2021.

4.9.1. Cơ cấu sử dụng đất

Theo đó

Tổng diện tích tự nhiên huyện Thạch Thành năm 2030 là 55.921,73 ha, trong đó:

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

- Đất nông nghiệp là 45.024,22 ha, chiếm 80,51% diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp là 10.060,60 ha, chiếm 17,99% diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng là 836,91 ha, chiếm 1,50% diện tích tự nhiên.

Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích tự nhiên	55.921,73	100			55.921,73	100
1	Đất nông nghiệp	46.373,55	82,93	45.024,22		45.024,22	80,51
1.1	Đất trồng lúa	6.051,46	10,82	5.620,99		5.620,99	10,05
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>5.201,11</i>	<i>9,30</i>	<i>4.781,18</i>		<i>4.781,18</i>	<i>8,55</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	6.915,92	12,37	5.973,75		5.973,75	10,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	4.697,52	8,40	5.118,29		5.118,29	9,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	6.099,50	10,91	6.021,90		6.021,90	10,77
1.5	Đất rừng đặc dụng	4.319,39	7,72	4.339,31		4.339,31	7,76
1.6	Đất rừng sản xuất	17.678,43	31,61	16.384,74		16.384,74	29,30
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	336,63	0,60	322,83		322,83	0,58
1.8	Đất làm muối						
1.9	Đất nông nghiệp khác	274,73	0,49		1.242,42	1.242,42	2,22
2	Đất phi nông nghiệp	8.575,38	15,33	10.060,60		10.060,60	17,99
2.1	Đất quốc phòng	28,93	0,05	60,81		60,81	0,11
2.2	Đất an ninh	0,48		4,31		4,31	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	5,64	0,01	145,64		145,64	0,26
2.4	Đất khu chế xuất						
2.5	Đất cụm công nghiệp			170,00		170,00	0,30
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	15,41	0,03	195,63		195,63	0,35
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	89,44	0,16	173,01		173,01	0,31
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	124,94	0,22	321,29		321,29	0,57
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.749,95	4,92	3.019,23		3.019,23	5,40
2.9.1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>1.794,55</i>	<i>3,21</i>		<i>1.967,07</i>	<i>1.967,07</i>	<i>3,52</i>
2.9.2	<i>Đất y tế</i>	<i>742,22</i>	<i>1,33</i>		<i>753,40</i>	<i>753,40</i>	<i>1,35</i>
2.9.3	<i>Đất giáo dục và đào tạo</i>	<i>44,41</i>	<i>0,08</i>		<i>60,31</i>	<i>60,31</i>	<i>0,11</i>
2.9.4	<i>Đất thể dục thể thao</i>	<i>10,12</i>	<i>0,02</i>		<i>14,67</i>	<i>14,67</i>	<i>0,03</i>
2.9.5	<i>Đất khoa học và công nghệ</i>	<i>86,10</i>	<i>0,15</i>		<i>123,12</i>	<i>123,12</i>	<i>0,22</i>
2.9.6	<i>Đất dịch vụ xã hội</i>	<i>59,62</i>	<i>0,11</i>		<i>72,05</i>	<i>72,05</i>	<i>0,13</i>
2.9.7	<i>Đất giao thông</i>	<i>2,80</i>	<i>0,01</i>		<i>8,55</i>	<i>8,55</i>	<i>0,02</i>
2.9.8	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>0,99</i>	<i>0,00</i>		<i>4,44</i>	<i>4,44</i>	<i>0,01</i>
2.9.9	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>0,27</i>			<i>0,27</i>	<i>0,27</i>	<i>0,00</i>
2.9.10	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>						
2.9.11	<i>Đất chợ</i>	<i>9,15</i>	<i>0,02</i>		<i>15,36</i>	<i>15,36</i>	<i>0,03</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	9,62	0,02	130,71		130,71	0,23
2.11	Đất danh lam thắng cảnh			15,27		15,27	0,03

2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	8,71	0,02	8,72		8,72	0,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	3.404,67	6,09	3.352,50		3.352	5,99
2.14	Đất ở tại đô thị	417,28	0,75	695,23		695,2	1,24
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	22,86	0,04	22,59		22,59	0,04
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức	2,54		3,39		3,39	0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	5,00	0,01	11,17		11,17	0,02
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa,	232,73	0,42	251,29		251,2	0,45
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng,	5,39	0,01		5,39	5,39	0,01
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng						
2.22	Đất khu vui chơi giải trí, công cộng	0,46			41,60	41,60	0,07
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	3,16	0,01		3,81	3,81	0,01
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	948,88	1,70		944,26	944,2	1,69
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	498,44	0,89		484,22	484,2	0,87
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,83			0,54	0,54	0,00
3	Đất chưa sử dụng	972,79	1,74	836,91		836,9	1,50
4	Đất khu công nghệ cao*						
5	Đất khu kinh tế*						
6	Đất đô thị*	5.524,57	9,87	7.559,77		7.559	13,5
II	KHU CHỨC NĂNG*				43.642,05		
1	Khu chuyên trồng lúa nước				2.905,81	2.905	6,66
2	Khu vực chuyên trồng cây công				1.613,60	1.613	3,70
3	Khu vực rừng phòng hộ				5.263,56	5.263	12,0
4	Khu vực rừng đặc dụng				4.339,31	4.339	9,94
5	Khu vực rừng sản xuất				14.296,99	14.29	32,7
6	Khu vực công nghiệp, cụm CN				315,64	315,6	0,72
7	Khu đô thị -thương mại - dịch vụ				7.503,85	7.503	17,1
8	Khu du lịch				448,21	448,2	1,03
9	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi				6.955,07	6.955	15,9

4.9.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo chức năng.

Trên cơ sở quy hoạch các ngành, lĩnh vực, huyện đã tổng hợp và xác định cụ thể diện tích các loại đất theo khu chức năng như sau:

a. *Khu vực chuyên trồng lúa nước*: Đến năm 2030 diện tích đất khu vực chuyên trồng lúa nước được huyện xác định là 6.675,38 ha, chiếm 11,94 % tổng diện tích đất tự nhiên.

b. *Khu vực trồng cây lâu năm*: Đến năm 2030 diện tích đất khu vực trồng cây lâu năm được huyện xác định là 1.634,66 ha, chiếm 2,92 % tổng diện tích đất tự nhiên

c. *Khu vực rừng phòng hộ*: Đến năm 2030 diện tích đất khu vực rừng phòng hộ được huyện xác định là 5.263,56 ha, chiếm 9,41 % tổng diện tích đất tự nhiên.

d. Khu vực rừng đặc dụng: Đến năm 2030 diện tích đất khu vực rừng đặc dụng được huyện xác định là 4.339,31 ha, chiếm 7,76 % tổng diện tích đất tự nhiên.

e. Khu vực rừng sản xuất: Đến năm 2030 diện tích đất khu vực rừng sản xuất được huyện xác định là 14.297,00 ha, chiếm 25,57 % tổng diện tích đất tự nhiên.

f. Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp: Đến năm 2030 diện tích đất khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp được huyện xác định là 315,64 ha, chiếm 0,56 % tổng diện tích đất tự nhiên.

g. Khu đô thị - thương mại - dịch vụ: mở rộng không gian kinh tế - xã hội đô thị. Phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái cấp vùng và quốc gia.

Đến năm 2030 diện tích đất khu đô thị - thương mại - dịch vụ được huyện xác định là 7.503,86 ha, chiếm 13,42 % tổng diện tích đất tự nhiên.

h. Khu du lịch:

Trong kỳ quy hoạch, bên cạnh việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu du lịch hiện có sẽ tiến hành khoanh định và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu du lịch sinh thái Thác Mây, hang Con Moong....

Đến năm 2030 diện tích đất khu du lịch được huyện xác định là 448,21 ha, chiếm 0,34 % tổng diện tích đất tự nhiên.

i. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn: Đến năm 2030 diện tích đất khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn được huyện xác định là 6.927,50 ha, chiếm 12,39 % tổng diện tích đất tự nhiên.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thạch Thành được đưa vào thực hiện sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng đất của các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội ngày càng tăng, công tác quản lý nhà nước về đất đai như thu hồi, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu đô thị, du lịch sinh thái, thương mại dịch vụ được đầu tư và nó sẽ tạo nên động lực thúc đẩy cho phát triển kinh tế của huyện Thạch Thành.

Tạo ra sự chuyển dịch nhanh, mạnh hơn nữa về cơ cấu kinh tế theo hướng thúc đẩy phát triển nhanh khu vực công nghiệp và dịch vụ; phát triển các ngành có chất lượng hàng hóa cao, công nghệ hiện đại và năng suất lao động cao. Cơ cấu kinh tế vào năm 2030 sẽ được hình thành theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch giảm nông nghiệp, tạo ra một cơ cấu kinh tế bền vững và phù hợp với tiềm năng của huyện.

PHẦN V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG CẤP VÙNG.

5.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông.

5.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển giao thông vùng:

Quy hoạch Giao thông huyện Thạch Thành phù hợp với Chiến lược phát triển Giao thông vận tải (GTVT) Việt Nam, tỉnh Thanh Hóa và các quy hoạch GTVT chuyên ngành đã được các cấp phê duyệt. Phù hợp với Quy hoạch giao thông toàn tỉnh (trên cơ sở đồ án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa đến 2025, định hướng đến năm 2030), đưa ra được tầm nhìn đến 2045.

Từng bước xây dựng hệ thống phát triển đồng bộ, hướng tới hiện đại tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá và hành khách với chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Tập trung nguồn lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm các công trình hạ tầng giao thông quan trọng, có tính đột phá; các tuyến kết nối đến các khu kinh tế (công nghiệp, du lịch,...) các trục chính trong các đô thị và các trục nối các vùng kinh tế trọng điểm; các tuyến đảm bảo quốc phòng an ninh.

b) Mục tiêu phát triển:

(1) mục tiêu đến năm 2030: Hoàn thiện cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn; 100% đường huyện, 85% đường xã được cứng hóa và vào cấp kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu vận tải trong khu vực nông thôn để phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐUBND ngày 29/8/2017. Mục tiêu đến năm 2045, 100% đường huyện, đường xã được cứng hóa và vào cấp kỹ thuật để phù hợp với định hướng phát triển đường địa phương theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) Đến năm 2045, hình thành được khung giao thông chiến lược. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn.

(3) Từng bước ứng dụng các công nghệ giao thông thông minh (ITS) theo các công nghệ mới, hiện đại trong việc quản lý, vận hành hệ thống giao thông.

(4) Chú trọng kết nối giao thông giữa các vùng trong huyện.

(5) Định hướng đến năm 2045, cơ bản hoàn thành hệ thống mạng giao thông quy hoạch.

(6) Đa dạng hóa các loại hình giao thông: Đường bộ, đường thủy nội địa.

5.1.2. Định hướng phát triển giao thông:

a) Hệ thống đường bộ:

❖ Quốc lộ:

Tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021

I	TÊN ĐƯỜNG	Chiều dài (km)	Quy hoạch	
			Năm 2030	Năm 2045
1	Đường Hồ Chí Minh	13,34	III	Sau năm 2030 Cao tốc 4 làn xe
2	Đường Quốc lộ 45 (đoạn qua TT Kim Tân XD tuyến tránh theo quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa) Nghiên cứu tuyến tránh đoạn qua đèo phố Cát.	20,5	III-IV (2-4 làn)	III-IV (2-4 làn)
3	Đường QL 217B (nâng cấp từ TL522) (đề xuất tuyến tránh qua Vân Du)	17,3	III-IV (2-4 làn)	III-IV (2-4 làn)
4	Đường QL 217B (nâng cấp từ TL523) (Đề xuất nắn thẳng tuyến qua Thành Minh; Thành Vinh)	16,7	III-IV (2-4 làn)	III-IV (2-4 làn)

❖ Tỉnh lộ

TT	Tên đường	Số hiệu	Hiện trạng		Quy hoạch		
			Chiều dài (km)	Cấp KT	Chiều dài (km)	Năm 2030	Năm 2045
1	Kim Tân- Thạch Định- Thạch Quảng (nắn tuyến đoạn qua Thạch Bình, Thạch Sơn)	516	23.8	V	26,2	III	III
2	TT Kim Tân – xã Thành Long – xã Vĩnh Hùng (Vĩnh Lộc)	516B	10.1	V,VI	10.1	III	III
3	Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - Thị trấn Vĩnh Lộc	522	14.6	VI	25,4	III	III
4	Thành Minh – Thành Thọ – Ngọc Trạo - h. Hà Trung	523	23.5	V,VI	23.5	III	III
5	Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc	523C	10.4	VI	10.4	III	III

Đề xuất nắn tuyến ĐT.516 đoạn qua Thạch Bình, Thạch Sơn: Theo Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh đã được phê duyệt và phương án quy hoạch giao thông trong Đồ án quy hoạch tỉnh Thanh Hóa không có phương án này. Tuy

nhiên thực tế, ĐT.516 đoạn qua xã Thạch Bình và xã Thạch Sơn, đây là 2 xã phát triển bậc nhất của huyện Thạch Thành. Dân cư, các cơ sở kinh tế, xã hội đều tập 2 bên đường, hiện trạng đoạn qua 2 xã này ĐT.516 đi dạng zic zắc. Như vậy định hướng quy hoạch lên đường cấp III sẽ rất khó GPMB và thẳng tuyến theo tiêu chuẩn đường cấp III. Mặt khác theo định hướng sẽ XD, nâng cấp xã Thạch Sơn lên đô thị, do đó việc nắn tuyến ĐT.516 đoạn qua khu vực xã Thạch Bình và Thạch Sơn là cần thiết.

TT	Tên đường	Hiện trạng		Quy hoạch		
		Chiều dài (km)	Cấp KT	Chiều dài (km)	Năm 2030	Năm 2045
Theo định hướng ngành giao thông						
1	Đường Thành Mỹ - Thành Yên (Thạch Thành)	15,0	Cấp VI	15,0		III
2	Đường Thạch Quảng - Thạch Tượng - Lương Nội (Bá Thước)	17,0	Cấp VI	17,0		III
3	Đường Vạn Bảo - Yên Hoành	-	-	5.8		III
4	Đường Minh Sơn - Thành Minh- Ninh Bình	-	-	12.3	III	
Đề xuất nâng lên đường tỉnh						
1	Đường Thành Công – Vân Du – Thành Tâm - Bim Sơn (nối với đường 522B)	-		15.9		III
2	Đường Thành Mỹ – Thạch Cẩm (Đường Thành Mỹ - Thành Yên kéo dài, nối với đường 523B tại Cẩm Tú (Cẩm Thủy)	-		7.1		III

(xem thêm bản đồ quy hoạch giao thông)

Luận chứng cơ sở đề xuất các tuyến nâng lên tỉnh lộ

- **Tuyến: Thành Công – Vân Du – Bim Sơn (ĐT 522B kéo dài):** Tuyến đi phía Bắc QL.217B: từ Thành Công (điểm đầu QL 217B đi Vân Du giao với QL45 đi sang Hà Long (qua khu NN CNC Hà Long nối tiếp với tuyến ĐT.522B qua cầu vượt đường cao tốc phía Bắc nút giao Hà Long. Hiện trạng, tuyến này đã có đường giao thông Nông thôn.

Đây là tuyến giao thông quan trọng, khai thác lợi thế quỹ đất bằng rất thuận lợi để phát triển các khu vực huyện Thạch Thành đang dự kiến XD khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực phía Bắc của x.Thành Công; Thành Tâm; TT Vân Du, x.Thành Tâm, đồng thời tránh thế độc đạo của tuyến QL 217B qua Vân Du hiện nay.

- **Tuyến: Thành Mỹ - Thạch Cẩm – Cẩm Thủy (tuyến ĐT.523B kéo dài):** Tuyến từ điểm đầu ĐT 523B (đường Hồ Chí Minh x.Cẩm Tú - Cẩm Thủy) đi ĐT.516 nối với QL217B tại Thành Mỹ - Thạch Thành). Tuyến này đã có đường hiện trạng và có trong QH GT toàn tỉnh, bổ sung thêm khoảng 1km đoạn

từ Thạch Cẩm sang Thành Mỹ (Thạch Thành) nhằm kết nối ĐT.516 và ĐT.523 với QL.217B.

- **Tuyến Vạn Bảo – Yên Hoàn:** Tuân thủ theo Văn bản số 13628/UBND-CN ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch một số trục giao thông vào quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa. Tuyến này nối sân bay Thọ Xuân với vùng Công nghiệp Bim Sơn – Thạch Thành.

- **Về định hướng Quy hoạch kéo dài tuyến Minh Sơn – Thành Minh sang Ninh Bình:** Hiện nay kết nối với Ninh Bình đoạn qua Thạch Thành có 2 điểm chính (Phố Cát – QL45; và Thạch Lâm – đường HCM) cách nhau khoảng 40km. Tại Thành Minh hiện có đường dân sinh sang Ninh Bình, do đó nối tuyến đường Minh Sơn - Thành Minh sang Ninh Bình nối với ĐT.479D của Ninh Bình (tại Nho Quan, cách điểm cuối tại Thành Minh khoảng 2,5km) là rất phù hợp.

Tuyến này sẽ kết nối được khu Tràng An - Bái Đính; VQG Cúc Phương qua ĐT.479D (Ninh Bình) với các di sản của Thanh Hóa: hang Con Moong; thành nhà Hồ; Lam Kinh. Và nối toàn bộ các di sản của 2 tỉnh với sân bay Thọ Xuân. Việc hình thành góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khai thác tiềm năng du lịch của các di sản vùng Bắc Thanh Hóa, Nam Ninh Bình.

Hệ thống đường huyện:

- Nhằm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội huyện. Các tuyến đường huyện xem xét tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp IV, trong đó, chú trọng đến các tuyến liên kết 2 bên tả, hữu sông Bưởi.

TT	Ký hiệu	Danh mục	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường QH	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối
1	ĐH-TT.2	Thành Thọ - TT Vân Du	V	V	4,9	Thành Thọ	Vân Du
2	ĐH-TT.3	Thành Tân - Thành Trục	V	V	4,5	Câu Đá Bản	Thành Tân
3	ĐH-TT.4	Ngọc Trao - Thành Tâm	V	V	5	UBND xã	Thành Tâm
4	ĐH-TT.5	Thành Minh - Thành Vân	V	V	17,1	Thành Minh	Xã Thành Vân
5	ĐH-TT.6	Thạch Cẩm - Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy	V	V	5,8	Thạch Cẩm	xã Cẩm Tú, Cẩm Thủy
6	ĐH-TT.7	Thạch Quảng - T.Tượng - xã Lương Nội, huyện Bá Thước	V	V	17	Đường HCM	Xã Lương Nội (Bá Thước)
7	ĐH-TT.8	Thành Vân - xã Hà Long, huyện Hà Trung	V	V	6	Thành Vân	xã Hà Long, Hà Trung
8	ĐH-TT.9	Thành Hưng – Thanh Định - Thành Trục - Thành Tân		V	7.6km	Thành Hưng	Thành Tân
9	ĐH-TT.10	Thạch Bình – Thành Trục – Thành Công	-	V	5.89	TL 523C (Thạch Bình)	Thành Công
10	ĐH-TT.11	Thạch Cẩm – Thành Vinh	-	V	4.82	TL 516 (Thạch Cẩm)	QL 217B (nối tuyến (X. Thành Vinh)

Hệ thống đường đô thị:

Thực hiện theo các Đồ án quy hoạch chung đô thị, khu vực nội thị được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07-4:2016/BXD, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đáp ứng cho đô thị loại V, cụ thể:

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: 16-18%; mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$): 6,5-8 km/km². Mạng lưới được phát triển theo dạng ô bàn cờ trên cơ sở tận dụng các hệ thống tuyến khung giao thông.

- Tuyến chính được khuyến nghị thiết kế quy mô từ 4-6 làn xe có bố trí giải phân cách tối thiểu 3m, vỉa hè $\geq 5\text{m}$.

- Tuyến giao thông cấp Khu vực, Phân khu vực khuyến nghị thiết kế quy mô từ 2-4 làn xe, vỉa hè $\geq 5\text{m}$.

Sơ đồ định hướng phát triển Giao thông huyện Thạch Thành đến năm 2045



❖ Quy hoạch bến xe ô tô khách:

Trong điều kiện nền kinh tế, văn hoá xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu đi lại của nhân dân ngày càng tăng cao. Vì vậy việc quy hoạch bến xe ô tô khách và các điểm đỗ, điểm dừng lấy và trả khách trên địa bàn huyện là cần thiết và cấp bách góp phần phục vụ nhân dân đi lại thuận tiện - an toàn văn minh lịch sự.

Quy hoạch mạng lưới bến xe, điểm đỗ xe nhằm phát huy hiệu quả của vận tải hành khách đồng thời chấn chỉnh lại hoạt động vận tải hiện nay trên địa bàn huyện đáp ứng nhu cầu đi lại trước mắt và lâu dài của nhân dân địa phương và giao lưu với các địa phương khác.

Quy hoạch vị trí xây dựng bến xe và các điểm đỗ xe thoả mãn các yêu cầu:

+ Gần với đường giao thông công cộng, thuận tiện cho khách đi lại, gần khu dân cư hoặc trung tâm kinh tế, thương mại.

+ Gần các đầu mối giao thông, nơi chuyển tiếp giữa các phương thức vận tải.

+ Đảm bảo thoả mãn được yêu cầu về quỹ đất.

+ Giảm thiểu ảnh hưởng tác động đến môi trường.

+ Các điều kiện khác như: kiến trúc, cảnh quan... phải có mối liên hệ hài hoà với nhau.

- Quy mô xây dựng bến xe áp dụng tiêu chuẩn bến xe ban hành kèm theo quyết định số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT, /Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách.

Quy hoạch bến xe trên địa bàn huyện Thạch Thành:

+ 01 bến xe loại IV tại thị trấn Kim Tân,

+ 02 bến loại V tại: Thạch Quảng; Vân Du.

b) Hệ thống đường thủy:

❖ Quy hoạch mạng lưới đường thủy nội địa:

- Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030 và định hướng QH tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045. Trên sông Bưởi thuộc huyện Thạch Thành được quy hoạch 2 tuyến đường thủy nội địa, sử dụng khai thác vận tải đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

TT	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Giai đoạn (năm)
1	Ngã ba Vĩnh Ninh (Vĩnh Khang)	Kim Tân	25,5	Đến 2030
2	Kim Tân	Thành Mỹ	25	Đến 2045
Tổng			50.5	

- Quy hoạch bến thủy nội địa: Theo định hướng QH GT toàn tỉnh và định hướng QH tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045. Trên sông Bưởi thuộc huyện Thạch Thành có 2 bến thủy nội địa.

STT	Tên Bến	Chức năng	Công suất (1.000T)	Cỡ tàu lớn nhất (tấn)
1	Bến Cổ Tế (xã Thành Long)	Bến tổng hợp	50	100
2	Bến Kim Tân (TT Kim Tân)	Bến tổng hợp	50	100

5.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

5.2.1. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật.

a) Nguyên tắc thiết kế:

- Cụ thể hóa định hướng quy hoạch tổng thể thủy lợi của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (QĐ 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013).

- Rà soát, cập nhật phương án đề xuất trong các quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt.

- Tôn trọng điều kiện tự nhiên, đề xuất giải pháp nền xây dựng, thoát nước mưa hợp lý, hài hòa giữa khu phát triển đô thị và khu vực nông thôn, hạn chế thay đổi địa hình, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng bất lợi của thiên tai đến khu vực, giữ gìn cảnh quan trong vùng hành lang xanh, tránh ảnh hưởng đến các khu vực đã xây dựng.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng liên quan.

- Cập nhật các quy hoạch nông thôn mới đã được thực hiện trên địa bàn Huyện.

b) Cao độ nền:

** Đối với khu vực đô thị xây dựng mới:*

Cao độ xây dựng khống chế cho các khu vực xây dựng mới xác định theo QCXDVN 01/2021

$$H_{xd} \geq H_{mnmax} + a + H_{nbd}$$

H_{xd}: cao độ xây dựng khống chế.

H_{mnmax}: mực nước sông nội đồng đi qua ứng với P10%.

a: hệ số an toàn, +0,3m nếu là đất dân dụng; +0,5m với đất công nghiệp.

H_{nbd}: mực nước biển dâng ứng với thời điểm quy hoạch (xác định theo kịch bản biến đổi khí hậu do bộ tài nguyên môi trường công bố năm 2016)

Xác định mực nước, lưu lượng dọc hệ thống sông Bưởi theo phương án chọn

- Quy hoạch cao độ nền: Cao độ nền cơ bản tôn trọng địa hình tự nhiên đảm bảo thoát nước mặt, san gạt, đào đắp cục bộ, tuy nhiên, đảm bảo cảnh quan và sự phù hợp với các khu dân cư hiện trạng, hạn chế tối đa việc san lấp, đào đắp làm thay đổi cao độ nền tự nhiên.

- Định hướng thoát nước:

Thoát nước mặt chủ yếu kết hợp hệ thống các kênh, mương tiêu và các trạm bơm thoát nước mưa cho đô thị và các điểm dân cư ra các hệ thống suối và sông Bưởi.

Các đô thị mới, hệ thống thoát nước mưa và nước thải đi riêng.

* Đối với khu vực đô thị: Cao độ quy hoạch tính toán cho từng đô thị theo các quy hoạch chung đã được phê duyệt, cụ thể:

- Thị trấn Kim Tân; cao độ xây dựng khống chế xây dựng đối với từng khu vực như sau: Thị trấn Kim Tân cũ: cao độ tối thiểu $H_{xd} \geq +10.5$); khu vực từ QL 45 đến đường tránh thị trấn (xã Thành Kim cũ): cao độ tối thiểu $H_{xd} \geq +10,0m$); khu vực.

- Thị trấn Vân Du, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Vân Du; cao độ xây dựng tối thiểu Hxd $\geq +10,5\text{m}$.

- Đô thị Thạch Quảng, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Thạch Quảng; cao độ xây dựng tối thiểu Hxd $\geq +19,5\text{m}$.

Trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị cần giữ tối đa và tăng diện tích bề mặt các hệ thống ao, hồ, đập sẵn có trên địa bàn toàn huyện làm hệ thống điều hòa nước mặt một cách tự nhiên.

* Đối với khu vực làng xóm hiện trạng: khu vực làng xóm cao độ nền đã ổn định khó khăn trong việc nâng cao thêm nền do đó sẽ giữ nguyên nền xây dựng hiện trạng và cần bổ sung thêm các tuyến công thoát nước với độ sâu công phù hợp tránh hiện tượng úng ngập xảy ra.

5.2.2. Định hướng QH thủy lợi, Phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

Tuân thủ Quyết định số 1917 ngày 19/8/2013 của bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy hoạch thủy lợi sông Bưởi.

Xây dựng và hoàn thiện các tuyến đê tả, hữu sông Bưởi đảm bảo chống lũ chính vụ với tần suất P=5%.

a) Một số giải pháp quy hoạch Thủy lợi

- Xây dựng hồ Cánh Tạng (Lạc Sơn – Hòa Bình) có dung tích $Whi=71,2 \times 10^6 \text{m}^3$ tạo nguồn bảo đảm cấp cho vùng hạ du lưu vực sông Bưởi.

- Xây dựng đập Chòm Mo trên dòng chính sông Bưởi tại xã Thành Trục tạo đầu nước cho các trạm bơm từ Thạch Lâm đến Thành Trục hoạt động trong mùa kiệt, bảo đảm không ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ của sông Bưởi

- Khu Yên Tôn: Nạo vét hệ thống kênh gom nước trạm bơm Cầu Mư 2,7 km. Nạo vét kênh Cổ Tế 3,2 km, kênh Đồng Cự - Sơn Lý 3,0 km trên địa bàn xã Thạch Long. Xây mới trạm bơm Hón Sành, trạm bơm Cổ Tế tiêu cho 570 ha đất vùng thấp trũng xã Vĩnh Long, Thạch Long.

- Khu Đồng Ngự: Xây dựng trạm bơm tiêu Tụng Bò xã Thành Hưng tiêu cho 350 ha đất vùng thấp trũng; Xây dựng trạm bơm tiêu Mã Nứa tại cống Mã Nứa tiêu cho 300 ha đất vùng Thành Kim; Xây dựng trạm bơm Đồng Xác tiêu cho 200ha vùng thấp trũng xã Thành Hưng.

- Khu Phú Ô: Nạo vét các trục tiêu Yên Phú 2,7 km, Yên Dạ 1,5 km, mở rộng các cống tiêu đảm bảo đủ mặt cắt thiết kế. Xây dựng trạm bơm tiêu Hón Sâm tiêu cho 320 ha đất vùng thấp trũng các thôn An Đình, Yên Dạ và Nông trường Thạch Thành.

- Các khu còn lại tận dụng địa hình để tiêu tự chảy (khu Bình Công, khu Bắc Thạch Thành, khu suối Cộng Hòa, khu Suối Cái- Suối Bin, khu Thượng nguồn sông Bôi).

- Trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn: Hiện nay, diện tích rừng trên toàn lưu vực sông Bưởi mới có 18.500 ha, cần tổ chức, chỉ đạo thực hiện trồng và khoanh nuôi rừng khoảng 50.000 ha trên toàn lưu vực (trong đó tỉnh Thanh Hóa 17.500 ha, tỉnh Hoà Bình 32.500 ha).

- Xây dựng các tuyến đường tránh lũ, cứu hộ phục vụ công tác phòng chống lụt bão:

- Xây dựng, cải tạo tuyến đường từ Cổ Tế đến làng Bèo chuyển tuyến đi áp sát đê phía sông, cao trình mặt đường bằng cao trình cầu Cổ Tế để tránh ngập khi có lũ, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn.

- Xây dựng tuyến đường từ cầu treo Phúc Khang đi Vân Sơn dài 7,5km, cao trình mặt đường +11.50, tuyến đường đi theo bờ đê cũ của nông trường Thạch Thành để di chuyển dân vùng ngập lũ đến nơi an toàn.

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kim Tân-phố Cát và các tuyến đường nhánh khác hiện có phục vụ công tác cứu hộ và sơ tán dân.

- Sắp xếp lại dân cư, tăng cường khả năng thích nghi với điều kiện chung sống với lũ trong vùng thường xuyên ngập lũ. Sắp xếp lại dân cư trong vùng thường xuyên bị ngập lũ, cải thiện điều kiện chống lũ như xây nhà cao tầng, làm sàn chống lũ... và chuyển đổi cơ cấu mùa vụ thích hợp với điều kiện sống chung với lũ nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ lụt gây ra.

- Củng cố và nâng cấp hệ thống đê điều: Tuyến đê bồi xã Thạch Định: Tuyến đê đi theo tuyến cũ. Đoạn từ K0-K5 củng cố trên cơ sở cao trình hiện tại (từ +13.50 đến +12.50), bọc 2 mặt (cứng hoá mặt đê và mái đê, làm đường hành lang chân đê); đoạn từ K5-K9,4 củng cố đảm bảo cao trình +12.50 và bọc bê tông 3 mặt; sửa chữa và làm mới một số công dưới đê để giải quyết việc tháo lũ.

- Đê tả, hữu sông Bưởi: Củng cố, nâng cấp kiên cố hoá tuyến đê hiện có để đảm bảo tiêu chuẩn phòng lũ (+14.50 tại Kim Tân), sửa chữa nâng cấp và làm mới các công dưới đê bị hư hỏng hoặc bị ngăn so với đê.

- Cải tạo lòng dẫn:

- Lấn đê tả sông Bưởi mở rộng lòng dẫn 2 đoạn:

+ Đoạn từ cuối thôn 4 xã Thành Kim đến giáp đường Kim Tân dốc Trầu chiều dài 1 km, chuyển tuyến vào phía đồng với chiều rộng bãi B = 100m; hạ thấp bãi xuống cao trình +10.00.

+ Đoạn từ xóm 11 xã Thành Hưng đến đầu cầu Cổ Tế, chuyển tuyến vào phía đồng, với chiều rộng bãi B = 100m; hạ thấp bãi xuống cao trình +10.00.

- Làm cầu dẫn phía hữu và phía tả cầu Cổ Tế để tăng cường khả năng thoát lũ cho sông Bưởi (cầu dẫn phía bờ hữu dài 0,12km; phía tả dài 0,73km).

- Tăng cường năng lực phòng chống lụt bão cho chính quyền và nhân dân trong vùng chịu ảnh hưởng của lũ lụt:

- Củng cố bộ máy, đầu tư trang thiết bị cho Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện đến thôn, xã; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ theo hướng chuyên môn hoá.

- Hỗ trợ dân trong vùng thường xuyên bị ngập lũ (chưa có đê bảo vệ) xây dựng sàn chống lũ kết hợp nhà ở và các phương tiện sơ tán như thuyền, bè mảng...

- Quy hoạch các điểm sơ tán và xây dựng quy trình sơ tán dân khi có lũ lụt; tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức của chính quyền và người dân để chủ động đối phó với lũ lụt.



b) Định hướng QH các khu vực có khả năng xảy ra lũ lụt trên địa bàn huyện
Quan điểm chung:

Tái định cư tại chỗ, ưu tiên tại thôn bản, tại xã. Thành từng cụm dân cư để thuận lợi việc quản lý và tiết kiệm đầu tư. Việc tái định cư cần tổ chức linh động và phù hợp với tập quán địa phương, có định hướng phát triển lâu dài.

- + Các thôn có số hộ cần di chuyển ít < 10 hộ: tìm đất xen cư ngay tại thôn cũ
- + Các thôn có số hộ cần di chuyển từ 10-20 hộ: Một phần xen cư tại thôn cũ, một phần tìm đất TĐC gần thôn cũ.
- + Các thôn có số hộ TĐC nhiều > 20 hộ: tìm quỹ đất phù hợp, gần trung tâm xã, gần thôn cũ; gần đường giao thông.
- + Nếu số hộ cần TĐC trên 70% số hộ cả thôn thì xem xét di chuyển cả thôn luôn. Đầu tư HTXH, HTKT đồng bộ.

Phương án sơ tán dân cư vùng lũ, ngập lụt

(1). Đối với các hộ dân sinh sống ở bãi sông trên các các tuyến sông có đê.

Tổng số hộ dân vùng sinh sống ở bãi sông trên các tuyến sông có đê cấp IV cần phải sơ tán khi có lũ lớn từ mức BĐII- trên mức BĐIII là 3.014 hộ với 10.260 khẩu tại 6 xã, thị trấn, bao gồm: Thạch Định: 108 hộ, 323 khẩu; Thạch Long: 73 hộ; 200 khẩu; Thạch Đồng: 5 hộ, 25 khẩu; Thành Hưng: 1.316 hộ, 5.310 khẩu; Thạch Bình: 17 hộ, 68 khẩu; Thị trấn Kim Tân: 1.495 hộ, 4.334 khẩu. Trong đó: Sơ tán tại chỗ là 729 hộ, 2.949 khẩu; sơ tán tập trung là 2.285 hộ, 7.311 khẩu.

(2). Đối với các hộ dân sinh sống khu vực ven sông không có đê.

Tổng số hộ dân sinh sống ở khu vực ven sông không có đê có nguy cơ bị ngập lụt cần phải sơ tán khi có lũ lớn là: 1.934 hộ tương ứng với 8.152 khẩu tại 11 xã, thị trấn gồm: Thạch Lâm 204 hộ, 890 khẩu; Thạch Quảng 89 hộ, 287 khẩu; Thạch Cẩm 247 hộ, 1.198 khẩu; Thạch Sơn 335 hộ, 1.416 khẩu; Thạch Định 108 hộ, 323 khẩu; Thành Mỹ 473 hộ 2.036 khẩu; Thành Trục 258 hộ, 1.127 khẩu; Thạch Bình 41 hộ, 193 khẩu; Thành Vinh 3 hộ, 8 khẩu; Thành Hưng 24 hộ, 93 khẩu; Thị trấn Kim Tân 152 hộ, 621 khẩu. Trong đó: Sơ tán tại chỗ là 1.052 hộ, 4.412 khẩu; sơ tán tập trung là 882 hộ, 3.740 khẩu.

(3). Đối với các hộ dân sinh sống ở vùng trũng thấp, có nguy cơ ngập lụt khi có mưa lớn.

Tổng số hộ dân sinh sống ở vùng trũng thấp, có nguy cơ ngập lụt khi có mưa lớn xảy ra cần phải sơ tán là 734 hộ với 2.933 khẩu tại 9 xã, thị trấn bao gồm: Thạch Đồng 31 hộ, 139 khẩu; Thành Tân 49 hộ, 216 khẩu; thị trấn Vân Du 39 hộ, 138 khẩu; Ngọc Trạo 117 hộ, 471 khẩu; Thành Trục 35 hộ, 125 khẩu; Thành Long 51 hộ, 175 khẩu; Thành Thọ 91 hộ, 364 khẩu; Thành Tiến 317 hộ, 1.269 khẩu; Thành Công 29 hộ, 143 khẩu, Thành Vinh 4 hộ, 16 khẩu. Trong đó: Sơ tán tại chỗ là 563 hộ, 2.255 khẩu; sơ tán tập trung là 171 hộ, 678 khẩu.

3. Đối với vùng có khả năng xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất.

Tại các vùng có nhiều khe suối, vùng đồi núi dốc không có đất rừng che phủ, tại các hộ đập nhỏ lưu vực rộng, khi có mưa lớn kéo dài dễ xảy ra lũ quét. Nhận định của BCH PCTT với lượng mưa liên tục trên 400mm, cần di dời ngay các hộ dân sinh sống tại các khu vực này đến nơi an toàn. Thống kê trên địa bàn huyện có 494 hộ dân với 2.114 nhân khẩu sinh sống tại các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét gồm các xã: Thạch Lâm 204 hộ, 890 khẩu; Thành Tân 23 hộ, 101 khẩu; Thạch Tượng 3 hộ, 10 khẩu; Thành Minh: 239 hộ, 1.016 khẩu; Thành Công: 8 hộ 30 khẩu; Thạch Cẩm 17 hộ, 65 khẩu; Toàn huyện có 410 hộ dân với 1.582 nhân khẩu sinh sống tại các vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất gồm các xã: Thạch Lâm 38 hộ, 187 khẩu; Thành Yên 36 hộ, 127 khẩu; Thạch Tượng 12 hộ, 65 khẩu; Thạch Cẩm: 29 hộ 124 khẩu; Thành Công: 10 hộ 39 khẩu; thị trấn Kim Tân 76 hộ, 312 khẩu, Thành Trục 63 hộ, 237 khẩu; Thành Mỹ 6 hộ, 22 khẩu; Thạch Định 108 hộ, 323 khẩu; Thành Minh 16 hộ, 72 khẩu.

**THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG
CÓ ĐÊ CẤP IV, CẤP VCÀN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
THẠCH THÀNH NĂM 2021**

TT	Tên thôn	Triền sông	Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
I	Thạch Bình		17	68					
	Khu 1	S. Bưởi	10	35					Nhà VH khu 1
	Thôn Yên Phú	S. Bưởi	6	29					Đồi gò Bô
	Thôn Yên Khánh	S. Bưởi	1	4					Đồi gò Bô
II	Thạch Định		108	323	0	0	0	0	
	Thạch An	S. Bưởi	15	45					Đê hữu, nhà cao tầng
	Định Hưng	S. Bưởi	76	217					Trường THCS
	Định Tân	S. Bưởi	17	61					Trường MN xã
III	Thạch Đồng						5	25	
	Đồng Trạch	S. Bưởi					5	25	Nhà VH thôn
IV	Thạch Long		73	200					
	Thôn 1	S. Bưởi	73	200					Trên đê
V	Thành Hưng		25	93	729	2.949	562	2.268	
	Hợp Tiến	S. Bưởi	3	12	94	375	54	242	Đồi Phú Lộc
	Liên Hưng	S. Bưởi	2	6	160	601	122	479	Đồi Phú Lộc
	Phú Thành	S. Bưởi	17	63	166	650	90	373	Đồi Phú Lộc
	Hoàng Thành	S. Bưởi	2	7	119	512	109	424	Đồi Phú Lộc
	Trường Thành	S. Bưởi	1	5	60	260	85	364	Đồi Phú Lộc
	Hợp Thành	S. Bưởi			130	551	102	386	Đồi Phú Lộc
VI	TT Kim Tân						1.495	4.334	
	1 Tân Sơn	S. Bưởi					80	232	Dốc Trầu
	2 Tân Sơn	S. Bưởi					40	116	Dốc Trầu
	Ngọc Bô	S. Bưởi					60	174	Các khu vực cao hơn
	5 Tân Sơn	S. Bưởi					80	232	Các khu vực cao hơn
	6 Tân Sơn	S. Bưởi					60	174	Các khu vực cao hơn
	7 Tân Sơn	S. Bưởi					40	116	Các khu vực cao hơn
	1 Liên Sơn	S. Bưởi					50	145	Các khu vực cao hơn
	2 Liên Sơn	S. Bưởi					65	188	Các khu vực cao hơn
	Phú Sơn	S. Bưởi					45	130	Đồi Phú Sơn
	Lâm Thành	S. Bưởi					35	101	Các khu vực cao hơn
	Khu 1	S. Bưởi					220	638	Dốc Trầu

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

	Khu 2	S. Bưởi					150	435	Dốc Trầu
	Khu 3	S. Bưởi					110	319	Dốc Trầu
	Khu 4	S. Bưởi					110	319	Đồi Phú Sơn
	Khu 5	S. Bưởi					200	580	Đồi Phú Sơn
	Khu 6	S. Bưởi					150	435	Đồi Phú Sơn
	Tổng cộng		223	684	729	2.949	2.062	6.627	

THÔNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN SÔNG (NƠI KHÔNG CÓ ĐÈ) CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH THÀNH NĂM 2021

TT	Tên xã, thôn	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
1	Xã Thạch Lâm		204	890			Đến các hộ dân ở vị trí an toàn và chân đồi keo, chân đồi rừng Cúc Phương
	Thôn Biện	S. Bưởi	81	360			
	Thôn Đồi	S. Bưởi	69	315			
	Thôn Nghéo	S. Bưởi	25	97			
	Thôn Thống Nhất	S. Bưởi	21	84			
	Thôn Nội Thành	S. Ngang	5	21			
	Thôn Đăng Thượng	S. Ngang	3	13			
2	Xã Thạch Quảng		74	228	15	59	Nhà văn hóa thôn
	Quảng Giang	S. Bưởi	51	136	5	20	
	Quảng Tân	S. Bưởi	11	47	3	12	
	Quảng Thắng	S. Bưởi	6	28	3	14	
	Quảng Bình	S. Bưởi			2	4	
	Quảng Cư	S. Bưởi	6	17	2	9	
3	Xã Thạch Cẩm		247	1.198			Đến các hộ ở vị trí an toàn và nhà văn hóa thôn
	Thôn Xuân Long	S. Bưởi	76	460			
	Thôn Thành Quang	S. Bưởi	49	216			
	Thôn Cẩm Lợi 1	S. Bưởi	61	273			
	Thôn Cẩm Lợi 2	S. Bưởi	9	40			
	Thôn Thạch Yên	S. Bưởi	35	140			
	Thôn Thạch Môn	S. Bưởi	13	51			
	Xuân Tiến	S. Bưởi	4	18			
4	Xã Thạch Bình		41	193			
	Thôn Yên Khánh	S. Bưởi	7	34			
	Thôn Yên Phú	S. Bưởi	24	124			

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

	Khu 1	S. Bưởi	10	35			
6	Xã Thạch Sơn		335	1.416			
	Bình Chính	Sông Bưởi	103	469			
	Bình Sậy	S. Bưởi	17	68			
	Liên Sơn	S. Bưởi	7	32			
	Đồng Hương	S. Bưởi	44	180			
	Tân Sơn	S. Bưởi	164	667			
7	TT Kim Tân		30	115	122	506	
	Thôn Ngọc Bô	S. Bưởi	30	115	100	433	Đồi Lau
	Khu phố 6	S. Bưởi			22	73	Đồi Lau
8	Xã Thành Hưng				24	93	
	Thôn Hợp Tiến	S. Bưởi			3	12	Nhà VH thôn
	Thôn Liên Hưng	S. Bưởi			1	6	Nhà VH thôn
	Thôn Phú Thành	S. Bưởi			17	63	Nhà VH thôn
	Thôn Hoàng Thành	S. Bưởi			2	7	Nhà VH thôn
	Thôn Trường Thành	S. Bưởi			1	5	Nhà VH thôn
9	Xã Thành Mỹ		10	41	463	1.955	
	Đồng Luật	S. Bưởi			24	123	Nhà VH thôn
	Phong Phú	S. Bưởi			91	391	Đồi Me, Chòm Cò
	Vân Đình	S. Bưởi			51	206	Đình Mường Đòn
	Vân Tiến	S. Bưởi	5	19	129	557	Rừng Chẹo, Đồi Vó
	Tây Hương	S. Bưởi			88	359	Đồi dơ
	Lệ Cẩm 1	S. Bưởi	5	22	55	217	Nhà VH thôn
	Lệ Cẩm 2	S. Bưởi			25	102	Nhà VH thôn
10	Xã Thành Vinh		3	8	0	0	
	Quyết Thăng	S. Bưởi	2	7			Nhà VH thôn
	Lộc Phương 1	S. Bưởi	1	1			
11	Xã Thạch Định		108	323			
	Thạch An	S. Bưởi	15	45			
	Định Hưng	S. Bưởi	76	217			
	Định Tân	S. Bưởi	17	61			
12	Xã Thành Trục				258	1127	
	Đa đụn	S. Bưởi			78	317	Nhà VH, khu đồi cao
	Vọng Thủy	S. Bưởi			56	277	Nhà VH thôn

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

	Ngọc Nước	S. Bưởi			38	167	Trạm Y tế xã
	Chính Thành	S. Bưởi			26	105	Nhà VH, khu đồi cao
	Định Thành	S. Bưởi			60	261	Nhà VH, khu đồi cao
Tổng cộng			1.052	4.412	882	3.740	

**THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA LŨ QUÉT,
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH THÀNH NĂM 2021**

TT	Tên thôn, xã	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xã Thạch Lâm	204	890	
	Thôn Biện	81	360	Đường Hồ Chí Minh
	Thôn Đồi	69	315	Đường Hồ Chí Minh
	Thôn Nghéo	25	97	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Thống Nhất	21	84	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Nội Thành	5	21	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Đăng Thượng	3	13	Các hộ ở vị trí an toàn
2	Xã Thành Tân	23	101	
	Thôn Phù Bản	3	10	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Đồng Phú	10	49	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Bái Đang	6	24	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Ngọc Động	3	15	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Thạch Lỗi	1	3	Nhà văn hoá thôn
3	Xã Thành Minh	239	1.016	
	Thôn Cẩm Bộ	62	287	Núi Côi
	Thôn Sồi Cốc	102	397	Đồi Đình
	Thôn Minh Hải	1	7	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Đàm Hương	18	84	Đầu cầu Bê tông
	Thôn Nghẹn	56	241	Đồi Mỏ Rịa
4	Xã Thành Công	8	30	
	Thôn Đồng Đa	7	26	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Bất Mê	1	4	Nhà văn hoá thôn
5	Xã Thạch Tượng	3	12	
	Thôn Tượng Liên	3	12	Thôn Tượng Liên 1
6	Xã Thạch Cẩm	17	65	
	Thôn Xuân Tiến	7	30	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Thạch Yên	3	13	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Đồng Tiến	2	6	Nhà văn hoá thôn
	Xuân Thắng	5	16	Nhà văn hoá thôn
Tổng cộng		494	2.114	

5.3. Định hướng cung cấp năng lượng

5.3.1. Tính toán nhu cầu:

Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:

- Khu vực nông thôn: 250 W/người.
- Khu vực đô thị: 330 W/người.

Chỉ tiêu cấp điện cho các công trình công cộng:

- Khu vực nông thôn: 30% - 35% phụ tải sinh hoạt.
- Khu vực đô thị: 30% - 40% phụ tải sinh hoạt.

Chỉ tiêu cấp điện cho khu, cụm công nghiệp: 160KW/ha.

Tính toán phụ tải điện:

Bảng tính toán nhu cầu phụ tải điện trên địa bàn huyện

Đối tượng cấp điện	2025	2030	2045	Phụ tải 2025 (KW)	Phụ tải 2030 (KW)	Phụ tải 2045 (KW)
Dân số toàn huyện	150000	175.000	190.000			
Dân số đô thị	38000	46.000	92.000	12.540	15.180	30.360
Dân số nông thôn	112000	129.000	98.000	28.000	32.250	24.500
Công cộng (30% SH)				12.162	14.229	16.458
Công Nghiệp	360	360	710	57.600	57.600	113.600
Tổng				110.302	119.259	184.918

Tổng nhu cầu sử dụng điện (làm tròn):

- + Đến năm 2025: 110.300KW;
- + Đến năm 2030: 119.200 KW;
- + Đến năm 2045: 184.500KW.

5.3.2. Định hướng cấp điện:

Về định hướng cung cấp năng lượng: Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035,

Nguồn điện: Giai đoạn đến 2025 xây dựng TBA 110kV Thạch Thành (trạm Dốc Trầu – Thành Thọ) công suất 40MVA; giai đoạn 2026-2030: nâng công suất TBA 110kV Thạch Thành từ 40MVA lên 2x40MVA; xây dựng TBA Thạch Thành 2 công suất 40MVA và nâng công suất lên 2x40MVA trong giai đoạn 2031-2035.

- Từng bước đồng bộ hóa lưới điện tiêu chuẩn 22KV, trong đó ngầm hóa lưới điện 22KV tại các đô thị Kim Tân, Vân Du và Thạch Quảng.

* Lưới điện trung thế:

Khu vực các xã, thôn bản sử dụng đường dây nổi. các tuyến đường dây 35KV và

22KV hiện có vẫn được giữ nguyên.

Tuyến đường dây đi nổi sẽ sử dụng dây dẫn lõi nhôm, bọc cách điện AAAC, tiết diện trục chính từ 95-185mm². Cấp ngậm 22KV sẽ sử dụng loại cáp ngậm chống thấm dọc bọc cách điện XLPE, tiết diện cáp trục là 240mm².

Lưới điện 22 KV sẽ có kết cấu mạch vòng bình thường vận hành hở với dự phòng 100%. Lưới điện 35KV khu vực nông thôn có kết cấu hình tia.

* Trạm biến thế phân phối:

Khu vực xã, thị trấn, thôn bản, trạm biến thế phân phối vẫn có thể dùng trạm hở kiểu trạm treo nhưng ưu tiên xây dựng các trạm kiểu kín.

Các trạm biến thế kiểu treo hiện có trong các đô thị như: Kim Tân; Vân Du; Thạch Quảng; Thành Minh; Thạch Sơn... cần có kế hoạch chuyển thành các trạm biến thế kiểu kín, cuộn dây của máy biến thế sẽ được đổi hoặc quấn lại để phù hợp với cấp điện áp vận hành.

Trạm biến thế phân phối được đặt tại trung tâm các phụ tải và gần đường giao thông để thuận lợi cho việc thi công. Bán kính cấp điện của trạm biến thế trong đô thị không lớn hơn 300m và ngoài đô thị không lớn hơn 500m.

* Lưới điện hạ thế 0,4KV:

Lưới điện hạ thế cấp cho các khu trung tâm, khu công cộng, khu vực đô thị xây dựng mới, khu du lịch sẽ cáp ngậm bọc cách điện XLPE tiết diện đường dây trục chính không được nhỏ hơn 120mm².

Lưới điện hạ thế các khu vực dân cư, khu vực nông thôn sử dụng dây cáp vặn xoắn có tiết diện từ 70mm² đến 120mm²

* Lưới điện chiếu sáng:

Lưới điện chiếu sáng trong các khu dân cư được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế, sử dụng dây cáp vặn xoắn ABC tiết diện từ 6 – 10mm², đường giao thông chính, khu vực trung tâm, khu du lịch, công viên công cộng dùng cáp ngậm sử dụng cáp ngậm XLPE tiết diện từ 10 – 25mm²... Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan đô thị và phải đảm bảo theo tiêu chuẩn 259-2001-TCXD và 333 – 2005- TCXD của Bộ XD.

Đường cấp I: 1,2 cd/m².

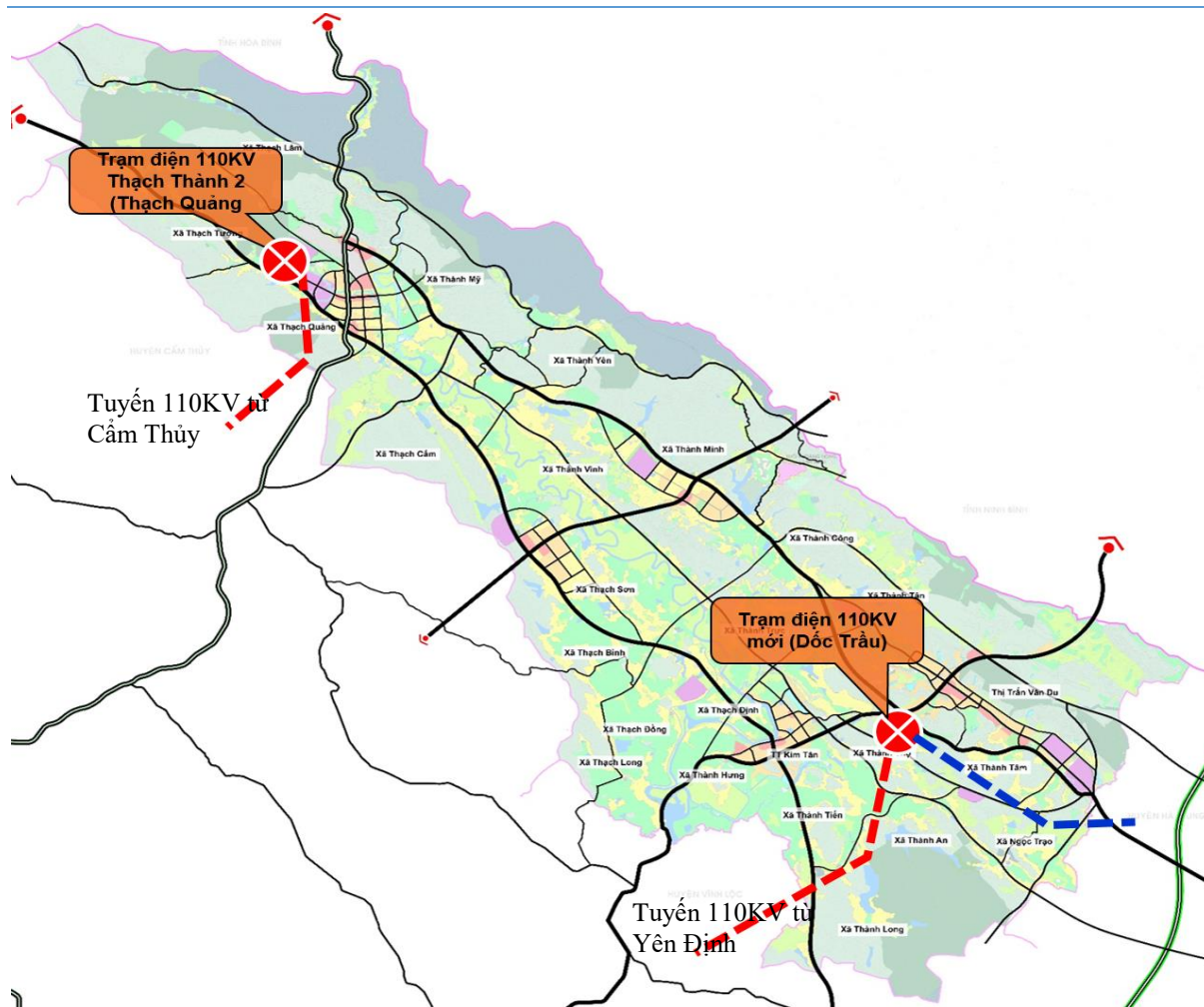
Đường cấp II: 0,8 cd/m².

Đường cấp III: 0,6 cd/m².

Đường phụ, đường khu nhà ở...: 0,4 cd/m².

Tất cả hệ thống đèn chiếu sáng trong khu vực trung tâm thị trấn được phân thành nhiều nhóm, mỗi nhóm được đóng cắt điện bởi tủ điện tự động đóng cắt các đèn theo chế độ thời gian đặt sẵn nhằm tiết kiệm điện năng.

Đèn chiếu sáng khu vực trung tâm các đô thị: Kim Tân; Vân Du; Thạch Quảng; Thành Minh; Thạch Sơn..... sử dụng các mẫu mã đẹp hiện đại. Khu vực công viên, quảng trường, các công trình lớn nên sử dụng đèn có màu sắc đa dạng, phong phú để làm tôn thêm giá trị công trình, cảnh quan khu vực.



Sơ đồ định hướng cấp điện huyện Thạch Thành đến năm 2045

5.4. Định hướng quy hoạch Hạ tầng viễn thông tự động

- Hạ tầng viễn thông là hạ tầng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, là hạ tầng thiết yếu cho phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số; từng bước chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phục vụ chuyển đổi số theo kế hoạch số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

a. Xu hướng ứng dụng và phát triển công nghệ viễn thông.

Trong những năm tới thế giới tiếp tục chứng kiến những chuyển đổi lớn của xã hội loài người dưới tác động trực tiếp của nền công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), trong đó hạ tầng viễn thông đóng vai trò là nền tảng quan trọng trong phát triển nền kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một số xu hướng phát triển như sau:

- Xu hướng hội tụ công nghệ hạ tầng mạng, các dịch vụ cung cấp và thiết bị đầu cuối là hướng phát triển tất yếu của nền công nghiệp viễn thông trong thời gian

tới nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Mô hình mạng hội tụ cố định - di động FMC (Fixed-Mobile Convergence) với nguyên lý tích hợp, chia sẻ hạ tầng mạng (gồm mạng hữu tuyến và vô tuyến) để cung cấp các dịch vụ viễn thông cố định và di động, trở thành mục tiêu phát triển chung của hầu hết các nhà khai thác viễn thông trên thế giới. Với mục tiêu nhằm cung cấp đa dịch vụ với nhiều dịch vụ mới, chất lượng cao cho người sử dụng, mặt khác làm giảm chi phí vận hành, khai thác mạng. Để hướng tới mạng hội tụ FMC, một mạng lõi toàn IP (All IP) sẽ được phát triển dựa trên Phân hệ đa phương tiện IP IMS (IP Multimedia Subsystem) - đây là tiêu chuẩn quốc tế được xác định bởi dự án 3GPP/3GPP2 (Third Generation Partnership Project) của Liên minh viễn thông quốc tế (ITU). Tiêu chuẩn này hỗ trợ khả năng truy nhập cho tất cả các công nghệ hiện nay bao gồm truy nhập di động (3G, 4G, 5G; Wifi) và cố định (cáp quang, cáp đồng). Vì vậy, tiêu chuẩn IMS trở thành xu hướng then chốt để phát triển hạ tầng mạng viễn thông để tiến tới hội tụ giữa cố định và di động trong tương lai.

- Xu hướng Internet of Things (IoT): Là một hệ thống các thiết bị đồ dùng được kết nối với nhau qua mạng Internet. Chúng có khả năng trao đổi và truyền tải thông tin, dữ liệu một cách hiệu quả, tiện lợi thông qua mạng Internet mà không cần sự tương tác trực tiếp giữa người với thiết bị hay giữa người với người. Ở Việt Nam, IoT được coi là một xu thế công nghệ đầy tiềm năng có thể đem lại lợi ích to lớn. Việc khai thác dữ liệu như một nguồn tài nguyên để phục vụ công tác quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước và nhiều lợi ích khác sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn, IoT có tiềm năng được ứng dụng trong hàng loạt các lĩnh vực đang được xã hội quan tâm như: Giao thông, y tế, nông nghiệp, giáo dục...

- Xu hướng phát triển mạng viễn thông phát triển theo xu hướng hiện đại, rộng khắp làm cơ sở phát triển đô thị thông minh, kết nối các hệ thống xử lý, điều khiển thông minh; các hệ thống cảm biến, thu thập thông tin; hệ thống tương tác; các hệ thống phần mềm giúp quản lý hiệu quả đô thị, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan chính quyền. Ứng dụng công nghệ mới là nền tảng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, là xu hướng hiện thời trong việc tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Bao gồm các hệ thống không thực - ảo (cyber-physical system), Internet vạn vật (IoT) và điện toán đám mây.

Trong giai đoạn tới, công nghệ viễn thông di động và cố định ở Việt Nam sẽ phát triển theo xu hướng chung của viễn thông toàn cầu, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển nội tại của viễn thông trong nước. Trong đó, việc ứng dụng các công nghệ thông tin di động mới cung cấp tốc độ truy cập lớn, băng thông rộng như công nghệ 4G, 5G, các công nghệ tiếp theo sẽ được triển khai rộng rãi trên phạm vi toàn quốc. Hạ tầng viễn thông cố định sẽ phát triển tiến tới mạng hội tụ thế hệ tiếp theo NGN/IMS; công nghệ truyền dẫn bằng cáp quang sẽ triển khai hướng tới hạ tầng mạng truyền dẫn toàn quang; phát triển công nghệ FTTx rộng khắp cung cấp các dịch vụ viễn thông cố định chất lượng cao, băng rộng đến từng cơ quan, tổ chức và

các hộ gia đình.

b. Xu hướng phát triển dịch vụ viễn thông:

- Các dịch vụ cơ bản (Internet, thoại, phát thanh, truyền hình) sẽ phát triển dựa trên nhiều nền tảng công nghệ khác nhau (cố định, di động, công nghệ truy nhập vô tuyến). Mạng Viễn thông truyền thống cung cấp hai loại hình dịch vụ: dịch vụ cơ bản (như thoại và tin nhắn) và dịch vụ truyền tải (như thuê kênh và truy cập Internet). Các dịch vụ được cung cấp trên mạng Internet đa dạng, có tính kết nối cao được phổ cập rộng rãi bao gồm các ứng dụng OTT (Over-the-top app), dịch vụ nội dung thông tin và dịch vụ công nghiệp (như thương mại điện tử).

- Trong tương lai, thiết bị đầu cuối di động sẽ tích hợp nhiều tính năng mới, trở thành “máy thông tin số”, được dùng như chứng minh thư, thẻ tín dụng, vé máy bay, là ví tiền điện tử, thanh toán, quản lý truy nhập, mua hàng hay làm chiếc chìa khoá nhà hoặc thiết bị xem phim, nghe nhạc... Để đáp ứng nhu cầu đó, các nhà cung cấp sẽ phát triển dịch vụ Viễn thông theo hướng hội tụ giữa dịch vụ di động với cố định và cá nhân hóa với cơ chế cung cấp dịch vụ một cửa - một số nhận dạng - tính cước đơn giản.

Trong thời gian tới, hệ thống cáp viễn thông tiếp tục được các doanh nghiệp đầu tư, phát triển theo hướng cáp quang hóa nhằm triển khai các dịch vụ viễn thông chất lượng cao như: Truyền hình IPTV, Internet băng rộng, truyền số liệu, điện thoại cố định,... Để đảm bảo an toàn mạng lưới và mỹ quan, yêu cầu phải ngầm hóa mạng cáp viễn thông nhằm phù hợp, đồng bộ và tuân thủ định hướng phát triển HTKT.

Việc triển khai ứng dụng các công nghệ thông tin di động thế hệ thứ tư 4G, 5G và thế hệ mới sau 5G sẽ trở nên phổ biến và rộng rãi trên toàn quốc; sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử - viễn thông ngày càng mang lại nhiều sản phẩm thiết bị hạ tầng mạng có kích thước nhỏ gọn, tích hợp nhiều tính năng tiên tiến. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng đô thị, phát triển công nghệ đòi hỏi việc đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác mạng lưới viễn thông phải đảm bảo đồng bộ, an toàn, mỹ quan đô thị. Vì vậy, hạ tầng thông tin di động sẽ có những chuyển biến để phù hợp với các xu hướng phát triển trên. Các trạm BTS sẽ được xây dựng theo xu hướng các trạm không công kênh, nguy trang, thân thiện với môi trường nhằm đảm bảo yêu cầu về mỹ quan.

c. Mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông:

Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn huyện Thạch Thành có công nghệ hiện đại, tiến tiến đồng bộ với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác có liên quan. Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông đi đôi với đảm bảo Quốc phòng - an ninh, đảm bảo an toàn thông tin, an toàn mạng lưới, đảm bảo cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị, từng bước chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng công nghệ

thông tin và truyền thông (ICT) hạ tầng quan trọng của Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% số hộ gia đình ở các thôn xóm, cụm dân cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Phổ cập các dịch vụ viễn thông cơ bản, phủ sóng mạng thông tin di động công nghệ 4G, 5G và thế hệ mới sau 5G đến 100% khu dân cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

d. Mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông thụ động:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng mạng băng rộng cáp quang trên địa bàn phủ đến 100% hộ gia đình.

- Phổ cập các dịch vụ viễn thông cơ bản và Internet băng thông rộng di động 4G/5G đến mọi người dân; phát triển viễn thông đi đôi với đảm bảo An ninh - Quốc phòng, an ninh thông tin, an toàn mạng lưới, đảm bảo cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị.

e. Tính toán nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông với chỉ tiêu sau:

- Thuê bao cố định, Internet, truyền hình qua mạng viễn thông băng thông rộng: đạt 01 đường truyền thuê bao/01 hộ dân.

Vậy trung bình 25 đường truyền các loại thuê bao/100 dân.

****/ Dự báo dung lượng thuê bao đến năm 2030 tới các hộ dân:***

$175.000 * 25/100 \text{ dân} = 43.000 \text{ đường truyền thuê bao.}$

****/ Dự báo dung lượng thuê bao đến năm 2045 tới các hộ dân:***

$190.000 * 25/100 \text{ dân} = 47.500 \text{ đường truyền thuê bao.}$

****/ Dự báo dung lượng thuê bao đến năm 2045 tới các doanh nghiệp, dịch vụ thương mại 30% dung lượng tới các hộ: $47.500 * 30\% = 15.100 \text{ đường truyền thuê bao.}$***

Vậy tổng dung lượng đường truyền thuê bao đến năm 2045 của toàn huyện khoảng: 58.600 đường truyền thuê bao các loại.

f. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

- Điểm phục vụ viễn thông công cộng: Tiếp tục duy trì nâng cấp các điểm phục vụ viễn thông công cộng tại các bưu cục cấp II, Cấp III, các điểm BĐ-VH xã, Trung tâm viễn thông huyện, Trung tâm viễn thông Viettel đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân trên địa bàn

- Hạ tầng kỹ thuật mạng điện thoại cố định, Internet cố định: Với nhu cầu dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng viễn thông trong khu vực nghiên cứu cần đầu tư nâng cấp trạm truy

nhập quang (AON, PON) tại trạm chính tại trung tâm huyện và các trạm vệ tinh hiện có, đầu tư xây dựng mới các trạm trạm truy nhập quang tại các cụm công nghiệp, khu dân cư mới đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ điện thoại cố định, Internet cố định, truyền hình qua mạng viễn thông.

- Hạ tầng kỹ thuật mạng thông tin di động: Hiện tại trên địa bàn huyện Thành có tổng cộng 420 trạm BTS sử dụng công nghệ GSM.CDMA (2G,3G,4G) được lắp đặt tại 140 vị trí, tuy nhiên do huyện Thạch Thành có địa hình đồi núi, ảnh hưởng đến chất lượng thu phát sóng thông tin di động, đồng thời trong thời gian tới, việc triển khai ứng dụng các công nghệ thông tin di động thế hệ thứ tư 4G/5 G và thế hệ mới sau 5G phạm vi phủ sóng của các trạm này hẹp hơn so công nghệ GSM với đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao. Vì vậy một số khu vực dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, cần phải đầu tư xây dựng mới các trạm BTS. Đối với các khu vực yêu cầu phải đảm bảo mỹ quan đô thị, để đảm bảo an toàn, đồng bộ với cơ sở hạ tầng tại các khu vực này cần đầu tư xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tự đứng, các cột nguy trang thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực nghiên cứu. Phạm vi bán kính phủ sóng của 01 trạm từ 300 đến 500 m, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ truy cập Internet di động băng thông rộng tốc độ cao,

Mạng thông tin di động: đầu tư xây dựng mới các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động 4G/5 G và thế hệ mới sau 5G tại khu dân cư hiện hữu, các khu dân cư mới, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới, các khu du lịch khi quy hoạch chi tiết

g. Tính toán nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thụ động:

- Theo xu hướng trong thời gian tới phổ cập các dịch vụ viễn thông cơ bản và Internet băng thông rộng di động 4G/5G vì vậy để đảm bảo chất lượng dịch vụ Internet băng thông rộng di động các trạm BTS phải bổ sung thêm vị trí xây dựng các trạm BTS như cầu đất để xây dựng nhà trạm, cột ăng ten.

+ Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới là: 200m²;

+ Diện tích xây dựng cột ăng ten là 80 m².

5.4. Định hướng quy hoạch cấp nước

Chỉ tiêu và nhu cầu dùng nước

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

TT	Nguồn sử dụng nước	Đối tượng cấp nước			Tiêu chuẩn cấp nước	Giai đoạn 2025	Giai đoạn 2030	Giai đoạn 2045
		Giai đoạn 2025	Giai đoạn 2030	Giai đoạn 2045	(m ³ /ngđ)	(m ³ /ngđ)	(m ³ /ngđ)	(m ³ /ngđ)
	Tổng dân số toàn huyện (người)	150.000	175.000	190.000				
1	Nước sinh hoạt khu vực đô thị	38000	46.000	92.000	100	3.610	4.370	9.200
2	Nước sinh hoạt khu vực nông thôn	112000	129.000	98.000	80	8.064	9.288	7.056
3	Nước công cộng, dịch vụ				15%	1.751	2.049	2.438
4	Nước công nghiệp (m ³ /ha)	360	360	710	22	7.920	7.920	15.620
5	Nước thất thoát				15%	3.202	3.544	5.147
6	Bản thân nhà máy				4%	982	1087	1578
	Tổng					25.529	28.258	41.040

Tổng lượng nước cấp toàn huyện phát sinh (làm tròn)

+ Đến năm 2025: khoảng: 25.500 m³/ngđ;

+ Đến năm 2030: khoảng: 28.200 m³/ngđ;

+ Đến năm 2045: khoảng: 41.100 m³/ngđ

- Đề xuất cấp nước huyện Thạch Thành theo vùng. Theo đó, xây dựng 04 NMN phục vụ nhu cầu nước sạch cho các đô thị và vùng phụ cận.

+ XD Nhà máy nước Kim Tân;

CS: 3.500m³/ng.đ. (nâng cấp từ 2.000m³/ng.đ lên 3.500m³/ng.đ)

Khu vực cấp: Kim Tân; Thành Hưng; Thành Thọ; Thành Long; Thành An; Thạch Bình; Thạch Long; Thạch Đồng

+ XD Nhà máy nước Vân Du;

CS: 12.500m³/ng.đ (đến năm 2045, đã tính đến nước cho 3 cụm CN)

Khu vực cấp: Vân Du; Thành Tâm; Thành Tân; Ngọc Trạo.

+ XD Nhà máy nước Thành Minh:

CS: 3.500m³/ng.đ

Giải pháp thiết kế:

Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ các nhà máy nước chạy dọc theo các tuyến đường giao thông chính, đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho đô thị và khu vực xung quanh theo định hướng quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt.

Mạng lưới cấp nước ngoài khu vực phát triển đô thị: Xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước phân bố trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ đảm bảo cấp nước tới các khu vực dân cư đô thị và nông thôn trong huyện. Do khu vực nông thôn sống rải rác không tập trung nên lượng nước cấp cho khu vực nông thôn từ hệ thống cấp nước đô thị được tính 60% dân cư, 40% dân cư nông thôn còn lại được cấp nước từ các giếng khoan nước ngầm.

Cấp nước chữa cháy: Mạng lưới được tính toán cho cấp nước sinh hoạt và chữa cháy. Vị trí trụ cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư xây dựng đảm bảo theo các quy định và được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận.

5.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

5.5.1. Thu gom và xử lý nước thải

a) Tiêu chuẩn và ước tính lượng thải:

Tiêu chuẩn nước thải lấy bằng cấp nước

Bảng : *Chỉ tiêu nước thải*

Bảng: Tổng hợp nhu cầu xử lý nước thải toàn huyện giai đoạn đến năm 2045.

TT	Lưu lượng nước thải	Giai đoạn 2025 (m ³ /ng.đ)		Giai đoạn 2030 (m ³ /ng.đ)		Giai đoạn 2045 (m ³ /ng.đ)	
		Nước cấp	Nước thải	Nước cấp	Nước thải	Nước cấp	Nước thải
1	Nước thải khu vực đô thị (bao gồm công cộng, dịch vụ) tính bằng 80% nước SH	3.610	2888	4.370	3.496	9.250	7.400
2	Nước thải khu vực nông thôn (bao gồm công cộng dịch vụ) tính bằng 80% nước SH	8.064	6451,2	9.288	7.430	7.056	5.645
3	Nước công nghiệp (xử lý 100%)	7.920	7.920	7.920	7.920	15.620	15.620
	Tổng cộng		17.259		18.846		28.665

Tổng lượng nước thải toàn huyện phát sinh (làm tròn)

+ Đến năm 2025: khoảng: 17.200 m³/ngđ;

+ Đến năm 2030: khoảng: 18.800 m³/ngđ;

+ Đến năm 2045: khoảng: 28.600 m³/ngđ

- Ghi chú: Các Cụm CN bắt buộc xây dựng trạm xử lý nước thải riêng, từ khi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Lượng nước thải công nghiệp chỉ là ước tính. Khối

lượng nước thải công nghiệp thực tế phát sinh tùy thuộc vào loại hình công nghiệp, quy mô, công nghệ sản xuất và sẽ được làm rõ trong dự án đầu tư.).

Ngoài các nguồn vốn ngân sách, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng dự án xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mặt và hệ thống thu gom nước thải

b) Phương án quy hoạch:

** Nước thải sinh hoạt đô thị:*

Định hướng xây dựng các trạm XLNT tập trung cho khu vực đô thị theo quy hoạch thoát nước các đô thị. Căn cứ vào dự báo nhu cầu xử lý nước thải tập trung khu vực nội thị với tổng lượng nước thải phát sinh khoảng: 8.482 m³/ngđ (giai đoạn năm 2030) và khoảng 16.392 m³/ngđ (giai đoạn năm 2045). Xây dựng 04 trạm XLNT cho các khu vực:

- XD 4 Trạm xử lý nước thải gắn với 4 đô thị

Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải đạt >80% nước cấp

+ XD Trạm XLNT thị trấn Kim Tân; CS: 3.000 m³/ng.đ

+ XD Trạm XLNT tại Vân Du ; CS: 10.5000m³/ng. đ

+ XD Trạm XLNT tại Thạch Quảng CS: 3.000,0m³/ng. đ

+ XD Trạm XLNT tại Thành Minh CS: 3.000,0m³/ng. đ

- Các Cụm CN, kể cả các nhà máy, xưởng SX đơn lẻ bắt buộc XD trạm xử lý nước thải riêng, từ khi đầu tư XD.

- Khu vực ngoài đô thị xây dựng bể tự hoại xử lý cục bộ tại các công trình trước khi thải ra môi trường.

Đề đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực đô thị sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Tất cả các hộ gia đình, cơ quan, công trình công cộng., đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách.

Nước thải tự chảy theo các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung của khu vực. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m, tối đa là 6 m tính tới đỉnh cống. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn > 6 m đặt trạm bơm chuyển tiếp.

Hệ thống đường cống thoát nước đường kính D300-D400 bằng BTCT, độ dốc tối thiểu $i = 1/d$.

Đường ống áp lực có đường kính D100-D200. Chiều sâu chôn ống 1m.

Trạm bơm chuyển tiếp sử dụng máy bơm nhúng chìm kiểu ướn, phần nhà trạm xây chìm và có thể kết hợp với giếng thăm để tiết kiệm tích đất và đảm bảo mỹ quan đô thị.

Đối với khu vực dân cư hiện trạng, trước mắt xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình bằng bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách, khuyến khích sử dụng các loại bể tự hoại

cải tiến. Trước mắt xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách. Lâu dài xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn chỉnh, thu gom về trạm XLNT tập trung.

Áp dụng công nghệ xử lý nước thải sinh học nhân tạo qua bể aeroten. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt hiện hành.

Nước sau xử lý có thể sử dụng phục vụ mục đích tưới cây, rửa đường, phục vụ nông nghiệp... giảm áp lực cung cấp nước sạch cho khu vực thiết kế.

Do điều kiện kinh tế và tiến độ xây dựng, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải không thể xây dựng hoàn chỉnh ngay trong giai đoạn đầu. Để giảm bớt ô nhiễm môi trường, nước thải xử lý cục bộ qua bể tự hoại đặt trong từng công trình, bể xây 3 ngăn đúng quy cách. Có thể sử dụng bể tự hoại cải tiến có dòng chảy ngược và ngăn lọc (BASTAF) để giảm bớt ô nhiễm nước thải đầu ra. Các dự án triển khai trong phạm vi quy hoạch đô thị khi xây dựng phương án thu gom và xử lý nước thải cần tuân thủ quy hoạch về hướng thoát nước, chọn vị trí khu xử lý nước thải, cao độ điểm xả thải phù hợp để thuận tiện cho việc đấu nối với hệ thống chung sau này.

- Khu vực dự trữ phát triển, dân cư làng xóm mật độ thấp, khu dân cư độc lập xa trung tâm, lượng nước thải nhỏ: giải pháp thoát nước thải ở các khu vực này là xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể cải tiến (BASTAF), tận dụng các ao hồ, đất nông nghiệp để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Khi được đô thị hoá, các khu vực này sẽ xây dựng bổ sung hệ thống cống bao và trạm bơm, đưa nước thải về trạm XLNT theo quy hoạch để xử lý. Trạm XLNT cũng sẽ được xây dựng bổ sung các đơn nguyên để đảm bảo công suất xử lý.

* Nước thải nông thôn:

Khu vực nông thôn sử dụng hệ thống thoát nước chung. Xây dựng các mương xây có tấm đan, thoát nước chung với nước mưa, thu nước thải đưa xa ngoài phạm vi làng xóm, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên (mô hình hồ sinh học, cánh đồng lọc, cánh đồng tưới). Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

100% các hộ gia đình phải sử dụng xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách.

Các hộ gia đình, trang trại có chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

Giải pháp hệ thống thu gom và xử lý nước thải cụ thể cho từng xã sẽ được cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch nông thôn mới.

+ Nước thải công nghiệp:

Khu công nghiệp tập trung, nước thải cần được làm sạch theo hai bước.

+ XLNT cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước thải tới giới hạn C theo QCVN 40-2011/BTNMT.

+ Làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của khu công nghiệp đạt tới giới hạn B theo QCVN 40-2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

Nước thải tiêu thụ công nghiệp, các xí nghiệp phân tán phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn C theo TCVN 40-2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

+ Nước thải y tế:

Nước thải y tế cần được thu gom và xử lý riêng trong bệnh viện đạt QCVN 28/2010/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống thu gom chung.

5.5.2. Thu gom và quản lý chất thải rắn

a) Chỉ tiêu và ước tính lượng thải:

- CTR sinh hoạt: 0,9 kg/ng.ngđ
- CTR công trình và dịch vụ công cộng: 10% CTR sinh hoạt.
- CTR công nghiệp, đất chuyên dụng: 0,2 tấn/ha.ngđ.
- Tỷ lệ thu gom 70% (giai đoạn 2025) và 100% (giai đoạn 2035)

Tiêu chuẩn và ước tính lượng CTR phát sinh

TT	Thành phần thải	2030		2045	
		Quy mô (người)	Lượng thải (tấn/ngđ)	Quy mô (người)	Lượng thải (tấn/ngđ)
1	CTR sinh hoạt	175.000	157	190.000	171
2	Công trình và dịch vụ công cộng	10% CTR sinh hoạt	15,7	10% CTR sinh hoạt	17,1
3	Công nghiệp tập trung	310 ha	62	650 ha	130
	Tổng cộng (làm tròn)		234.7		381.1

Tổng lượng thải phát sinh đến 2030 khoảng 234.7 tấn/ngđ. Trong đó, lượng thải sinh hoạt khoảng 157 tấn/ngđ, lượng thải công nghiệp khoảng 62 tấn/ngđ.

Tổng lượng thải phát sinh đến 2045 khoảng 381 tấn/ngđ. Trong đó, lượng thải sinh hoạt khoảng 171 tấn/ngđ, lượng thải công nghiệp khoảng 130 tấn/ngđ.

b) Phương án quy hoạch:

* Nguyên tắc chung:

100% CTR được thu gom, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn huyện. Cơ bản phân thành 2 loại chính:

+ Chất thải rắn vô cơ gồm kim loại, giấy, bao bì thủy tinh v.v.. được định kì thu gom.

+ Chất thải rắn hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày.

* Định hướng thu gom và xử lý chất thải rắn:

* Định hướng khu xử lý chất thải rắn:

Theo phương án xử lý CTR tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, Trên địa bàn huyện THẠCH THÀNH có 01 vị trí khu xử lý CTR tại xã Thành

Thọ quy mô khoảng 3ha, công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh (Sau năm 2025 sử dụng công nghệ đốt và hỗn hợp) phục vụ nhu cầu xử lý rác cho vùng huyện

Như vậy phương hướng lựa chọn hiện nay là địa phương chủ động trong công tác thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý chủ yếu là đốt và chôn lấp hợp vệ sinh. Phương án này phù hợp với điều kiện hiện trạng địa phương. Tuy nhiên xét về dài hạn, đặc biệt khi Thạch Thành đô thị hóa, sẽ có quá nhiều cơ sở xử lý nằm trong đô thị trung tâm. Đồng thời, việc phân tán các cơ sở xử lý sẽ không thuận lợi cho việc áp dụng công nghệ hiện đại (đốt thu hồi năng lượng, đốt phát điện...), các lò đốt quy mô nhỏ tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lượng rác thải không đáp ứng công suất xử lý gây tổn kém về kinh tế. Do vậy đề xuất phương án như sau:

- Phương án quy hoạch cơ sở xử lý:

Các khu xử lý quy mô nhỏ trên địa bàn huyện sẽ chuyển thành các trạm trung chuyển CTR, quy mô mỗi trạm khoảng 500 m². CTR được thu gom tập trung đưa về khu xử lý CTR chung của huyện đã xác định tại xã Thành Thọ.

- Về tầm nhìn dài hạn, với quy mô phát triển CN - TTCN và tốc độ đô thị hóa như hiện nay, khu xử lý CTR sẽ dần bị lấp đầy, Cần có giải pháp nâng cấp mở rộng khu xử lý CTR cấp huyện, ngoài ra có thể liên kết với các tỉnh xung quanh để bố trí các cơ sở xử lý tập trung mới, đáp ứng được xu thế chung của xã hội.

* Phương án thu gom CTR:

+ CTR đô thị: Chất thải rắn đô thị được phân loại tại nguồn và thu gom tập trung và đưa về khu xử lý rác theo quy hoạch.

+ CTR nông thôn:

Chất thải rắn nông thôn cần phân loại tại nguồn. Ưu tiên xử lý tại chỗ, sử dụng mô hình ủ phân tại chỗ, biogas, sản xuất khép kín VAC... tận dụng chất thải phục vụ sản xuất nông nghiệp, năng lượng cho nhu cầu sinh hoạt.

Phần chất thải còn dư không xử lý cần tập trung chuyển về trạm trung chuyển CTR theo quy hoạch.

Các điểm trung chuyển được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới, đảm bảo phạm vi phục vụ cho các xã trên địa bàn, nằm thuận đường giao thông, hợp lý về hướng tuyến chuyển về khu xử lý CTR tập trung của huyện.

Rà soát các bãi chôn lấp tạm thời hiện nay, nếu đảm bảo các tiêu chí nêu trên thì ưu tiên chuyển thành điểm trung chuyển cấp xã.

Vị trí và quy mô cụ thể cho từng điểm trung chuyển CTR cấp xã sẽ được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch chung xã.

+ CTR công nghiệp, làng nghề, trang trại.

Cần tổ chức phân loại tại nguồn, tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại CTR có thể tái chế cho các cơ sở khác sử dụng để giảm giá thành sản phẩm. CTR nguy hại thu gom và chuyển đến khu xử lý CTR Vùng tỉnh. CTR thông thường chuyển đi cùng CTR sinh hoạt về khu xử lý tập trung của huyện.

CTR nông nghiệp, trang trại ưu tiên tái sử dụng để phục vụ sản xuất. Áp dụng

các biện pháp giảm thiểu tối đa lượng CTR cần xử lý: ủ phân, sản xuất nấm rơm, nuôi giun quế (sử dụng phân trâu bò), sản xuất than, ủ trấu...Phần CTR không sử dụng được, sẽ vận chuyển đến bãi chôn lấp cùng với CTR sinh hoạt.

+ CTR y tế:

CTR y tế thông thường tại các cơ sở y tế trên địa bàn phải được thu gom, phân loại và chuyển xử lý tại Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành, CTR nguy hại khác đề nghị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý và vận chuyển về khu xử lý theo quy định theo công nghệ vi sóng, Plasma, khử khuẩn...

5.5.3. Nghĩa trang

a) *Chỉ tiêu và nhu cầu sử dụng nghĩa trang:*

Chỉ tiêu: 0,6 ha/vạn dân

Nhu cầu sử dụng nghĩa trang khoảng 3,0 ha.

b) *Phương án quy hoạch:*

* Khu vực đô thị

Không bố trí nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị.

Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng trong ranh giới phát triển đô thị. Có kế hoạch thu hồi, giải tỏa khi có nhu cầu sử dụng. Các khu mộ khi giải tỏa chuyển về nghĩa trang tập trung của huyện

* Khu vực nông thôn:

Tiếp tục dùng nghĩa trang cấp xã, lựa chọn vị trí nghĩa trang tập trung dựa trên tiêu chuẩn nông thôn mới và trên cơ sở rà soát các nghĩa trang phân tán hiện có trên địa bàn từng xã. Các nghĩa trang phân tán, có quy mô nhỏ, không đủ khoảng cách ly, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, khi có nhu cầu sử dụng đất có thể di chuyển đến nghĩa trang tập trung. Các nghĩa trang hiện có đủ điều kiện tồn tại sẽ mở rộng diện tích, xây dựng theo tiêu chuẩn nghĩa trang nông thôn để tiết kiệm đất.

Vị trí và quy mô cụ thể cho từng nghĩa trang cấp xã sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chung xây dựng từng xã.

c) *Nghĩa trang tập trung:*

Theo quy hoạch nghĩa trang tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, Trên địa bàn huyện Thạch Thành có 01 Nghĩa Trang tập trung tại xã Thành Tân, quy mô khoảng 15ha phục vụ cho vùng huyện.

Nghĩa trang tập trung cần xây dựng theo tiêu chuẩn nghĩa trang, có đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến VSMT khu vực lân cận.

PHẦN VI. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

6.1. Mục đích đánh giá tác động môi trường:

Thạch Thành là vùng khấp nổi quan trọng các loại hình phát triển kinh tế phía Bắc của tỉnh, là vùng chuyển tiếp từ Ven biển – đồng bằng – miền núi. Do đó, việc đánh giá những ảnh hưởng của môi trường ảnh hưởng tới phát triển kinh tế của huyện rất quan trọng, đảm bảo phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

Đô thị hoá sẽ làm gia tăng các tác động đến môi trường và môi trường cũng có những tác động ngược lại đến đời sống dân cư và các hoạt động kinh tế, xã hội... Những tác động này là không nhỏ so với các hiệu quả kinh tế - xã hội mà đồ án quy hoạch sẽ đem lại.

Đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực quy hoạch và đánh giá sơ bộ những tác động đến môi trường và kinh tế xã hội xung quanh do việc thực hiện đồ án quy hoạch, từ đó đưa ra những biện pháp giảm nhẹ các tác động bất lợi để hài hoà giữa yêu cầu phát triển kinh tế xã hội với nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

6.2. Hiện trạng môi trường huyện.

Cùng với việc thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn, trong thời gian qua UBND huyện cũng đã rất quan tâm tới công tác bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm nhà máy, rác thải bệnh viện,... đặc biệt là xử lý ô nhiễm môi trường rừng, môi trường sau mùa mưa bão, các địa phương bị lụt, sạt lở núi đã được các cấp chính quyền kịp thời chỉ đạo, huy động lao động thu gom rác thải, gia súc, gia cầm chết xử lý và chôn lấp an toàn. Nhìn chung chất lượng môi trường trên địa bàn huyện vẫn giữ được mức ổn định, đảm bảo vệ sinh môi trường cho cộng đồng.

- Môi trường nông thôn: Là huyện miền núi, công nghiệp chưa thực sự phát triển nên môi trường nông thôn còn tương đối trong lành. Hơn nữa trong thời gian qua diện tích che phủ rừng đã được nâng lên, góp phần cải thiện môi trường sống, đồng thời ý thức bảo vệ môi trường của người dân dần được nâng cao. Tuy vậy, tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn vẫn xảy ra cục bộ, do thiên tai lũ lụt, ô nhiễm từ các trang trại chăn nuôi, rác thải sinh hoạt,... Tuy nhiên, chính quyền đã phối hợp với các ban ngành cùng nhân dân kịp thời tiến hành xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh cho môi trường công cộng.

- Môi trường đô thị: Huyện có 2 đô thị là thị trấn Kim Tân và thị trấn Vân Du. Nhìn chung chất lượng môi trường sống ở đây còn tương đối ổn định. Tình trạng ô nhiễm môi trường cũng chỉ xảy ra do tác động của thiên tai lũ lụt, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi,... Tuy nhiên chính quyền và cơ quan chức năng cũng đã kịp thời khắc phục, đồng thời tiếng hành cấp giấy chứng nhận cam kết bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất nông nghiệp, công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm cao. Do vậy tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng không xảy ra.

6.3. Đánh giá môi trường chiến lược

6.3.1. Xác định nguồn gây tác động.

Nguyên nhân chủ yếu từ lũ lụt, thiên tai, vận tải đường bộ; ý thức của người dân khi thải rác ra các nguồn nước; các cụm công nghiệp chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đầu môi; và các hoạt động nông nghiệp, du lịch khác. Môi trường của vùng huyện Thạch Thành có thể bị tác động bởi các yếu tố quy hoạch mới, bao gồm:

- Tài nguyên, nhất là tài nguyên đất bị khai thác: Một số lượng lớn đất nông nghiệp chuyển sang xây dựng, bê tông hoá, làm giảm diện tích xanh, mặt nước, giảm đa dạng sinh học.

- Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh phát triển nằm trong khu dân cư hoặc tiếp cận khu dân cư, có thể gây ô nhiễm vùng xung quanh.

- Quá trình hình thành, xây dựng mở rộng đô thị, các trung tâm thương mại dịch vụ... sẽ làm tăng quá trình di dân tự do đến các đô thị tạo nên sức ép về nhà ở, giao thông, vệ sinh môi trường, tệ nạn xã hội....

- Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái cộng đồng (Vườn Cúc Phương, Hang Con Moong, Thác Mây, Thác voi,...), hoạt động của khách du lịch cũng ảnh hưởng đến môi trường.

- Lầy đất nông nghiệp xây dựng tạo nên sự căng thẳng đời sống việc làm của dân các vùng ven đô.

- Tốc độ phát triển giao thông và tốc độ gia tăng các phương tiện giao thông ô tô, xe máy và cơ giới khác đã làm tăng ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động giao thông gây ra.

- Đô thị phát triển tạo nên sức ép đối với nhu cầu dùng nước sạch, xả thải nước thải sinh hoạt, rác thải đô thị... dẫn đến ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên.

6.3.2. Tác động của quy hoạch phát triển ngành.

a) Phát triển công nghiệp

Chất lượng môi trường đất, nước mặt, nước dưới đất, không khí và đa dạng sinh học tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung sẽ bị đe dọa bởi:

(1) Sự gia tăng các sức ép từ việc lấp đầy diện tích đất cho thuê các Cụm CN,

(2) Sự phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp,

(3) Sự gia tăng khối lượng các chất thải và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khác nếu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn không có biện pháp thích hợp để phòng ngừa, xử lý và kiểm soát chúng một cách hiệu quả.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng

Phát triển cơ sở hạ tầng nhìn chung có tác dụng cải thiện môi trường sinh sống và sản xuất của con người, xử lý ô nhiễm môi trường, khắc phục và hạn chế thiên tai như bão lụt, hạn hán. Tuy nhiên phát triển cơ sở hạ tầng nếu không quy hoạch hợp lý có thể có nhiều tác dụng tiêu cực tới môi trường:

Chiếm diện tích lớn về đất nông nghiệp, đất thổ cư bởi hệ thống đường và công trình;

Gây ô nhiễm đất, nước, không khí trong quá trình thi công và khai thác;

Giao thông vận tải là nguồn gây ô nhiễm không khí lớn và rất khó kiểm soát. Các khí độc thông thường là cacbon monoxit (CO), khí hydro cacbon (HC) và khí nitơ oxit (NO). Đặc biệt là ô tô còn gây ô nhiễm bụi đất đá đối với môi trường không khí (bụi thứ cấp) và bụi rất độc hại qua ống xả là bụi hơi chì và tàn khói;

c) Phát triển thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ không chỉ phục vụ cho các đô thị, mà còn chú trọng đến thị trường nông thôn, trong đó tập trung vào các cụm kinh tế xã hội, chợ, nơi có nút giao thông thuận lợi, khu du lịch sinh thái,... Thương mại, dịch vụ làm gia tăng lượng chất thải (rắn, lỏng, khí) đưa vào môi trường. Do hệ thống cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường nông thôn còn nhiều yếu kém nên sự gia tăng chất thải thương mại và dịch vụ sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường nông thôn, trực tiếp là môi trường nước, đất và không khí.

6.3.3. Tác động của quy hoạch bố trí không gian lãnh thổ.

Các hoạt động quy hoạch, chuyển đổi sử dụng đất có tác động rất lớn đến môi trường. Dựa trên xu hướng sử dụng đất trong giai đoạn đã qua và tình hình sử dụng đất hiện tại có thể nhận thấy từ nay đến 2045 thay đổi cơ cấu sử dụng đất sẽ dẫn tới các tác động sau đây:

- Một bộ phận cộng đồng bị mất đất do phát triển công nghiệp, giao thông và cơ sở hạ tầng, phải thay đổi nơi cư trú và sinh kế, có thể dẫn tới xáo động xã hội;
- Mất thảm thực vật, gia tăng xói mòn và suy thoái đất;
- Phá hủy hệ sinh thái trên cạn, suy giảm tài nguyên rừng;
- Gia tăng nguy cơ gây ô nhiễm đất do các hoạt động khai khoáng và công nghiệp;
- Thay đổi cảnh quan.

6.3.4. Dự báo xu thế diễn biến của các vấn đề môi trường khi thực hiện quy hoạch

Xu thế diễn biến của các vấn đề môi trường cốt lõi khi thực hiện quy hoạch được dự báo trong bối cảnh trong bối cảnh các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phát triển ngành cho huyện Thạch Thành đến năm 2045 sẽ được thực hiện và tác động của biến đổi khí hậu ngày càng thể hiện rõ ràng.

** Xu thế suy giảm nguồn tài nguyên nước*

Gia tăng nguy cơ thiếu nước so với trường hợp không thực hiện quy hoạch, do nhu cầu sử dụng nước gia tăng để phát triển nông nghiệp, do phát triển khu công nghiệp và các khu dân cư tập trung.

Tác động của biến đổi khí hậu làm thay đổi lượng mưa cả về không gian lẫn thời gian là nguyên nhân tác động trực tiếp đến dòng chảy mùa kiệt;

Chất lượng nước trên hệ thống sông Bưởi, các hồ đập, kênh rạch nội đồng có xu hướng diễn biến ngày một xấu hơn do gia tăng chất thải từ các hoạt động kinh tế – xã hội trong tỉnh và do khả năng tự làm sạch của sông rạch ngày càng yếu dần. Gia tăng số

vụ lúa/năm với kỹ thuật thâm canh lúa sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật như hiện nay hiện nay sẽ làm suy giảm chất lượng nước (xì phèn, ô nhiễm phân bón, thuốc sát trùng, thuốc diệt cỏ);

Suy thoái tài nguyên nước (cả về số lượng và chất lượng) làm gia tăng nguy cơ phát sinh các chi phí xử lý nước cấp, nước đầu vào cho các mục đích sử dụng nước khác nhau, đặc biệt là nước đầu vào cho các ao hồ nuôi thủy sản và nguy cơ thiếu nước canh tác nông nghiệp trong vụ hè thu.

- Xu thế suy thoái tài nguyên đất

Các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, đã phá vỡ cấu trúc tự nhiên của đất. Việc đắp đê bao, đào hệ thống kênh mương ngang dọc đã chia cắt đất nông nghiệp thành nhiều ô nhỏ, cùng với việc tôn nền đất ở, làm đường giao thông tránh lũ, lên liếp trồng cây đã tạo nên những thay đổi về địa hình và tính chất của đất.

Tích tụ ô nhiễm và suy thoái đất tại các vùng chuyên canh nông nghiệp do thâm canh tăng vụ. Việc canh tác lúa liên tục làm đất mất dưỡng chất, tích tụ nhiều chất độc (thuốc diệt cỏ, thuốc sâu và bệnh), vì để duy trì năng suất cao, nông dân phải gia tăng số lượng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ.

- Xu thế thay đổi đa dạng sinh học

Nguy cơ cháy rừng, hủy hoại đa dạng sinh học do gia tăng khô hạn trong mùa khô. Môi trường tại các vùng sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn sẽ tiếp tục bị sức ép từ các chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và các dư lượng phân bón, thuốc BVTV trong nông nghiệp.

** Xu thế gia tăng chất thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp và các khu/cụm/tuyến dân cư nông thôn*

Gia tăng lượng nước thải và chất thải rắn sinh hoạt do tăng dân số;

Gia tăng lượng chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là chất thải nguy hại;

Gia tăng bùn nạo vét cống và xử lý nước thải tập trung;

6.4. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

6.4.1. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường

a/ Giải pháp bảo vệ môi trường đất

Trong quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành đến năm 2045 đã định hướng được việc sử dụng đất trên cơ sở bố trí quy hoạch phát triển nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, đô thị và khu dân cư. Các định hướng có thể phát huy tối đa tiềm năng tự nhiên và thế mạnh của tài nguyên đất. Tuy nhiên về phương diện môi trường, cần lưu ý đến những khía cạnh sau đây trong từng kiểu sử dụng đất cụ thể để có kế hoạch sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bền vững hơn.

- Phát triển và mở rộng các đô thị trong vùng gồm các đô thị: Thị trấn Kim Tân, Thị trấn Vân Du, đô thị Thạch Quảng, Thành Minh; Thạch Tân.... cần chú ý các tác động rủi ro môi trường do các vùng bị nhiễm phóng xạ, nhiễm chất độc do chiến tranh, các khu vực còn tồn lưu bom, mìn. Cần đo đạc và khảo sát khoanh vùng cấm.

- Đối với các khu công nghiệp trong vùng: cần tính toán kỹ các giải pháp thoát nước cho mỗi khu và xây dựng hệ thống thoát riêng đối với nước thải và nước mưa. Tránh nước thải có lẫn dầu mỡ chảy tràn theo nước mưa ra môi trường xung quanh ảnh hưởng tới chất lượng đất.

- Khai thác sử dụng đất khu vực nông thôn cần có sự đầu tư đồng bộ, gắn liền phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo yêu cầu hiện đại hoá nông thôn.

- Dân cư vùng miền núi và vùng gò đồi, cần hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp canh tác phù hợp với từng loại cây trồng, sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hoá học, trong sản xuất nông, lâm nghiệp, giảm tối đa sự ô nhiễm gây ra với môi trường đất và nước.

- Đẩy mạnh phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất gắn với phát triển du lịch sinh thái.

- Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các loại đất chuyên dụng.

Các khía cạnh tác động chính của việc sử dụng đất

TT	Kiểu sử dụng đất chuyên dụng	Khía cạnh tác động chính	Định hướng, giải pháp sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững
01	Đất giao thông	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	Đưa ra những quy định cụ thể về tải trọng xe, điều kiện lưu thông đối với từng loại phương tiện và từng tuyến đường giao thông; thường xuyên quét dọn đất cát và phun nước chống bụi ở những tuyến đường nội ô đô thị; trồng nhiều cây xanh ven đường
		Hư hỏng bề mặt đường	Sửa chữa ngay những chỗ mới phát sinh, tránh tạo mầm kích thích hư hỏng lan rộng
		Sạt lở đất ven đường	Gia cố kỹ những đoạn có tiềm năng gây lún, sạt lở đất cao
		Ngập úng do mưa, lũ, triều cường	Chọn cốt mặt đường phù hợp (trên mức đỉnh lũ cao nhất nhiều năm), thiết kế thoát nước tốt trong giai đoạn quy hoạch; thường xuyên nạo vét khai thông cống rãnh thoát nước
02	Đất khu/cụm công nghiệp, kho tàng, bến bãi	Lãng phí đất đai	Quy hoạch xây dựng nhà công nghiệp nhiều tầng để gia tăng hiệu quả sử dụng đất
		Hạn chế khả năng bổ cấp nước mưa cho nước dưới đất do bê tông hóa bề mặt	Dành một tỷ lệ diện tích nhất định để trồng cỏ, cây xanh, xây hồ chứa nước nhân tạo bên trong khu/cụm công nghiệp để duy trì khả năng bổ cấp cho nước dưới đất, đồng thời tạo cảnh quan môi trường thoáng mát, giảm ô nhiễm không khí

TT	Kiểu sử dụng đất chuyên dụng	Khía cạnh tác động chính	Định hướng, giải pháp sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững
		Ô nhiễm đất, thoái hóa đất do tập kết chất thải không phù hợp; rò rỉ dầu nhớt, hóa chất, chất thải nguy hại,...	Tổ chức tốt việc thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp; bố trí các phương tiện/công trình chống thất thoát, chảy tràn đối với kho nhiên liệu, hóa chất
		Ô nhiễm không khí	Lắp đặt các thiết bị kiểm soát ô nhiễm không khí đối với các nguồn thải cố định (các ống khói); thu gom và xử lý các nguồn thải phân tán (mùi hôi, hơi hóa chất, bụi,...); kiểm soát ô nhiễm do giao thông
		Ô nhiễm nước mặt và nước dưới đất	Xử lý nước thải cục bộ tại từng nguồn thải; thu gom và xử lý tập trung các dòng nước thải phát sinh bên trong khu/cụm công nghiệp, kho tàng, bến bãi; gia cố chống thấm đối với các công trình xử lý nước thải cục bộ và tập trung
		Lún sụt bề mặt do khai thác nước dưới đất quá mức	Hạn chế sử dụng nước dưới đất nếu nguồn nước mặt sẵn có đạt chất lượng tốt dùng cho mục đích cấp nước; khi thật sự cần thiết phải khai thác, chỉ nên khai thác trong khả năng bổ cấp tự nhiên của nước dưới đất (dưới ngưỡng khai thác bền vững cho phép)
03	Đất bãi rác cũ	Ô nhiễm đất, không khí, nước mặt, nước dưới đất; phát sinh các mầm bệnh	Khắc phục các vấn đề ô nhiễm đang tồn đọng, lập kế hoạch đóng bãi và chuyển mục đích sử dụng đất sau khi đóng bãi (ví dụ như trồng rừng trên bãi rác cũ)
04	Đất bãi rác mới	Ô nhiễm đất, không khí, nước mặt, nước dưới đất; phát sinh các mầm bệnh	Quy hoạch bố trí vị trí các bãi rác phù hợp (đặc biệt tránh các vị trí đầu hướng gió, đầu nguồn nước sinh hoạt đối với các khu dân cư, vị trí có tiềm năng ngập úng cao); thiết kế và xây dựng bãi chôn lấp rác đúng tiêu chuẩn kỹ thuật dành cho bãi chôn lấp hợp vệ sinh hoặc bãi chôn lấp an toàn đối với rác công nghiệp nguy hại (có các lớp chống thấm phù hợp, có hệ thống thu gom và xử lý nước rỉ rác phù hợp, chọn cao trình phù hợp để chống lũ, bố trí dây đệm cây xanh cách ly xung quanh,...); vận hành bãi rác đúng tiêu chuẩn quy định; kiểm soát tốt các mầm bệnh
		Sử dụng lãng phí đất đai	Hạn chế tối đa việc chôn lấp rác, tăng cường tái sinh/tái chế các thành phần trong chất thải

TT	Kiểu sử dụng đất chuyên dụng	Khía cạnh tác động chính	Định hướng, giải pháp sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững
			rắn sinh hoạt và công nghiệp (phân compost, vật liệu tái chế,...)
05	Đất xây dựng các trạm XLNT đô thị tập trung (trong tương lai)	Thấm nước thải ô nhiễm xuống đất, mùi hôi, cặn bùn phát sinh trong quá trình vận hành	Quy hoạch bố trí vị trí các trạm XLNT đô thị tập trung phù hợp (đặc biệt tránh các vị trí đầu hướng gió, đầu nguồn nước sinh hoạt đối với khu dân cư, vị trí có tiềm năng ngập úng cao); thiết kế, xây dựng và vận hành các trạm XLNT theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh; trang bị phương tiện thu gom bùn thải đưa đi xử lý ở bãi rác hoặc tái sử dụng trong nông nghiệp nếu điều kiện cho phép.
06	Đất công viên cây xanh	Cải tạo cảnh quan môi trường	Phát triển, mở rộng diện tích đất công viên cây xanh đô thị càng nhiều càng tốt; tăng cường công tác chăm sóc cây xanh đô thị
		Chất thải rắn sinh hoạt, cành lá cây	Tổ chức tốt việc quét dọn, thu gom và xử lý

b/ Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp trong vùng có thể gây ô nhiễm bụi cao như: Cụm công nghiệp..., cơ sở sản xuất thủ công nghiệp đơn lẻ... cần phải có các giải pháp kỹ thuật như: lắp đặt hệ thống thông gió tại các khu vực sản xuất, hạn chế ảnh hưởng độc hại của các chất ô nhiễm trong không khí tới sức khỏe người lao động. Đầu tư các trang thiết bị xử lý ô nhiễm ngay khi các doanh nghiệp đi vào hoạt động.

- Tại các khu tập trung dân cư (các khu chợ, các cụm công nghiệp khai thác đá nhỏ...) nên bố trí trồng cây xanh bên đường tại các nút giao thông có mật độ phương tiện cao, trồng cây xanh quanh khu vực các cụm công nghiệp gây ô nhiễm bụi, các cảng hàng không nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn.

c/ Giải pháp bảo vệ môi trường nước

** Đối với nguồn nước mặt*

- Đối với nước mặt tại các đô thị: Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải riêng cho mỗi đô thị, khu, cụm công nghiệp, nhằm hạn chế sự xâm nhập các nguồn nước ô nhiễm vào nguồn nước mặt.

- Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón phải đúng quy định, đủ liều lượng, tránh tình trạng tồn dư các hoá chất trong nhiều năm gây ô nhiễm và suy thoái môi trường đất và nước mặt khu vực nông thôn.

- Vết nạo hệ thống sông Bưởi hiện đang bị lấn chiếm cũng như phù sa lắng tụ, làm dòng nước bị tắc nghẽn, trở nên cạn ở nhiều nơi.

- Áp dụng phương pháp sản xuất nông nghiệp sạch (không dùng phân hóa học và hóa chất bảo vệ thực vật để giảm xả thải chất thải nguy hại vào nguồn nước) và tăng cường áp dụng công thức tưới tiết kiệm nước.

- Trồng, chăm sóc bảo vệ rừng và khai thác rừng bền vững. tăng cường độ che phủ rừng và chất lượng rừng, nhằm tăng dung tích bể hấp thụ khí nhà kính và tăng cường nguồn sinh thủy bổ sung cho nguồn nước sông Bưởi.

+ Định hướng sử dụng nước mưa nhằm ứng phó suy giảm tài nguyên nước. Đây là nguồn nước nhìn chung có chất lượng tốt (trừ những trận mưa đầu mùa và ở một số khu vực đô thị, công nghiệp có thể bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm không khí), tuy nhiên do tính phân bố không đều theo thời gian của nó nên khả năng sử dụng nước mưa bị giới hạn trong 6 tháng mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 5). Ngoài mục đích sử dụng trong nông nghiệp nhờ trời, nước mưa nên được tận dụng tối đa để làm nguồn nước cấp cho ăn uống, sinh hoạt ở khu vực nông thôn, đặc biệt là ở những nơi vùng sâu, vùng xa, nơi chưa có điều kiện để phát triển hệ thống cấp nước tập trung, hoặc ở những nơi gặp khó khăn về nguồn nước mặt.

* Đối với nước thải

- Nước thải công nghiệp: Từng bước áp dụng các công nghệ phù hợp với mỗi ngành công nghiệp, Mỗi ngành công nghiệp đều có hệ thống xử lý riêng và chất lượng nước sau khi xử lý phải đạt TCVN 5945-2005, loại C, sau khi xử lý tại mỗi cơ sở sản xuất, nước thải được thu gom vào hệ thống xử lý tập trung cho toàn khu, trước khi thải ra các hồ sinh học nước thải phải đạt được TCVN 5945-2005, loại B.

- Nước thải sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư: được thu gom tập trung và xử lý cục bộ tại ngay những nơi phát thải (thông thường bằng bể tự hoại 2 – 3 ngăn), bằng hệ thống đường ống thu gom nước thải tại mỗi đô thị.

- Nước thải khu vực nông thôn: khuyến khích các hộ dân sử dụng hố xí tự hoại và hố xí hợp vệ sinh tại khu vực dân cư nông thôn và miền núi.

d/ Giải pháp bảo vệ hệ sinh thái

Các tài nguyên sinh học trên địa bàn huyện Thạch Thành rất phong phú gồm có: hệ thực vật tự nhiên trên cạn đặc biệt khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Chúng kết hợp với nhau tạo nên tính đa dạng sinh học đặc thù địa phương. Các tài nguyên sinh học này vừa có giá trị bảo tồn cao, lại vừa có giá trị về mặt kinh tế, do đó cần biết cách kết hợp hiệu quả giữa mục tiêu bảo tồn và mục tiêu phát triển kinh tế.

- Các đô thị: Cần xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm giảm áp lực lên môi trường sống (giảm thiểu tối đa lượng chất thải trong các đô thị bằng các biện pháp tái chế, tái sử dụng lại chất thải).

Những định hướng, giải pháp nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên sinh học trên địa bàn huyện Thạch Thành trong những năm tới là:

+ Cần có lộ trình dài hạn để tăng tỷ lệ che phủ rừng, ổn định hệ sinh thái.

+ Các khu vực rừng sản xuất kết hợp giữa trồng cây gây rừng với tía thưa rừng ở một mức độ cho phép để rừng được phát triển tốt hơn;

+ Khai thác tối đa vai trò của các vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ trong môi trường đất, chất thải rắn và nước nhằm góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên và xử lý chất thải rắn hữu cơ theo hướng làm phân compost. Muốn vậy cần phải bảo vệ chúng thông qua việc hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp.

6.4.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường đến năm 2045:

- Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch đô thị, công nghiệp, dịch vụ, trong các kế hoạch phát triển đợt đầu, trung hạn và dài hạn cần xác định rõ yêu cầu chỉ tiêu sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Các chương trình, dự án phải đảm bảo yêu cầu tiết kiệm đất đai (nhất là đất lúa năng suất cao), năng lượng điện, tài nguyên nước mặt và nước ngầm... kiên quyết không cho phép xây dựng nếu không có đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc diện phải đánh giá tác động môi trường.

- Tiến hành xây dựng các cơ chế chính sách về bảo vệ tài nguyên, trong đó có chế tài xử lý, xử phạt các hành vi xâm phạm tài nguyên, sử dụng tài nguyên không hiệu quả hoặc ít hiệu quả và ảnh hưởng xấu tới môi trường. Đồng thời cơ quan, tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường phải bỏ chi phí tự khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó tỉnh cần có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sử dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến nhằm giảm ô nhiễm môi trường.

Các khu, cụm công nghiệp cần có nhà máy xử lý nước thải cục bộ. Hướng các làng nghề vào quy trình sản xuất kỹ thuật tiên tiến hướng tới tập trung thành điểm, cụm nhỏ trong trung tâm xã khi có điều kiện.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức về môi trường

Kết luận phần môi trường

Phân đánh giá môi trường chiến lược của đồ án “*Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045*” đã xác định được các vấn đề môi trường chính. Đánh giá diễn biến môi trường của đồ án quy hoạch, đưa ra biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và cải thiện các vấn đề môi trường. Các vấn đề cụ thể sẽ được đánh giá tác động môi trường theo quy định kèm theo dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN VII:

XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

7.1. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Thống nhất quy hoạch, thống nhất tập trung chỉ đạo của UBND huyện. Phân quyền rõ ràng cấp chỉ đạo thống nhất các lĩnh vực trên phạm vi toàn huyện về nghĩa vụ, quyền hạn vừa đảm bảo tính chỉ đạo tập trung vừa đảm bảo tính dân chủ, độc lập.

- Phối hợp các sở ban ngành của Tỉnh, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành TW

- Kế hoạch hóa từng giai đoạn phát triển, lựa chọn ưu tiên đầu tư trọng điểm có tác dụng sức bật phát triển

- Kịp thời công bố, công khai quy hoạch. Lập kế hoạch để triển khai thực hiện quy hoạch vùng gồm các chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư và các hoạt động đầu tư cần được thống nhất tuân thủ các vùng chức năng đã được xác lập trong quy hoạch vùng. Những hạng mục quan trọng như các tuyến giao thông chính, đầu mối hạ tầng kỹ thuật cần bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện đồng thời có cơ chế phù hợp để đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư. Thực hiện điều chỉnh các quy hoạch ngành theo các mục tiêu và chương trình của quy hoạch xây dựng vùng; đồng thời, định kỳ 5 năm cần theo dõi cập nhật, bổ sung điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng cho phù hợp với tình hình phát triển của tỉnh.

- Lập quy chế quản lý vùng để quản lý phát triển theo nội dung quy hoạch vùng, trong đó xác lập những yêu cầu về quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật để quản lý các quy hoạch xây dựng đô thị, dự án đầu tư xây dựng

- Rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng và tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng trên phạm vi toàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

- Tổ chức lập các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung, chương trình phát triển đô thị của huyện trên cơ sở đồ án quy hoạch vùng được duyệt làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước xác định các khu vực phát triển đô thị, lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy định;

- Đối với thị trấn Kim Tân và các khu vực phát triển đô thị

- Đối với các khu vực phát triển đô thị mới: hình thành *trung tâm đô thị xây dựng tập trung*, tiết kiệm đất đai và đầu tư hạ tầng, kiểm soát hạn chế xâm lấn các vùng nông nghiệp, các vùng cảnh quan quan trọng trong khu vực, hài hòa với khu vực làng xã đô thị hóa, có các giải pháp chính sách phát triển đa dạng nhà ở, hạ tầng đô thị, tạo việc làm đô thị, giải quyết tái định cư...

- Khu vực đô thị cũ kiểm soát phát triển theo các quy chế quản lý của khu vực, hạn chế gia tăng mật độ, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và không gian cây xanh mặt nước

- Các dự án phát triển khu vực giáp ranh với thị trấn phải có sự kết nối hợp lý căn cứ theo tổng thể không gian và hạ tầng toàn vùng.

- Các điểm đô thị mới hình thành phải đáp ứng yêu cầu dịch vụ thương mại, công nghiệp, du lịch.

- Ưu tiên vốn của ngân sách nhà nước cho phát triển hệ thống giao thông liên kết đô thị - thị trấn Kim Tân với các khu đô thị, với các trung tâm cụm xã và trung tâm xã để phát huy hiệu quả cung cấp dịch vụ đô thị về thương mại tài chính, tín dụng, đào tạo, y tế giáo dục văn hóa...đến các khu vực nông thôn đồng thời là thị trường của khu vực kinh tế nông thôn

- Thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà ở đô thị và một số cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị... theo hình thức BOT, BT, FDI. Tiếp cận và phát triển thị trường bất động sản. Khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động hoặc tham gia vào thị trường bất động sản thông qua cơ chế đấu giá đất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu vực đô thị.

- Đối với khu vực dân cư nông thôn:

- Các điểm trung tâm cụm xã, trung tâm xã phải đáp ứng yêu cầu dịch vụ nông, ngư, lâm nghiệp - nông thôn, cung cấp các dịch vụ y tế, dạy nghề và phúc lợi, vận tải, khai thác tài nguyên, du lịch, tiểu thủ công nghiệp.

- Các điểm dân cư nông thôn phải được kiểm soát quản lý trong quá trình đô thị hóa, phát triển trên cơ sở bảo toàn các khu vực nông nghiệp và lâm nghiệp, các vùng cảnh quan có giá trị. Bảo vệ các vùng dân cư nông nghiệp thuần nông, khai thác theo hướng du lịch tham quan các nhà vườn trồng rau, hoa sạch, đồng cỏ, trang trại...;

- Huy động sự đóng góp của nhân dân, xã hội hóa một số dự án như đường giao thông liên thôn, liên xã

- Thực hiện chính sách tín dụng phù hợp với các đối tượng chính sách. Thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là nguồn vốn vay xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm. Các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội thực hiện giám thủ tục hành chính và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể của xã, thôn để tất cả các hộ gia đình của các xã vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất và đời sống.

7.2. Các chương trình, dự án ưu tiên:

Bảng thống kê các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu (2021-2025)

TT	Tên dự án	Quy mô	Nguồn vốn
A	Nhóm dự án quy hoạch		
1	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các đô thị mới: Thạch Sơn; Thành Minh, điều chỉnh QH đô thị Thạch Quảng.		Ngân sách
2	Lập QHC xây dựng các xã		Ngân sách
B	Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật		
1	Đường tránh thị trấn Kim Tân; Vân Du	Đường cấp III;	Ngân sách
2	Đường giao thông Thạch Quảng đi xã Lương Nội, Bá Thước	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
3	Hoàn thiện các công trình thủy lợi theo Quyết định số 1917 ngày 19/8/2013 của Bộ NN&PTNT phê duyệt “Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Bưởi”		Ngân sách
4	Nâng cấp các tuyến đường tỉnh - huyện - xã	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
5	Nâng cấp đường giao thông QL 217B (trải thảm mặt đường và làm hệ thống rãnh thoát nước)	Đường cấp III; 2-4 làn xe	Ngân sách
6	Nâng cấp đường QL45 đoạn qua địa bàn huyện Thạch Thành	Đường cấp III; 2-4 làn xe	Ngân sách
7	Nâng cấp đường đường HCM đoạn qua huyện Thạch Thành	Đường cấp III; 2-4 làn xe	Ngân sách
8	Đường đôi từ Kim Tân - Thành Thọ - Thành Tâm	Đường cấp III; 2-4 làn xe	Ngân sách
C	Nhóm dự án hạ tầng kinh tế		
1	Nhóm các công trình Hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp: Khu công nghiệp Thạch Quảng (140ha); Cụm công nghiệp Vân Du 1 (50ha); Cụm công nghiệp Vân Du 2 (50ha); Cụm Công nghiệp Thạch Bình (70ha); Cụm TTCN tập trung tại xã Thành Hưng	310ha	Doanh nghiệp
2	Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả		Doanh nghiệp
3	Xây dựng nhà máy giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm		Doanh nghiệp
4	Nhà máy cấp nước sạch đô thị Thạch Quảng; Vân Du. Nâng cấp Nhà máy cấp nước sạch Kim Tân		Doanh nghiệp
5	Xây dựng HTKT khu dân cư Quảng Thắng, Quảng Cộng và các khu dân cư đô thị mới khác tại Thạch Quảng		Doanh nghiệp
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư đô thị mới tại Vân Du và Kim Tân		Doanh nghiệp
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Phố Cát (02 khu)		Doanh nghiệp
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Quỳnh Sinh, Thành Tâm		Doanh nghiệp
D	Nhóm dự án hạ tầng xã hội		
1	XD Khu du lịch Thành Minh gắn với di tích hang Con Moong và vùng phụ cận gồm:		Doanh nghiệp

2	Bảo quản, trung tu, tôn tạo đền Phố Cát; trung tu, tôn tạo các di tích: Đình Mường Đòn, Hang Con Moong và các di tích phụ cận;...		Ngân Sách
3	Khu du lịch sinh thái Hồ Cầu Mùn - Vân Du; Đầu tư Khu du lịch sinh thái Thác Voi; Thác Mây		Doanh nghiệp
4	Trường THCS xã Thạch Quảng		Ngân Sách
5	Trường Tiểu học 2 Thạch Quảng		Ngân Sách
6	Nhà văn hóa đa năng xã Thạch Quảng		Ngân Sách
7	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao và sân vận động trung tâm huyện Thạch Thành		Ngân Sách
8	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành		Ngân Sách
9	Xây dựng mới Trụ sở làm việc UBND thị trấn Kim Tân, Vân Du		Ngân Sách
10	Trung tu, xây dựng mở rộng Đền Phố Cát		Ngân Sách + Xã hội hóa
11	Xây dựng thiền viện tịnh lạc tại thị trấn Vân Du		Ngân Sách + Xã hội hóa
12	Xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực Thạch Quảng		Ngân Sách + Xã hội hóa
13	Nâng cấp Trường trung cấp nghề Thạch Thành		Ngân Sách
14	Hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải đô thị huyện Thạch Thành		Ngân Sách
15	Xây dựng mới Chợ Kim Tân; Nâng cấp Chợ Phố Cát - Vân Du		Ngân Sách + Xã hội hóa
16	Xây dựng Chợ đầu mối Thạch Quảng		Ngân Sách + Xã hội hóa
17	Xây dựng trung tâm thương mại Kim Tân (Chợ thị trấn Kim Tân)		Ngân Sách + Xã hội hóa

7.3. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Trên cơ sở QH vùng huyện, hoàn thiện quy hoạch chung các xã theo các định hướng đã đề ra. Điều chỉnh, lập mới các Quy hoạch các đô thị: QHC đô thị Kim Tân; QHC đô thị Vân Du; QHC đô thị Thạch Quảng; QHC đô thị Thành Minh; Thạch Sơn làm cơ sở quản lý và kêu gọi đầu tư, các đô thị này sẽ LÀ ĐỘNG LỰC, LÀ ĐẦU TÀI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG

2. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng chiến lược

Giao thông: trọng tâm là tuyến QL 217B. Các tuyến ngang nối QL 217B và TL 516 nhằm phát triển đồng đều khu vực tả ngạn và hữu ngạn sông Bưởi.

XD Hạ tầng khu, cụm CN:

Hạ tầng các đô thị: giao thông đô thị, nước sạch, xử lý cát thải rắn, cấp điện, cấp nước đô thị....

3. Ngoài cụm Công nghiệp Vân Du 1 hiện có, đến năm 2045 bổ sung thêm các cụm CN: Vân Du 2; Thạch Bình; Thạch Quảng; Thành Tân; Ngọc Trạo; Thạch Sơn vào định hướng QH Cụm CN toàn tỉnh, làm cơ sở kêu gọi, thu hút đầu tư.

4. Tìm kiếm các nhà đầu tư lớn XD các khu du lịch trên cơ sở các lợi thế độc đáo của Thạch Thành: khu di sản HANG CON MOONG; các thác nước đẹp.

5. Xác định rõ các quỹ đất liền thửa, quy mô lớn, thuận lợi về giao thông, thủy lợi, nguồn lao động để chỉ cho các nhà đầu tư XD các khu Nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến sâu.

6. Lập đề án đào tạo nghề để có nguồn lao động chất lượng cao đón đầu các dự án lớn.

7. Bảo tồn & phát huy giá trị di tích: Cắm mốc các khu bảo tồn; danh thắng, làm cơ sở để quản lý và đầu tư theo quy hoạch ngành.

PHẦN VIII

KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

Kết luận

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành đến năm 2045 đã cụ thể hóa các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển không gian của khu vực phát triển đô thị tập trung và các điểm dân cư nông thôn trong huyện; kết nối hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ phù hợp với khả năng đô thị hóa và đầu tư xây dựng hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn huyện Thạch Thành theo các giai đoạn đến năm 2030, 2030-2045 và ngoài 2045.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành đến năm 2045 đã nghiên cứu, cụ thể hóa chiến lược phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm, 2045. Trong đó Bim Sơn - Thạch Thành được xác định là 1 trong 4 trung tâm kinh tế động lực của tỉnh.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2045 đã tận dụng cơ hội Nghị Quyết 58-NQ/TU của Bộ chính trị về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, các chủ trương, chính sách của Quốc gia và của tỉnh đề xuất mạng lưới đô thị nông thôn phù hợp với tiềm năng lợi thế đã có của huyện. Phát triển vùng huyện Thạch Thành không chỉ liên quan đến tỉnh Thanh Hóa mà còn có rất nhiều vấn đề liên quan tới việc phát triển kinh tế vùng phía các tỉnh phía Bắc. Vì vậy rất cần được sự quan tâm hỗ trợ và chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa, các ngành liên quan.

Kiến nghị

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành đến 2045 có tầm quan trọng cho việc xây dựng các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn, lập kế hoạch khai thác có hiệu quả. Để triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành đạt được các mục tiêu đề ra là hình thành khu vực đô thị đạt tiêu chuẩn loại V sau năm 2030, kiến nghị UBND huyện Thạch Thành một số nội dung:

Đề nghị tỉnh và Trung ương đẩy nhanh tiến độ cải tạo các tuyến giao thông Quốc lộ (QL.45 & QL.217B) và đường Hồ Chí Minh. Trong đó QL 217B được xác định cùng với đường Hồ Chí Minh là hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh, có vai trò đặc biệt trong sự phát triển kinh tế khu vực phía Bắc tỉnh nói chung và huyện Thạch thành nói riêng, tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa tỉnh Thanh Hóa nói chung với các tỉnh Tây Bắc, huyện Thạch Thành nói riêng với các huyện lân cận.

Phụ lục 1: Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích đất(m2)	Quyền sử dụng đất
1	Trạm Viễn thông, BC GD cấp II	Khu phố 6, Thị trấn Kim Tân	1400	Buru điện, Viễn thông
2	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Yên Lão, Thị trấn Vân Du	250	Buru điện
4	Trạm Viễn thông ,Điểm BĐ-VH xã	Khu 1, Thị trấn Vân Du	500	Buru điện, Viễn thông
5	BC GD cấp III	Thôn Yên, Xã Thành Vân	200	Buru điện
5	Trạm Viễn thông, Điểm BĐ-VH xã	Thôn Đồng Phú, Xã Thành Tân	250	Buru điện, Viễn thông
6	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Bông Bụt, Xã Thành Công	120	Buru điện
7	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Vọng Thủy, Xã Thành Trực	300	Buru điện
8	Trạm Viễn thông, Điểm BĐ-VH xã	Thôn Minh Hải, Xã Thành Minh	240	Buru điện, Viễn thông
9	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Lộc Phương 1, Xã Thành Vinh	222	Buru điện
10	Trạm Viễn thông .Điểm BĐ-VH xã	Thôn Yên Sơn, Xã Thành Yên	336	Buru điện, Viễn thông
11	Trạm Viễn thông .Điểm BĐ-VH xã	Thôn Tây Hương, Xã Thành Mỹ	133	Buru điện, Viễn thông
12	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Nghéo, Xã Thạch Lâm	350	Buru điện
13	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Định Tường, Xã Thạch Định	200	Buru điện
14	Trạm Viễn thông ,Điểm BĐ-VH xã	Khu 1, Xã Thạch Tân	151	Buru điện, Viễn thông
15	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Yên Giang, Xã Thạch Bình	250	Buru điện
16	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Minh Sơn, Xã Thạch Sơn	360	Buru điện
17	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Thạch Môn, Xã Thạch Cẩm	300	Buru điện
18	Trạm Viễn thông ,BC GD cấp III	Thôn Cổ Bé, Xã Thạch Quảng	294	Buru điện, Viễn thông
19	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Tân Lập, Xã Thạch Tượng	300	Buru điện
20	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Đồng Trạch, Xã Thạch Đồng	200	Buru điện
21	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Hợp Thành, Xã Thành Hưng	268	Buru điện
22	Điểm BĐ-VH xã	Thôn 1, Xã Thạch Long	312	Buru điện
23	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Tân Sơn 1, Thị trấn Kim Tân	225	Buru điện
24	Điểm BĐ-VH xã	Thôn 1, Xã Thành Tiến	212	Buru điện
25	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Thành Công, Xã Thành Long	165	Buru điện, Viễn thông
26	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Đự, Xã Thành Thọ	150	Buru điện
27	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Dũ Thắng, Xã Thành An	120	Buru điện
28	Điểm BĐ-VH xã	Thôn Ngọc Trạo, Xã Ngọc Trạo	200	Buru điện
29	Trạm viễn thông, Điểm BĐ-VH xã	Thôn 1 Yên Thịnh, Xã Thành Tâm	250	Buru điện, Viễn thông
30	TT giao dịch viễn thông (VNPT)	Khu phố 6, Thị trấn Kim Tân		
31	TT giao dịch viễn thông Viettel	Khu phố 6, Thị trấn Kim Tân		Thuê đất của hộ gia đình

Phụ lục số 2: Trạm chuyển mạch cố định, truy nhập quang

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích đất (m ²)	Ghi chú
I	Trạm Chuyển mạch			
	Trạm chuyển mạch Thạch Thành,	Khu phố 6, Thị Trấn Kim Tân	Theo phụ lục 1	
	Trạm chuyển mạch TT Vân Du	Khu 1, Thị trấn Vân Du	Theo phụ lục 1	
	Trạm chuyển mạch Thạch Quảng	Thôn Cỏ Bé, Xã Thạch Quảng	Theo phụ lục 1	
	Trạm chuyển mạch Thành Tâm	Thôn 1 Yên Thịnh, Xã Thành Tâm	Theo phụ lục 1	
II	Trạm truy nhập quang			
1	Thị trấn Kim Tân			
	Trạm Thị trấn	Khu phố 6, Thị Trấn Kim Tân	Theo phụ lục 1	
		Khu phố Lâm Thành Thị trấn	Thuê đất của hộ gia đình	
		Khu phố Phú Sơn	Thuê đất của hộ gia đình	
		Đài PTTT Thạch Thành	Thuê đất của cơ quan	
2	Xã Ngọc Trạo			
		Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo,	Thuê đất của hộ gia đình	
		UBND xã Ngọc Trạo,	Thuê đất của hộ gia đình	
3	Xã Thạch Bình			
		BĐ-VHx xóm Yên Thành, Thạch Bình,	Theo phụ lục 1	
		Thôn Gò La, xã Thạch Bình,		
4	Xã Thạch Cẩm			
		Thôn Cẩm Lợi, Xã Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Long Tiến, Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
5	Xã Thạch Định			
		Xóm Định Tân, xã Thạch Định,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Định Tường, Thạch Định,	Thuê đất của hộ gia đình	
6	Xã Thạch Đồng			
		Thôn Đồng Trạch, xã Thạch Đồng,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Đại Dương, xã Thạch Đồng	Thuê đất của hộ gia đình	
7	Xã Thạch Long			
		Thôn Cổ Lãng Xã Thạch Long,	270	
		Thôn Thành Minh, xã Thành Long	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Thành Công, xã Thành Long	Thuê đất của hộ gia đình	
8	Xã Thạch Quảng			
		Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Phố, xã Thạch Quảng,		
		Trạm VT Thôn Cỏ Bé, Thạch Quảng	Theo phụ lục 1	

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

9	Xã Thạch Sơn			
		Trạm VT Thôn 1 xã Thành Hưng	100	
10	Xã Thạch Bình			
		BĐVHX, Yên Thành, Xã Thạch Bình	Theo phụ lục 1	
11	Xã Thạch Tượng			
		UBND xã Thạch Tượng,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Tân Lập, Xã Thạch Tượng,	Thuê đất của hộ gia đình	
12	Xã Thạch sơn			
		Xóm Minh Sơn, Xã Thạch Sơn	Thuê đất của hộ gia đình	
13	Xã Thành An			
		Thôn Hòa Lễ, Xã Thành An,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Dũ Tiến, xã Thành An	Thuê đất của hộ gia đình	
14	Xã Thành Công			
		Thôn Bông Bụt, Xã Thành Công,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Đồng Đa, Thành Công	Thuê đất của hộ gia đình	
15	Xã Thành Minh			
		Trạm VT Thành Minh, Thôn Minh Hải,		
		Minh Quang, xã Thành Minh	Thuê đất của hộ gia đình	
16	Xã Thành Mỹ			
		Vân Tiên, Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	
17	Xã Thành Tâm			
		Trạm VT Thành Tâm, Xã Thành Tâm		
		Đội 4, NT Vân Du, Thành Tâm	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Ngọc Thành, Thành Tâm	Thuê đất của hộ gia đình	
18	Xã Thành Tân			
		Thôn Phù Bán, Xã Thành Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Đồng Phú, xã Thành Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Bái Đàng, xã Thạch Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
19	Xã Thành Tiến			
		UBND Thành Tiến, xã Thành Tiến	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn 4, xã Thành Tiến	Thuê đất của hộ gia đình	
20	Xã Thành Trục			
		Thôn Chính Thành, Xã Thành Trục	Thuê đất của hộ gia đình	
		Thôn Eo Đa, thàch Trục	Thuê đất của hộ gia đình	

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

		Thôn Vọng Thủy, Thành Trục	Thuê đất của hộ gia đình	
21	Xã Thành Vinh			
		Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh	Thuê đất của hộ gia đình	
		UBND xã Thành Vinh	Thuê đất của hộ gia đình	
22	Thị trấn Vân Du			
		Trạm VT Thị Trấn Vân Du, Phố Cát, Thị Trấn Vân Du	Theo phụ lục 1 Thuê đất của hộ gia đình	
23	Xã Thạch Lâm			
		Thôn Thống Nhất, Xã Thạch Lâm	Thuê đất của hộ gia đình	
24	Xã Thành Thọ			
		Thôn Đur, Thành Thọ,	Thuê đất của hộ gia đình	
25	Xã Thành Yên			
		Thôn Yên Trung, Thành Yên	Thuê đất của hộ gia đình	

Phụ lục số 3: Cột ăng ten

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích đất (m²)	Ghi chú
I	Thị trấn Kim Tân			
1.1		TTVT Thị trấn Kim Tân	Theo phụ lục 1	
1.2		Khu phố III, Thị trấn Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.3		Khu phố VI, TT Kim Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
1.4		Khu phố 7, Thôn Tân Sơn, TT Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.5		Khu phố I Thị trấn Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.6		Khu phố 6 Tân Sơn, Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.7		Đồi Sóc, Thôn I Tân Sơn TT Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.8		Khu phố Lâm Thành, TT Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.9		Khu phố Lâm Thành, TT Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.10		Khu phố I, Liên Sơn, TT Kim Tân	Thuê đất của hộ gia đình	
1.11		Khu phố 5 Tân Sơn, xã Kim Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
1.12		Trạm CLĐC, Thôn Tân Sơn, Thị trấn Kim Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
1.13		Trạm TTVT, Thị trấn Kim Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
2	Thị Trấn Vân Du			
2.1		Trạm VT Thị Trấn Vân Du,	Theo phụ lục 1	
2.2		Thị Trấn Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.3		Tiểu khu 1, thị trấn Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.4		Thôn Long Vân, thị trấn Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.5		Khu phố 1, thị trấn Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.6		Thôn Phố Cát, TT Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.7		Thôn Phố Cát, TT Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.8		Khu phố Yên lão Thị trấn Vân du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.9		Khu phố 1, thị trấn Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	
2.10		Thôn Phố Cát, TT Vân Du,	Thuê đất của hộ gia đình	

3	Xã Thành Long		
3.1		Thôn Thành Minh, xã Thành Long,	Thuê đất của hộ gia đình
3.5		Thôn Thành Công, xã Thành Long,	Thuê đất của hộ gia đình
15.1	Thành Long	Thôn Thành Du, xã Thành Long,	Thuê đất của hộ gia đình
15.2	Thành Long	Thôn Eo Bàn, xã Thành Long,	Thuê đất của hộ gia đình
15.3	Thành Long	Thôn Thành Sơn, xã Thành Long,	Thuê đất của hộ gia đình
15.4	Thành Long	Trạm CLĐC, Thôn Thành Sơn, xã Thành Long,	Thuê đất của hộ gia đình
4	Xã Ngọc Trạo		
4.1		TTVT Ngọc Trạo,	Theo phụ lục 1
4.2		Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo,	Thuê đất của hộ gia đình
4.3		Trạm Y tế xã Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo,	Thuê đất của hộ gia đình
4.4		Trạm CLĐC, Xã Ngọc Trạo,	Thuê đất của hộ gia đình
4.5		Thôn Dọc Dành, xã Ngọc Trạo,	Thuê đất của hộ gia đình
5	Xã Thành Công		
5.1		Thôn Đồng Thượng, xã Thành Công,	Thuê đất của hộ gia đình
5.2		Thôn Bông Bụt, xã Thành Công,	Thuê đất của hộ gia đình
5.3		Thôn Bông Bụt, Xã Thành Công,	Thuê đất của hộ gia đình
5.4		Thôn Thành Công, xã Thành Long	Thuê đất của hộ gia đình
5.5		Thôn Bông Bụt, xã Thành Công,	Thuê đất của hộ gia đình
5.6		Thôn Đồng Hội, xã Thành Công,	Thuê đất của hộ gia đình
6	Xã Thành Minh		
6.1		Trạm VT Thành Minh, Thôn Minh Hải,	Theo phụ lục 1
6.2		Thôn Minh Quang, xã Thành Minh,	Thuê đất của hộ gia đình
6.3		Thôn Mục Long, xã Thành Minh,	Thuê đất của hộ gia đình
6.4		Thôn Mặc, xã Thành Minh,	Thuê đất của hộ gia đình
6.5		Thôn Minh Quang, Xã Thành Minh,	Thuê đất của hộ gia đình
7	Xã Thành Tiến		Thuê đất của hộ gia đình
7.1		UBND Thành Tiến, xã Thành Tiến,	Thuê đất của hộ

			gia đình	
7.2		Thôn Thành Tiến, xã Thành tiến	Thuê đất của hộ gia đình	
7.3		Thôn 4, xã Thành Tiến,	Thuê đất của hộ gia đình	
7.4		Thôn Ngọc Thành, xã Thành Tâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
7.5		Thôn Đồng Minh, xã Thành Tâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
8	Xã Thành Tâm			
8.1		Làng Bông, xã Thành Tâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
8.2		Trạm CLĐC, Xã Thành Tâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
8.3		Trạm VT Thành Tâm, Xã Thành Tâm,	Theo phụ lục 1	
8.4		Trạm VT xã Thành Tâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
8.5		Thôn 6, xã Thành Tâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
8.6		Làng Bông, xã Thành Tâm,		
9	Xã Thành Vinh			
9.1		Thôn Lộc Phương, xã Thành Vinh,	Thuê đất của hộ gia đình	
9.2		Thôn Long Phương 2, Xã Thành Vinh,	Thuê đất của hộ gia đình	
9.3		Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh	Thuê đất của hộ gia đình	
9.4		TTVT Thành Vinh,	Theo phụ lục 1	
10	Xã Thành Yên			
10.1		Thôn Yên Trung, xã Thành Yên,	Thuê đất của hộ gia đình	
10.2		Thôn Thành Trung, xã Thành Yên,	Thuê đất của hộ gia đình	
10.3		Thôn Đồng Thành, xã Thành Yên,	Thuê đất của hộ gia đình	
10.4		Xóm Yên Sơn 2, Xã Thành Yên,	Thuê đất của hộ gia đình	
11	Xã Thành Mỹ			
11.1		Thôn Vân Tiến, xã Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	
11.2		Thôn Vân Tiến, xã Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	
11.3		Thôn Đồng Luật, xã Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	
11.4		Thôn Lệ Cẩm 2, xã Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	
11.5		Thôn Tây Hương, xã Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	

11.6		Thôn Vân Phú, Xã Thành Mỹ,	Thuê đất của hộ gia đình	
12	Xã Thành Hưng			
12.1		Thôn 1, xã Thạch Long,	Thuê đất của hộ gia đình	
12.2		Thôn Hợp Thành, xã Thành Hưng,	Thuê đất của hộ gia đình	
12.3		Thôn Đồi Chùa xã Thành Hưng	Thuê đất của hộ gia đình	
13	Xã Thành An			
13.1		Thôn Di Thắng, Xã Thành An,	Thuê đất của hộ gia đình	
13.2		Thôn Hòa Lễ, Xã Thành An,, Tỉnh Thanh Hóa	Thuê đất của hộ gia đình	
13.3		Xóm Di Thắng, xã Thành An,	Thuê đất của hộ gia đình	
13.4		Xóm Tiên, xã Thành An,	Thuê đất của hộ gia đình	
14	Xã Thành Tân			
14.1		Thôn Hòa Luật, xã Thành Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
14.2		Trạm CLĐC, Thôn Phù Bản, Xã Thành Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
14.3		Thôn Bái Đang, xã Thành Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
14.4		Thôn Phù Bản, xã Thành Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
14.5		Thôn Đồng Phú, xã Thành Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
141		Thôn Tiên Hương xã Thạch Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
142		Thôn Cát Thành xã Thạch Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
143	Thạch Tân	Thôn Ngọc Động xã Thạch Tân,	Thuê đất của hộ gia đình	
15	Xã Thạch Long			
3.2		Thôn Cổ Lãng Xã Thạch Long,	Thuê đất của hộ gia đình	
3.3		Thôn 3, xã Thạch Long,	Thuê đất của hộ gia đình	
3.4		Thôn 2, Xã Thạch Long,	Thuê đất của hộ gia đình	
16	Xã Thành Trục			
16.1		Thôn Chính Thành, Xã Thành Trục,	Thuê đất của hộ gia đình	
16.2		Thôn Thành Trục, Xã Thành Trục,	Thuê đất của hộ gia đình	
16.3		Thôn Vọng Thủy, xã Thành Trục,	Thuê đất của hộ gia đình	
16.4		Thôn Đụn, xã Thành Trục,	Thuê đất của hộ	

			gia đình	
16.5		Thôn Thủ Chính, xã Thành Trục,	Thuê đất của hộ gia đình	
16.6		Thôn Eo Đa, xã Thành Trục,	Thuê đất của hộ gia đình	
17	Xã Thạch Bình			
17.1		BĐVHX, xóm Yên Thành, Xã Thạch Bình,	Theo phụ lục 1	
17.2		Thôn Bằng Phú Xã Thạch Bình,	Thuê đất của hộ gia đình	
17.3		Thôn Gò La, Thạch Bình,	Thuê đất của hộ gia đình	
17.4		Thôn Yên Khánh, xã Thạch Bình,	Thuê đất của hộ gia đình	
18	Xã Thạch Cẩm			
18.1	Thạch Cẩm	Thôn Cẩm Lợi, Xã Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
18.2	Thạch Cẩm	Thôn Cẩm Lợi 1, Xã Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
18.3	Thạch Cẩm	Thôn Cẩm Lợi 1, xã Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
18.4	Thạch Cẩm	Thôn Xuân Tiến, xã Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
18.5	Thạch Cẩm	Thôn Đồng Tiến, xã Thạch Cẩm,	Thuê đất của hộ gia đình	
19	Xã Thạch Định			
19.1		Xóm Định Tân, xã Thạch Định,	Thuê đất của hộ gia đình	
19.2		Xã Thạch Định,	Thuê đất của hộ gia đình	
19.3		Thôn Định Tường, xã Thạch Định,	Thuê đất của hộ gia đình	
19.4		Thôn Định Cát, xã Thạch Định,	Thuê đất của hộ gia đình	
20	Xã Thạch Đồng			
20.1	Thạch Đồng	UBND thông Đồng Trạch, xã Thạch Đồng,	Thuê đất của hộ gia đình	
20.2	Thạch Đồng	Thôn Cự Môn, Xã Thạch Đồng,	Thuê đất của hộ gia đình	
20.3	Thạch Đồng	Thôn Đại Dương, xã Thạch Đồng,	Thuê đất của hộ gia đình	
20.4	Thạch Đồng	Thôn Cự Môn, xã Thạch Đồng,	Thuê đất của hộ gia đình	
21	Xã Thạch Lâm			
21.1		Thôn Thống Nhất, Xã Thạch Lâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
21.2		Thôn Nghéo, xã Thạch Lâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
21.3		Thôn Nghéo, xã Thạch Lâm,	Thuê đất của hộ gia đình	

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

21.4		Thôn Thượng, xã Thạch Lâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
21.5		Xóm Biện, xã Thạch Lâm,	Thuê đất của hộ gia đình	
22	Xã Thạch Quảng			
22.1		Thôn Mợ, Xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
22.2		Trạm VT Thạch Quảng, Xã Thạch Quảng,	Theo phụ lục 1	
22.3		Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng	Thuê đất của hộ gia đình	
22.4		Thôn Quảng Yên, xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
22.5		Nông Trường Thạch Quảng, Xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
22.6		Thôn Mợ, xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
22.7		Thôn Phố, xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
22.8		Thôn Thóc, xã Thạch Quảng,	Thuê đất của hộ gia đình	
23	Xã Thạch Sơn			
23.1	Thạch Sơn	Xóm Minh Sơn, Xã Thạch Sơn,	Thuê đất của hộ gia đình	
23.2	Thạch Sơn	Thôn Minh Sơn, xã Thạch Sơn,	Thuê đất của hộ gia đình	
23.3	Thạch Sơn	Thôn Minh Sơn, xã Thạch Sơn,	Thuê đất của hộ gia đình	
23.4	Thạch Sơn	Thôn Minh Sơn, xã Thạch Sơn,	Thuê đất của hộ gia đình	
23.5	Thạch Sơn	Thôn Minh Sơn, xã Thạch Sơn,	Thuê đất của hộ gia đình	
23.6	Thạch Sơn	Thôn Bái Đằng, Thạch Sơn,	Thuê đất của hộ gia đình	
24	Xã Thạch Tượng			
24.1	Thạch Tượng	Thôn Tân Lập, xã Thạch Tượng,	Thuê đất của hộ gia đình	
24.2	Thạch Tượng	Thôn Thạch Sơn 3, xã Thạch Tượng,	Thuê đất của hộ gia đình	
24.3	Thạch Tượng	Thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng,	Thuê đất của hộ gia đình	
24.4	Thạch Tượng	Thôn Tượng Sơn 3 xã Thạch Tượng	Thuê đất của hộ gia đình	
24.5	Thạch Tượng	UBND xã Thạch Tượng,	Thuê đất của hộ gia đình	
25	Xã Thành Thọ			
25.1	Thành Thọ	Thôn Trạc, xã Thành Thọ,	Thuê đất của hộ gia đình	
25.2	Thành Thọ	xã Thành Thọ,	Thuê đất của hộ gia đình	

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

25.3	Thành Thọ	Thôn Đự, xã Thành Thọ,	Thuê đất của hộ gia đình	
25.4	Thành Thọ	Thôn 7, xã Thành Thọ,	Thuê đất của hộ gia đình	
25.5	Thành Thọ	Thôn Trạc, xã Thành Thọ,	Thuê đất của hộ gia đình	

Phụ lục số 4: Hiện trạng các tuyến đường giao thông huyện, xã

STT	Ký hiệu	Danh mục	Cơ quan quản lý	Cấp đường	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối
I		ĐƯỜNG HUYỆN			76		
1	ĐH-TT.1	Thành Mỹ - Thành Yên	UBND huyện	V	15,7	QL 217B xã Thành Mỹ	Thành Yên
2	ĐH-TT.2	Thành Thọ - TT Vân Du	UBND huyện	V	4,9	Thành Thọ	TT Vân Du
3	ĐH-TT.3	Thành Tân - Thành Trục	UBND huyện	V	4,5	Cầu Đá Bàn	Thành Tân
4	ĐH-TT.4	Ngọc Trạo - Thành Tâm	UBND huyện	V	5	UBND xã	Thành Tâm
5	ĐH-TT.5	Thành Minh - TT Vân Du	UBND huyện	V	17,1	Thành Minh	TT Vân Du
6	ĐH-TT.6	Thạch Cẩm - Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy	UBND huyện	V	5,8	Thạch Cẩm	xã Cẩm Tú, Cẩm Thủy
7	ĐH-TT.7	Thạch Quảng - T.Tượng - xã Lương Nội, huyện Bá Thước	UBND huyện	V	17	Đường HCM	xã Lương Nội - Bá Thước
8	ĐH-TT.8	TT Vân Du - xã Hà Long, huyện Hà Trung	UBND huyện	V	6	TT Vân Du	xã Hà Long, Hà Trung
II		ĐƯỜNG XÃ			242,76		
1	ĐX-TH1	Trung tâm xã đi thôn Hợp Tiến	UBND xã Thành Hưng	VI	4,5	Trung tâm xã	Hợp Tiến
2	ĐX-TH2	Đường QL45 đi thôn Phú Thành	UBND xã Thành Hưng	VI	4,4	QL 45	Thôn Phú Thành
3	ĐX-TTVD1	Đường phố cát đi khu phố 2,3	UBND TT Vân Du	VI	2	Phố Cát	Khu 2, khu 3
4	ĐX-TTVD2	Đường hoa phượng đỏ (khu phố 2) đi Long Vân	UBND TT Vân Du	VI	2,7	Khu 2	Long Vân
5	ĐX-TTVD3	Đường khu 4 đi Lọng Ngọc thị trấn Vân Du	UBND TT Vân Du	VI	2,3	Khu 4	Long Ngọc
6	ĐX-TT1	Đường thôn Yên Thịnh đi Ba Cửa	UBND xã Thành Tâm	VI	5,4	Yên Thịnh	Ba Cửa
7	ĐX-TT2	Đường thôn Đồng Minh đi thôn Tân Lý	UBND xã Thành Tâm	VI	7	Đồng Minh	Tân Lý
8	ĐX-TT1	Đường Thành Tiến đi Thành Lương	UBND xã Thành Tiến	VI	2	Trung tâm xã	Thành Lương
9	ĐX-TT2	Đường Thành Tiến đi Thành Thọ	UBND xã Thành Tiến	VI	3	Thành Tiến	Thành Thọ
10	ĐX-NT1	Đường trung tâm xã Ngọc Trạo đi thôn Ngọc An	UBND xã Ngọc Trạo	VI	4,5	Trung tâm xã	Ngọc An
11	ĐX-NT2	Đường trung tâm xã Ngọc Trạo đi thôn Thiên Niên	UBND xã Ngọc Trạo	VI	2,8	Trung tâm xã	Thiên Niên
12	ĐX-NT3	Đường trung tâm xã Ngọc Trạo đi thôn Ngọc Long	UBND xã Ngọc Trạo	VI	2,7	Trung tâm xã	Ngọc Long
13	ĐX-TM1	Đường Ngã tư Minh Hải đi thôn Mỹ Lợi	UBND xã Thành Minh	VI	3,35	Minh Hải	Mỹ Lợi
14	ĐX-TM2	Đường từ thôn Mỹ Lợi đi thôn Minh Quang	UBND xã Thành Minh	VI	3,6	Mỹ Lợi	Minh Quang
15	ĐX-TM3	Đường thôn Minh Hải đi Thành Công	UBND xã Thành Minh	VI	3,1	Minh Hải	Thành Công
16	ĐX-TM4	Đường từ Làng Cốc đi thôn Mục Long	UBND xã Thành Minh	VI	4,1	Làng Cốc	Mục Long

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

17	ĐX-TM5	Đường từ thôn Yên đi thôn Mặc	UBND xã Thành Minh	VI	5,36	Thành Yên	Thôn Mặc
18	ĐX-TC1	Đường giao thông thôn Đồng Hội	UBND xã Thành Công	VI	2	Nhà ông Cừ	Nhà Bà Tươi
19	ĐX-TC2	Đường từ thôn Bất Mê đi Thành Trục	UBND xã Thành Công	VI	2,5	Bất Mê	Thành Trục
20	ĐX-TC3	Đường từ thôn Trường Châu đi Thành Tân	UBND xã Thành Công	VI	2,15	Trường Châu	Thành Tân
21	ĐX-TT1	Đường từ thôn Tú Sơn đi Thạch Lỗi	UBND xã Thành Tân	VI	5,5	Tú Sơn	Thạch Lỗi
22	ĐX-TT2	Đường từ thôn Dốc Khê đi Thạch Lỗi	UBND xã Thành Tân	VI	2,1	Dốc Khê	Thạch Lỗi
23	ĐX-TT3	Đường từ thôn Đồng Phú đi thôn Bái Đàng	UBND xã Thành Tân	VI	2	Đồng Phú	Bái Đàng
24	ĐX-TT1	Đường từ thôn Vọng Thủy đi thôn Thủ Chính - Chính Thành	UBND xã Thành Trục	VI	4,65	Vọng Thủy	Thủ Chính
25	ĐX-TT2	Đường từ Thôn Định Thành đi Thôn Ngọc Nước	UBND xã Thành Trục	VI	2,15	Định Thành	Ngọc Nước
26	ĐX-TV1	Đường từ thôn Tuyên Quang đi Thôn Tú Sơn	UBND TT Vân Du	VI	0,7	Tuyên Quang	Tú Sơn
27	ĐX-TV2	Đường từ Xóm Yên đi Tuyên Quang	UBND TT Vân Du	VI	5,97	Xóm Yên	Tuyên Quang
28	ĐX-TV3	Đường từ Xóm Sắn đi Xóm Đầm	UBND TT Vân Du	VI	3,45	Xóm Sắn	Xóm Đầm
29	ĐX-TK1	Đường từ thôn 6,7 đi thôn Tân Sơn	UBND xã Thành Kim	VI	2,15	Thôn 6, 7	Tân Sơn
30	ĐX-TK2	Đường từ thôn 1,2 đi thôn 4	UBND xã Thành Kim	VI	1,6	Thôn 1,2	Thôn 4
31	ĐX-TK3	Đường từ trung tâm xã Thành Kim đi thôn Liên Sơn	UBND xã Thành Kim	VI	4,2	Trung tâm xã	Liên Sơn
32	ĐX-TL1	Đường từ trung tâm xã Thành Long đi thôn Thành Sơn	UBND xã Thành Long	VI	2,28	Trung tâm xã	Thành Sơn
33	ĐX-TS1	Đường từ thôn Minh Sơn đi thôn Thành Quang	UBND xã Thạch Sơn	VI	5,9	Minh Sơn	Thành Quang
34	ĐX-TS2	Đường từ thôn Minh Sơn đi thôn Đàng Sơn	UBND xã Thạch Sơn	VI	5,2	Minh Sơn	Đàng Sơn
35	ĐX-TS3	Đường từ thôn Minh Sơn đi thôn Yên Phú xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Sơn	VI	2,2	Minh Sơn	Yên Phú
36	ĐX-TS4	Đường từ thôn Liên Sơn đi thôn Bằng Lợi xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Sơn	VI	3,6	Liên Sơn	Bằng Lợi
37	ĐX-TC1	Đường từ thôn Thành Quang đi thôn Xuân Long	UBND xã Thạch Cẩm	VI	2,2	Thành Quang	Xuân Long
38	ĐX-TC2	Đường từ thôn Xuân Tiến đi thôn Xuân Thắng	UBND xã Thạch Cẩm	VI	2	Xuân Tiến	Xuân Thắng
39	ĐX-TB1	Đường từ Thôn Yên Thanh đi thôn Yên Phú	UBND xã Thạch Bình	VI	2,5	Yên Thanh	Yên Phú
40	ĐX-TB2	Đường từ thôn Yên Phú đi trạm bơm xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	VI	2,6	Yên Phú	Trạm bơm xã
41	ĐX-TB3	Đường từ Trung tâm xã Thạch Bình đi thôn Bằng Phú	UBND xã Thạch Bình	VI	4,5	Trung tâm xã	Bằng Phú
42	ĐX-TB4	Đường từ thôn An Trung đi thôn Yên Phú	UBND xã Thạch Bình	VI	2,1	An Trung	Yên Phú

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

43	ĐX-TT1	Đường từ trung tâm xã đi khu 2	UBND xã Thạch Tân	VI	2,6	Trung tâm xã	Khu 2
44	ĐX-TT2	Đường từ khu 3 đi khu 2	UBND xã Thạch Tân	VI	2,1	Khu 3	Khu 2
45	ĐX-TT3	Đường từ khu 1 đi khu 4	UBND xã Thạch Tân	VI	2,1	Khu 1	Khu 4
46	ĐX-TT4	Đường từ khu 4 đi khu 2	UBND xã Thạch Tân	VI	2	Khu 4	Khu 2
47	ĐX-TĐ1	Đường từ trung tâm xã đi thôn Phú Ổ	UBND xã Thạch Đồng	VI	2,2	Trung tâm xã	Phú Ổ
48	ĐX-TĐ2	Đường từ thôn Phú Ổ đi Ân Đình xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Đồng	VI	2,1	Phú Ổ	Ân Bình
49	ĐX-TĐ3	Đường từ thôn Cự Môn đi thôn Đại Dương	UBND xã Thạch Đồng	VI	3,4	Cự Môn	Đại Dương
50	ĐX-TĐ4	Đường từ thôn Đại Dương đi thôn Đại Phong	UBND xã Thạch Đồng	VI	2	Đại Dương	Đại Phong
51	ĐX-TĐ5	Đường từ thôn Cự Môn đi Thạch Long (Đê hữu sông Bưởi)	UBND xã Thạch Đồng	VI	4,6	Cự Môn	Thạch Long
52	ĐX-TL1	Đường từ QL45 đi tỉnh lộ 523C	UBND xã Thạch Long	VI	2,25	QL45	TL 523C
53	ĐX-TL2	Đường từ thôn 1 đi tỉnh lộ 523C	UBND xã Thạch Long	VI	2,1	Thôn 1	TL 523C
54	ĐX-TL3	Đường từ thôn 4 đi thôn 3,5	UBND xã Thạch Long	VI	2,65	Thôn 4	Thôn 3,5
55	ĐX-TL4	Đường từ tỉnh lộ 523C đi thôn 2	UBND xã Thạch Long	VI	2,6	TL 523C	Thôn 2
56	ĐX-TL5	Đường từ thôn 2 đi thôn 1	UBND xã Thạch Long	VI	2,3	Thôn 2	Thôn 1
57	ĐX-TT1	Đường từ thôn Đự đi thôn Cầu Rồng	UBND xã Thành Thọ	VI	2,15	Thôn Đự	Cầu Rồng
58	ĐX-TT2	Đường từ thôn Trạc đi thôn Thọ Trường	UBND xã Thành Thọ	VI	2,2	Thôn Trạc	Thọ Trường
59	ĐX-TT3	Đường từ thôn Bù đi thôn Phú Cốc	UBND xã Thành Thọ	VI	6	Thôn Bù	Phú Cốc
60	ĐX-TT4	Đường từ thôn Đồng Khanh đi thôn Ngọc Động xã Thành Tân	UBND xã Thành Thọ	VI	2	Đồng Khanh	Thôn Động
61	ĐX-TA1	Đường từ trung tâm xã đi thôn Ngọc An	UBND xã Thành An	VI	3,3	Trung tâm xã	Ngọc An
62	ĐX-TA2	Đường từ thôn Di Thắng đi Thành Thọ	UBND xã Thành An	VI	2	Di Thắng	Thành Thọ
63	ĐX-TTKT1	Đường từ khu 4 thị trấn Kim Tân đi Quốc lộ 45	TT Kim Tân	VI	1	Khu 4	QL 45
64	ĐX-TTKT2	Đường từ Khu 6 đi khu 1	TT Kim Tân	VI	2,1	Khu 6	Khu 1
65	ĐX-TL1	Đường từ trung tâm xã đi Thôn Thượng	UBND xã Thạch Lâm	VI	4,5	Trung tâm xã	Thôn Thượng
66	ĐX-TT1	Đường từ thôn Tượng Sơn 3 đi Cẩm Quý	UBND xã Thạch Tượng	VI	4	Tượng Sơn 3	Cẩm Quý
67	ĐX-TT2	Đường từ trung tâm xã đi Tượng Sơn 1	UBND xã Thạch Tượng	VI	3	Trung tâm xã	Tượng Sơn 1
68	ĐX-TQ 1	Đường từ đường HCM đi xã Thạch Tượng	UBND xã Thạch Quảng	VI	1,2	Đường HCM	Thạch Tượng
69	ĐX-TQ 2	Đường từ thôn Quảng Giang đi thôn Quảng Cư	UBND xã Thạch Quảng	VI	2	Quảng Giang	Quảng Cư
70	ĐX-TĐ1	Đường từ thôn La Thạch đi thôn Thạch Đồng	UBND xã Thạch Định	VI	8,8	La Thạch	Thạch Đồng
71	ĐX-TM1	Đường từ thôn Vân Đình đi thôn Đồng Luật	UBND xã Thành Mỹ	VI	4	Vân Đình	Đồng Luật

Thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

72	ĐX-TM2	Đường từ thôn Tân Hương đi thôn Lê Cẩm	UBND xã Thành Mỹ	VI	2,5	Tân Hương	Lê Cẩm
73	ĐX-TV1	Đường từ thôn An Thành đi thôn Cẩm Bộ	UBND xã Thành Vinh	VI	4	An Thành	Cẩm Bộ
74	ĐX-TV2	Đường từ thôn Quyết Thắng đi thôn Mỹ Lợi	UBND xã Thành Vinh	VI	2	Quyết Thắng	Mỹ Lợi
75	ĐX-TV3	Đường từ UBND Thành Vinh đi thôn Mỹ Lợi	UBND xã Thành Vinh	VI	3	UBND xã	Mỹ Lợi
76	ĐX-TY1	Đường từ thôn 2 đi Dốc Cùm	UBND xã Thành Yên	VI	3	Thôn 2	Dốc Cùm
77	ĐX-TY2	Đường từ Thôn 4 đi Làng Dâm	UBND xã Thành Yên	VI	4	Thôn 4	Làng Dâm
78	ĐX-TY3	Đường từ thôn Thành Trung đi Thung Lim	UBND xã Thành Yên	VI	2	Thành Trung	Thung Lim

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỒ ÁN

PHỤ LỤC 1:

- Quyết định phê duyệt đồ án
- Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ
- Tờ trình UBND huyện Thạch Thành xin phê duyệt đồ án
- Văn bản thẩm định của sở xây dựng

PHỤ LỤC 2:

- Ý kiến tham gia của các Ủy viên ủy ban nhân dân tỉnh và Văn bản giải trình của UBND huyện Thạch Thành

PHỤ LỤC 3:

- Ý kiến tham gia của các sở, ngành cấp tỉnh (lần 1) và Văn bản giải trình của đơn vị tư vấn (Viện QH KT Thanh Hóa)

PHỤ LỤC 4:

- Ý kiến tham gia của các sở, ngành cấp tỉnh (lần 2) và Văn bản giải trình của đơn vị tư vấn (Viện QH KT Thanh Hóa)

PHỤ LỤC 5:

- Các văn bản của Huyện ủy; UBND huyện ;
- Nghị quyết thông qua đồ án của HĐND huyện.
- Văn bản Công bố, công khai quy hoạch sau phê duyệt của UBND huyện

PHỤ LỤC 6:

- Ý kiến tham gia của các xã

PHỤ LỤC 7:

- BÁO CÁO PHẢN BIỆN "Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045" của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá
- Văn bản của UBND huyện Thạch Thành, tiếp thu, giải trình các ý kiến của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh về hồ sơ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045.

HỒ SƠ BẢN VẼ A3 THU NHỎ